

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

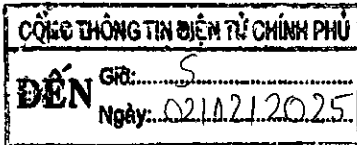
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **1118** /BC-CP

Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO

V/v tiếp thu, giải trình ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội thảo luận tại Tổ và Hội trường; tiếp thu, giải trình Báo cáo thẩm tra chính thức của Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội về dự án Luật Bảo hiểm tiền gửi (sửa đổi)



Kính gửi: Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Theo Chương trình Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XV, Chính phủ đã có Tờ trình số 931/TTr-CP ngày 14/10/2025 trình Quốc hội về dự án Luật Bảo hiểm tiền gửi (sửa đổi).

Trên cơ sở ý kiến thẩm tra của Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội tại Báo cáo số 1313/BC-UBKTTTC15 ngày 22/10/2025 về dự án Luật Bảo hiểm tiền gửi (sửa đổi), Báo cáo số 4455/BC-VPQH ngày 19/11/2025 của Văn phòng Quốc hội về tổng hợp ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội thảo luận tại Tổ và Hội trường về dự án Luật Bảo hiểm tiền gửi (sửa đổi), thực hiện quy định tại khoản 7 Điều 40 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội nội dung tiếp thu, giải trình như sau:

PHẦN I – TIẾP THU, GIẢI TRÌNH Ý KIẾN CỦA CÁC VỊ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI THẢO LUẬN TẠI TỔ VÀ HỘI TRƯỞNG VỀ DỰ ÁN LUẬT BẢO HIỂM TIỀN GỬI (SỬA ĐỔI)

I. VỀ CÁC VẤN ĐỀ CHUNG

1. Về sự cần thiết ban hành Luật

Nhiều ý kiến thống nhất về sự cần thiết ban hành Luật Bảo hiểm tiền gửi (sửa đổi) với các cơ sở chính trị, pháp lý, thực tiễn, đánh giá việc sửa đổi Luật là rất quan trọng nhằm bảo vệ quyền lợi của người gửi tiền, đặc biệt trong bối cảnh xảy ra các vụ việc như ngân hàng SCB và các ngân hàng đang bị kiểm soát đặc biệt. Việc sửa đổi Luật sẽ góp phần đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng, nâng cao năng lực và vai trò tham gia của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trong quá trình cơ cấu lại các tổ chức tín dụng (TCTD), thông qua hoạt động hỗ trợ tài chính và tham gia quản lý, từ đó củng cố an ninh tài chính, an ninh tiền tệ và an toàn xã hội (18 ý kiến).

Ý kiến tiếp thu của Chính phủ:

Chính phủ xin tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội.

2. Về thời gian trình, hồ sơ dự án Luật; trình tự, thủ tục xây dựng chính sách, soạn thảo Luật; ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản

2.1. *Về hồ sơ dự án Luật*, một số ý kiến đánh giá hồ sơ dự án Luật được chuẩn bị rất nghiêm túc, chu đáo, đầy đủ theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (5 ý kiến), đủ điều kiện để trình Quốc hội xem xét thông qua tại Kỳ họp thứ 10 (1 ý kiến) tuy nhiên, dự thảo Luật còn nhiều điều khoản giao cho Chính phủ hoặc giao cho một số bộ, ngành liên quan quy định, hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều khoản của luật cũng như Nghị định của Chính phủ, Thông tư của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) hoặc một số bộ, ngành có liên quan nhưng trong Tờ trình và hồ sơ hiện chưa thấy các nghị quyết hoặc thông tư liên quan để thực thi luật này, do vậy đề nghị bổ sung kịp thời để xem xét đồng bộ với dự thảo Luật (1 ý kiến).

Có ý kiến đồng tình với Tờ trình của Chính phủ, đánh giá Cơ quan chủ trì soạn thảo rất cầu thị (1 ý kiến) và Cơ quan chủ trì thẩm tra đã có Báo cáo thẩm tra rất đầy đủ, dẫn ra rất nhiều nội dung cần phải nhìn nhận lại để xem xét, rà soát làm rõ hơn (2 ý kiến).

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

Chính phủ xin tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, các ý kiến của cơ quan chủ trì thẩm tra sẽ được nghiêm túc tiếp thu, giải trình.

Về thành phần hồ sơ dự án Luật tuân thủ theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản QPPL, trong đó không có yêu cầu về dự thảo văn bản quy định chi tiết Luật. Do dự thảo Luật có một số quy định được kế thừa từ Luật hiện hành, do đó tại các văn bản QPPL hiện hành đã có hướng dẫn về nội dung này. Trong quá trình xây dựng Luật, Cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát những quy định mới bổ sung, quy định được sửa đổi, quy định được bãi bỏ, thay thế tại dự thảo Luật so với pháp luật hiện hành về BHTG và khẩn trương rà soát, nghiên cứu xây dựng các văn bản QPPL nhằm hướng dẫn các nội dung mới được giao tại Luật, đảm bảo để có hiệu lực cùng thời điểm hiệu lực của Luật này.

2.2. *Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản*, có ý kiến đề nghị xem lại tên Chương II do không tổng quát, dài và chỉ đơn thuần liệt kê các điều để làm tên của chương; tên Chương VII - gồm 05 điều, còn dài so với Luật Các TCTD (những nội dung này chỉ ghi là can thiệp sớm TCTD hoặc kiểm soát đặc biệt TCTD). Có ý kiến đề nghị rà soát, sắp xếp lại bố cục các chương và phân điều số lượng điều trong chương vì hiện có một số chương chỉ gồm 01-03 điều, như Chương VI về thanh tra Bảo hiểm tiền gửi (BHTG) chỉ có 01 điều (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị nghiên cứu, biên soạn lại quy định từ Điều 12 đến Điều 14 theo hướng phân biệt rõ quyền, nghĩa vụ cho dễ hiểu và dễ thực hiện (1 ý kiến). Có ý

kiến đề nghị hoán đổi vị trí Chương VI và Chương VII để bảo đảm hợp lý, logic (1 ý kiến). Có ý kiến cho rằng dự án Luật có nhiều thuật ngữ liên quan đến các luật khác, đặc biệt là Luật Các TCTD. Do đó, đề nghị nên có sự dẫn chiếu các thuật ngữ này trong luật, không cần giải thích lại khái niệm đã có trong luật khác. Nên trích dẫn hoặc đặt trong ngoặc kép như “*kiểm soát đặc biệt*”, “*cho vay đặc biệt*”. Đồng thời, làm rõ thêm một số thuật ngữ mới trong dự thảo Luật như “*sự cố khủng hoảng*”, tránh trùng tên nhưng khác nội hàm so với các luật khác (1 ý kiến). Có ý kiến cho rằng tên của Điều 6 nên thống nhất với khoản 3, khoản 4 của Điều 13 là “*tổ chức tham gia BHTG*” (1 ý kiến).

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

Chính phủ xin tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội, rà soát tổng thể kết cấu, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản. Hiện nay việc quy định tên Chương và bố cục các Điều trong một Chương đảm bảo phù hợp, thống nhất, tách bạch rõ các vấn đề quy định tại Luật. Ví dụ, tên Chương VII là tham gia xử lý TCTD được can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt; tham gia xử lý sự cố, khủng hoảng trong hoạt động của TCTD nhằm đảm bảo bao quát được nội dung toàn bộ các Điều trong Chương. Nếu bỏ cụm từ “*tham gia xử lý sự cố, khủng hoảng trong hoạt động của TCTD*” sẽ không bao quát được nội dung tại Điều 39; đồng thời, nội dung Điều này không hoàn toàn trùng với phạm vi “*tham gia xử lý TCTD được can thiệp sớm, được kiểm soát đặc biệt*”. Bên cạnh đó, do mỗi Chương điều chỉnh những nội dung khác nhau nên sự phân bổ các điều tại từng Chương là khác nhau.

Về đề nghị quy định rõ quyền và nghĩa vụ tại các Điều 12-14 của dự thảo Luật, do tại các Điều này có những nội dung vừa là quyền, nhưng đồng thời cũng là nghĩa vụ, nên việc phân tách riêng quyền và nghĩa vụ sẽ không đảm bảo tính khả thi.

Chính phủ đã rà soát các khái niệm tại dự thảo Luật và dẫn chiếu một số khái niệm theo Luật Các TCTD để đảm bảo rõ ràng. Đối với một số thuật ngữ đã được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, để đảm bảo rõ ràng, tại dự thảo Luật đã dẫn chiếu đến văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Đối với một số thuật ngữ như “*kiểm soát đặc biệt*”, “*cho vay đặc biệt*” được quy định tại Luật Các TCTD, mang tính chuyên biệt, không gây nhầm lẫn, do đó không cần thiết đặt trên ngoặc kép hoặc trích dẫn đến văn bản quy phạm pháp luật liên quan. Về thuật ngữ “*sự cố, khủng hoảng*”, tại Điều 39 dự thảo Luật quy định “*trường hợp phát sinh sự cố, khủng hoảng có nguy cơ gây mất an toàn hệ thống tổ chức tín dụng*”, do đó không gây nhầm lẫn với nội hàm tại các văn bản luật khác.

3. Về sự phù hợp của dự án Luật với chủ trương, đường lối của Đảng; tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của dự án Luật với hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

3.1. Về sự phù hợp của dự án Luật với chủ trương, đường lối của Đảng; tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của dự án Luật với hệ thống pháp luật, có ý kiến đề nghị tiếp tục rà soát, thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các nghị quyết của Bộ Chính trị vừa ban hành như Nghị quyết 66-NQ/TW, Nghị quyết 68-NQ/TW, Nghị quyết 57-NQ/TW, Nghị quyết 59-NQ/TW (1 ý kiến), tiếp tục rà soát để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và đồng bộ với hệ thống pháp luật, nhất là với các văn bản pháp luật về các TCTD, Luật Ngân sách Nhà nước và đặc biệt là Luật Phá sản (1 ý kiến).

Ý kiến tiếp thu của Chính phủ:

Chính phủ xin tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội, quá trình hoàn thiện dự thảo Luật, Chính phủ sẽ chỉ đạo Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục phối hợp với các Ủy ban của Quốc hội, cơ quan có liên quan để tiếp tục rà soát, thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các nghị quyết của Bộ Chính trị vừa ban hành như Nghị quyết 66-NQ/TW, Nghị quyết 68-NQ/TW, Nghị quyết 57-NQ/TW, Nghị quyết 59-NQ/TW, tiếp tục rà soát để bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp và đồng bộ với hệ thống pháp luật.

3.2. Về tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, có ý kiến cho rằng hiện Việt Nam không có cam kết trong lĩnh vực BHTG với các nhà đầu tư nước ngoài trong các hiệp định thương mại tự do, do đó không quy định trong nội dung luật này là phù hợp (1 ý kiến) tuy nhiên, đề nghị tiếp tục rà soát kỹ các điều ước quốc tế có liên quan, kể cả những điều ước chưa ký kết nhưng nếu thấy phù hợp thì có thể nội luật hóa trước, sau đó đến thời điểm phù hợp có thể ký kết điều ước quốc tế liên quan đến tài chính ngân hàng và BHTG để chuẩn bị sẵn về mặt hành lang pháp lý cho quá trình hội nhập (1 ý kiến).

Ý kiến tiếp thu của Chính phủ:

Chính phủ xin tiếp thu ý kiến của đại biểu Quốc hội. Quá trình xây dựng Luật, Cơ quan chủ trì soạn thảo đã nghiên cứu và tiếp thu các kinh nghiệm quốc tế phù hợp với thực tiễn Việt Nam tại dự thảo Luật. Chính phủ sẽ chỉ đạo Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát trong quá trình hoàn thiện dự thảo Luật.

4. Về việc bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh; nguồn tài chính; nguồn nhân lực

4.1. Về tác động đến an ninh tài chính và an ninh, trật tự xã hội, có ý kiến cho rằng cần bổ sung quy định yêu cầu phải truyền thông công khai thông tin chính thống kịp thời khi xảy ra sự cố, đặc biệt ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa - nơi người dân ít tiếp cận thông tin, tránh tạo điều kiện cho các thế lực thù địch lợi dụng, kích động và gây mất ổn định xã hội bởi khi TCTD mất khả năng chi trả hoặc bị rút giấy phép sẽ dễ xuất hiện tin đồn thất thiệt lan nhanh trên

mạng xã hội, gây hoang mang, dẫn đến tình trạng rút tiền ô ạt, ảnh hưởng nghiêm trọng đến an ninh tài chính và trật tự xã hội (1 ý kiến).

Ý kiến tiếp thu của Chính phủ:

Trong giới hạn phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật về hoạt động bảo hiểm tiền gửi, tại dự thảo Luật đã quy định quyền, nghĩa vụ của tổ chức BHTG trong việc thực hiện công tác tuyên truyền chính sách, pháp luật, hình ảnh và hoạt động về BHTG; tổ chức đào tạo, phổ biến kiến thức về BHTG và các nội dung liên quan cho tổ chức, cá nhân có liên quan (khoản 16 Điều 14). Dự thảo Luật cũng quy định khi trả tiền bảo hiểm, tổ chức BHTG phải thông báo công khai về địa điểm, thời gian, phương thức trả tiền bảo hiểm trên 03 số liên tiếp của 01 tờ báo trung ương, 01 tờ báo địa phương nơi đặt trụ sở chính, các chi nhánh của tổ chức tham gia BHTG và trên 01 báo điện tử của Việt Nam, trang thông tin điện tử của tổ chức bảo hiểm tiền gửi và các hình thức khác do tổ chức bảo hiểm tiền gửi quyết định (khoản 3 Điều 24) để đảm bảo người gửi tiền nắm được thông tin về việc trả tiền bảo hiểm.

4.2. Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về phòng ngừa và xử lý rủi ro hệ thống hoặc mất an toàn trong các TCTD vì hiện chưa có điều khoản về nội dung này, đồng thời bổ sung quy định về nguyên tắc và cơ chế phối hợp giữa tổ chức BHTG, NHNN và Bộ Công an. Cụ thể, tổ chức BHTG là chủ thể trực tiếp chi trả và bảo vệ quyền lợi người gửi tiền, được NHNN giao kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về tổ chức tiền gửi; NHNN là cơ quan quản lý nhà nước và giám sát hệ thống TCTD, tổ chức BHTG, chỉ đạo việc chi trả BHTG và phối hợp với công an để thanh tra, kiểm tra hoặc điều tra khi có dấu hiệu về hình sự của các TCTD; Bộ Công an có vai trò, chức năng bảo đảm về an ninh trật tự, bảo đảm an toàn cho các TCTD. Việc quy định nguyên tắc phối hợp này là cần thiết để bảo đảm an ninh tài chính và an toàn hệ thống, trước khi Chính phủ ban hành hướng dẫn chi tiết (1 ý kiến).

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Tại khoản 3 Điều 8 dự thảo Luật quy định: “*Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện quản lý nhà nước về bảo hiểm tiền gửi.*”. Như vậy, tại dự thảo Luật đã quy định các Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với NHNN thực hiện quản lý nhà nước về bảo hiểm tiền gửi. Việc phối hợp giữa các bộ, ngành, cơ quan thực hiện theo quy chế phối hợp công tác của Chính phủ (như Nghị định 39/2022/NĐ-CP ngày 18/6/2022 về quy chế làm việc của Chính phủ), phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng bộ, ngành.

4.3. Về nguồn nhân lực, có ý kiến đề nghị khi giao thêm chức năng thanh tra, kiểm tra cho tổ chức BHTG, cần đánh giá về nhân sự để thực hiện được vai trò này của BHTG (1 ý kiến).

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Tổ chức BHTG thực hiện kiểm tra tổ chức tham gia BHTG trong phạm vi, giới hạn theo kế hoạch, yêu cầu của NHNN (khoản 10 Điều 14 dự thảo Luật). Tại Tờ trình số 931/TTr-CP của Chính phủ cũng đã đánh giá về nguồn lực đảm bảo triển khai thi hành Luật sau khi Luật được thông qua.

5. Về sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính; việc phân quyền, phân cấp; việc bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc

Có ý kiến đánh giá cao việc cải cách thủ tục hành chính, phân cấp phân quyền trong dự thảo Luật; đề nghị ứng dụng chuyển đổi số vào BHTG giúp tiết kiệm về nguồn lực và thời gian (1 ý kiến).

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

Về việc ứng dụng chuyển đổi số, dự thảo Luật đã được rà soát để đảm bảo các quy định thúc đẩy việc ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số (ví dụ việc sửa đổi quy định từ “giấy”, “văn bản” sang “thông tin, dữ liệu, tài liệu”, mở rộng các hình thức công khai thông tin bằng phương tiện điện tử...). Quá trình triển khai thực hiện, Chính phủ, NHNN sẽ chỉ đạo BHTGVN đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các hoạt động như thu phí BHTG, kiểm tra, cung cấp thông tin, chi trả BHTG...

II. VỀ CÁC NỘI DUNG CỤ THỂ

1. Về phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Có ý kiến cho rằng dự thảo Luật đã bổ sung một số nhóm chính sách mới, như tham gia xử lý TCTD được can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt, tham gia xử lý sự cố khủng hoảng trong hoạt động của TCTD. Vì vậy, đề nghị mở rộng phạm vi điều chỉnh để phù hợp với nội dung của luật (1 ý kiến). Có ý kiến cho rằng phạm vi điều chỉnh chưa bao hàm hết nội dung của luật như: hoạt động thông tin, báo cáo, thanh tra, tham gia xử lý tổ chức TCTD được can thiệp sớm..., đề nghị chỉnh sửa như sau: *“Luật này quy định về hoạt động bảo hiểm tiền gửi; quyền và nghĩa vụ được bảo hiểm của người được bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, tổ chức bảo hiểm tiền gửi, hoạt động thông tin, báo cáo thanh tra, tham gia xử lý tổ chức tín dụng được can thiệp sớm và quản lý nhà nước về bảo hiểm tiền gửi”* (1 ý kiến).

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Tiếp thu ý kiến thẩm tra sơ bộ của Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội về việc can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt thuộc nội dung hoạt động BHTG, do đó, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật không bổ sung liệt kê các nội dung này.

Đối với hoạt động thông tin, báo cáo thanh tra thuộc nội dung về quản lý nhà nước về BHTG, do đó không cần thiết bổ sung vào phạm vi điều chỉnh.

2. Về mục đích của Bảo hiểm tiền gửi (Điều 3)

Có ý kiến đề nghị xem xét, bỏ quy định này do không cần thiết và trùng lặp với phần giải thích từ ngữ “bảo hiểm tiền gửi” tại khoản 1 Điều 4 (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị bổ sung cụm từ “chi nhánh ngân hàng nước ngoài” nhằm đảm bảo

tính đầy đủ, bao quát, cụ thể: "*Bảo hiểm tiền gửi nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng*" (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị bổ sung nội dung và làm rõ vai trò của BHTG trong việc duy trì niềm tin của người dân đối với hệ thống ngân hàng (1 ý kiến).

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Quy định tại Điều 3 và khoản 1 Điều 4 là hai nội dung khác nhau, không trùng lặp. Khoản 1 Điều 4 chỉ giải thích khái niệm về bảo hiểm tiền gửi, còn quy định tại Điều 3 về mục đích của BHTG là cơ sở để xây dựng các chính sách về BHTG. Do đó, Chính phủ đề nghị được giữ nguyên như nội dung dự thảo Luật.

Chi nhánh ngân hàng nước ngoài là chủ thể, là hiện diện thương mại của ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam, thuộc hệ thống các TCTD nên Điều 3 dự thảo Luật quy định chung là "*hệ thống các TCTD*". Tại khoản 1 Điều 4 Luật NHNN cũng quy định: "*Hoạt động của Ngân hàng Nhà nước nhằm ổn định giá trị đồng tiền; bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng và hệ thống các tổ chức tín dụng;...*". Do đó, Chính phủ đề xuất được giữ nguyên như dự thảo Luật.

Về ý kiến làm rõ vai trò của tổ chức BHTG trong việc duy trì niềm tin của người gửi tiền đối với hệ thống ngân hàng, tại Điều 3 dự thảo Luật quy định BHTG nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống các tổ chức tín dụng, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng. Tại Điều 3, mục tiêu bảo vệ quyền lợi người gửi tiền là mục tiêu cao nhất, thống nhất với pháp luật các nước về BHTG, cùng với việc duy trì sự ổn định của hệ thống các TCTD, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng chính là yếu tố quan trọng nhất để BHTG góp phần bảo vệ niềm tin của người gửi tiền vào hệ thống ngân hàng như ý kiến của Đại biểu.

3. Về giải thích từ ngữ (Điều 4)

Có ý kiến đề nghị bổ sung cụm từ "*hoạt động BHTG*" vào phần giải thích từ ngữ vì hoạt động BHTG được quy định tại Chương III; nghiên cứu quy định Chương III cho phù hợp với *hoạt động BHTG* (1 ý kiến).

Về người được BHTG (khoản 2), có ý kiến đề nghị mở rộng phạm vi, bao gồm hộ kinh doanh, hợp tác xã, tổ chức phi lợi nhuận - là các tổ chức được phép mở tài khoản, gửi tiền theo Luật Các TCTD năm 2024, nhằm bảo đảm tính thống nhất, toàn diện và công bằng trong bảo vệ người gửi tiền, phù hợp với thực tiễn và thông lệ quốc tế (2 ý kiến).

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Về đề xuất bổ sung cụm từ "*hoạt động Bảo hiểm tiền gửi*" vào phần giải thích từ ngữ, hiện nay tại Điều 3 dự thảo Luật đã có giải thích khái niệm "*bảo hiểm tiền gửi*", khái niệm này đã làm rõ "*hoạt động BHTG*", do đó không cần thiết bổ sung thêm khái niệm này.

Quy định về BHTG nhằm hướng tới mục tiêu bảo vệ được số đông người gửi tiền nhỏ lẻ, điều kiện tiếp cận thông tin tham gia gửi tiền tại các tổ chức tín dụng còn hạn chế. Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 1 Điều 101 Bộ luật Dân sự, trường hợp hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân tham gia quan hệ dân sự thì *các thành viên* của hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân là chủ thể tham gia xác lập, thực hiện giao dịch dân sự hoặc ủy quyền cho người đại diện tham gia xác lập, thực hiện giao dịch dân sự. Khi thành viên của hộ gia đình, tổ hợp tác gửi tiền tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài với tư cách cá nhân đã thuộc trường hợp được bảo hiểm tiền gửi theo quy định tại Luật BHTG. Ngoài ra, Luật BHTG năm 2012 được Quốc hội thông qua thống nhất quy định người được BHTG là cá nhân có tiền gửi được bảo hiểm tại tổ chức tham gia BHTG (khoản 2 Điều 4). Từ các lý do nêu trên, dự thảo Luật kế thừa quy định hiện hành của Luật BHTG năm 2012.

4. Về trách nhiệm quản lý nhà nước về BHTG (Điều 8)

4.1. Có ý kiến nhất trí với Báo cáo thẩm tra, đề nghị nghiên cứu quy định trách nhiệm của Kiểm toán nhà nước trong việc kiểm soát cũng như đánh giá hiệu quả hoạt động và việc tuân thủ pháp luật của tổ chức BHTG (2 ý kiến). Có ý kiến đề nghị NHNN cần xem xét và làm rõ vai trò, trách nhiệm của các cơ quan kiểm toán, gắn trách nhiệm của các cơ quan kiểm toán này với hoạt động của các TCTD để phòng ngừa rủi ro và bảo đảm an toàn cho người gửi tiền, nhất là có xảy ra tình trạng ngân hàng thương mại được xác nhận lãi nhưng thực chất là thua lỗ, mất khả năng thanh toán (1 ý kiến).

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Luật Kiểm toán nhà nước đã có quy định đầy đủ về phạm vi, nội dung, trình tự kiểm toán, trách nhiệm của Kiểm toán nhà nước, đối tượng kiểm toán. Kiểm toán nhà nước không thực hiện chức năng quản lý nhà nước. Ngoài ra, khoản 7 Điều 30 dự thảo Luật cũng quy định: *“Báo cáo tài chính hằng năm của tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải được Kiểm toán Nhà nước kiểm toán và xác nhận”*. Hiện nay, Kiểm toán Nhà nước vẫn đang thực hiện việc kiểm toán tổ chức BHTG theo Luật Kiểm toán Nhà nước, Luật Bảo hiểm tiền gửi. Do đó không cần thiết bổ sung lại nội dung này tại dự thảo Luật BHTG.

Về ý kiến gắn trách nhiệm cơ quan kiểm toán đối với hoạt động của TCTD thuộc phạm vi quy định tại pháp luật về kiểm toán, pháp luật về TCTD, không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật. Do đó, Chính phủ đề xuất không bổ sung nội dung này tại dự thảo Luật.

4.2. Có ý kiến đề nghị bổ sung nguyên tắc phối hợp giữa NHNN, BHTG Việt Nam, Bộ Tài chính và Tòa án tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 (Chương I) trong xử lý các TCTD yếu kém, dẫn chiếu sang các điều của Luật Các TCTD năm 2024 về can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt, phương án xử lý như chuyển giao, giải thể, phá sản (1 ý kiến). Có ý kiến cho rằng các Điều 8, Điều 9, Điều 10 có thể gộp thành một điều với tiêu đề *“Quản lý nhà nước về BHTG”*, trong đó khoản 1 quy

định về nội dung quản lý nhà nước về BHTG, khoản 2 quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước về BHTG, bao gồm Chính phủ, NHNN, Bộ Tài chính, các bộ, ngành, cơ quan tương đương và Ủy ban nhân dân các cấp (1 ý kiến).

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Hiện nay, Luật chỉ quy định những vấn đề mang tính nguyên tắc chung, cơ chế phối hợp thuộc nội dung quá trình triển khai thực hiện. Quá trình thực hiện, các cơ quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ để xử lý, trường hợp cần phối hợp sẽ thực hiện theo Quy chế làm việc của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị định số 39/2022/NĐ-CP, các quy định về cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành, cơ quan nhà nước do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc liên tịch ban hành.

Chính phủ đề nghị được giữ nguyên kết cấu 03 điều như dự thảo Luật để đảm bảo rõ ràng về trách nhiệm cụ thể của từng cơ quan, bộ, ngành có liên quan.

4.3. Có ý kiến đề nghị quy định tại khoản 1 Điều 8 thẩm quyền của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ như sau: Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương biện pháp xử lý đặc biệt; NHNN quyết định các biện pháp giám sát, can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt theo Luật Các TCTD; BHTG Việt Nam tổ chức thực hiện các chính sách về BHTG, chi trả bảo hiểm và tham gia thực hiện phương án xử lý theo ủy quyền và hướng dẫn của NHNN, phản ánh đúng vai trò, tránh chồng lấn (1 ý kiến).

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Khoản 1 Điều 8 dự thảo Luật quy định nguyên tắc chung về quản lý nhà nước về bảo hiểm tiền gửi. Việc NHNN quyết định các biện pháp can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt được quy định tại Luật các TCTD, nên không cần quy định tại Luật này. Về các trách nhiệm cụ thể của Thủ tướng Chính phủ, NHNN, BHTGVN trong phạm vi hoạt động BHTG đã được quy định tại các điều khoản cụ thể của dự thảo Luật.

4.4. Có ý kiến cho rằng các quy định tại khoản 2 Điều 8, khoản 2 Điều 9 và Điều 10 dự thảo Luật còn chồng chéo và trùng lặp về trách nhiệm kiểm tra và nội dung kiểm tra, chưa đảm bảo một việc chỉ có một cơ quan chịu trách nhiệm. Do đó, đề nghị nghiên cứu, giao: “*NHNN chịu trách nhiệm về quản lý nhà nước đối với hoạt động BHTG; kiểm tra, giám sát toàn diện hoạt động của Tổ chức BHTG*” (1 ý kiến).

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Dự thảo Luật đã quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước đối với hoạt động BHTG của NHNN (khoản 2 Điều 8). Trách nhiệm quản lý nhà nước của NHNN được quy định cụ thể tại Điều 9 dự thảo Luật, trong đó có trách nhiệm kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại tố cáo về BHTG theo pháp luật về khiếu nại, tố cáo, trừ nội dung thuộc trách nhiệm của Bộ Tài chính (khoản 2 Điều 9).

Bộ Tài chính được giao kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ tài chính, hạch toán, kế toán của tổ chức BHTG (Điều 10). Việc quy định Bộ Tài chính có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ tài chính, hạch toán, kế toán của tổ chức BHTG thống nhất với quy định về thẩm quyền của

Bộ Tài chính quy định về chế độ tài chính, hạch toán, kế toán của tổ chức BHTG (khoản 6 Điều 30 dự thảo Luật); đúng với chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tài chính tại Nghị định 29/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính¹.

Theo đó, quy định tại khoản 2 Điều 9 và Điều 10 dự thảo Luật không chồng chéo và trùng lặp về trách nhiệm kiểm tra, nội dung kiểm tra, đảm bảo đúng nguyên tắc một việc chỉ có một cơ quan chịu trách nhiệm.

Ngoài ra, việc giao NHNN kiểm tra, giám sát “toàn diện” hoạt động của tổ chức BHTG cũng chưa phù hợp, do một số hoạt động của tổ chức BHTG thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của các bộ, ngành khác như hoạt động về phòng cháy chữa cháy do Bộ Công an quản lý, vấn đề liên quan đến quyền đất đai (gắn liền với trụ sở...) do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý...

5. Về các hành vi bị cấm (Điều 11)

Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định cấm tiết lộ, sử dụng trái phép thông tin khách hàng để đảm bảo nguyên tắc bảo mật theo Luật An ninh thông tin mạng năm 2015 và Luật Các TCTD năm 2024, phòng ngừa rủi ro lộ, lọt dữ liệu, xâm phạm quyền lợi người gửi tiền trong quá trình thu thập, quản lý và chi trả tiền bảo hiểm (1 ý kiến).

Có ý kiến đề nghị nghiên cứu, cân nhắc và điều chỉnh, bổ sung một số hành vi bị cấm như: chậm đóng, không đóng, tính sai phí BHTG, sử dụng Quỹ BHTG trái pháp luật, truy cập, khai thác, cung cấp cơ sở dữ liệu, số liệu tiền gửi trái pháp luật; tương ứng, khoản 12 Điều 14 cần quy định các hoạt động như thông đồng, móc nối, bao che, giúp sức cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm pháp luật về BHTG, các hành vi khác theo quy định của pháp luật, đồng thời rà soát, lồng ghép các nội dung bổ sung liên quan của các hành vi trên vào điều khoản quy định cụ thể tương ứng (1 ý kiến).

Tại khoản 2 Điều 11, có ý kiến đề nghị bổ sung thêm cụm từ “*đúng thời hạn*” để phù hợp với khoản 3 Điều 13, bảo đảm rõ ràng về nghĩa vụ chi trả đúng thời hạn (1 ý kiến).

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

Các hành vi bị cấm liên quan đến việc tiết lộ, sử dụng trái phép thông tin khách hàng, khai thác, truy cập, cung cấp thông tin, dữ liệu trái pháp luật đã được quy định tại các Luật liên quan (Luật An ninh thông tin mạng, Luật dữ liệu, Luật bảo vệ dữ liệu cá nhân...), do đó không cần thiết quy định tại Luật này. Tương tự về các hành vi thông đồng, móc nối, bao che, giúp sức cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, sử dụng quỹ BHTG trái pháp luật là những

¹ Khoản 4, điểm đ khoản 16 Điều 2 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính: “4. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch sau khi được ban hành...”; “16. đ) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, kiểm toán...”

hành vi bị cấm và tùy theo mức độ có thể bị xử lý theo pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính, pháp luật hình sự, không cần thiết quy định tại Luật này.

Đối với hành vi chậm đóng, không đóng, tính sai phí BHTG, khoản 1 Điều 11 dự thảo Luật đã quy định hành vi bị cấm bao gồm: “*Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi không nộp phí bảo hiểm tiền gửi theo quy định pháp luật*”. Ngoài ra, dự thảo Luật đã có một Điều riêng (Điều 20 dự thảo Luật) quy định về chế tài xử lý đối với hành vi này.

Về việc chi trả BHTG đúng thời hạn, Dự thảo Luật đã có quy định cụ thể về thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền, thủ tục trả tiền bảo hiểm, theo đó đã quy định các thời điểm thực hiện việc chi trả cũng như trách nhiệm của tổ chức BHTG.

6. Về quyền và nghĩa vụ của tổ chức BHTG (Điều 14)

6.1. *Về quyền, nghĩa vụ cung cấp thông tin* về tiền gửi của các TCTD tham gia BHTG tại Điều 12 đến Điều 14, đề nghị bổ sung thêm cụm từ “*kịp thời và chính xác*” (1 ý kiến).

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Tại khoản 3 Điều 12 dự thảo Luật quy định người được BHTG có quyền yêu cầu tổ chức tham gia BHTG, tổ chức BHTG cung cấp đầy đủ, chính xác *thông tin, chế độ về BHTG*, không phải là thông tin về tiền gửi. Đối với việc cung cấp thông tin về tiền gửi cho người gửi tiền thực hiện theo pháp luật về các TCTD, không quy định tại Luật này.

Hiện nay tại các quy định liên quan đến nghĩa vụ cung cấp thông tin của người được BHTG, tổ chức tham gia BHTG, tổ chức BHTG đã có các quy định về thời hạn, phạm vi cung cấp thông tin và các tổ chức, cá nhân này có trách nhiệm tuân thủ. Do đó, việc bổ sung cụm từ “kịp thời”, “chính xác” là không cần thiết, cụ thể:

Tại khoản 5 Điều 12 dự thảo Luật quy định người được BHTG có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin về tiền gửi theo yêu cầu của tổ chức tham gia BHTG, tổ chức BHTG khi thực hiện thủ tục trả tiền bảo hiểm. Việc cung cấp thông tin về tiền gửi của người gửi tiền và TCTD sẽ thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên, do đó việc bổ sung cụm từ “kịp thời” tại khoản này là chưa phù hợp.

Tại Điều 13 và khoản 5 Điều 14 dự thảo Luật quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin của tổ chức tham gia BHTG và quyền của tổ chức BHTG yêu cầu tổ chức tham gia BHTG cung cấp thông tin về tiền gửi được bảo hiểm, thông tin khác liên quan đến việc chi trả BHTG, thông tin liên quan đến việc kiểm tra của tổ chức BHTG quy định tại khoản 10 Điều 14. Theo đó tổ chức tham gia BHTG chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin theo định kỳ và yêu cầu của tổ chức BHTG. Thông tin kịp thời và chính xác được xem xét trên cơ sở yêu cầu của tổ chức BHTG. Tổ chức tham gia BHTG phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin không kịp thời, không chính xác. Tổ chức BHTG có thẩm quyền kiểm tra và kiến nghị NHNN xử lý các vi phạm của tổ chức tham gia BHTG khi cung cấp thông tin.

Từ các lý do nêu trên, Chính phủ đề nghị được giữ nguyên theo quy định tại dự thảo Luật.

6.2. Về tính phí BHTG (khoản 6), có ý kiến đồng ý với Báo cáo thẩm tra, cho rằng cần có hướng dẫn cụ thể về phương pháp tính phí BHTG, rà soát lại các TCTD có độ rủi ro theo các cấp độ để tính phí phù hợp hơn với thực tế (1 ý kiến).

Ý kiến tiếp thu của Chính phủ:

Để phù hợp với chủ trương chung về xây dựng pháp luật, hoàn thiện thể chế, khoản 8 Điều 19 dự thảo Luật giao Thống đốc NHNN hướng dẫn việc tính và nộp phí BHTG của tổ chức tham gia BHTG do Luật không quy định cụ thể các nội dung mang tính chất kinh tế - kỹ thuật như công thức tính, phương pháp tính phí,...

Tiếp thu ý kiến Đại biểu, để đảm bảo rõ ràng, khoản 8 Điều 19 dự thảo Luật được chỉnh lý như sau: “8. *Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc tính và nộp phí bảo hiểm tiền gửi của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.*”.

Về mức phí BHTG, tại khoản 1 Điều 19 dự thảo Luật quy định Thống đốc NHNN quy định mức phí BHTG, việc áp dụng phí BHTG đồng hạng hoặc phân biệt phù hợp với đặc thù hệ thống TCTD Việt Nam trong từng thời kỳ. Cho đến thời điểm hiện tại, Việt Nam vẫn đang áp dụng cơ chế phí đồng hạng. Trong tương lai, khi các điều kiện cần thiết cho phép, có thể từng bước áp dụng phí BHTG phân biệt để khuyến khích các TCTD hoạt động tốt để giảm chi phí hoạt động (Về nội dung này, Chính phủ xin báo cáo chi tiết hơn tại nội dung các ý kiến về phí BHTG).

6.3. Về số liệu tiền gửi và tài liệu liên quan đến BHTG của tổ chức tham gia BHTG (khoản 12), có ý kiến đề nghị bổ sung quy định bảo đảm an toàn thông tin, phù hợp với các quy định của Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và các luật có liên quan đang được Quốc hội xem xét, thông qua (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị quy định rõ hơn về phạm vi thông tin tiền gửi phải cung cấp để vừa đảm bảo việc thực hiện BHTG nhưng cũng đảm bảo bảo mật thông tin khách hàng (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị Cơ quan soạn thảo rà soát, lồng ghép các nội dung liên quan vào các điều khoản quy định cụ thể tương ứng (1 ý kiến).

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Việc bổ sung quy định tổ chức BHTG có nghĩa vụ bảo đảm an toàn thông tin về số liệu tiền gửi của tổ chức tham gia BHTG là không cần thiết vì số liệu tiền gửi của người gửi tiền đã được mã hóa, không có thông tin của cá nhân người gửi tiền. Bên cạnh đó, tại Luật Dữ liệu cũng đã quy định nguyên tắc xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu bao gồm: “*Thu thập, cập nhật, điều chỉnh dữ liệu chính xác, có tính kế thừa; bảo đảm tính toàn vẹn, tin cậy, an ninh, an toàn*” (khoản 3 Điều 5).

Về phạm vi thông tin tiền gửi mà tổ chức tham gia BHTG phải cung cấp cho tổ chức BHTG, tại khoản 5 Điều 14 dự thảo Luật quy định tổ chức BHTG có quyền, nghĩa vụ yêu cầu tổ chức tham gia BHTG yêu cầu tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi cung cấp thông tin về tiền gửi được bảo hiểm, thông tin khác liên quan đến việc chi trả bảo hiểm tiền gửi, thông tin liên quan đến việc kiểm tra của

tổ chức bảo hiểm tiền gửi quy định tại khoản 10 Điều này theo quy định của Thống đốc NHNN.

6.4. *Về theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về BHTG* (khoản 9), một số ý kiến đề nghị bổ sung quy định: trong hoạt động kiểm tra nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm hoặc có nguy cơ mất an toàn thì BHTG Việt Nam có quyền khuyến nghị và đưa ra cảnh báo đối với TCTD đồng thời báo cáo NHNN để có biện pháp xử lý (4 ý kiến). Có ý kiến cho rằng chủ thể mà tổ chức BHTG được quyền theo dõi, kiểm tra quy định tại khoản 9 là chưa rõ ràng, đề xuất bổ sung thành: “theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về BHTG theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, kiến nghị NHNN xử lý hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi” (1 ý kiến).

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

Về đề xuất bổ sung quy định tổ chức BHTG có quyền khuyến nghị và đưa ra cảnh báo đối với TCTD: Trong quá trình kiểm tra, tổ chức BHTG có thể đưa ra các khuyến nghị, cảnh báo cho các TCTD tham khảo mà không cần thiết phải bổ sung quy định tại Luật. Khi theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về BHTG, tổ chức BHTG kiến nghị NHNN xử lý hành vi vi phạm quy định của pháp luật về BHTG (khoản 9 Điều 14 dự thảo Luật).

Về ý kiến cho rằng chủ thể mà tổ chức BHTG được quyền theo dõi, kiểm tra quy định tại khoản 9 Điều 14 dự thảo Luật là chưa rõ ràng, trên cơ sở tiếp thu ý kiến của đại biểu, Chính phủ đề xuất chỉnh sửa quy định này thành *“Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo hiểm tiền gửi của tổ chức tham gia BHTG; ...”* để làm rõ hơn đối tượng chịu sự theo dõi, kiểm tra. Đây là hoạt động do tổ chức BHTG tự thực hiện, tổ chức BHTG ban hành quy chế nội bộ để thực hiện, không cần thiết giao NHNN hướng dẫn nội dung này.

6.5. *Về thực hiện kiểm tra tổ chức tham gia BHTG (khoản 10)*, một số ý kiến nhất trí với quy định tại khoản 10, cho rằng quy định này cụ thể hóa chủ trương tăng cường vai trò của BHTG trong hỗ trợ chức năng kiểm tra, giám sát của NHNN, việc giao thêm nhiệm vụ của BHTG sẽ được thực hiện trên cơ sở có sự kiểm soát, điều phối của NHNN và quy định BHTG chỉ thực hiện theo kế hoạch, nội dung NHNN giao, NHNN phải có kế hoạch và nội dung cụ thể để tránh sự trùng lặp, chồng chéo với cơ quan thanh tra, giám sát thuộc NHNN. Việc này cũng để phát huy vai trò, năng lực chuyên môn của tổ chức BHTG và phù hợp thông lệ quốc tế (4 ý kiến). Có ý kiến đề nghị quy định nguyên tắc cơ bản đối với việc giao nhiệm vụ thực hiện kiểm tra cho tổ chức BHTG (1 ý kiến).

Một số ý kiến cho rằng cần xem xét kỹ việc tổ chức BHTG được kiểm tra các tổ chức tham gia BHTG do liên quan đến giá trị pháp lý của hoạt động kiểm tra và địa vị pháp lý của BHTG chỉ là tổ chức tài chính, không mang tính chất quản lý nhà nước. Do đó, trong trường hợp quy định và thực hiện kiểm tra của

BHTG đối với các tổ chức tham gia BHTG cũng chỉ là những nội dung mang tính chất nghiệp vụ để tránh trùng lặp với hoạt động thanh tra của NHNN. Các nội dung, kế hoạch kiểm tra phải do NHNN phê duyệt, bảo đảm rõ ràng, có giới hạn, tránh dẫn đến sự hiểu nhầm BHTG tham gia vào công tác quản lý nhà nước (3 ý kiến). Có ý kiến đề nghị quy định rõ giá trị pháp lý của kết quả kiểm tra do BHTG thực hiện, và tăng cường cơ chế chia sẻ thông tin và phối hợp với giữa các cơ quan kiểm tra, thanh tra để thực hiện được nhiệm vụ cũng như khắc phục được việc nhiều cơ quan thực hiện (2 ý kiến).

Có ý kiến đề nghị làm rõ, phân định kế hoạch thanh tra, kiểm tra giữa NHNN và BHTG để tránh trùng lặp, chồng chéo, không gây khó khăn cho ngân hàng tư nhân (2 ý kiến); đề nghị rà soát, bóc tách rõ phạm vi thanh tra, kiểm tra, giám sát, cho rằng nội dung về hoạt động giám sát – hoạt động thường xuyên, quan trọng, cảnh báo sớm là của NHNN nhưng lại chưa được quy định tại Điều 9; làm rõ mối quan hệ giữa NHNN với tổ chức BHTG, giữa tổ chức BHTG với nhà nước, với Bộ Tài chính; làm rõ quyền kiểm tra, giám sát, vai trò can thiệp, kiểm soát và quyền của BHTG đối với TCTD yếu kém (1 ý kiến).

Có ý kiến đề nghị bổ sung trách nhiệm tương đương với việc giao chức năng thanh, kiểm tra, làm rõ trong trường hợp khi đã có chức năng thanh, kiểm tra rồi mà vẫn có các sai phạm xảy ra dẫn đến đổ vỡ hệ thống vậy trách nhiệm của BHTG này như thế nào (1 ý kiến).

Có ý kiến đề nghị NHNN tăng cường chia sẻ thông tin với tổ chức BHTG cũng như các tổ chức trong hệ thống, trong mạng lưới an toàn tài chính, để có thể ngăn chặn các TCTD yếu kém từ sớm, từ xa và phù hợp với xu hướng cũng như thông lệ quốc tế (1 ý kiến).

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

Tại phiên thảo luận tại Hội trường, nhiều ý kiến đại biểu Quốc hội đồng tình với việc bổ sung khoản 10 Điều 14 tại dự thảo Luật.

Theo quy định tại khoản 10 Điều 14 dự thảo Luật, tổ chức BHTG thực hiện kiểm tra tổ chức tham gia BHTG theo kế hoạch, nội dung do NHNN giao. Như vậy, việc tổ chức BHTG thực hiện kiểm tra theo quy định này căn cứ vào sự ủy quyền của NHNN. NHNN với vai trò cơ quan quản lý sẽ xác định rõ phạm vi, giới hạn nội dung kiểm tra của tổ chức BHTG, đảm bảo không trùng lặp với nội dung, phạm vi kiểm tra của các cơ quan cũng đang được quy định chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát TCTD.

Về giá trị pháp lý của kết quả kiểm tra do tổ chức BHTG thực hiện: Hoạt động kiểm tra của tổ chức BHTG được thực hiện trên cơ sở NHNN giao. Do tổ chức BHTG không phải cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức BHTG thực hiện báo cáo kết quả kiểm tra cho NHNN và NHNN sẽ quyết định việc áp dụng các biện pháp xử lý trên cơ sở báo cáo và kết quả kiểm tra của tổ chức BHTG.

Về ý kiến rà soát, bóc tách rõ phạm vi thanh tra, kiểm tra, giám sát, cho rằng nội dung về hoạt động giám sát – hoạt động thường xuyên, quan trọng, cảnh báo sớm là của NHNN nhưng lại chưa được quy định tại Điều 9: Dự thảo Luật quy định quyền, nghĩa vụ của tổ chức BHTG trong việc thực hiện các hoạt động kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về BHTG, kiểm tra tổ chức tham gia BHTG theo phạm vi, nội dung do NHNN giao, theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo hiểm tiền gửi của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi; kiến nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xử lý hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi. Tại các Điều 8, 9, 34 dự thảo Luật đã quy định trách nhiệm của NHNN trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước, kiểm tra, thanh tra về BHTG. Đối với nhiệm vụ NHNN giám sát, khuyến nghị, cảnh báo đối với tổ chức tham gia BHTG (TCTD) đã có quy định tại Luật Các TCTD, Luật NHNN mà không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này, do đó Chính phủ đề xuất không bổ sung tại dự thảo Luật.

Về trách nhiệm giữa NHNN và Bộ Tài chính, tại dự thảo Luật đã phân định chức năng, nhiệm vụ của NHNN và Bộ Tài chính trong thực hiện quản lý nhà nước về BHTG. Điều 10 dự thảo Luật quy định Bộ Tài chính có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ tài chính, hạch toán, kế toán của tổ chức BHTG, phù hợp với thẩm quyền của Bộ Tài chính ban hành các quy định này. Trên cơ sở nguyên tắc một việc chỉ giao một đơn vị đầu mối, tránh chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, khoản 2 Điều 9 dự thảo Luật quy định trách nhiệm kiểm tra của NHNN, trong đó loại trừ quy định tại Điều 10 là phù hợp. NHNN và Bộ Tài chính vẫn phối hợp trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao theo cơ chế phối hợp giữa các bộ ngành, cơ quan do Chính phủ quy định.

Về ý kiến làm rõ quyền kiểm tra, giám sát, vai trò can thiệp, kiểm soát và quyền của BHTG đối với TCTD yếu kém: Các nội dung này đã được quy định tại Điều 14 dự thảo Luật về quyền, nghĩa vụ của tổ chức BHTG.

Tại dự thảo Luật quy định quyền, nghĩa vụ của tổ chức BHTG thực hiện kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về BHTG, kiểm tra hoạt động của tổ chức tham gia BHTG trong phạm vi, nội dung do NHNN giao. Luật không quy định tổ chức BHTG có chức năng thanh tra, do đây là chức năng quản lý nhà nước, gắn liền với việc áp dụng các chế tài xử lý đối với hành vi vi phạm, đảm bảo thống nhất với Luật Thanh tra. Tổ chức BHTG khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm tuân thủ quy định pháp luật.

Về ý kiến đề nghị NHNN tăng cường chia sẻ thông tin với tổ chức BHTG cũng như các tổ chức trong hệ thống, trong mạng lưới an toàn tài chính, để có thể ngăn chặn các TCTD yếu kém từ sớm, từ xa và phù hợp với xu hướng cũng như thông lệ quốc tế: Dự thảo Luật đã quy định trách nhiệm của NHNN để tổ chức BHTG tiếp cận dữ liệu thông tin về tổ chức tham gia BHTG để thực hiện chức

năng, nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, trên cơ sở ý kiến của Đại biểu Quốc hội, Chính phủ đề xuất bổ sung tại dự thảo Luật nội dung giao NHNN quy định về việc cung cấp thông tin về tiền gửi của khách hàng tại tổ chức tham gia BHTG cho tổ chức BHTG (khoản 3 Điều 33). Ngoài ra, NHNN cũng đang thực hiện việc chia sẻ thông tin theo pháp luật ngân hàng, pháp luật về TCTD, quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan (như Nghị định 278/2025/NĐ-CP quy định về kết nối và chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị...).

6.6. Về các hình thức hỗ trợ vốn cho tổ chức BHTG (khoản 13), có ý kiến yêu cầu tách bạch rõ điều kiện tổ chức BHTG tiếp nhận hỗ trợ từ NHNN với cho vay TCTD; phân biệt rõ nhiệm vụ chi của NHNN và nhiệm vụ chi của BHTG để đảm bảo sự cân đối; đề nghị phân biệt rõ nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức BHTG đối với các TCTD và đối với các tổ chức ngân hàng hợp tác xã (NHHTX) (1 ý kiến). Có ý kiến cho rằng quy định tại khoản này mâu thuẫn, thiếu tính khả thi, do đó, đề nghị cân nhắc 1 trong 2 phương án sau: Phương án 1: nếu có quy định thì phải bổ sung nội dung giao Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đặc biệt rút gọn để đảm bảo việc tiếp nhận hỗ trợ này đáp ứng yêu cầu khẩn cấp. Phương án 2: bỏ quy định này do cơ chế vay đặc biệt từ NHNN tại Điều 38 đã là một công cụ khả thi, linh hoạt và hiệu quả hơn nhiều để xử lý tình huống cấp bách (1 ý kiến), ngoài ra, đề nghị quy định rõ các tiêu chí để xác định tình trạng "nguồn vốn tạm thời không đủ" ngay trong luật hoặc giao cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn chi tiết nội dung này (1 ý kiến).

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Về yêu cầu tách bạch rõ điều kiện tổ chức BHTG tiếp nhận hỗ trợ từ NHNN với cho vay TCTD, phân biệt rõ nhiệm vụ chi của NHNN và nhiệm vụ chi của tổ chức BHTG: Theo quy định tại dự thảo Luật, việc tổ chức BHTG vay đặc biệt từ NHNN thực hiện theo quy định tại Điều 38, quy định về tổ chức BHTG cho vay đặc biệt TCTD thực hiện theo quy định tại Điều 35, trong đó quy định rõ các trường hợp cho vay đặc biệt.

Về đề nghị phân biệt rõ nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức BHTG đối với các TCTD và đối với các tổ chức ngân hàng hợp tác xã: Ngân hàng hợp tác xã là tổ chức tham gia BHTG và chịu sự điều chỉnh của các quy định đối với tổ chức tham gia BHTG như các TCTD tham gia BHTG khác.

Về ý kiến đề nghị cân nhắc 1 trong 2 phương án (bổ sung nội dung giao Chính phủ quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận hoặc bỏ quy định này): Hoạt động tiếp nhận hỗ trợ theo nguyên tắc có hoàn trả từ ngân sách nhà nước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, vay của TCTD hoặc tổ chức khác có bảo lãnh của Chính phủ trong trường hợp nguồn vốn không đủ để trả tiền bảo hiểm không phải là nội dung mới, mà NHNN đã đánh giá và tiếp tục kế thừa quy định của Luật BHTG năm 2012. Quy định này nhằm tạo cơ sở pháp lý cho tổ chức BHTG có

thêm kênh huy động nguồn tài chính cần thiết để thực hiện nhiệm vụ quan trọng nhất là chi trả bảo hiểm cho người gửi tiền. Đây là biện pháp cuối cùng được áp dụng trong tình huống khẩn cấp, khi không còn biện pháp nào có thể sử dụng, đồng thời phải tuân thủ quy định tại Luật BHTG và Luật Ngân sách nhà nước.

Về đề nghị quy định rõ các tiêu chí để xác định tình trạng *"nguồn vốn tạm thời không đủ"* ngay trong luật hoặc giao cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn chi tiết nội dung này: Nội dung này được kế thừa từ Luật hiện hành. Tuy nhiên, tại dự thảo Luật đã bổ sung quy định về việc tổ chức BHTG được vay đặc biệt từ NHNN (khoản 13 Điều 14, Điều 38) trong trường hợp quy định tại Điều 21 của Luật này và khi số tiền trong quỹ dự phòng nghiệp vụ không đủ để chi trả. Do đó, trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Đại biểu Quốc hội, Chính phủ đề xuất bổ sung tại khoản 1 Điều 38 dự thảo Luật quy định giải thích rõ hơn về *"số tiền trong quỹ dự phòng nghiệp vụ không đủ để chi trả"* để có cơ sở pháp lý rõ ràng xác định trường hợp tổ chức BHTG được vay đặc biệt từ NHNN.

6.7. Về tham gia vào quá trình can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt, xử lý TCTD (khoản 14), có ý kiến cho rằng BHTG cần được tham gia giám sát, thanh tra các ngân hàng thương mại, có trách nhiệm can thiệp sớm và kiểm soát đặc biệt khi xảy ra vấn đề (2 ý kiến), đề nghị học tập vai trò của các tổ chức BHTG quốc tế cùng Ngân hàng trung ương trong quản lý thị trường ngân hàng (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị quy định rõ thẩm quyền và trách nhiệm giữa NHNN, tổ chức BHTG và NHHTX Việt Nam để tránh chồng chéo, đồng thời quy định cụ thể tiêu chí, điều kiện để tổ chức BHTG tham gia quá trình cơ cấu lại. Cần thiết lập cơ chế phối hợp ba bên trong giám sát, chia sẻ thông tin, đánh giá rủi ro và bảo toàn vốn, đồng thời bổ sung trách nhiệm của chính quyền địa phương để bảo đảm tính khách quan (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị quy định rõ việc tổ chức BHTG mua trái phiếu dài hạn của TCTD, nhận chuyển giao bắt buộc theo quyết định của NHNN là một hoạt động nghiệp vụ có tính chất để xử lý rủi ro hay là hoạt động đầu tư do sẽ tác động đến việc sử dụng nguồn vốn hoạt động quy định tại khoản 1 Điều 34 và dự phòng rủi ro của BHTG nếu được xác định là hoạt động đầu tư (1 ý kiến).

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

(i) Về ý kiến BHTG cần được tham gia giám sát, thanh tra các NHTM, có trách nhiệm can thiệp sớm và kiểm soát đặc biệt khi xảy ra vấn đề, đề nghị học tập vai trò của các tổ chức BHTG quốc tế cùng Ngân hàng trung ương trong quản lý thị trường ngân hàng:

Dự thảo Luật đã quy định về quyền, nghĩa vụ của tổ chức BHTG trong việc theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về BHTG của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, kiến nghị NHNN xử lý hành vi vi phạm quy định của pháp luật về BHTG; kiểm tra tổ chức tham gia BHTG theo kế hoạch, nội dung do NHNN giao. Đối với việc tham gia vào quá trình can thiệp sớm, kiểm soát đặc

biệt, xử lý TCTD, dự thảo Luật quy định tổ chức BHTG tham gia đánh giá tính khả thi, xây dựng phương án cơ cấu lại TCTD được kiểm soát đặc biệt, cho vay đặc biệt TCTD, mua trái phiếu dài hạn của TCTD nhận chuyển giao bắt buộc, cử nhân sự giữ một số chức danh tại quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt,... tạo cơ sở để tổ chức BHTG tham gia sâu hơn vào quá trình can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt, xử lý TCTD yếu kém.

(ii) Về đề nghị quy định rõ thẩm quyền và trách nhiệm giữa NHNN, tổ chức BHTG và NHHTX Việt Nam để tránh chồng chéo, đồng thời quy định cụ thể tiêu chí, điều kiện để tổ chức BHTG tham gia quá trình cơ cấu lại:

Về việc kiểm tra tổ chức tham gia BHTG, khoản 10 Điều 14 dự thảo Luật quy định tổ chức BHTG thực hiện kiểm tra tổ chức tham gia BHTG trong phạm vi, giới hạn theo kế hoạch, yêu cầu của NHNN. NHNN với vai trò cơ quan quản lý sẽ xác định rõ phạm vi, giới hạn nội dung kiểm tra của tổ chức BHTG, không để trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, nội dung, phạm vi kiểm tra.

Điều khoản 14 Điều 14 dự thảo Luật quy định tổ chức BHTG có quyền, nghĩa vụ cử người đủ tiêu chuẩn, điều kiện để giữ một số chức danh tại quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt theo yêu cầu của NHNN. Trong quá trình thực hiện, tùy tình hình thực tế, NHNN với vai trò cơ quan quản lý sẽ yêu cầu tổ chức BHTG, NHHTX cử nhân sự tham gia giữ một số chức danh tại quỹ TDND, không có sự chồng chéo. Nhân sự của tổ chức BHTG, NHHTX là nguồn nhân lực cần thiết để NHNN có thể huy động trong trường hợp quỹ TDND được kiểm soát đặc biệt không có đủ nhân sự quản trị, điều hành. Quy định này cũng phù hợp với mục tiêu tăng cường sự tham gia của tổ chức BHTG vào tái cơ cấu có hiệu quả TCTD yếu kém tại Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 18/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Về việc quy định cụ thể tiêu chí, điều kiện để tổ chức BHTG tham gia quá trình cơ cấu lại, dự thảo Luật đã có quy định về việc tham gia của tổ chức BHTG trong quá trình xử lý TCTD yếu kém. Về cơ bản, các biện pháp này thống nhất với quy trình tại Luật các TCTD. Về hoạt động cho vay đặc biệt, dự thảo Luật đã cụ thể hóa việc tổ chức BHTG cho vay đặc biệt TCTD về trường hợp cho vay, nguyên tắc xử lý khoản vay; giao Thống đốc NHNN quy định việc tổ chức BHTG cho vay đặc biệt đối với TCTD...

(iii) Về ý kiến đề nghị quy định rõ việc tổ chức BHTG mua trái phiếu dài hạn của TCTD nhận chuyển giao bắt buộc theo quyết định của NHNN là một hoạt động nghiệp vụ có tính chất để xử lý rủi ro hay là hoạt động đầu tư: Việc tổ chức BHTG mua trái phiếu dài hạn của TCTD nhận chuyển giao bắt buộc theo quyết định của NHNN không phải là hoạt động đầu tư của tổ chức BHTG.

6.8. Về cho vay đặc biệt tổ chức tham gia BHTG (khoản 14), có ý kiến nhất trí bổ sung quy định về cho vay đặc biệt; năng lực về tài chính cũng như quản trị của tổ chức BHTG đã mạnh lên, NHNN đã ủy quyền, giao thêm nhiều trách nhiệm cho BHTG (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị làm rõ mục đích và điều kiện cho vay đặc biệt, ví dụ Thông đốc sẽ quy định cho vay để chi trả tiền gửi hay để hỗ trợ thanh khoản đối với các TCTD khi lâm vào tình trạng không đảm bảo được khả năng thanh khoản, bổ sung quy định BHTG Việt Nam có quyền thu hồi nợ đối với số tiền đã chi trả tiền bảo hiểm hoặc số tiền cho vay đặc biệt theo quy định của pháp luật về TCTD nhằm đảm bảo nguồn vốn của mình (1 ý kiến).

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

Về ý kiến đề nghị làm rõ mục đích và điều kiện tổ chức BHTG cho vay đặc biệt, Chính phủ xin giải trình, làm rõ như sau:

Khoản 1 Điều 35 dự thảo Luật quy định:

“1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi cho vay đặc biệt từ quỹ dự phòng nghiệp vụ trong các trường hợp sau:

a) Cho vay đặc biệt đối với ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, tổ chức tài chính vi mô được kiểm soát đặc biệt để thực hiện phương án phục hồi;

b) Cho vay đặc biệt đối với ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc;

c) Cho vay đặc biệt đối với ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô được can thiệp sớm và bị rút tiền hàng loạt; được kiểm soát đặc biệt và bị rút tiền hàng loạt để trả tiền gửi cho người gửi tiền.”

Quy định đối tượng, trường hợp cho vay tại dự thảo Luật phù hợp với quy định tại Điều 171, Điều 182, khoản 2 Điều 192 Luật Các TCTD. Tại Điều 37 dự thảo Luật đã quy định về nguyên tắc xử lý khoản vay đặc biệt từ tổ chức BHTG. Theo đó, khoản vay đặc biệt từ tổ chức BHTG được ưu tiên hoàn trả theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Luật Các TCTD. Đối với trường hợp TCTD phá sản, sau khi phương án phá sản được phê duyệt, số tiền tổ chức BHTG đã cho vay đặc biệt được chuyển thành khoản tiền chi trả tiền gửi cho người gửi tiền.

6.9. Có ý kiến nhất trí với quy định cử người đủ tiêu chuẩn, điều kiện để giữ chức danh quản lý, điều hành quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt theo yêu cầu của NHNN, tuy nhiên để tránh chồng lấn chức năng, nhiệm vụ của NHHTX Việt Nam và tổ chức BHTG, đề nghị quy định nguyên tắc trong việc cử nhân sự tham gia quản trị, điều hành Quỹ TDND được kiểm soát đặc biệt làm cơ sở cho việc hướng dẫn khi tổ chức lựa chọn nhân sự từ các tổ chức nào để tham gia (1 ý kiến).

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

Về việc cử nhân sự giữ một số chức danh tại quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt, điểm d khoản 14 Điều 14 dự thảo Luật quy định tổ chức BHTG có quyền, nghĩa vụ cử người đủ tiêu chuẩn, điều kiện để giữ một số chức danh tại quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt theo yêu cầu của NHNN. Trong quá trình thực hiện, tùy tình hình thực tế, NHNN với vai trò cơ quan quản lý sẽ yêu cầu tổ chức BHTG, NHHTX cử nhân sự tham gia giữ một số chức danh tại quỹ TDND, không có sự chồng chéo, trùng lặp. Nhân sự của tổ chức BHTG, NHHTX là nguồn nhân lực cần thiết để NHNN có thể huy động trong trường hợp quỹ TDND được kiểm soát đặc biệt không có đủ nhân sự quản trị, điều hành. Quy định này cũng phù hợp với mục tiêu tăng cường sự tham gia của tổ chức BHTG vào tái cơ cấu có hiệu quả TCTD yếu kém tại Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 18/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

6.10. Có ý kiến đề nghị: (i) làm rõ cơ chế phân định thẩm quyền giữa các ngân hàng, giữa NHNN, BHTG Việt Nam và NHHTX Việt Nam; (ii) BHTG chỉ nên chủ trì trong các trường hợp TCTD có tiền gửi được bảo hiểm, còn các ngân hàng khác như NHHTX Việt Nam được chủ trì tái cơ cấu về mặt tổ chức; (iii) bổ sung quy định về điều kiện giới hạn và cơ chế kiểm soát khi BHTG thực hiện cho vay đặc biệt, mua trái phiếu hoặc hỗ trợ thanh toán, bảo đảm không làm phát sinh rủi ro tài chính Quỹ BHTG; (iv) cho phép BHTG được lập các quỹ để có thể can thiệp sớm, tách biệt với Quỹ chi trả BHTG và được đầu tư vào các tài sản an toàn; (v) quy định rõ nguyên tắc, tiêu chí, phạm vi và trách nhiệm của nhân sự được cử tham gia quản lý điều hành quỹ được kiểm soát đặc biệt, bảo đảm tuân thủ theo phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt và (vi) tham khảo các thông lệ quốc tế, tăng cường vai trò chủ động của BHTG trong phục hồi và xử lý các TCTD yếu kém nhưng vẫn đảm bảo giới hạn rủi ro và cơ chế giám sát chặt chẽ (1 ý kiến).

Có ý kiến đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức BHTG trong việc tham gia quá trình xử lý TCTD tại điểm e khoản 14 Điều 14 như sau: "*e. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác của tổ chức BHTG theo Luật Các TCTD và hướng dẫn của NHNN liên quan đến can thiệp sớm TCTD; kiểm soát đặc biệt TCTD; phương án phục hồi TCTD được kiểm soát đặc biệt; phương án chuyển giao bắt buộc ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt; giải thể, phá sản TCTD được kiểm soát đặc biệt; xử lý TCTD bị rút tiền hàng loạt, vay và cho vay đặc biệt và các nội dung liên quan khác*" (1 ý kiến).

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

(i) Về việc làm rõ cơ chế phân định thẩm quyền giữa các ngân hàng, giữa NHNN, BHTG Việt Nam và NHHTX Việt Nam; BHTG chỉ nên chủ trì trong các trường hợp TCTD có tiền gửi được bảo hiểm, còn các ngân hàng khác như NHHTX Việt Nam được chủ trì tái cơ cấu về mặt tổ chức:

Về việc phân định thẩm quyền giữa BHTGVN và NHHTX Việt Nam: Điểm d khoản 14 Điều 14 dự thảo Luật quy định tổ chức BHTG có quyền, nghĩa vụ cử người đủ tiêu chuẩn, điều kiện để giữ một số chức danh tại quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt theo yêu cầu của NHNN. Trong quá trình thực hiện, tùy tình hình thực tế, NHNN với vai trò cơ quan quản lý sẽ yêu cầu tổ chức BHTG, NHHTX cử nhân sự tham gia giữ một số chức danh tại quỹ TDND, không có sự chồng chéo, trùng lặp. Nhân sự của tổ chức BHTG, NHHTX là nguồn nhân lực cần thiết để NHNN có thể huy động trong trường hợp quỹ TDND được kiểm soát đặc biệt không có đủ nhân sự quản trị, điều hành. Quy định này cũng phù hợp với mục tiêu tăng cường sự tham gia của tổ chức BHTG vào tái cơ cấu có hiệu quả TCTD yếu kém tại Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 18/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Về ý kiến BHTG chỉ nên chủ trì trong các trường hợp TCTD có tiền gửi được bảo hiểm, còn các ngân hàng khác như NHHTX Việt Nam được chủ trì tái cơ cấu về mặt tổ chức, Chính phủ xin báo cáo làm rõ như sau: Việc tái cơ cấu TCTD phải được thực hiện theo quy định tại Luật Các TCTD. Tại Luật các TCTD đã có quy định về việc xây dựng phương án tái cơ cấu TCTD, trong đó quy định trách nhiệm xây dựng, tham gia xây dựng, phê duyệt phương án. Trong đó tổ chức BHTG, NHHTX tham gia xây dựng phương án, không phải tổ chức chủ trì. Tùy tình hình và điều kiện cụ thể, phương án tái cơ cấu sẽ giao, phân công nhiệm vụ cho các đơn vị liên quan để thực hiện phương án mà không quy định cứng tại Luật.

(ii) Về ý kiến bổ sung quy định về điều kiện giới hạn và cơ chế kiểm soát khi BHTG thực hiện cho vay đặc biệt, mua trái phiếu hoặc hỗ trợ thanh toán, bảo đảm không làm phát sinh rủi ro tài chính Quỹ BHTG:

Về hoạt động cho vay đặc biệt, dự thảo Luật đã có quy định cụ thể về các trường hợp tổ chức BHTG cho vay đặc biệt. Bên cạnh đó, đối tượng được vay đặc biệt của tổ chức BHTG là tổ chức được can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt. Hoạt động của các tổ chức này chịu sự giám sát chặt chẽ so với các TCTD khác.

Về hoạt động mua trái phiếu dài hạn của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc, điểm c khoản 14 Điều 14 quy định tổ chức BHTG mua trái phiếu dài hạn của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Tại điểm r khoản 1 Điều 185 Luật các TCTD quy định quyền, nghĩa vụ của bên nhận chuyển giao bắt buộc: Phát hành trái phiếu dài hạn cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước. Như vậy, đối với hoạt động mua trái phiếu dài hạn của tổ chức BHTG tuân thủ theo các quy định của Luật các TCTD và thực hiện theo quyết định của NHNN. Trên cơ sở điều

kiện thực tế cũng như nguồn lực của tổ chức BHTG, NHNN sẽ quyết định cụ thể về việc này.

(iii) Về đề xuất cho phép BHTG được lập các quỹ để có thể can thiệp sớm, tách biệt với Quỹ chi trả BHTG và được đầu tư vào các tài sản an toàn:

Dự thảo Luật đã quy định quỹ dự phòng nghiệp vụ được hình thành từ phí bảo hiểm tiền gửi và các nguồn thu hợp pháp khác, mục đích chính là chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền, đồng thời được sử dụng để tham gia vào quá trình can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt tổ chức tín dụng. Việc tổ chức BHTG tham gia vào quá trình xử lý TCTD yếu kém cũng là thông lệ quốc tế, bảo đảm thực hiện tốt chức năng bảo vệ quyền lợi người gửi tiền không chỉ thông qua việc chi trả trực tiếp mà còn qua việc đảm bảo an toàn hệ thống TCTD, ngăn chặn nguy cơ đổ vỡ hàng loạt, qua đó đảm bảo an toàn cho toàn bộ tiền gửi của người gửi tiền tại hệ thống TCTD.

Về việc xác định một tỷ lệ sử dụng quỹ dự phòng nghiệp vụ để cho vay đặc biệt, theo quy định tại khoản điểm b khoản 3 Điều 28 dự thảo Luật, quỹ dự phòng nghiệp vụ được sử dụng để chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi; tham gia vào quá trình can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi và các hoạt động khác theo quy định Luật này. Mục đích sử dụng quỹ dự phòng nghiệp vụ phù hợp với mục tiêu hoạt động của tổ chức BHTG. Việc sử dụng quỹ dự phòng nghiệp vụ để chi trả trực tiếp cho người gửi tiền hoặc gián tiếp thông qua việc tham gia xử lý TCTD yếu kém (như cho vay đặc biệt...), giúp các TCTD này có khả năng phục hồi, qua đó hướng tới mục tiêu cuối cùng là bảo đảm tốt nhất quyền lợi người gửi tiền. Do đó, việc quy định chỉ một tỷ lệ tối đa trên tổng quỹ dự phòng nghiệp vụ để cho vay đặc biệt là chưa hợp lý.

(iv) Về ý kiến quy định rõ nguyên tắc, tiêu chí, phạm vi và trách nhiệm của nhân sự được cử tham gia quản lý điều hành quỹ được kiểm soát đặc biệt, bảo đảm tuân thủ theo phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt:

Dự thảo Luật bổ sung quy định tổ chức BHTG có quyền, nghĩa vụ cử người đủ tiêu chuẩn, điều kiện để giữ một số chức danh tại quỹ TDND được kiểm soát đặc biệt. Trong quá trình thực hiện, tùy tình hình thực tế, NHNN với vai trò cơ quan quản lý sẽ yêu cầu tổ chức BHTG, NHHTX cử nhân sự tham gia giữ một số chức danh tại quỹ TDND.

Việc cử người tham gia của BHTGVN được thực hiện trong giai đoạn quỹ TDND được đặt vào kiểm soát đặc biệt và chịu sự giám sát chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 163 Luật Các TCTD, NHNN được chỉ định người giữ chức vụ quản lý, điều hành tại TCTD được kiểm soát đặc biệt. Thực tế, trong giai đoạn TCTD được đặt vào kiểm soát đặc biệt, cần có sự tham gia hỗ trợ từ BHTGVN, NHHTX trong việc cử người quản lý, điều

hành tại TCTD được kiểm soát đặc biệt. Đến giai đoạn thực hiện phương án cơ cấu lại có sự tham gia của TCTD hỗ trợ, bên nhận chuyển giao bắt buộc thì các tổ chức này sẽ thực hiện việc cử người quản lý, điều hành TCTD được kiểm soát đặc biệt, đảm bảo các mục tiêu được đặt ra tại phương án cơ cấu lại.

(v) Về ý kiến tham khảo các thông lệ quốc tế, tăng cường vai trò chủ động của BHTG trong phục hồi và xử lý các TCTD yếu kém nhưng vẫn đảm bảo giới hạn rủi ro và cơ chế giám sát chặt chẽ:

Quá trình xây dựng dự thảo Luật, Cơ quan chủ trì soạn thảo đã tham khảo kinh nghiệm quốc tế, lựa chọn kinh nghiệm phù hợp với thực tiễn Việt Nam để đề xuất áp dụng tại dự thảo Luật (bảng rà soát kinh nghiệm quốc tế là một thành phần tài liệu của hồ sơ dự án Luật BHTG trình Quốc hội). Chính phủ sẽ chỉ đạo Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục phối hợp với cơ quan của Quốc hội rà soát kinh nghiệm quốc tế trong quá trình hoàn thiện dự thảo Luật.

(vi) Về ý kiến của Đại biểu liên quan đến việc bổ sung điểm e vào khoản 14 Điều 14: Chính phủ nhận thấy nội dung này đã được quy định tại điểm đ khoản 14 Điều 14 dự thảo Luật quy định về quyền, nghĩa vụ của tổ chức BHTG tham gia vào quá trình can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt, xử lý tổ chức tín dụng về “*Các nội dung khác theo quy định tại Luật này và pháp luật có liên quan*”.

6.11. Về công tác tuyên truyền (khoản 16), có ý kiến đề nghị: (i) bổ sung nhiệm vụ của tổ chức BHTG trong thực hiện giáo dục tài chính và hướng dẫn sử dụng dịch vụ ngân hàng an toàn để củng cố niềm tin của người gửi tiền vào hệ thống; (ii) mở rộng truyền thông từ các phương tiện truyền thống sang các kênh số như mạng xã hội, trang thông tin điện tử và nền tảng trực tuyến để tăng tính lan tỏa và tương tác; (iii) tiến hành khảo sát mức độ hiểu biết của người dân về BHTG để điều chỉnh nội dung và phương thức truyền thông cho phù hợp (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị tiếp tục rà soát theo hướng bổ sung công cụ truyền thông, hình thức truyền thông về chính sách BHTG, bổ sung nhiệm vụ tổ chức BHTG trong việc hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ ngân hàng an toàn, hiệu quả (1 ý kiến).

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Về ý kiến bổ sung nhiệm vụ của tổ chức BHTG trong thực hiện giáo dục tài chính và hướng dẫn sử dụng dịch vụ ngân hàng an toàn để củng cố niềm tin của người gửi tiền vào hệ thống: Do tổ chức BHTG không cung ứng dịch vụ ngân hàng cho khách hàng nên việc giao trách nhiệm cho tổ chức BHTG hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ ngân hàng an toàn và hiệu quả là chưa phù hợp. Ngoài ra, Luật các TCTD và các văn bản hướng dẫn đã quy định trách nhiệm của các TCTD công khai thông tin khi cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng.

Về ý kiến mở rộng truyền thông từ các phương tiện truyền thống sang các kênh số như mạng xã hội, trang thông tin điện tử và nền tảng trực tuyến để tăng tính lan tỏa và tương tác: Điều 16 dự thảo Luật đã có các quy định cụ thể về yêu

cầu, cách thức công bố thông tin về việc tham gia BHTG, chi trả BHTG, trong đó đã bổ sung các hình thức công bố qua mạng (như đăng tải trên trang thông tin điện tử...). Bên cạnh đó, tại khoản 16 Điều 14 giao quyền, nghĩa vụ cho tổ chức BHTG thực hiện công tác tuyên truyền chính sách, pháp luật, hình ảnh và hoạt động về bảo hiểm tiền gửi; tổ chức đào tạo, phổ biến kiến thức về bảo hiểm tiền gửi và các nội dung liên quan cho tổ chức, cá nhân có liên quan; nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và phương thức quản lý phù hợp với yêu cầu phát triển của tổ chức bảo hiểm tiền gửi; đồng thời tại khoản 7 Điều 13 quy định quyền, nghĩa vụ của tổ chức tham gia BHTG phối hợp với tổ chức BHTG tuyên truyền chính sách, pháp luật về BHTG. Các quy định nêu trên tạo cơ sở pháp lý để tổ chức BHTG chủ động tổ chức công tác tuyên truyền, trong đó có việc ứng dụng công nghệ trong công tác tuyên truyền đảm bảo hiệu quả.

Về ý kiến tiến hành khảo sát mức độ hiểu biết của người dân về BHTG để điều chỉnh nội dung và phương thức truyền thông cho phù hợp: Tiếp thu ý kiến của Đại biểu, quá trình triển khai, Chính phủ, NHNN sẽ chỉ đạo BHTGVN nghiên cứu về việc có kế hoạch khảo sát phù hợp.

Về ý kiến đề nghị tiếp tục rà soát theo hướng bổ sung công cụ truyền thông, hình thức truyền thông về chính sách BHTG, bổ sung nhiệm vụ tổ chức BHTG trong việc hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ ngân hàng an toàn, hiệu quả: Dự thảo Luật đã có các quy định cụ thể về yêu cầu, cách thức công bố thông tin về việc tham gia BHTG, chi trả BHTG. Bên cạnh đó, tại khoản 16 Điều 14 giao quyền, nghĩa vụ cho tổ chức BHTG thực hiện công tác tuyên truyền chính sách, pháp luật, hình ảnh và hoạt động về bảo hiểm tiền gửi; tổ chức đào tạo, phổ biến kiến thức về bảo hiểm tiền gửi và các nội dung liên quan cho tổ chức, cá nhân có liên quan; đồng thời tại khoản 7 Điều 13 quy định quyền, nghĩa vụ của tổ chức tham gia BHTG phối hợp với tổ chức BHTG tuyên truyền chính sách, pháp luật về BHTG. Các quy định nêu trên tạo cơ sở pháp lý để tổ chức BHTG chủ động tổ chức công tác tuyên truyền, đảm bảo hiệu quả.

7. Về hoạt động bảo hiểm tiền gửi (Chương III)

7.1. Về công khai việc tham gia BHTG (Điều 16) đề nghị bổ sung làm rõ hơn các quy định công khai tham gia BHTG, quy định về việc công khai tất cả các điểm giao dịch có nhận tiền gửi trên mạng thông tin điện tử chưa thống nhất với quy định tại khoản 3 Điều 24 về *thông báo công khai về địa điểm, thời gian và phương thức trả tiền bảo hiểm*, sẽ gây vướng mắc trong quá trình tổ chức triển khai (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị TCTD phải phối hợp với BHTG Việt Nam để tuyên truyền niêm yết chứng nhận tham gia bằng bản giấy hoặc bản điện tử theo quy định của NHNN. Dự thảo Luật đề xuất chứng nhận bằng bản điện tử, tuy nhiên hiện nay việc làm giả chứng từ điện tử rất phổ biến, cho nên đề nghị có thêm bản giấy (1 ý kiến).

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

Khoản 2 Điều 13 dự thảo Luật đã quy định về nghĩa vụ của tổ chức tham gia BHTG “*công khai việc tham gia BHTG theo quy định của Luật này*”. Về hình thức công khai, dự thảo Luật bỏ quy định về niêm yết Chứng nhận tham gia BHTG, giao BHTGVN chủ động hướng dẫn tổ chức tham gia BHTG thực hiện công khai việc tham gia BHTG tại tất cả các điểm giao dịch có nhận tiền gửi, trên trang thông tin điện tử của tổ chức tham gia BHTG (nếu có), các hình thức khác (Điều 16). Quy định này tạo sự chủ động trong việc áp dụng các hình thức công khai, phù hợp với xu hướng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp. Quy định nêu trên không mâu thuẫn với quy định tại khoản 3 Điều 24 dự thảo Luật về việc khi thực hiện thủ tục trả tiền bảo hiểm, tổ chức BHTG phải thông báo công khai về địa điểm, thời gian, phương thức trả tiền bảo hiểm (khoản 3 Điều 24). Quy định công khai các thông tin về việc trả tiền bảo hiểm là cần thiết để đảm bảo thông tin về việc trả tiền bảo hiểm được công khai, minh bạch, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tiếp cận được thông tin và thực hiện quyền lợi nhận tiền bảo hiểm.

Dự thảo Luật quy định việc công khai việc tham gia BHTG của tổ chức tham gia BHTG thực hiện theo hướng dẫn của tổ chức BHTG. Theo đó, tổ chức BHTG sẽ ban hành hướng dẫn về việc tổ chức tham gia BHTG thực hiện công khai việc tham gia BHTG của mình, có thể dưới nhiều hình thức, bao gồm niêm yết chứng nhận tham gia BHTG hoặc các hình thức phù hợp khác, đảm bảo tính công khai, rộng rãi để người dân có thể tiếp cận. Về việc cấp Chứng nhận tham gia BHTG điện tử, các bên sẽ phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn thông tin, dữ liệu theo pháp luật có liên quan về giao dịch điện tử.

7.2. *Về tiền gửi được bảo hiểm* (Điều 17), có ý kiến đề nghị xem xét việc người dân có ngoại tệ gửi vào ngân hàng, mặc dù lãi suất là 0% cũng phải có bảo hiểm để có thể huy động được nguồn ngoại tệ trong dân hiện nay vào hệ thống ngân hàng (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị mở rộng đối tượng được bảo hiểm tiền gửi là tiền gửi thanh toán hoặc chứng chỉ tiền gửi (1 ý kiến).

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Việc quy định tiền gửi được bảo hiểm là ngoại tệ là chưa phù hợp với mục tiêu chống đô la hóa trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Chính phủ xin được giữ nguyên như quy định hiện hành.

Hiện nay không có khái niệm về tiền gửi thanh toán, chỉ có khái niệm tài khoản thanh toán tại Luật các TCTD. Cụ thể khoản 35 Điều 4 Luật các TCTD quy định: Tài khoản thanh toán là tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của khách hàng mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài để sử dụng dịch vụ thanh toán do ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung ứng. Điều 17 dự thảo Luật quy định: tiền gửi được bảo hiểm là tiền gửi bằng đồng Việt Nam của cá nhân gửi tại

tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi và các hình thức tiền gửi khác theo quy định của pháp luật về tổ chức tín dụng, trừ các loại tiền gửi quy định tại Điều 18 của Luật này. Với khái niệm tiền gửi được bảo hiểm tại dự thảo Luật đã bao hàm tiền gửi trên tài khoản thanh toán mở tại ngân hàng và chứng chỉ tiền gửi.

7.3. Về tiền gửi không được bảo hiểm (Điều 18): Có ý kiến đề nghị làm rõ khái niệm “*người có liên quan*” trong quy định về tiền gửi không được bảo hiểm đối với cá nhân sở hữu trên 5% vốn điều lệ (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị xem xét về tính khả thi đối với quy định tại khoản 1 Điều 18 do khái niệm về “*người có liên quan*” quy định tại điểm d khoản 24 Điều 4 Luật Các TCTD bao gồm rất nhiều đối tượng, nếu đưa vào trong điều này người có liên quan mà không loại trừ tiền gửi sẽ gây khó khăn trong việc cập nhật và xác định chính xác danh sách, sẽ dẫn đến chậm trễ khi chi trả bảo hiểm. Ngoài ra, về trách nhiệm và nghĩa vụ cung cấp thông tin của TCTD để kiểm tra, giám sát; tổ chức BHTG cần hướng dẫn hoặc giao Chính phủ quy định quy trình cập nhật danh sách người có liên quan để bảo đảm tính khả thi và minh bạch trong thực hiện chính sách khi chi trả (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị bỏ khoản 1 và khoản 2 Điều 18, vì tất cả các chủ thể gửi tiền đều nên có quyền lợi như nhau khi TCTD gặp khó khăn (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị làm rõ phạm vi loại trừ đối với tiền gửi của cá nhân là người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của chính tổ chức tín dụng, cụ thể, cần cân nhắc chỉ loại trừ những khoản tiền gửi phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, chức trách như tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp và các khoản có nguồn gốc từ tổ chức tín dụng nơi cá nhân đang công tác thành những khoản tiền gửi hình thành kể từ thời điểm cá nhân được bổ nhiệm vào các chức danh có liên quan (1 ý kiến).

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

Khái niệm “*người có liên quan*” đã được định nghĩa tại khoản 24 Điều 4 Luật Các TCTD. Tiếp thu ý kiến của đại biểu, dự thảo Luật đã bổ sung nội dung dẫn chiếu đến pháp luật các TCTD tại quy định về “*người có liên quan*” tại khoản 1 Điều 18 dự thảo Luật để đảm bảo rõ ràng hơn. Về tính khả thi của đối với quy định tại khoản 1 Điều 18 dự thảo Luật, hiện nay, Luật các TCTD đã có quy định về trách nhiệm cung cấp thông tin cho TCTD của cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên, trong đó có thông tin về người có liên quan (Điều 49 Luật các TCTD). Do đó, TCTD có đủ thông tin để cung cấp cho tổ chức BHTG trong quá trình tính phí, chi trả BHTG. Quy định về tiền gửi không được bảo hiểm về cơ bản kế thừa Luật hiện hành, chỉ sửa đổi, bổ sung trường hợp cá nhân và người có liên quan sở hữu trên 5% vốn điều lệ của TCTD. Quy định này tương đồng với pháp luật về bảo hiểm tiền gửi của nhiều quốc gia. Cá nhân và người có liên quan sở hữu trên 5% vốn điều lệ của TCTD, người quản lý, điều hành, thành viên Ban kiểm soát của TCTD là những người có thể ảnh hưởng đến những quyết định quan trọng trong hoạt động của TCTD và ảnh hưởng đến thực trạng của TCTD đó, do đó phải

chịu trách nhiệm về tình trạng hoạt động của TCTD và không được hưởng chính sách về BHTG như người gửi tiền thông thường tại TCTD. Quy định này là cần thiết để đảm bảo tính khách quan, minh bạch trong chính sách BHTG.

Về đề nghị làm rõ phạm vi loại trừ đối với tiền gửi của cá nhân là người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của chính tổ chức tín dụng, Chính phủ xin giải trình như sau: Quy định tại dự thảo Luật nhằm quy định rõ trách nhiệm của người quản lý, người điều hành, thành viên ban kiểm soát trong quản lý, điều hành TCTD do để TCTD rơi vào tình trạng khó khăn, ảnh hưởng đến quyền lợi người gửi tiền. Việc phân loại tiền gửi trước khi đảm nhận chức vụ có thể làm gia tăng rủi ro đạo đức cho các nhân sự này trong quá trình quản lý, điều hành TCTD.

7.4. Về phí BHTG (Điều 19), có ý kiến đề nghị giải thích rõ lý do hiện nay phải áp dụng cơ chế phí đồng hạng, đề nghị nên chuyển sang cơ chế thu phí theo rủi ro trên cơ sở đánh giá mức độ tín nhiệm do vừa là động lực, vừa là công bằng trong quản trị thị trường tài chính (3 ý kiến). Có ý kiến đề nghị nên quy định mức phí BHTG phải được nghiên cứu kỹ, vừa đảm bảo ổn định nguồn thu cho tổ chức BHTG vừa phù hợp với khả năng tài chính của TCTD, HTX. (1 ý kiến). Một số ý kiến cho rằng mức phí 0,15%/năm hiện đã duy trì ổn định và hiện tại có thể giữ nguyên mức phí, tuy nhiên đề nghị nghiên cứu, xem xét cơ chế phí phân biệt, quy định rõ lộ trình chuyển đổi từng bước từ cơ chế phí đồng hạng sang phí phân biệt rủi ro để tránh tình trạng áp dụng kéo dài gây thiếu công bằng giữa các TCTD và để bảo đảm an toàn hệ thống, phù hợp với thông lệ quốc tế (4 ý kiến). Có ý kiến kiến nghị quy định ngay trong luật lộ trình áp dụng phí phân biệt theo rủi ro trước năm 2030 (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị cần phải đảm bảo vấn đề về bảo mật thông tin trong quá trình tổ chức thực hiện, phí BHTG đối với từng TCTD dựa trên mức độ rủi ro, tránh các TCTD cạnh tranh không lành mạnh với nhau (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị bổ sung nguyên tắc xác định hệ số rủi ro, khung giá rủi ro để có thể chuyển sang phí BHTG phân biệt rủi ro, kiến nghị NHNN hướng dẫn chi tiết trên cơ sở khuyến nghị của Hiệp hội BHTG Quốc tế (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị bổ sung nguyên tắc tính phí BHTG đối với Quỹ tín dụng nhân dân theo hướng mức phí BHTG đối với Quỹ tín dụng nhân dân thấp hơn so với các nhóm đối tượng khác và đề nghị NHNN khi tính phí đồng hạng hay phân biệt cần tính toán mức phí phù hợp đối với Quỹ tín dụng nhân dân (1 ý kiến).

Có ý kiến cho rằng việc áp dụng phí BHTG phân biệt ngay trong giai đoạn này cần cân nhắc thận trọng vì có thể gây khó khăn cho các TCTD yếu kém và ảnh hưởng đến tâm lý người gửi tiền, dễ dẫn đến rút tiền hàng loạt (2 ý kiến). Nhiều ý kiến đánh giá việc quy định để *Thống đốc NHNN quyết định theo từng giai đoạn phù hợp với hệ thống TCTD trong từng thời kỳ* trong giai đoạn này là tiến bộ và phù hợp với thực tiễn (5 ý kiến). Có ý kiến đề nghị xin ý kiến của các ngân hàng thương mại và khách hàng gửi tiền về công thức và phương thức tính

phí BHTG mới; BHTG phải hiểu rõ đối tượng bảo hiểm để tính được rủi ro và phí BHTG, và cần phù hợp với mức phí trần theo thông lệ quốc tế (1 ý kiến).

Một số ý kiến cho rằng phí BHTG do Thống đốc NHNN quy định và hiện cũng không có quy định chi tiết, để bảo đảm tính khả thi, đề nghị nên quy định khung để có căn cứ về nguyên tắc, tiêu chí đánh giá rủi ro minh bạch, thống nhất khi lựa chọn điều kiện áp dụng khi chi trả phí bảo hiểm và có lộ trình phù hợp, đảm bảo công bằng cho tất cả các ngân hàng, tránh tùy tiện, gây gánh nặng cho các ngân hàng nhỏ, yếu kém (4 ý kiến). Có ý kiến cho rằng việc tăng phí để bù đắp các khoản vay đặc biệt từ NHNN cũng cần có giới hạn về mức, thời gian và điều kiện áp dụng, chỉ thực hiện trong trường hợp thật sự cần thiết để không gây áp lực cho hệ thống (1 ý kiến).

Có ý kiến cho rằng để đảm bảo rõ ràng về nguyên tắc, tiêu chí phân biệt mức phí BHTG và cơ chế miễn, giảm, tạm hoãn, đề nghị nghiên cứu một số nội dung sau: (i) Tại khoản 1: bổ sung yêu cầu tổ chức BHTG công khai định kỳ khung mức phí và phương pháp tính để đảm bảo minh bạch và công bằng giữa các tổ chức tham gia. (ii) Tại khoản 2: Chính sách miễn phí nhằm giảm gánh nặng tài chính trong giai đoạn đặc biệt là cần thiết. Tuy nhiên, về nguyên tắc, các tổ chức có rủi ro cao lại là đối tượng nên đóng góp nhiều hơn, việc miễn hoàn toàn có thể làm giảm kỷ luật thị trường. Đề nghị sửa nội dung “*miễn nộp phí*” thành “*tạm hoãn nộp phí trong thời gian kiểm soát đặc biệt*”, hoặc chỉ miễn phần phí phát sinh trong thời gian bị kiểm soát đặc biệt; đồng thời, quy định rõ thời điểm chấm dứt tạm hoãn và trách nhiệm hoàn trả phí sau khi TCTD được phục hồi. (iii) Tại khoản 3: xem xét, bổ sung quy định về khung điều chỉnh mức phí tối đa và thời hạn áp dụng (có thể tăng dần trong tối thiểu 3 năm); đồng thời bổ sung nguyên tắc về việc điều chỉnh mức phí phải bảo đảm ổn định hệ thống và không làm ảnh hưởng đến khả năng chi trả của các TCTD nhỏ, quỹ TDND. (iv) Tại khoản 4: Cần xác định rõ thời hạn tạm hoãn và cơ chế giám sát thực hiện kế hoạch hoàn trả để tránh kéo dài nợ phí, làm giảm quy mô Quỹ dự phòng nghiệp vụ. Đề nghị bổ sung quy định cụ thể thời gian tạm hoãn “*tối đa 24 tháng hoặc đến khi TCTD kết thúc kiểm soát đặc biệt*”. Ngoài ra, cần quy định rõ trách nhiệm của tổ chức BHTG trong việc theo dõi, đôn đốc, báo cáo NHNN về tình hình hoàn trả phí (1 ý kiến).

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

(i) Về ý kiến đề nghị giải thích rõ lý do hiện nay phải áp dụng cơ chế phí đồng hạng, đề nghị nên chuyển sang cơ chế thu phí theo rủi ro trên cơ sở đánh giá mức độ tín nhiệm; nên quy định khung để có căn cứ về nguyên tắc, tiêu chí đánh giá rủi ro minh bạch; nên quy định mức phí BHTG phải được nghiên cứu kỹ, vừa đảm bảo ổn định nguồn thu cho tổ chức BHTG vừa phù hợp với khả năng tài chính của TCTD, HTX, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Mặc dù Luật BHTG năm 2012 có quy định về cơ chế phí BHTG trên cơ sở đánh giá, phân loại các tổ chức tham gia BHTG, tuy nhiên đến nay chưa thể thực hiện được do có khó khăn vướng mắc trong việc đánh giá, phân loại tổ chức tham gia BHTG, tiêu chí xác định khung phí, mức phí;... và điều kiện về tình hình kinh tế, mức độ lành mạnh, an toàn của hệ thống ngân hàng Việt Nam để áp dụng. Thời điểm vừa qua, việc tiếp tục duy trì phí BHTG đồng hạng vẫn đảm bảo nguồn thu cho quỹ dự phòng nghiệp vụ. Trong tương lai, khi các điều kiện cần thiết cho phép, có thể từng bước áp dụng phí BHTG phân biệt để khuyến khích các TCTD hoạt động tốt để giảm chi phí hoạt động.

Trên cơ sở đó, để có cơ sở áp dụng cơ chế phí linh hoạt, phù hợp với thực tiễn và vẫn đảm bảo nguồn thu phí BHTG ổn định, dự thảo Luật giao NHNN quy định mức phí BHTG, việc áp dụng phí BHTG đồng hạng hoặc phân biệt phù hợp với đặc thù hệ thống TCTD Việt Nam trong từng thời kỳ.

(ii) Về ý kiến đề nghị quy định rõ lộ trình chuyển đổi từng bước từ cơ chế phí đồng hạng sang phí phân biệt rủi ro; kiến nghị quy định ngay trong luật lộ trình áp dụng phí phân biệt theo rủi ro trước năm 2030:

Dự thảo Luật đã quy định thẩm quyền cho Thống đốc NHNN quy định mức phí BHTG và việc áp dụng phí BHTG đồng hạng hoặc phân biệt phù hợp với đặc thù hệ thống TCTD Việt Nam trong từng thời kỳ. Về nguyên tắc, Luật chỉ quy định khung về cơ chế phí BHTG, do đó, trong dự thảo Luật không quy định lộ trình áp dụng phí BHTG mà NHNN sẽ nghiên cứu để áp dụng trong thực tế. Bên cạnh đó, Luật BHTG năm 2012 chỉ quy định tổ chức BHTG có quyền theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về BHTG (khoản 9 Điều 13). Tổ chức BHTG chưa có đủ thông tin về hoạt động của tổ chức tham gia BHTG nên chưa có điều kiện để đánh giá tình trạng hoạt động của từng tổ chức tham gia BHTG để có thể đề xuất cơ chế phí phân biệt. Do đó, tổ chức BHTG chỉ nắm thông tin, số liệu về việc chấp hành quy định pháp luật về BHTG của tổ chức tham gia BHTG như việc đóng phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn, việc cung cấp thông tin về tiền gửi được bảo hiểm cho tổ chức BHTG,... Tại dự thảo Luật bổ sung quy định tổ chức BHTG có quyền, nghĩa vụ thực hiện kiểm tra tổ chức tham gia BHTG theo kế hoạch, nội dung do NHNN giao; có quyền yêu cầu tổ chức tham gia BHTG cung cấp thông tin liên quan đến việc kiểm tra của tổ chức BHTG theo quy định của Thống đốc NHNN. Khi triển khai thực hiện quy định nêu trên, sau một khoảng thời gian, tổ chức BHTG sẽ tích lũy, xây dựng được hệ thống dữ liệu, thông tin về hoạt động của tổ chức tham gia BHTG làm cơ sở cho việc đánh giá, phân loại tổ chức tham gia BHTG, qua đó có cơ sở để áp dụng cơ chế phí phân biệt dựa trên đánh giá, phân loại tổ chức tham gia BHTG. Như đã nêu ở trên, việc áp dụng phí BHTG theo hình thức phí đồng hạng hoặc phân biệt phụ thuộc nhiều yếu tố, trong đó có các yếu tố khách quan từ tình hình thực trạng hệ thống TCTD, mục tiêu, chiến lược phát triển của

từng quốc gia. Thời điểm vừa qua, việc tiếp tục duy trì phí BHTG đồng hạng vẫn đảm bảo nguồn thu cho quỹ dự phòng nghiệp vụ. Trong tương lai, khi các điều kiện cần thiết cho phép, có thể từng bước áp dụng phí BHTG phân biệt để khuyến khích các TCTD hoạt động tốt để giảm chi phí hoạt động.

(iv) Về các ý kiến gợi ý cho việc quy định mức phí BHTG phân biệt như: cụ thể hóa tiêu chí đánh giá, phân loại TCTD, cách thức đo lường rủi ro, phương pháp tính phí BHTG dựa trên mức độ rủi ro, bảo mật thông tin phí BHTG: Trong quá trình triển khai thi hành Luật BHTG, trường hợp thực tiễn đủ điều kiện áp dụng cơ chế phí BHTG phân biệt, NHNN sẽ nghiên cứu về việc bổ sung các nội dung nêu trên tại văn bản quy định chi tiết về phí BHTG.

(v) Chính phủ tiếp thu ý kiến của đại biểu về việc áp dụng phí BHTG phân biệt trong giai đoạn này cần cân nhắc thận trọng vì những tác động có thể gặp phải. Bên cạnh đó, dự thảo Luật giao Thống đốc NHNN hướng dẫn việc tính và nộp phí BHTG của tổ chức tham gia BHTG. Như vậy, Thống đốc NHNN sẽ quy định cụ thể về cơ sở tính phí, công thức tính phí,... Quá trình xây dựng văn bản hướng dẫn, NHNN sẽ thực hiện lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động của văn bản theo quy trình xây dựng thông tư tại Luật Ban hành văn bản QPPL.

(vi) Về đề nghị bổ sung nguyên tắc tính phí BHTG đối với Quỹ tín dụng nhân dân theo hướng mức phí BHTG đối với Quỹ tín dụng nhân dân thấp hơn so với các nhóm đối tượng khác và đề nghị NHNN khi tính phí đồng hạng hay phân biệt cần tính toán mức phí phù hợp đối với Quỹ tín dụng nhân dân: Hiện nay dự thảo Luật đang giao Thống đốc NHNN quy định mức phí BHTG, việc áp dụng phí BHTG đồng hạng hoặc phân biệt. Trong quá trình triển khai thi hành Luật BHTG, NHNN sẽ cân nhắc khi áp dụng phí phân biệt với quỹ TDND sẽ tính toán khi cân đối, phân bổ mức phí BHTG và mức phí của Quỹ bảo đảm an toàn hệ thống.

(vii) Về ý kiến cho rằng việc tăng phí để bù đắp các khoản vay đặc biệt từ NHNN cũng cần có giới hạn về mức, thời gian và điều kiện áp dụng, chỉ thực hiện trong trường hợp thật sự cần thiết để không gây áp lực cho hệ thống, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Quy định tại khoản 3 Điều 19 dự thảo Luật được bổ sung trên cơ sở thống nhất với quy định tại khoản 2 Điều 190 Luật Các TCTD². Khi tổ chức BHTG tham gia vào quá trình xử lý ngân hàng đổ vỡ hoặc chi trả BHTG, có thể xảy ra trường hợp giảm hoặc tổn thất quỹ BHTG. Khi đó, cần có các biện pháp bù đắp tổn thất

² Khoản 2 Điều 190 Luật Các TCTD quy định:

“2. Trường hợp số tiền trong quỹ dự phòng nghiệp vụ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi không đủ chi trả cho người gửi tiền theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi vay đặc biệt. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi xây dựng phương án tăng phí bảo hiểm tiền gửi để bù đắp phần vay đặc biệt; sử dụng tiền trả nợ vay đặc biệt của tổ chức tín dụng, nguồn thu từ bán giấy tờ có giá do tổ chức bảo hiểm tiền gửi nắm giữ, từ thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng vay đặc biệt, phí bảo hiểm tiền gửi để ưu tiên hoàn trả nợ vay đặc biệt cho Ngân hàng Nhà nước.”

và phục hồi quỹ BHTG nhằm đảm bảo năng lực tài chính của tổ chức BHTG và bảo vệ người gửi tiền. Việc thu phí để bù đắp thâm hụt quỹ dự phòng nghiệp vụ chỉ được thực hiện trong các trường hợp đặc biệt, có ảnh hưởng đến hệ thống, không phải là giải pháp thực hiện thường xuyên. Việc tăng phí BHTG có thể ảnh hưởng đến chi phí của tổ chức tham gia BHTG. Tuy nhiên, đây cũng là biện pháp huy động nguồn lực của các tổ chức tham gia BHTG để đảm bảo an toàn hệ thống; hạn chế tình trạng xảy ra rủi ro lan truyền khi một tổ chức tham gia BHTG (nếu không được xử lý phù hợp và quyền lợi của người gửi tiền không được đảm bảo) sẽ gây ra rủi ro rút tiền hàng loạt và tác động tiêu cực đến các tổ chức tham gia BHTG khác. Việc thu phí trong trường hợp quỹ BHTG thâm hụt cũng được nhiều quốc gia áp dụng.

Ví dụ, tại Mỹ, trong trường hợp quỹ BHTG tham gia vào quá trình xử lý ngân hàng yếu kém hoặc chi trả tiền BHTG dẫn đến tổn thất quỹ BHTG, Đạo luật Dodd-Frank cho phép FDIC thu phí đặc biệt để bù đắp chi phí³.

Về giới hạn mức tăng phí, thời hạn tăng phí: Dự thảo Luật đã quy định rõ trường hợp tăng phí, mức tăng phí (để bù đắp khoản vay đặc biệt từ NHNN). BHTGVN có trách nhiệm xây dựng phương án tăng phí BHTG, trong đó sẽ phải chi tiết mức tăng, thời gian tăng đủ để bù đắp khoản vay đặc biệt và mức phí sau khi đã bù đắp xong khoản vay đặc biệt. Tiếp thu ý kiến Đại biểu, để đảm bảo rõ ràng, khoản 3 Điều 19 dự thảo Luật được điều chỉnh theo hướng: *Trường hợp tổ chức bảo hiểm tiền gửi vay đặc biệt Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định tại Điều 38 của Luật này, tổ chức bảo hiểm tiền gửi được xây dựng phương án tăng phí bảo hiểm tiền gửi để bù đắp phần vay đặc biệt Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trong đó tối thiểu có nội dung về thời hạn tăng phí, mức tăng phí và gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, quyết định.*

7.5. Có ý kiến cho rằng để đảm bảo rõ ràng về nguyên tắc, tiêu chí phân biệt mức phí BHTG và cơ chế miễn, giảm, tạm hoãn, đề nghị nghiên cứu một số nội dung sau: (i) Tại khoản 1: bổ sung yêu cầu tổ chức BHTG công khai định kỳ khung

³ Trong cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008, quỹ BHTG của FDIC đã bị thâm hụt vượt quá mức dự phòng. Trước khủng hoảng, quỹ này ở mức khoảng 52 tỷ USD, tương đương 1,22% tổng số tiền gửi được bảo hiểm. Trong khoảng thời gian từ tháng 1/2008 đến tháng 9/2009, 120 ngân hàng Hoa Kỳ đã bị phá sản. Tính đến cuối tháng 9/2009, quỹ BHTG đã âm khoảng 8 tỷ USD và FDIC buộc phải tăng phí BHTG vào thời điểm căng thẳng tài chính. FDIC đã áp dụng một số biện pháp để tăng cường quỹ BHTG theo Kế hoạch phục hồi năm 2009, bao gồm áp dụng phí BHTG giữa kỳ và yêu cầu các ngân hàng nộp trước một khoản bằng ước tính 3 năm phí BHTG (theo IMF (2018). Resolution Funding: Who pays when Financial Institutions Fail).

Gần đây, ngày 16/11/2023, FDIC cũng phê duyệt kế hoạch thu phí đặc biệt nhằm bù đắp thâm hụt của quỹ BHTG sau khi xử lý hai ngân hàng là Silicon Valley và Signature. Kế hoạch này được thực hiện dựa trên quy định của Đạo luật BHTG liên bang và tuyên bố chung về xác định rủi ro hệ thống do Bộ trưởng Tài chính Mỹ Janet Yellen, Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ Jerome Powell và Chủ tịch FDIC Martin Gruenberg công bố vào ngày 12/3/2023. Cụ thể, các ngân hàng được hưởng lợi nhiều nhất từ việc xác định rủi ro hệ thống phải nộp phí đặc biệt do các ngân hàng này có nhiều nguy cơ xảy ra hiện tượng rút tiền hàng loạt khi xuất hiện thông tin ngân hàng gặp vấn đề. FDIC ước tính có 114 ngân hàng phải nộp phí đặc biệt, trong đó có 48 ngân hàng có tổng tài sản trên 50 tỷ USD và 66 ngân hàng có tổng tài sản từ 5 đến 50 tỷ USD. Trong khi đó, các ngân hàng có tổng tài sản dưới 5 tỷ USD không phải nộp phí đặc biệt.

mức phí và phương pháp tính để đảm bảo minh bạch và công bằng giữa các tổ chức tham gia. (ii) Tại khoản 2: Chính sách miễn phí nhằm giảm gánh nặng tài chính trong giai đoạn đặc biệt là cần thiết. Tuy nhiên, về nguyên tắc, các tổ chức có rủi ro cao lại là đối tượng nên đóng góp nhiều hơn, việc miễn hoàn toàn có thể làm giảm kỷ luật thị trường. Đề nghị sửa nội dung “*miễn nộp phí*” thành “*tạm hoãn nộp phí trong thời gian kiểm soát đặc biệt*”, hoặc chỉ miễn phần phí phát sinh trong thời gian bị kiểm soát đặc biệt; đồng thời, quy định rõ thời điểm chấm dứt tạm hoãn và trách nhiệm hoàn trả phí sau khi TCTD được phục hồi. (iii) Tại khoản 3: xem xét, bổ sung quy định về khung điều chỉnh mức phí tối đa và thời hạn áp dụng (có thể tăng dần trong tối thiểu 3 năm); đồng thời bổ sung nguyên tắc về việc điều chỉnh mức phí phải bảo đảm ổn định hệ thống và không làm ảnh hưởng đến khả năng chi trả của các TCTD nhỏ, quỹ TDND. (iv) Tại khoản 4: Cần xác định rõ thời hạn tạm hoãn và cơ chế giám sát thực hiện kế hoạch hoàn trả để tránh kéo dài nợ phí, làm giảm quy mô quỹ dự phòng nghiệp vụ. Đề nghị bổ sung quy định cụ thể thời gian tạm hoãn “*tối đa 24 tháng hoặc đến khi TCTD kết thúc kiểm soát đặc biệt*”. Ngoài ra, cần quy định rõ trách nhiệm của tổ chức BHTG trong việc theo dõi, đôn đốc, báo cáo NHNN về tình hình hoàn trả phí (1 ý kiến).

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

(i) Đối với ý kiến về khung phí, Chính phủ xin giải trình như sau: Mặc dù Luật BHTG năm 2012 có quy định về cơ chế phí BHTG trên cơ sở đánh giá, phân loại các tổ chức tham gia BHTG, tuy nhiên đến nay chưa thể thực hiện được do có khó khăn vướng mắc trong việc đánh giá, phân loại tổ chức tham gia BHTG, tiêu chí xác định khung phí, mức phí;... và điều kiện về tình hình kinh tế, mức độ lành mạnh, an toàn của hệ thống ngân hàng Việt Nam để áp dụng. Thời điểm vừa qua, việc tiếp tục duy trì phí BHTG đồng hạng vẫn đảm bảo nguồn thu cho quỹ dự phòng nghiệp vụ. Trong tương lai, khi các điều kiện cần thiết cho phép, có thể từng bước áp dụng phí BHTG phân biệt để khuyến khích các TCTD hoạt động tốt để giảm chi phí hoạt động. Trên cơ sở đó, để có cơ sở áp dụng cơ chế phí linh hoạt, phù hợp với thực tiễn và vẫn đảm bảo nguồn thu phí BHTG ổn định, dự thảo Luật giao NHNN quy định mức phí BHTG, việc áp dụng phí BHTG đồng hạng hoặc phân biệt phù hợp với đặc thù hệ thống TCTD Việt Nam trong từng thời kỳ. Theo quy định tại dự thảo Luật, mức phí BHTG, việc tính và nộp phí BHTG do Thống đốc NHNN quy định, hướng dẫn.

(ii) Quy định tại khoản 2 Điều 19 dự thảo Luật về việc TCTD được kiểm soát đặc biệt được miễn nộp phí BHTG thống nhất với quy định tại khoản 3 Điều 166 Luật Các TCTD. Quy định này nhằm giúp giảm áp lực tài chính cho TCTD khi đã gặp khó khăn về thanh khoản, có nguy cơ gây mất an toàn hệ thống... để tổ chức này tập trung cơ cấu lại, khắc phục yếu kém. Mức phí BHTG được miễn nộp là mức phí phát sinh kể từ thời điểm TCTD được đặt vào kiểm soát đặc biệt.

Việc miễn nộp phí BHTG chấm dứt khi TCTD không còn được đặt vào kiểm soát đặc biệt.

(iii) Về ý kiến đối với khoản 3 Điều 19 dự thảo Luật: Hiện nay dự thảo Luật đã quy định rõ trường hợp tăng phí, mức tăng phí (để bù đắp khoản vay đặc biệt từ NHNN). BHTGVN có trách nhiệm xây dựng phương án tăng phí BHTG, trong đó sẽ phải chi tiết mức tăng, thời gian tăng để bù đắp khoản vay đặc biệt và mức phí sau khi đã bù đắp khoản vay đặc biệt. Tiếp thu ý kiến Đại biểu Quốc hội, để đảm bảo rõ ràng, dự thảo Luật được điều chỉnh theo hướng: *Trường hợp tổ chức bảo hiểm tiền gửi vay đặc biệt Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định tại Điều 38 của Luật này, tổ chức bảo hiểm tiền gửi được xây dựng phương án tăng phí bảo hiểm tiền gửi để bù đắp phần vay đặc biệt Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trong đó tối thiểu có nội dung về thời hạn tăng phí, mức tăng phí và gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, quyết định.*

(iv) Về ý kiến đối với khoản 4 Điều 19 dự thảo Luật: Dự thảo Luật bổ sung quy định tạm hoãn việc nộp phí BHTG đối với số tiền nợ phí phát sinh trước khi được đặt vào kiểm soát đặc biệt để giảm áp lực tài chính cho TCTD được kiểm soát đặc biệt. Trường hợp không có quy định tạm hoãn, tổ chức tham gia BHTG sẽ bị phát sinh thêm khoản tiền phạt nộp chậm và chịu sức ép phải chi trả ngay khoản tiền phí nộp chậm (nếu không sẽ bị xác định là hành vi vi phạm). Quy định này áp dụng đối với TCTD được kiểm soát đặc biệt, do đó, việc tạm hoãn chấm dứt khi TCTD được chấm dứt kiểm soát đặc biệt. Về cơ chế giám sát thực hiện kế hoạch hoàn trả nợ phí BHTG được tạm hoãn, tại khoản 4 Điều 19 dự thảo Luật hiện quy định TCTD được tạm hoãn nộp phí BHTG có trách nhiệm xây dựng kế hoạch để hoàn trả đầy đủ khoản tiền được tạm hoãn (bao gồm cả lộ trình, thời hạn thực hiện) trong phương án cơ cấu lại trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó khi xây dựng phương án cơ cấu lại, nghĩa vụ hoàn trả khoản tiền bảo hiểm đang được tạm hoãn nộp phải được xem xét cùng với tổng thể các biện pháp, nghĩa vụ khác của TCTD.

7.6. Về hoãn nộp phí BHTG (khoản 4 Điều 19): Có ý kiến cho rằng nội dung này trong dự thảo luật là điểm mới, là bước tiến so với Luật Các TCTD khi cho phép tạm hoãn nộp các khoản phí đã phát sinh đối với TCTD được kiểm soát đặc biệt. Tuy nhiên, để bảo đảm thống nhất, đồng bộ pháp luật, đề nghị cân nhắc xem xét sửa đổi, bổ sung các quy định trong Luật Các TCTD, vì hiện Luật Các TCTD mới quy định về miễn nộp phí mà chưa đề cập đến vấn đề tạm hoãn (1 ý kiến). Tại khoản 4 Điều 19, có ý kiến cho rằng chưa quy định rõ cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án, kế hoạch hoàn trả đầy đủ các khoản tạm ứng, hoãn. Do đó, đề nghị phân cấp rõ cho NHNN để phê duyệt phương án, kế hoạch hoàn trả đầy đủ các khoản tạm ứng, hoãn (1 ý kiến).

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Luật BHTG là văn bản điều chỉnh trực tiếp về phí BHTG bao gồm mức phí, việc nộp phí... Do đó, việc quy định các trường hợp tạm hoãn nộp phí BHTG tại Luật này là phù hợp mà không phải bổ sung vào Luật Các TCTD.

TCTD được kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm xây dựng kế hoạch để hoàn trả đầy đủ khoản tiền được tạm hoãn trong phương án cơ cấu lại trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án cơ cấu lại được xác định theo Luật Các TCTD.

7.7. *Về biện pháp xử lý hành vi nộp thiếu, nộp chậm phí BHTG* (Điều 20), một số ý kiến đề nghị bổ sung quy định về trách nhiệm của tổ chức tham gia BHTG đối với người gửi tiền khi nộp thiếu, khi nộp chậm phí BHTG và trong trường hợp phát sinh nghĩa vụ phải trả bảo hiểm (3 ý kiến). Có ý kiến đề nghị làm rõ tại khoản 3 việc “*xử lý theo quy định của pháp luật*” gồm các hình thức và mức độ xử lý để đảm bảo tính răn đe đối với các TCTD không nộp hoặc chậm nộp (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị cân nhắc điều chỉnh, bổ sung một số hành vi bị cấm như chậm đóng, không đóng, tính sai phí BHTG (1 ý kiến).

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Về trách nhiệm của tổ chức tham gia BHTG khi nộp thiếu, nộp chậm, Khoản 1 Điều 20 dự thảo Luật đã có quy định trách nhiệm của tổ chức tham gia BHTG ngoài việc phải nộp đủ số phí còn thiếu phải chịu mức tiền chậm nộp mỗi ngày bằng 0,05% số tiền chưa nộp. Việc tổ chức tham gia BHTG nộp thiếu, nộp chậm không làm mất đi quyền lợi được BHTG của người gửi tiền, người gửi tiền vẫn được chi trả BHTG theo quy định khi phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm.

Sau thời hạn 30 ngày kể từ ngày phải nộp phí BHTG mà tổ chức tham gia BHTG không nộp hoặc nộp không đầy đủ phí BHTG và tiền chậm nộp, tổ chức BHTG có văn bản đề nghị NHNN xử lý theo quy định của pháp luật như áp dụng biện pháp xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực ngân hàng.

Đối với hành vi chậm đóng, không đóng, tính sai phí BHTG, khoản 1 Điều 11 dự thảo Luật đã quy định hành vi bị cấm bao gồm: “*Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi không nộp phí bảo hiểm tiền gửi theo quy định pháp luật*”. Ngoài ra, dự thảo Luật đã có một Điều riêng (Điều 20 tại dự thảo Luật) quy định về chế tài xử lý đối với hành vi này.

7.8. *Về thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm* (Điều 21) một số ý kiến tán thành với việc bổ sung trường hợp chi trả sớm bởi trên thực tế việc chờ phê duyệt phương án phá sản thường kéo dài khiến người gửi tiền chậm nhận được tiền bảo hiểm. Việc chi trả sớm giúp người gửi tiền nhanh chóng tiếp cận khoản tiền được bảo hiểm mà không phải chờ phương án phá sản được phê duyệt; quy định này giúp củng cố niềm tin và xử lý nhanh chóng, dứt khoát các TCTD yếu kém (5 ý kiến). Tuy nhiên, đề nghị nghiên cứu quy định tại Điều 21 và Điều 36 theo hướng thời điểm phát sinh nghĩa vụ chi trả bảo hiểm được xác định sớm hơn

so với quy định hiện hành, không nhất thiết phải chờ đến khi có quyết định phê duyệt phương án phá sản của TCTD mới thực hiện chi trả. Đồng thời, làm rõ việc chi trả sớm này sẽ ảnh hưởng như thế nào đến các TCTD và BHTG Việt Nam, vì trong Tờ trình hiện nay nội dung này chưa được giải trình đầy đủ (1 ý kiến). Có ý kiến cho rằng các nội dung tại Điều 21 và Điều 36 cần được rà soát kỹ lưỡng, tránh trùng lặp, xác định cụ thể cơ quan có thẩm quyền, văn bản có giá trị pháp lý, xác định thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm và xem xét hợp nhất Điều 21, Điều 36 thành điều xác định thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền BHTG (1 ý kiến). Có ý kiến cho rằng quy định về thời điểm chi trả vẫn phụ thuộc quá nhiều vào quyết định hành chính, dù đã cho phép chi trả sớm hơn. Việc xác định thời điểm phát sinh nghĩa vụ chi trả hoàn toàn do cơ quan quản lý quyết định, dẫn đến hai hệ quả: người gửi tiền có thể phải chờ đợi rất lâu nếu thủ tục kéo dài, và trong trường hợp khẩn cấp, BHTG không thể chủ động chi trả kịp thời. Vì vậy, đề nghị quy định rõ các tình huống tự động phát sinh nghĩa vụ chi trả, như khi TCTD mất khả năng chi trả trên 10 ngày hoặc khi NHNN có kết luận giám sát xác định mất thanh khoản nghiêm trọng, không cần chờ thủ tục phá sản hay đình chỉ hoạt động (1 ý kiến). Có ý kiến cho rằng đề nghị quy định rõ BHTG có trách nhiệm hoàn thành việc chi trả trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ chi trả. Trường hợp đặc biệt do số lượng người gửi tiền lớn được phép kéo dài nhưng không quá 60 ngày và phải báo cáo NHNN (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị Cơ quan soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, đánh giá xem việc chỉ bổ sung quy định chi trả sớm như dự thảo Luật thì có đủ cơ sở để NHNN có thể xử lý dứt điểm một số TCTD yếu kém và làm lành mạnh thị trường tài chính ngân hàng của Việt Nam không (1 ý kiến).

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

(i) Về ý kiến đề nghị nghiên cứu quy định tại Điều 21 và Điều 36 theo hướng thời điểm phát sinh nghĩa vụ chi trả bảo hiểm được xác định sớm hơn so với quy định hiện hành, không nhất thiết phải chờ đến khi có quyết định phê duyệt phương án phá sản của TCTD mới thực hiện chi trả:

Tại Điều 21 dự thảo Luật quy định nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm phát sinh kể từ một trong ba thời điểm, trong đó trường hợp tại khoản 1 là khi phương án phá sản TCTD được phê duyệt hoặc NHNN có văn bản xác định chi nhánh ngân hàng nước ngoài mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền; quy định này thống nhất với Luật Các TCTD. Trường hợp tại khoản 2, 3 là các trường hợp mới được bổ sung tại Luật BHTG để tạo cơ sở pháp lý cho tổ chức BHTG chi trả sớm hơn cho người gửi tiền (ngoài trường hợp sau khi phương án phá sản được phê duyệt quy định tại khoản 1).

Việc bổ sung quy định về chi trả sớm nhằm đảm bảo việc chi trả được kịp thời, ngay khi TCTD xảy ra sự kiện có nguy cơ gây mất an toàn hệ thống, góp

phần ổn định tâm lý người gửi tiền, ngăn chặn nguy cơ đổ vỡ, qua đó tổ chức BHTG có thể thực hiện tốt hơn mục tiêu bảo vệ quyền lợi người gửi tiền. Về phía TCTD, người gửi tiền đã được chi trả BHTG theo hạn mức quy định không làm triệt tiêu nghĩa vụ của TCTD với người gửi tiền. Nếu TCTD có thể phục hồi, TCTD vẫn có trách nhiệm chi trả toàn bộ tiền gửi cho người gửi tiền và hoàn trả khoản tiền tổ chức BHTG đã chi trả.

(ii) Về ý kiến cần rà soát nội dung tại Điều 21 và Điều 36 để tránh trùng lặp, xác định cụ thể cơ quan có thẩm quyền, văn bản có giá trị pháp lý, xác định thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm và xem xét hợp nhất Điều 21, Điều 36 thành điều xác định thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền BHTG:

Điều 21 quy định thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm. Điều 36 quy định chi tiết về trường hợp chi trả để bảo đảm an toàn, trật tự an toàn xã hội. Như vậy, phạm vi điều chỉnh của hai Điều tương đối độc lập. Việc gộp Điều 36 vào Điều 21 có thể không phù hợp về nội dung điều chỉnh của từng điều luật.

Bên cạnh đó, Điều 21 và Điều 36 đã xác định đầy đủ thời điểm, cơ quan xác định, điều kiện để thực hiện nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm. Cụ thể, đối với trường hợp tại khoản 1 Điều 21 xác định thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm khi phương án phá sản tổ chức tín dụng được phê duyệt hoặc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản xác định chi nhánh ngân hàng nước ngoài mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền. Các nội dung để xác định thẩm quyền quyết định được quy định tại Luật các TCTD. Đối với trường hợp tại khoản 2 Điều 21 xác định rõ thời điểm, cơ quan xác định, điều kiện thực hiện nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm, cụ thể: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản đình chỉ hoạt động nhận tiền gửi của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt và tổ chức tín dụng đó có lỗ lũy kế lớn hơn 100% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Đối với trường hợp tại khoản 3 Điều 21, để đảm bảo rõ ràng hơn thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm tại khoản này, dự thảo Luật dự kiến điều chỉnh kỹ thuật thành: “3. NHNN có văn bản thông báo cho tổ chức BHTG về việc chi trả theo quy định tại khoản 2 Điều 36 của Luật này”. Như vậy, trường hợp phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm nêu tại khoản 3 Điều 21 đã rõ về thời điểm phát sinh nghĩa vụ (khi NHNN có văn bản thông báo cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi về việc chi trả), điều kiện thực hiện (để bảo đảm an toàn hệ thống, trật tự an toàn xã hội theo quy định tại khoản 4 Điều 162 Luật Các tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo Chính phủ quyết định việc yêu cầu tổ chức bảo hiểm tiền gửi chi trả trong trường hợp tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt bị mất hoặc có nguy cơ mất khả năng chi trả theo pháp luật các tổ chức tín dụng).

(iii) Về ý kiến đề nghị quy định rõ các tình huống tự động phát sinh nghĩa vụ chi trả, như khi TCTD mất khả năng chi trả trên 10 ngày hoặc khi NHNN có

kết luận giám sát xác định mất thanh khoản nghiêm trọng, không cần chờ thủ tục phá sản hay đình chỉ hoạt động:

Việc thực hiện chi trả BHTG liên quan trực tiếp tới tình hình hoạt động của tổ chức BHTG và quyền, nghĩa vụ của người gửi tiền. Việc xác định thời điểm chi trả quá sớm hoặc quá muộn đều có thể ảnh hưởng tới hiệu quả của việc chi trả và tác động tới hoạt động của TCTD. Do đó, các yếu tố như tình hình hoạt động của TCTD (mất khả năng chi trả), văn bản xác nhận của cơ quan nhà nước phải được đồng thời áp dụng để đảm bảo rõ ràng, minh bạch trong việc xác định thời điểm phát sinh nghĩa vụ chi trả BHTG. Bên cạnh đó các điều kiện phát sinh nghĩa vụ chi trả phải đồng bộ, thống nhất với quy trình xử lý tại Luật TCTD, quyền hạn, nghĩa vụ của NHNN trong quá trình cơ cấu lại TCTD.

(iv) Về ý kiến đề nghị quy định rõ BHTG có trách nhiệm hoàn thành việc chi trả trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ chi trả. Trường hợp đặc biệt do số lượng người gửi tiền lớn được phép kéo dài nhưng không quá 60 ngày và phải báo cáo NHNN:

Để tạo điều kiện chi trả nhanh chóng, kịp thời, tại dự thảo Luật đã quy định rút ngắn thời gian chi trả tiền bảo hiểm từ 60 ngày xuống còn 45 ngày kể từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm (khoản 4 Điều 24). Đây là khoảng thời gian tối đa, áp dụng cho cả trường hợp số lượng người gửi tiền lớn, hồ sơ phức tạp. Trên cơ sở ý kiến của Đại biểu Quốc hội, khoản 4 Điều 24 được điều chỉnh, làm rõ hơn như sau: *“Trong thời hạn tối đa 45 ngày kể từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm, tổ chức BHTG có trách nhiệm trả tiền bảo hiểm cho người được BHTG”*.

(v) Về đề nghị Cơ quan soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, đánh giá xem việc chi bổ sung quy định chi trả sớm như dự thảo Luật thì có đủ cơ sở để NHNN có thể xử lý dứt điểm một số TCTD yếu kém và làm lành mạnh thị trường tài chính ngân hàng của Việt Nam không: Tại Điều 21 dự thảo Luật quy định nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm phát sinh kể từ một trong ba thời điểm, trong đó trường hợp tại khoản 1 là khi phương án phá sản TCTD được phê duyệt hoặc NHNN có văn bản xác định chi nhánh ngân hàng nước ngoài mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền là thống nhất với quy định của Luật Các TCTD. Quy định tại khoản 2, 3 là các trường hợp mới được bổ sung tại Luật BHTG để tạo cơ sở pháp lý cho tổ chức BHTG chi trả sớm hơn cho người gửi tiền (trước khi phương án phá sản được phê duyệt). Việc bổ sung quy định về chi trả sớm nhằm đảm bảo việc chi trả được kịp thời, ngay khi TCTD xảy ra sự kiện có nguy cơ gây mất an toàn hệ thống, góp phần ổn định tâm lý người gửi tiền, ngăn chặn nguy cơ đổ vỡ, qua đó tổ chức BHTG có thể thực hiện tốt hơn mục tiêu bảo vệ quyền lợi người gửi tiền. Việc bổ sung các quy định về việc tham gia của tổ chức BHTG tại dự thảo Luật nhằm huy động nguồn lực từ tổ chức BHTG, nguồn lực của hệ thống vào xử lý TCTD yếu

kém. Các biện pháp tại dự thảo Luật cùng các biện pháp tổng thể tại Luật các TCTD tạo cơ sở pháp lý để xử lý, tái cơ cấu các TCTD. Việc xử lý dứt điểm sẽ phụ thuộc rất lớn vào quá trình triển khai, quyết tâm của cả hệ thống chính trị, cơ quan quản lý và hệ thống các TCTD.

7.9. Về hạn mức trả tiền bảo hiểm (Điều 22), có ý kiến tán thành với nội dung khoản 1 dự thảo Luật (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị làm rõ quy định về hạn mức trả tiền bảo hiểm do Luật hiện hành giao Chính phủ quy định hạn mức, luật sửa đổi giao Thống đốc NHNN quy định hạn mức trả tiền bảo hiểm trong từng thời kỳ. Như vậy, khi luật ban hành sẽ chưa biết được hạn mức trả bảo hiểm cho các khoản tiền gửi là bao nhiêu (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị bổ sung cơ chế linh hoạt, giao Thống đốc NHNN điều chỉnh hạn mức định kỳ 3 năm/lần căn cứ vào biến động lạm phát, tăng trưởng kinh tế và thu nhập (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị rà soát, bổ sung quy định về trình tự, thủ tục thực hiện nhằm ngăn ngừa quyền lực tập trung về Thống đốc NHNN. Đồng thời, cần rà soát, bổ sung quy định về cơ chế để thực hiện công tác giám sát, đảm bảo việc tham gia của các cơ quan quản lý nhà nước liên quan, như Bộ Tài chính để tổ chức thực hiện công khai, minh bạch và đảm bảo quyền lợi của người gửi tiền (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị quy định: (i) Chính phủ thiết lập cơ chế giám sát, kiểm tra, xử lý nếu có vi phạm nhằm bảo đảm minh bạch, công khai và tinh thần quyền lực đi đôi với trách nhiệm và (ii) Chính phủ thực hiện quy trình công khai theo định kỳ 06 tháng cuối năm, Thống đốc NHNN báo cáo giải trình trước người dân và Quốc hội về những quyết định thuộc thẩm quyền (1 ý kiến).

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

(i) Về ý kiến tán thành với nội dung khoản 1 dự thảo Luật: Chính phủ xin tiếp thu ý kiến Đại biểu.

(ii) Về ý kiến khi luật ban hành sẽ chưa biết được hạn mức trả bảo hiểm cho các khoản tiền gửi là bao nhiêu, Chính phủ xin báo cáo làm rõ như sau: Hiện nay dự thảo Luật giao Thống đốc NHNN quy định hạn mức trả tiền bảo hiểm trong từng thời kỳ. Theo quy định tại Luật Ban hành văn bản QPPL, khi Luật có hiệu lực thi hành, các văn bản quy định chi tiết nội dung được giao trong Luật, trong đó có quy định về hạn mức BHTG sẽ được ban hành và có thời điểm cùng thời điểm hiệu lực của Luật.

(iii) Về ý kiến đề nghị bổ sung cơ chế linh hoạt, giao Thống đốc NHNN điều chỉnh hạn mức định kỳ 3 năm/lần căn cứ vào biến động lạm phát, tăng trưởng kinh tế và thu nhập, Chính phủ xin báo cáo như sau: Hạn mức trả tiền bảo hiểm phụ thuộc vào tình biến động kinh tế (lạm phát, thu nhập bình quân đầu người, khả năng chi trả của quỹ BHTG...). Để xác định hạn mức trả tiền bảo hiểm cần căn cứ vào nhiều tiêu chí khác nhau, các tiêu chí có thể thay đổi thường xuyên theo từng thời kỳ. Do đó, nếu quy định ngay trong Luật điều chỉnh hạn mức định kỳ 3

năm/lần sẽ không đảm bảo tính khả thi và có thể không theo kịp diễn biến thực tế. Việc giao NHNN quy định hạn mức BHTG trong từng thời kỳ giúp chủ động, linh hoạt hơn, kịp thời điều chỉnh phù hợp với thực tiễn.

(iv) Về ý kiến đề nghị rà soát, bổ sung quy định về trình tự, thủ tục thực hiện nhằm ngăn ngừa quyền lực tập trung về Thống đốc NHNN, đồng thời, cần rà soát, bổ sung quy định về cơ chế để thực hiện công tác giám sát, đảm bảo việc tham gia của các cơ quan quản lý nhà nước liên quan, như Bộ Tài chính để tổ chức thực hiện công khai, minh bạch và đảm bảo quyền lợi của người gửi tiền: Tại Nghị quyết số 283/NQ-CP ngày 16/9/2025 phiên họp Chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 8 năm 2025, Chính phủ đã quyết nghị *“thực hiện phân cấp mạnh mẽ, giao Ngân hàng Nhà nước quy định hạn mức chi trả bảo hiểm tiền gửi”*. Trên cơ sở nguyên tắc một việc chỉ giao một cơ quan đầu mối, tránh chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, khoản 2 Điều 22 dự thảo Luật giao Thống đốc NHNN (i) quy định hạn mức trả tiền bảo hiểm chung áp dụng trong từng thời kỳ; (ii) khi phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 21 của Luật này, trong trường hợp đặc biệt, để đảm bảo quyền lợi người gửi tiền, an toàn hệ thống TCTD, trật tự an toàn xã hội, Thống đốc NHNN quyết định hạn mức chi trả vượt hạn mức chung, tối đa bằng toàn bộ các khoản tiền gửi được bảo hiểm của người gửi tiền tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi khi phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm. Riêng đối với hạn mức chi trả trong trường hợp thực hiện phương án phá sản TCTD được kiểm soát đặc biệt thực hiện theo quy định của Luật Các TCTD. Theo đó, sau khi phương án phá sản được phê duyệt, NHNN trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hạn mức chi trả BHTG cho người gửi tiền, tối đa bằng số tiền gửi của cá nhân được bảo hiểm tại TCTD (khoản 2 Điều 188 Luật Các TCTD).

Về hạn mức chung, Luật giao Thống đốc NHNN quy định về hạn mức trả tiền bảo hiểm trong từng thời kỳ. Theo đó, NHNN sẽ ban hành Thông tư quy định về nội dung này theo đúng trình tự, thủ tục tại Luật ban hành văn bản QPPL, đảm bảo công khai minh bạch.

Đối với hạn mức riêng cho một số trường hợp đặc biệt tại khoản 2 Điều 22, dự thảo Luật quy định trường hợp được áp dụng là các trường hợp chi trả sớm. Đây là các trường hợp đặc thù và đã có quy định rõ tại các Điều 21, Điều 36 của dự thảo Luật. Việc quyết định áp dụng hạn mức riêng gắn với trường hợp liên quan đến an toàn hoạt động của TCTD, hệ thống TCTD và trật tự xã hội, cần có sự phối hợp của các bộ, ngành liên quan.

Về trường hợp hạn mức quy định tại khoản 3 Điều 22 trong trường hợp thực hiện phương án phá sản TCTD được kiểm soát đặc biệt thực hiện theo quy định của Luật Các TCTD. Theo đó, sau khi phương án phá sản được phê duyệt, NHNN trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hạn mức chi trả BHTG cho người gửi tiền, tối đa bằng số tiền gửi của cá nhân được bảo hiểm tại TCTD (khoản 2 Điều 188

Luật Các TCTD).

Về đề nghị quy định (i) Chính phủ thiết lập cơ chế giám sát, kiểm tra, xử lý nếu có vi phạm nhằm bảo đảm minh bạch, công khai và tinh thần quyền lực đi đôi với trách nhiệm và (ii) Chính phủ thực hiện quy trình công khai theo định kỳ 06 tháng cuối năm, Thống đốc NHNN báo cáo giải trình trước người dân và Quốc hội về những quyết định thuộc thẩm quyền: Về cơ chế kiểm soát, xác lập nguyên tắc điều chỉnh hạn mức phù hợp. Cụ thể, tại Điều 8, 9, 10 dự thảo Luật đã có các quy định cụ thể về quyền hạn, trách nhiệm của Chính phủ và bộ, ngành cơ quan liên quan, trong đó có trách nhiệm về kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm. Về việc Thống đốc NHNN báo cáo trước Chính phủ, Quốc hội hiện thực hiện theo chế độ báo cáo của Chính phủ trước Quốc hội mà không quy định tại Luật này.

7.10. Nhiều ý kiến cho rằng mặc dù hạn mức trả tiền bảo hiểm đang ngày càng được nâng lên, tuy nhiên, mức này vẫn còn thấp, không phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội (8 ý kiến). Do đó, một số ý kiến đề nghị cần bổ sung nguyên tắc điều chỉnh hạn mức dựa trên mức thu nhập bình quân, GDP, tình hình lạm phát, điều kiện phát triển kinh tế xã hội phù hợp với thực tế, cụ thể hơn cho từng giai đoạn (4 ý kiến). Có ý kiến cho rằng quy định về hạn mức chi trả tiền gửi là chưa rõ ràng, chưa cụ thể và còn thiếu tính nguyên tắc để áp dụng. Do đó, đề nghị rà soát để điều chỉnh mức chi trả tối đa để phù hợp với quy mô tiền gửi hiện nay (1 ý kiến) hoặc nghiên cứu theo hướng mức chi trả bằng tỷ lệ phần trăm của số tiền gửi và nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế (1 ý kiến). Có ý kiến thống nhất việc nâng hạn mức do phù hợp với tình hình hiện nay (2 ý kiến). Có ý kiến kiến nghị điều chỉnh tăng hạn mức chi trả lên 200 đến 250 triệu đồng/người/tổ chức, tương đương 2,5 lần GDP bình quân đầu người là phù hợp với khuyến nghị của Tổ chức BHTG Quốc tế (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị tăng hạn mức trả tiền bảo hiểm và giao Chính phủ quy định cơ chế điều chỉnh linh hoạt, có thể là 03 năm một lần (1 ý kiến).

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

Về các ý kiến đề nghị điều chỉnh tăng hạn mức phù hợp với tình hình hiện nay, Chính phủ xin tiếp thu ý kiến Đại biểu Quốc hội, chỉ đạo tổ chức BHTG rà soát để đề xuất mức BHTG phù hợp. Bên cạnh đó, tại dự thảo Luật hiện nay đang đề xuất các chính sách để tổ chức BHTG nâng cao năng lực tài chính, qua đó sẽ tạo cơ sở để nâng hạn mức BHTG.

Về các ý kiến đề nghị quy định cụ thể nguyên tắc điều chỉnh hạn mức trả tiền bảo hiểm, Chính phủ xin báo cáo như sau: Hạn mức trả tiền bảo hiểm phụ thuộc vào tình hình biến động kinh tế (lạm phát, thu nhập bình quân đầu người, khả năng chi trả của quỹ BHTG...). Để xác định hạn mức trả tiền bảo hiểm cần căn cứ vào nhiều tiêu chí khác nhau, các tiêu chí có thể thay đổi thường xuyên theo từng thời kỳ. Do đó, nếu quy định nguyên tắc xác định ngay trong Luật, quy

định cứng các tiêu chí xác định hạn mức, khi cần sửa đổi hoặc bổ sung tiêu chí sẽ khó khăn do việc điều chỉnh sẽ phụ thuộc vào quy trình sửa đổi Luật, mất nhiều thời gian, không theo kịp diễn biến thực tế. Việc giao NHNN quy định hạn mức BHTG trong từng thời kỳ giúp chủ động, linh hoạt hơn, kịp thời điều chỉnh phù hợp với thực tiễn.

Về việc bổ sung nguyên tắc xác định hạn mức trả tiền bảo hiểm là “có chính sách ưu tiên bảo vệ người gửi tiền là hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn”: Theo thông lệ quốc tế, hạn mức trả tiền BHTG được áp dụng chung cho các đối tượng được bảo hiểm, không phân biệt hạn mức trả tiền bảo hiểm đối với nhóm người gửi tiền như hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn. Bên cạnh đó, với hạn mức chi trả BHTG như hiện nay xét theo thu nhập bình quân của hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số thì việc có hạn mức chi trả riêng là chưa thực sự cần thiết.

Về ý kiến đề nghị nghiên cứu theo hướng mức chi trả bằng tỷ lệ phần trăm của số tiền gửi và nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế, Chính phủ xin báo cáo như sau: Theo thông lệ quốc tế, hạn mức trả tiền BHTG được áp dụng chung cho các đối tượng được bảo hiểm và được xác định theo số tuyệt đối, không tính theo tỷ lệ tiền gửi. Việc xác định hạn mức BHTG nêu trên đảm bảo bảo vệ được số đông người gửi tiền, đặc biệt là những người có khoản tiền gửi nhỏ tại ngân hàng.

Về đề nghị tăng hạn mức trả tiền bảo hiểm và giao Chính phủ quy định cơ chế điều chỉnh linh hoạt, có thể là 03 năm một lần: Về nguyên tắc xác định hạn mức, hạn mức trả tiền bảo hiểm phụ thuộc vào tình hình kinh tế (lạm phát, thu nhập bình quân đầu người) cũng như số dư bình quân của tiền gửi được bảo hiểm và khả năng chi trả của quỹ BHTG... Các tiêu chí này có thể thay đổi theo từng thời kỳ. Dự thảo Luật giao NHNN quy định hạn mức BHTG nhằm tăng cường tính chủ động, linh hoạt, phù hợp với thực tiễn. Tiếp thu ý kiến Đại biểu Quốc hội, Chính phủ sẽ chỉ đạo tổ chức BHTG rà soát để đề xuất mức BHTG phù hợp. Bên cạnh đó, tại dự thảo Luật đang đề xuất các chính sách để tổ chức BHTG nâng cao năng lực tài chính, qua đó sẽ tạo cơ sở để có thể nâng hạn mức BHTG nhằm bảo vệ tốt hơn quyền lợi của người gửi tiền.

7.11. Về chi trả vượt hạn mức (khoản 2 Điều 22), có ý kiến cho rằng quy định chi trả trong trường hợp đặc biệt (tức chi trả vượt hạn mức) là một điểm rất mới, tạo ra tâm lý không công bằng, không minh bạch trong người dân tham gia BHTG, thiệt thòi đối với người dân vùng kinh tế xã hội khó khăn, vùng miền núi, dân tộc thiểu số không được xác định là trường hợp đặc biệt. Do đó, nhiều ý kiến đề nghị xem xét, quy định cụ thể có tính nguyên tắc, giao trách nhiệm,... để có căn cứ, tiêu chí định lượng, điều kiện và hoàn cảnh áp dụng bảo đảm thực sự chặt chẽ đối với quy định về “trường hợp đặc biệt” (7 ý kiến), giao Chính phủ quy định căn cứ xác định trường hợp cần chi trả vượt hạn mức (1 ý kiến) Có ý kiến đề nghị

có quy trình phê duyệt minh bạch với sự tham gia của các cơ quan tài chính, NHNN ở địa phương để bảo đảm khách quan, tránh lạm dụng (1 ý kiến) hoặc có sự tham gia giám sát của Chính phủ, Bộ Tài chính và Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội (1 ý kiến). Trên cơ sở quy định cụ thể có tính nguyên tắc về tiêu chí “*trường hợp đặc biệt*”, NHNN sẽ xác định cụ thể, nếu không quy định trong Luật, đề nghị giải trình lý do (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị NHNN đánh giá tác động cụ thể của việc tăng hạn mức BHTG đối với các tổ chức ngân hàng và khách hàng, vì việc này sẽ có lợi cho người bảo hiểm và khách hàng nhưng có thể thiệt thòi cho các tổ chức ngân hàng (1 ý kiến). Có ý kiến cho rằng để hoàn thiện dự thảo Luật, hạn chế vướng mắc khi luật có hiệu lực thi hành, đề nghị: (i) tại khoản 1: bổ sung nguyên tắc hoặc tiêu chí xác định hạn mức như: Căn cứ vào quy mô bình quân tiền gửi của cá nhân trong hệ thống TCTD; diễn biến kinh tế vĩ mô, lạm phát, khả năng chi trả của tổ chức BHTG; mức độ rủi ro và ổn định của hệ thống ngân hàng; (ii) tại khoản 2: bổ sung tiêu chí về “*trường hợp đặc biệt*”; bổ sung nội dung về việc yêu cầu công khai, giám sát sau quyết định nhằm bảo đảm minh bạch, tránh lạm dụng cơ chế đặc biệt (iii) tại khoản 3: bổ sung quy định về việc tổ chức BHTG phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong quá trình phá sản của TCTD, bảo đảm chi trả kịp thời, công khai, minh bạch và bảo vệ tối đa quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị sửa cụm từ “*trong trường hợp đặc biệt*” thành cụm từ “*trong trường hợp cần thiết*” để bảo vệ tốt nhất người gửi tiền, Thống đốc NHNN quyết định hạn mức chi trả vượt hạn mức tối đa bằng toàn bộ các khoản tiền gửi được bảo hiểm của người gửi tiền, đồng thời có quy định cụ thể xác định trường hợp cần thiết (1 ý kiến).

Có ý kiến nhất trí với việc trao thẩm quyền quy định về hạn mức BHTG từng thời kỳ cho Thống đốc NHNN tại Điều 22, phù hợp với chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền của Đảng và Nhà nước và phù hợp với thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của NHNN (1 ý kiến).

Một số ý kiến đồng tình với quy định giao Thống đốc NHNN quy định hạn mức trả tiền bảo hiểm trong từng thời kỳ để phù hợp với chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, phù hợp với thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của NHNN (4 ý kiến). Một số ý kiến đề nghị phân cấp trong việc ra quyết định chi trả vượt hạn mức theo hướng phân quyền cho Thống đốc NHNN chỉ chi trả vượt hạn mức trong trường hợp đặc biệt tối đa 50%, từ 51% trở lên phải thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ để đảm bảo an toàn hệ thống (3 ý kiến).

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Đại biểu Quốc hội về việc quy định tiêu chí, điều kiện xác định “*trường hợp đặc biệt*” để quyết định chi trả vượt hạn mức, khoản 2 Điều 22 dự thảo Luật dự kiến được chỉnh lý theo hướng: Khi phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 21 của Luật này,...

trong trường hợp đặc biệt, *để đảm bảo quyền lợi người gửi tiền, an toàn hệ thống TCTD, trật tự an toàn xã hội*, Thống đốc NHNN quyết định hạn mức chi trả vượt hạn mức chung. Quy định này tạo cơ sở cho Thống đốc NHNN quyết định chi trả vượt hạn mức đối với các trường hợp có ảnh hưởng đến an toàn hệ thống ngân hàng, khi đó cần thiết phải chi trả vượt hạn mức cho người gửi tiền để ổn định tâm lý người gửi tiền, hạn chế nguy cơ đổ vỡ hệ thống. Căn cứ tình hình, điều kiện thực tế, Thống đốc NHNN sẽ xác định trường hợp đặc biệt, để đảm bảo quyền lợi người gửi tiền, an toàn hệ thống TCTD, trật tự an toàn xã hội, để quyết định việc chi trả bảo hiểm tiền gửi vượt hạn mức.

Quy định chi trả vượt hạn mức chỉ áp dụng trong các trường hợp đặc biệt, để đảm bảo quyền lợi người gửi tiền, an toàn hệ thống TCTD, trật tự an toàn xã hội và phải tuân thủ trình tự, thủ tục chặt chẽ. Ví dụ, trong trường hợp chi trả để bảo đảm an toàn hệ thống, trật tự an toàn xã hội theo quy định tại khoản 4 Điều 162 Luật Các TCTD, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo Chính phủ quyết định việc yêu cầu tổ chức bảo hiểm tiền gửi chi trả trong trường hợp tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt bị mất hoặc có nguy cơ mất khả năng chi trả theo pháp luật các TCTD. Đối với hệ thống TCTD, việc chi trả vượt hạn mức giúp ổn định tâm lý người gửi tiền, ngăn nguy cơ rút tiền hàng loạt mà nếu xảy ra có thể tác động tới thanh khoản của hệ thống, có thể gây đổ vỡ hàng loạt. Cơ chế bảo hiểm toàn bộ số tiền gửi của người gửi tiền được một số quốc gia áp dụng để bảo vệ tốt nhất người gửi tiền và ngăn ngừa hiệu ứng rút tiền hàng loạt trong hoạt động ngân hàng. Ví dụ tại Mỹ, trong trường hợp xử lý Silicon Valley Bank và Signature Bank, Tổng công ty bảo hiểm tiền gửi Mỹ (FDIC) và Cục dự trữ liên bang Mỹ (Fed) đã khuyến nghị Bộ Tài Chính Mỹ kích hoạt ngoại lệ để mở rộng bảo vệ tất cả người gửi tiền cũng như không giới hạn giá trị chi trả cho người gửi tiền tại 2 ngân hàng nói trên.

Về việc phân cấp, phân quyền, tại Nghị quyết số 283/NQ-CP ngày 16/9/2025 phiên họp Chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 8 năm 2025, Chính phủ đã quyết nghị “*thực hiện phân cấp mạnh mẽ, giao Ngân hàng Nhà nước quy định hạn mức chi trả bảo hiểm tiền gửi*”. Trên cơ sở nguyên tắc một việc chỉ giao một cơ quan đầu mối, tránh chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, dự thảo Luật giao Thống đốc NHNN (i) quy định hạn mức trả tiền bảo hiểm chung áp dụng trong từng thời kỳ; (ii) Khi phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 21 của Luật này, trong trường hợp đặc biệt, để đảm bảo quyền lợi người gửi tiền, an toàn hệ thống TCTD, trật tự an toàn xã hội, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định hạn mức chi trả vượt hạn mức quy định tại khoản 1 Điều này, tối đa bằng toàn bộ các khoản tiền gửi được bảo hiểm của người gửi tiền tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi khi phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm. Riêng đối với hạn mức chi trả trong trường hợp thực hiện phương án phá sản TCTD được kiểm soát đặc biệt thực hiện theo quy định của Luật Các TCTD. Theo đó,

sau khi phương án phá sản được phê duyệt, NHNN trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hạn mức chi trả BHTG cho người gửi tiền, tối đa bằng số tiền gửi của cá nhân được bảo hiểm tại TCTD (khoản 2 Điều 188 Luật Các TCTD).

7.12. Về số tiền bảo hiểm được trả (Điều 23), có ý kiến cho rằng quy định trong trường hợp nhiều người sở hữu chung tiền gửi được BHTG (khoản 2) chưa có giải pháp cụ thể khi các chủ sở hữu chung không thống nhất được tỷ lệ, mức độ chi trả. Do đó, cần phải có những nguyên tắc xử sự cụ thể khi các chủ sở hữu chung chưa thống nhất được tỷ lệ chi trả. (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị làm rõ tỷ giá quy đổi trong trường hợp khoản nợ quy định tại khoản 3 bằng ngoại tệ khi xác định số tiền gửi được bảo hiểm, đồng thời làm rõ khoản nợ có bao gồm cả gốc và lãi hay không, vì tiền gửi được bảo hiểm là tiền Việt Nam đồng và số tiền bảo hiểm được trả căn cứ vào tổng gốc và lãi (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị: (i) bổ sung quy định mức tối thiểu hoặc tỷ lệ cụ thể trả tiền bảo hiểm; (ii) làm rõ tính thống nhất giữa Điều 22, Điều 23 và Điều 24 do Điều 22 quy định “tối đa bằng tiền gốc” trong khi Điều 23 quy định “bao gồm tiền gốc và tiền lãi”, ba điều này có sự mâu thuẫn với nhau (1 ý kiến).

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

Về đề nghị cần phải có nguyên tắc xử sự cụ thể khi các chủ sở hữu chung chưa thống nhất được tỷ lệ chi trả, Chính phủ xin báo cáo như sau: Tại khoản 2 Điều 23 dự thảo Luật quy định “Số tiền bảo hiểm được trả cho tất cả các khoản tiền gửi được bảo hiểm của nhiều người sở hữu chung tại một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bao gồm tiền gốc và tiền lãi; số tiền bảo hiểm được trả tối đa cho một chủ sở hữu chung, bao gồm cả số tiền bảo hiểm được trả cho các khoản tiền gửi khác được bảo hiểm tại cùng một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi của đồng chủ sở hữu đó, không vượt quá hạn mức trả tiền bảo hiểm. Số tiền bảo hiểm được trả sẽ được chia theo thỏa thuận của các đồng chủ sở hữu; trường hợp giữa các chủ sở hữu chung không có thỏa thuận hoặc không thỏa thuận được thì giải quyết theo quy định của pháp luật”. Như vậy, đối với trường hợp các sở hữu chung không thống nhất được thỏa thuận thì sẽ được giải quyết theo quy định của pháp luật như pháp luật về dân sự, tố tụng dân sự..., không thuộc phạm vi quy định của Luật này.

Về đề nghị làm rõ tỷ giá quy đổi trong trường hợp khoản nợ quy định tại khoản 3 bằng ngoại tệ, Chính phủ xin báo cáo như sau: Các khoản nợ của khách hàng phát sinh tại tổ chức tham gia BHTG gắn với các giao dịch cụ thể. Việc xác định tỷ giá căn cứ vào thỏa thuận giữa các bên, quy định pháp luật điều chỉnh đối với giao dịch này và không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật

Về đề nghị làm rõ khoản nợ có bao gồm cả gốc và lãi hay không, các khoản nợ của khách hàng phát sinh tại tổ chức tham gia BHTG gắn với các giao dịch cụ thể, việc xác định nghĩa vụ nợ của khách hàng để đối ứng, bù trừ số tiền chi trả sẽ

được xác định theo thỏa thuận giữa các bên và pháp luật điều chỉnh giao dịch này.

Về đề xuất bổ sung quy định mức tối thiểu hoặc tỷ lệ cụ thể trả tiền bảo hiểm: Hiện nay dự thảo Luật đang quy định khi phát sinh nghĩa vụ bảo hiểm, người gửi tiền được chi trả BHTG trong hạn mức theo quy định.

Về ý kiến làm rõ tính thống nhất giữa Điều 22, Điều 23 và Điều 24 do Điều 22 quy định “*tối đa bằng tiền gốc*” trong khi Điều 23 quy định “*bao gồm tiền gốc và tiền lãi*”: Quy định tại khoản 2 Điều 22 dự thảo Luật về “*tối đa bằng toàn bộ các khoản tiền gửi được bảo hiểm*” đã bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi, do đó, quy định này không mâu thuẫn với Điều 23 và Điều 24 dự thảo Luật.

7.13. Về thủ tục trả tiền bảo hiểm (Điều 24), có ý kiến cho rằng quy định sau 10 năm không nhận, tiền bảo hiểm sẽ thuộc về tổ chức BHTG là chưa phù hợp với nguyên tắc quyền sở hữu tài sản và thời hiệu khởi kiện theo Bộ luật Dân sự. Việc chuyển các khoản tiền này vào nguồn vốn hoạt động của tổ chức BHTG có thể dẫn đến xung đột về quyền tài sản và trách nhiệm pháp lý khi người gửi tiền có yêu cầu sau này. Đề nghị nghiên cứu điều chỉnh theo hướng quy định thời hiệu tối thiểu là 30 năm để người gửi tiền hoặc người thừa kế có quyền nhận lại khoản bảo hiểm; hoặc có cơ chế quản lý tập trung, theo dõi riêng đối với các khoản tiền bảo hiểm chưa có người nhận, nhưng vẫn bảo lưu quyền được hưởng bảo hiểm của chủ sở hữu khoản tiền gửi (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định: “*trong trường hợp người gửi tiền là người mất tích hoặc người không thể liên lạc được theo biện pháp thông thường tổ chức BHTG có trách nhiệm hỗ trợ người thân, thân nhân của người có thẩm quyền pháp lý trong việc nhận tiền bảo hiểm theo quy định của pháp luật về dân sự và hộ tịch*” (1 ý kiến). Có ý kiến cho rằng quy định thời gian 45 ngày tại khoản 4 Điều 24 là quá dài, đề nghị rút ngắn trong bối cảnh công nghệ thông tin và dữ liệu ngân hàng đã số hóa, việc chi trả kéo dài có thể gây ảnh hưởng đến quyền lợi người gửi tiền, dễ tạo tâm lý bất ổn và dẫn đến hiện tượng rút tiền hàng loạt, làm thị trường mất ổn định khi có nguồn tin tiêu cực (2 ý kiến). Có ý kiến đề nghị điều chỉnh thời hạn chi trả theo thông lệ quốc tế khuyến nghị đối với những vụ việc đơn giản để bảo đảm quyền lợi của người gửi tiền được nhận tiền bảo hiểm, cần nghiên cứu rút ngắn thời hạn chi trả xuống còn 07 ngày làm việc (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị nghiên cứu cơ chế chi trả trước hạn đối với một phần hạn mức tối thiểu sau khi phát sinh nghĩa vụ chi trả nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu thiết yếu của người gửi tiền và giảm thiểu tác động tâm lý tiêu cực khi TCTD bị đổ vỡ, xem xét rút ngắn thời hạn chi trả chung xuống còn tối đa khoảng 20 ngày làm việc (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị NHNN, đặc biệt là BHTG, cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chi trả cũng như trong các hoạt động nói chung, để bảo đảm hoạt động được thông suốt; cần chú ý đến các rủi ro liên quan đến đánh chiếm các dữ liệu cá nhân (2 ý kiến).

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

(i) Về ý kiến điều chỉnh thời hiệu tối thiểu là 30 năm để người gửi tiền hoặc người thừa kế có quyền nhận lại khoản bảo hiểm; hoặc có cơ chế quản lý tập trung, theo dõi riêng đối với các khoản tiền bảo hiểm chưa có người nhận, nhưng vẫn bảo lưu quyền được hưởng bảo hiểm của chủ sở hữu khoản tiền gửi:

Theo quy định tại Điều 236 Bộ Luật Dân sự năm 2015 quy định về xác lập quyền sở hữu theo thời hiệu do chiếm hữu, được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật: “*Người chiếm hữu, người được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật nhưng ngay tình, liên tục, công khai trong thời hạn 10 năm đối với động sản, 30 năm đối với bất động sản thì trở thành chủ sở hữu tài sản đó, kể từ thời điểm bắt đầu chiếm hữu, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác.*” và Điều 623 Bộ Luật Dân sự năm 2015 quy định về Thời hiệu khởi kiện: “*Thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản, kể từ thời điểm mở thừa kế...*”. Như vậy, quy định tại dự thảo Luật là phù hợp với Bộ Luật Dân sự năm 2015. Do đó, Cơ quan chủ trì soạn thảo xin giữ nguyên quy định tại dự thảo Luật.

(ii) Về ý kiến đề nghị bổ sung quy định: “*trong trường hợp người gửi tiền là người mất tích hoặc người không thể liên lạc được theo biện pháp thông thường tổ chức BHTG có trách nhiệm hỗ trợ người thân, thân nhân của người có thẩm quyền pháp lý trong việc nhận tiền bảo hiểm theo quy định của pháp luật về dân sự và hộ tịch*”:

Về quy định pháp luật, đối với trường hợp người mất tích, pháp luật dân sự đã có quy định về việc quản lý tài sản của người mất tích. Về việc triển khai thực hiện, đối với các trường hợp người đề nghị chi trả có yêu cầu, cán bộ của tổ chức BHTG trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ sẽ giải thích, hướng dẫn để làm các thủ tục liên quan.

Về người không thể liên lạc được theo biện pháp thông thường khó xác định, không đảm bảo tính khả thi khi quy định tại Luật. Hiện nay, tại dự thảo Luật đã có quy định về trách nhiệm công khai việc chi trả BHTG của tổ chức BHTG, thông tin về thời hạn, địa điểm chi trả được đăng tải rộng rãi và người gửi tiền có thể tiếp cận.

(iii) Về ý kiến đề nghị rút ngắn thời hạn chi trả tiền bảo hiểm tại khoản 4 Điều 24 (45 ngày) trong bối cảnh công nghệ thông tin và dữ liệu ngân hàng đã số hóa: Để tạo điều kiện chi trả nhanh chóng, kịp thời, đề nghị nghiên cứu cơ chế chi trả trước hạn đối với một phần hạn mức tối thiểu sau khi phát sinh nghĩa vụ chi trả: tại dự thảo Luật đã quy định rút ngắn thời gian chi trả tiền bảo hiểm từ 60 ngày xuống còn 45 ngày kể từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm (khoản 4 Điều 24). Trong điều kiện hiện nay, đây là khoảng thời gian tối đa, cần thiết để tổ chức BHTG thực hiện rà soát kiểm tra, đối chiếu để lập danh sách người gửi tiền, đặc biệt trong trường hợp số lượng người gửi tiền lớn, hồ sơ phức tạp. Tiếp thu ý

kiến đại biểu, dự thảo Luật điều chỉnh theo hướng: *Trong thời hạn tối đa 45 ngày kể từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm, tổ chức bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi.*

(iv) Về ý kiến đề nghị NHNN, đặc biệt là BHTG, cần tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chi trả cũng như trong các hoạt động nói chung, để bảo đảm hoạt động được thông suốt; cần chú ý đến các rủi ro liên quan đến đánh chiếm các dữ liệu cá nhân: Chính phủ xin tiếp thu ý kiến của đại biểu. Hiện nay các quy định tại dự thảo Luật được rà soát để đảm bảo có đủ cơ sở cho việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của tổ chức BHTG, ví dụ trong hoạt động chi trả, dự thảo đã sửa quy định từ “giấy tờ” thành “tài liệu, dữ liệu” khách hàng phải xuất trình để được chi trả... Quá trình triển khai thực hiện, Chính phủ, NHNN tiếp tục chỉ đạo tổ chức BHTG đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động chi trả cũng như các hoạt động nói chung.

7.14. Có ý kiến đề nghị giao Chính phủ quy định thủ tục trả tiền bảo hiểm, giấy tờ, thời gian, không quy định trong luật, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, tiếp tục cắt giảm thủ tục hành chính (1 ý kiến). Có ý kiến phản ánh việc người dân rút tiền gửi của người thân đã mất tại các ngân hàng hiện còn gặp nhiều khó khăn, thủ tục hành chính rườm rà. Do đó, kiến nghị NHNN xem xét, giảm bớt thủ tục, yêu cầu các ngân hàng thường xuyên thông báo để gia đình người gửi biết và nhận lại tiền kịp thời, bảo đảm quyền lợi chính đáng của người dân (1 ý kiến).

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

Quy định về thủ tục trả tiền bảo hiểm được xây dựng trên cơ sở kế thừa những nội dung tại Luật hiện hành. Đây là nội dung quan trọng để đảm bảo tính kịp thời trong việc chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền nên cần được quy định ổn định tại Luật.

Về nội dung phản ánh việc người dân rút tiền gửi của người thân đã mất tại các ngân hàng hiện còn gặp nhiều khó khăn, thủ tục hành chính rườm rà, nội dung này không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật. Ngoài ra, Chính phủ cũng xin báo cáo làm rõ như sau, đối với thông tin về tiền gửi của cá nhân là thông tin khách hàng TCTD có trách nhiệm bảo mật không được cung cấp cho bên thứ ba nếu không được sự đồng ý của khách hàng hoặc theo quy định của pháp luật. Trường hợp người thân của người gửi tiền đã mất xuất trình giấy tờ chứng minh quyền hợp pháp của mình đối với tiền gửi của người gửi tiền theo quy định pháp luật liên quan, TCTD sẽ thực hiện các thủ tục để rút tiền theo đúng quy định.

7.15. Về công khai việc trả tiền bảo hiểm tại khoản 3 Điều 24, có ý kiến cho rằng việc công khai còn hạn chế, chưa đảm bảo mức độ công khai, chưa có sự thay đổi phù hợp thích ứng với sự phát triển của công nghệ thông tin, đề nghị nghiên cứu khoản 1 Điều 18 của Luật Tiếp cận thông tin để bổ sung các hình thức

công khai thông tin phù hợp, tạo điều kiện để người gửi tiền có thể tiếp cận thông tin nhanh chóng, đầy đủ và chính xác hơn (2 ý kiến), đặc biệt là hình thức công khai trên môi trường mạng để tạo điều kiện cho người gửi tiền có thể tiếp cận với thông tin nhanh, đầy đủ và chính xác nhất (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị bổ sung việc đăng công khai trên trang điện tử của tổ chức tham gia BHTG cũng như tăng cường trên các phương tiện truyền thông đại chúng, nghiên cứu các hình thức phù hợp như hình thức chi trả điện tử, trực tuyến để người gửi tiền có thể tiếp cận nhanh đến các thông tin có liên quan, đảm bảo quyền lợi của người gửi tiền tại vùng sâu, vùng xa (2 ý kiến). Có ý kiến cho rằng việc ứng dụng công nghệ và minh bạch trong chi trả bảo hiểm, đề nghị xây dựng cơ sở dữ liệu chung của NHNN và BHTG, sớm kết nối dữ liệu trực tiếp giữa NHNN, BHTG và các TCTD để nâng cao cảnh báo sớm và rút ngắn thời gian chi trả, công khai thông tin trên môi trường mạng giúp người dân dễ tra cứu, minh bạch và giảm khiếu nại (2 ý kiến). Có ý kiến cho rằng vẫn chưa có quy định rõ ràng về quyền được lựa chọn phương thức nhận tiền bảo hiểm và quyền được thông báo chi tiết về tình hình tài chính của tổ chức tham gia BHTG, đề nghị rà soát, bổ sung một khoản quy định tại Điều 24: *“Tổ chức BHTG phải thông báo trực tiếp hoặc thông báo bằng hình thức điện tử”* để đảm bảo quyền lợi của người gửi tiền (1 ý kiến).

Ý kiến tiếp thu của Chính phủ:

Tiếp thu ý kiến Đại biểu Quốc hội, khoản 3 Điều 24 dự thảo Luật điều chỉnh theo hướng: *“3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều này, tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải có phương án trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi; thông báo công khai về địa điểm, thời gian, phương thức trả tiền bảo hiểm trên ba số liên tiếp của một tờ báo trung ương, một tờ báo địa phương nơi đặt trụ sở chính, các chi nhánh của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, và trên một báo điện tử của Việt Nam, trang thông tin điện tử của tổ chức bảo hiểm tiền gửi và các hình thức khác do tổ chức bảo hiểm tiền gửi quyết định”*. Việc giao tổ chức BHTG quyết định các hình thức công khai khác ngoài các hình thức công khai bắt buộc vừa tạo cơ sở để tổ chức BHTG lựa chọn quyết định thêm các hình thức công khai phù hợp, vừa đảm bảo phù hợp với các hình thức công khai mới phát sinh trong thực tiễn.

Về đề nghị xây dựng cơ sở dữ liệu chung của NHNN và tổ chức BHTG, sớm kết nối dữ liệu trực tiếp giữa NHNN, tổ chức BHTG và các TCTD để nâng cao cảnh báo sớm và rút ngắn thời gian chi trả, công khai thông tin trên môi trường mạng giúp người dân dễ tra cứu, minh bạch và giảm khiếu nại: Tại dự thảo Luật đã quy định về việc tổ chức BHTG báo cáo, cung cấp thông tin cho NHNN, quyền, nghĩa vụ của tổ chức BHTG yêu cầu tổ chức tham gia BHTG cung cấp thông tin, việc tổ chức BHTG tiếp cận thông tin từ NHNN. Bên cạnh đó, trên cơ sở tiếp thu ý kiến Đại biểu Quốc hội, dự thảo Luật bổ sung khoản 3 vào Điều 33 dự thảo Luật như sau: *“NHNN quy định về việc cung cấp thông tin về tiền gửi của khách hàng*

tại tổ chức tham gia BHTG cho tổ chức BHTG”. Quá trình triển khai các quy định này NHNN sẽ chỉ đạo BHTGVN xây dựng hệ thống thông tin báo cáo, cơ sở dữ liệu để phục vụ cho hoạt động BHTG nói riêng và hoạt động quản lý nhà nước nói chung.

7.16. Về xử lý số tiền vượt hạn mức trả tiền bảo hiểm (Điều 25), có ý kiến cho rằng quy định về cách xử lý đối với phần tiền gửi vượt hạn mức chưa rõ ràng, chưa quy định được cụ thể cách xử lý, cần đối chiếu với Luật Phá sản. Theo đó, khoản vượt hạn mức này được xếp ưu tiên sau chi phí phá sản và các khoản nợ về lương, bảo hiểm xã hội, y tế. Do đó, cần quy định rõ và thống nhất nội dung này trong dự thảo Luật, bảo đảm đồng bộ với Điều 72 Luật Phá sản (1 ý kiến).

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Về xử lý số tiền vượt hạn mức, Điều 25 dự thảo Luật quy định: Số tiền gửi của người được bảo hiểm tiền gửi bao gồm tiền gốc và tiền lãi vượt hạn mức trả tiền bảo hiểm sẽ được giải quyết trong quá trình xử lý tài sản của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật. Việc xử lý tài sản của tổ chức tham gia BHTG thực hiện theo pháp luật về phá sản, bao gồm cả quy định về thứ tự ưu tiên thanh toán, dự thảo Luật không điều chỉnh nội dung này mà thực hiện theo Luật phá sản. Quy định này được kế thừa từ Luật BHTG 2012 và không mâu thuẫn với pháp luật phá sản.

7.17. Về quy định thu hồi tiền bảo hiểm phải trừ, phải trả khi tham gia BHTG (khoản 2 Điều 26), có ý kiến cho rằng cần quy định đồng bộ với Luật Phá sản (1 ý kiến).

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Điểm c khoản 1 Điều 101 Luật Phá sản năm 2014 (đã sửa đổi, bổ sung) quy định thứ tự phân chia tài sản, theo đó khoản tiền tổ chức BHTG phải trả cho người gửi tiền tại TCTD phá sản có cùng thứ tự phân chia với khoản tiền gửi của khách hàng. Do đó, quy định tại khoản 2 Điều 26 dự thảo Luật về việc “*Tổ chức bảo hiểm tiền gửi được phân chia giá trị tài sản theo thứ tự như người gửi tiền và thu hồi số tiền bảo hiểm phải trả trong quá trình xử lý tài sản của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật*” là đồng bộ với quy định tại Luật Phá sản.

8. Về tổ chức BHTG (Chương IV)

8.1. Về tổ chức BHTG (Điều 27) có ý kiến ủng hộ quy định BHTG Việt Nam là tổ chức tài chính nhà nước do Thủ tướng Chính phủ thành lập, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, tự chủ tài chính và tự bù đắp chi phí. Việc quy định khung pháp lý về cơ chế tự chủ, mô hình hoạt động trong luật là phù hợp, đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết các vấn đề cụ thể. Quy định này kế thừa mô hình hoạt động ổn định từ năm 1999 đến nay, phù hợp với bản chất của BHTG là bảo vệ người gửi tiền, đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng, mô hình phi lợi nhuận thông

nhất với thông lệ quốc tế (1 ý kiến). Có ý kiến cho rằng việc quy định tổ chức BHTG do tổ chức tài chính nhà nước và Thủ tướng Chính phủ thành lập là phù hợp, thống nhất để Thủ tướng Chính phủ quyết định căn cứ tình hình cụ thể. Tuy nhiên, dự thảo Luật quy định tổ chức này là công ty TNHH 100% là chưa phù hợp, cần rà soát lại để tránh mâu thuẫn, vì nếu Thủ tướng Chính phủ quyết định mô hình khác thì sẽ khó thực hiện. Do đó, đề nghị thống nhất quy định theo hướng đây là tổ chức tài chính nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định, còn mô hình cụ thể do Thủ tướng Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội (1 ý kiến). Có ý kiến đề xuất tổ chức BHTG theo mô hình doanh nghiệp dưới dạng công ty TNHH một thành viên hoặc đa thành viên, học tập mô hình một số nước để hướng tới quản trị hiện đại, minh bạch, hạch toán có chi phí và lợi nhuận tích lũy hàng năm, tốt hơn cho người dân và khách hàng nộp phí (1 ý kiến). Có ý kiến băn khoăn, cho rằng quy định “*không vì lợi nhuận nhưng được tự chủ tài chính và tự bù đắp chi phí*” tại khoản 2 Điều 27 là chưa rõ ràng. Nếu đã “*không vì lợi nhuận*” thì nguồn tiền Nhà nước giao chỉ nên được gửi ngân hàng và sử dụng lãi để bù đắp chi phí, không nên đầu tư sinh lợi. Vì vậy, cần rà soát lại các quy định để bảo đảm chặt chẽ và thống nhất (1 ý kiến).

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

Dự thảo Luật đã tiếp thu ý kiến của Đại biểu Quốc hội, bỏ nội dung tổ chức BHTG hoạt động theo mô hình công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ và bổ sung quy định cụ thể về cơ cấu tổ chức BHTG và giao Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động, chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của tổ chức bảo hiểm tiền gửi phù hợp với tính chất hoạt động của tổ chức bảo hiểm tiền gửi. Các quy định được bổ sung tại dự thảo Luật đảm bảo cơ sở pháp lý để tổ chức BHTG hoạt động phù hợp với tính chất, mục tiêu hoạt động của tổ chức này.

Về ý kiến đề xuất tổ chức BHTG theo mô hình doanh nghiệp dưới dạng công ty TNHH một thành viên hoặc hai thành viên, học tập mô hình một số nước để hướng tới quản trị hiện đại, minh bạch, hạch toán có chi phí và lợi nhuận tích lũy hàng năm, tốt hơn cho người dân và khách hàng nộp phí, quy định “hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận” không rõ ràng, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Hiện nay theo pháp luật về doanh nghiệp, hoạt động của doanh nghiệp là hoạt động kinh doanh hướng tới mục tiêu sinh lời để mang lại lợi nhuận cho chủ sở hữu. Tại Điều 3 dự thảo Luật quy định mục đích của BHTG nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống các TCTD, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng. Với mục đích nêu trên, mô hình hoạt động của tổ chức BHTG được xây dựng phù hợp: là tổ chức tài chính nhà nước, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận. Việc quy định tổ chức BHTG hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm nhấn mạnh

các mục tiêu hoạt động phải hướng tới thực hiện các mục đích BHTG nêu tại Điều 3 dự thảo Luật. Việc cho phép tổ chức BHTG sử dụng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi để thực hiện hoạt động đầu tư giúp gia tăng nguồn cho quỹ dự phòng nghiệp vụ, tăng cường năng lực tài chính để tổ chức BHTG thực hiện tốt hơn vai trò là tổ chức bảo hiểm của người gửi tiền. Hiện nay, BHTGVN được đầu tư mua trái phiếu Chính phủ, tín phiếu NHNN và gửi tiền tại NHNN. Qua tổng kết, để gia tăng quỹ dự phòng nghiệp vụ thì việc mở rộng hoạt động đầu tư có kiểm soát, quản lý của BHTG là cần thiết và cũng nhằm tăng năng lực tài chính của BHTG để bảo vệ tốt hơn quyền lợi người gửi tiền.

Ngoài ra, với mục tiêu nâng cao vai trò của tổ chức BHTG để tổ chức BHTG thực hiện tốt hơn các nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi người gửi tiền, góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống các TCTD, dự thảo Luật đã bổ sung các chính sách nhằm tăng năng lực tài chính của tổ chức BHTG như sửa đổi, bổ sung quy định về vốn hoạt động của tổ chức BHTG,...

8.2. *Về nguồn vốn hoạt động* (Điều 28), có ý kiến nêu quan ngại về việc có quá nhiều các nguồn quỹ/vốn cho BHTG, cảnh báo rủi ro có thể phát sinh nếu không quy định chặt chẽ (1 ý kiến). Có ý kiến đặt vấn đề về sự mâu thuẫn giữa tính phi lợi nhuận và hoạt động đầu tư tạo lợi nhuận của tổ chức BHTG. Đề nghị rà soát với các nguyên tắc, điều kiện thực hiện hoạt động BHTG tại Điều 5 để quy định chặt chẽ hơn (1 ý kiến). Có ý kiến cho rằng nội dung của Điều 28 đã quy định danh mục và mục đích của các quỹ thuộc nguồn vốn hoạt động của tổ chức BHTG, tuy nhiên, chưa có quy định cụ thể hoặc nguyên tắc về cơ chế trích lập, bổ sung, sử dụng và giám sát các quỹ này. Việc để trống cơ chế trích lập có thể dẫn đến việc thiếu thống nhất và minh bạch trong quản lý tài chính của tổ chức BHTG; phụ thuộc quá mức vào hướng dẫn của Bộ Tài chính, làm giảm tính tự chủ và độc lập tài chính của tổ chức này; gây khó khăn trong đánh giá, kiểm soát quy mô và an toàn quỹ, đặc biệt trong các giai đoạn hệ thống ngân hàng có biến động. Để nâng cao khả năng kiểm soát rủi ro, tăng tính tự chủ tài chính của tổ chức BHTG, đề nghị nghiên cứu, bổ sung quy định: “7. Việc trích lập, bổ sung và sử dụng các quỹ quy định tại Điều này phải bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, bảo toàn vốn và duy trì khả năng chi trả của tổ chức BHTG. Chính phủ quy định cụ thể tỷ lệ và trình tự trích lập các quỹ.” (1 ý kiến).

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Quy định về các quỹ tại dự thảo Luật kế thừa quy định hiện hành về chế độ tài chính của tổ chức BHTG, không phát sinh quỹ mới. Các quỹ này về cơ bản cũng tương đồng với các quỹ tại doanh nghiệp nhà nước (trừ quỹ dự phòng nghiệp vụ dùng để chi trả tiền gửi cho người gửi tiền và xử lý TCTD yếu kém) và được quy định cụ thể nội dung, phạm vi hoạt động tại dự thảo Luật, đảm bảo minh bạch trong việc trích lập và sử dụng các quỹ.

Về ý kiến liên quan đến sự mâu thuẫn giữa tính phi lợi nhuận và hoạt động đầu tư tạo lợi nhuận của tổ chức BHTG, Chính phủ xin giải trình như sau: Tại Điều 3 dự thảo Luật quy định mục đích của BHTG nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống các TCTD, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng. Với mục đích nêu trên, mô hình hoạt động của tổ chức BHTG được xây dựng phù hợp: là tổ chức tài chính nhà nước, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận. Việc quy định tổ chức BHTG hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm nhấn mạnh các mục tiêu hoạt động của tổ chức này phải hướng tới thực hiện các mục đích BHTG nêu tại Điều 3 dự thảo Luật. Ngoài ra, với mục tiêu nâng cao vai trò của tổ chức BHTG để tổ chức BHTG thực hiện tốt hơn các nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi người gửi tiền, góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống các TCTD, dự thảo Luật đã bổ sung các chính sách nhằm tăng năng lực tài chính của tổ chức BHTG như gia tăng hiệu quả đầu tư để qua đó gia tăng quỹ dự phòng nghiệp vụ. Cụ thể, nguồn thu từ hoạt động đầu tư của tổ chức BHTG sau khi trừ đi chi phí hoạt động, phần chênh lệch thu chi được trích lập vào các quỹ (quỹ đầu tư phát triển của tổ chức bảo hiểm tiền gửi; quỹ dự phòng tài chính; quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động và quỹ thưởng cho người quản lý), toàn bộ số tiền còn lại trích lập vào quỹ dự phòng nghiệp vụ. Như vậy, lợi nhuận thu được từ hoạt động đầu tư được quay trở lại sử dụng cho việc vận hành, duy trì và đảm bảo các hoạt động của tổ chức BHTG, qua đó thực hiện tốt hơn mục tiêu bảo vệ quyền lợi người gửi tiền, an toàn hệ thống. Theo đó không có sự mâu thuẫn trong việc gia tăng hiệu quả hoạt động đầu tư với mục tiêu hoạt động của tổ chức BHTG.

Về việc trích lập các quỹ, dự thảo Luật đã quy định tại điểm d khoản 4 Điều 30 giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể tỷ lệ trích lập vào các quỹ, bảo đảm phù hợp với tính chất và hoạt động của tổ chức BHTG. Bên cạnh đó, dự thảo Luật chỉ quy định khung và nguyên tắc chung, trong đó khẳng định quỹ dự phòng nghiệp vụ giữ vai trò then chốt, toàn bộ phần chênh lệch thu – chi còn lại sau khi trích lập vào các quỹ theo quy định sẽ được bổ sung cho Quỹ này để tăng cường năng lực chi trả, bảo vệ quyền lợi người gửi tiền.

8.3. Về hoạt động đầu tư (Điều 29), có ý kiến đề nghị làm rõ lý do đề xuất việc mở rộng danh mục đầu tư, việc bảo đảm an toàn của Quỹ BHTG và an toàn hệ thống các TCTD khi mở rộng danh mục đầu tư (2 ý kiến). Có ý kiến đồng tình với việc cho phép sử dụng quỹ đầu tư phát triển từ chênh lệch thu chi của BHTG để thực hiện đầu tư sinh lời, tăng nguồn lực tài chính, nâng cao năng lực hỗ trợ xử lý các TCTD gặp khó khăn (1 ý kiến). Có ý kiến đồng tình với việc mở rộng danh mục đầu tư cho BHTG Việt Nam, đánh giá đây là thay đổi rất tích cực do quy định này phù hợp với chiến lược phát triển BHTG theo Quyết định 1660/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; bảo đảm an toàn, thận trọng khi loại trừ các TCTD bị kiểm soát đặc biệt và giao NHNN kiểm soát rủi ro; đáp ứng yêu cầu tăng cường năng

lực tài chính của BHTG Việt Nam trong bối cảnh tỷ lệ quỹ thấp và lãi suất trái phiếu Chính phủ giảm, cần đẩy nhanh tích lũy quỹ an toàn và phù hợp thông lệ quốc tế, bảo đảm nguyên tắc đầu tư an toàn, thanh khoản, sinh lời, cho phép gửi tiền tại tổ chức tài chính lành mạnh. Ngoài ra, đây cũng là những phương thức đã được quy định cho hoạt động đầu tư của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, quy định về sử dụng vốn quỹ nhà nước tạm thời nhàn rỗi tại Nghị định 14/2025/NĐ-CP năm 2005 của Chính phủ và các hình thức này đều được kiểm soát (3 ý kiến), tuy nhiên đề nghị bổ sung nguyên tắc kiểm soát, trong đó quy định rõ trách nhiệm của Thống đốc NHNN, nguyên tắc về hạn mức đầu tư tối đa đối với từng nhóm TCTD và hạn mức thanh khoản tối thiểu quỹ BHTG phải duy trì (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị rà soát kỹ việc mở rộng đầu tư của BHTG, phải xem xét tránh rủi ro và bảo đảm minh bạch, rà soát và phân loại người chịu trách nhiệm (1 ý kiến) Có ý kiến đề nghị: (i) chỉ cho phép BHTG đầu tư vào các ngân hàng thương mại có xếp hạng tín dụng cao và đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu không thuộc diện kiểm soát đặc biệt; (ii) thẩm quyền phê duyệt danh mục cơ cấu và hạn mức đầu tư cần giao cho Chính phủ quyết định, BHTG chỉ được thực hiện trong phạm vi được duyệt; (iii) bổ sung chỉ tiêu an toàn cụ thể như tỷ lệ đầu tư rủi ro không vượt quá tỷ lệ nhất định nào đó, đồng thời thiết lập cơ chế kiểm toán độc lập; (iv) làm rõ phạm vi nguồn vốn được sử dụng cho hoạt động đầu tư, chỉ được sử dụng quỹ dự phòng và quỹ đầu tư phát triển, không sử dụng quỹ chi trả BHTG; (v) xác định rõ nội hàm của hoạt động đầu tư khác, hoạt động đầu tư khác là các hình thức đầu tư tài chính được Chính phủ cho phép và đảm bảo nguyên tắc an toàn vốn và tính thanh khoản cao; (vi) Thống đốc NHNN cần ban hành hạn mức đầu tư tối đa cho từng nhóm TCTD và quy định tỷ lệ thanh khoản tối thiểu Quỹ BHTG phải duy trì; (vii) quy định về mặt nguyên tắc phân bổ nguồn vốn đầu tư theo hướng ưu tiên tuyệt đối an toàn hệ thống cỡ khoảng 80-85% danh mục đầu tư vào công cụ an toàn. Ví dụ như trái phiếu Chính phủ, tín phiếu của NHNN, tiền gửi của NHNN và phần còn lại cho danh mục sinh lợi có kiểm soát (1 ý kiến). Có ý kiến cho rằng việc mở rộng đầu tư thêm việc mua, bán trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi do các ngân hàng thương mại có vốn nhà nước trên 50% vốn điều lệ phát hành là phân biệt đối xử và đầy rủi ro. Do đó, đề nghị không nên và thậm chí cấm BHTG đi đầu tư kinh doanh những lĩnh vực có rủi ro (1 ý kiến). Có ý kiến tán thành với quy định về trách nhiệm của Thống đốc NHNN trong việc quy định kiểm soát được phương thức đầu tư, cơ chế kiểm soát rủi ro tại khoản 3 Điều 29 (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị phải có giới hạn danh mục đầu tư, chỉ trong phạm vi tài sản có độ an toàn cao; quy định rõ cơ chế kiểm soát rủi ro, thẩm quyền phê duyệt đầu tư; có trách nhiệm của NHNN trong việc giám sát; có nghĩa vụ báo cáo định kỳ cơ quan có thẩm quyền như Chính phủ, Ủy ban Kinh tế Tài chính của Quốc hội để có sự theo dõi về hiệu quả và mức độ an toàn trong hoạt động đầu tư của tổ chức BHTG (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị NHNN cần kịp thời ban hành văn bản chi tiết về quản

lý rủi ro và phương thức đầu tư, đồng thời cần làm rõ quyền tự chủ của tổ chức BHTG trong việc quyết định mức đầu tư phải được thực hiện trong khuôn khổ chặt chẽ do Thống đốc NHNN ban hành (1 ý kiến).

Một số ý kiến cho rằng việc chỉ cho phép gửi tiền vào các ngân hàng thương mại có vốn nhà nước hoặc doanh nghiệp có vốn nhà nước trên 50% vốn điều lệ tại điểm c khoản 1 Điều 29 dự thảo Luật nhằm mục tiêu là tăng lãi suất đầu tư, giúp tổ chức BHTG tăng nguồn thu. Tuy nhiên, quy định này tạo sự phân biệt doanh nghiệp tư nhân và các hình thức doanh nghiệp khác, mâu thuẫn với tinh thần Nghị quyết 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân, hướng tới xóa bỏ mọi phân biệt giữa các thành phần kinh tế, vi phạm nguyên tắc cạnh tranh của Luật Cạnh tranh. Việc chỉ ưu tiên ngân hàng có vốn nhà nước tạo sự bất bình đẳng, đi ngược chủ trương của Đảng và Nhà nước. Do đó, đề nghị cần xem xét, cân nhắc sửa đổi quy định này để có sự tham gia của cả TCTD tư nhân và TCTD có cổ phần của Nhà nước để bảo đảm đúng tinh thần Nghị quyết 68-NQ/TW, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các thành phần kinh tế (4 ý kiến).

Có ý kiến đề xuất điều chỉnh nội dung tại điểm c khoản 1 Điều 29 tương tự như quy định tại Nghị định 212/2025/NĐ-CP về đầu tư Quỹ bảo hiểm xã hội để thống nhất thực thi, cụ thể là cho phép đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng thương mại cổ phần có vốn nhà nước trên 50% vốn điều lệ nhưng không thực hiện đầu tư tại các ngân hàng thương mại đang được kiểm soát đặc biệt (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị cân nhắc việc cho phép BHTG đầu tư vào trái phiếu các ngân hàng thương mại. Theo kinh nghiệm quốc tế, kiến nghị cần đặt giới hạn chặt về các kênh đầu tư nhằm bảo đảm an toàn và bảo vệ quyền lợi người gửi tiền; lưu ý quy định "*các hoạt động đầu tư khác*" theo Chính phủ là quá mở, nên có giới hạn (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị có quy chế giám sát đặc biệt với hoạt động đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức BHTG (1 ý kiến), đề nghị quy định rõ trách nhiệm báo cáo công khai hoạt động đầu tư của tổ chức BHTG hằng năm để bảo đảm trách nhiệm giải trình và bảo vệ an toàn tối đa cho tiền gửi của người dân (2 ý kiến) và Chính phủ phải có cơ chế kiểm soát rủi ro chặt chẽ thời hạn gửi tiền và mức giới hạn cụ thể để có thể linh hoạt trong các trường hợp khẩn cấp, bảo đảm hài hòa giữa mục tiêu sinh lời và nguyên tắc an toàn tuyệt đối của BHTG (1 ý kiến).

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Hiện nay, 100% nguồn phí BHTG thu được chuyển vào quỹ dự phòng nghiệp vụ - là quỹ dùng để chi trả tiền gửi cho người gửi tiền, đảm bảo an toàn hệ thống TCTD. Ngoài ra, nguồn thu từ hoạt động đầu tư của tổ chức BHTG sau khi trừ đi chi phí hoạt động và trích lập các quỹ, toàn bộ số tiền còn lại chuyển vào quỹ dự phòng nghiệp vụ để gia tăng quỹ. Như vậy, việc cho phép tổ chức BHTG sử dụng

nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi để thực hiện hoạt động đầu tư giúp gia tăng nguồn cho quỹ dự phòng nghiệp vụ, tăng cường năng lực tài chính để tổ chức BHTG thực hiện tốt hơn vai trò là tổ chức bảo hiểm của người gửi tiền.

Theo quy định của Luật BHTG 2012 (Điều 31), BHTGVN được sử dụng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi để mua trái phiếu Chính phủ, tín phiếu NHNN và gửi tiền tại NHNN. Trong quá trình tổng kết thi hành Luật và xây dựng chính sách Luật, Chính phủ đã nhận diện được những hạn chế trong việc tiếp tục áp dụng quy định hiện hành về hoạt động đầu tư của tổ chức BHTG và sự cần thiết mở rộng danh mục đầu tư của BHTGVN đáp ứng mục tiêu gia tăng nguồn thu hợp lý giúp quỹ dự phòng nghiệp vụ tăng trưởng tốt hơn trong tương lai, nhằm có nguồn thu để chi trả tiền gửi cho người gửi tiền.

Việc mở rộng danh mục đầu tư của BHTGVN phù hợp với chỉ đạo tại Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 30/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển bảo hiểm tiền gửi đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, trong đó đặt ra nhiệm vụ, giải pháp tăng cường năng lực tài chính thông qua việc cho phép tổ chức bảo hiểm tiền gửi đa dạng hóa hình thức và danh mục đầu tư. Quá trình xây dựng chính sách Luật BHTG, Cơ quan chủ trì soạn thảo đã thực hiện đánh giá tác động đối với chính sách này, hoàn thiện quy định về chính sách đầu tư trên cơ sở tiếp thu ý kiến của các bộ, ngành liên quan. Việc mở rộng hoạt động đầu tư của tổ chức BHTG được thực hiện theo nguyên tắc thận trọng; chỉ mở rộng đối với hình thức đầu tư an toàn, mức độ rủi ro thấp (mở rộng thêm hình thức đầu tư đối với trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi, gửi tiền tại các NHTM Nhà nước và NHTM cổ phần có vốn nhà nước trên 50% vốn điều lệ). Bên cạnh đó, dự thảo Luật cũng bổ sung quy định để đảm bảo an toàn. trong hoạt động đầu tư của tổ chức BHTG như: giao Thống đốc NHNN quy định về phương thức đầu tư của tổ chức bảo hiểm tiền gửi và quy trình kiểm soát, quản lý rủi ro trong hoạt động đầu tư của tổ chức bảo hiểm tiền gửi; tổ chức bảo hiểm tiền gửi quyết định tiêu chí danh mục đầu tư, cơ cấu đầu tư, từng khoản đầu tư, phải kiểm soát, quản lý rủi ro của các khoản đầu tư.

Về nội dung chỉ cho phép gửi tiền vào các ngân hàng thương mại có vốn nhà nước hoặc doanh nghiệp có vốn nhà nước trên 50% vốn điều lệ, mục tiêu của quy định này không nhằm tạo lợi thế kinh doanh cho một nhóm tổ chức tín dụng cụ thể, mà xuất phát từ yêu cầu bảo đảm an toàn tuyệt đối đối với nguồn vốn của tổ chức bảo hiểm tiền gửi – là nguồn tài chính có tính chất công, được sử dụng để bảo vệ người gửi tiền và ổn định hệ thống tài chính – ngân hàng. Việc lựa chọn ngân hàng có vốn nhà nước chi phối để gửi tiền là biện pháp quản lý rủi ro tương tự cách thức các quỹ công, quỹ dự trữ nhà nước hoặc quỹ bảo đảm an sinh xã hội được phép gửi tiền hoặc đầu tư vào các tổ chức có mức độ an toàn cao.

Đối với ý kiến đề nghị giao Chính phủ hoặc Thống đốc NHNN quy định về cơ cấu đầu tư, hiện nay tại dự thảo Luật đã quy định rõ các hình thức đầu tư tổ chức BHTG được thực hiện, đảm bảo minh bạch, rõ ràng. BHTGVN chỉ được thực hiện các hoạt động đầu tư theo quy định tại Luật. Đối với “hình thức đầu tư khác” là quy định để có cơ sở khi thực tiễn phát sinh những hình thức, cách thức đầu tư an toàn mới, Chính phủ sẽ quy định cụ thể.

Cùng với đó, trên cơ sở nội dung được giao tại Luật, sau khi Luật được thông qua NHNN sẽ khẩn trương xây dựng văn bản hướng dẫn để đảm bảo có hiệu lực cùng thời điểm của Luật.

8.4. Về chế độ tài chính, hạch toán kế toán và kiểm toán (Điều 30), có ý kiến đề nghị kiểm soát chặt mục tiêu sử dụng quỹ dự phòng tài chính (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức trần tỷ lệ trích lập tại khoản d Điều 30 để phù hợp với thực tiễn (1 ý kiến).

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Tại dự thảo Luật quy định rõ nguồn, phạm vi sử dụng của quỹ dự phòng tài chính, theo đó quỹ này dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình hoạt động sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và dự phòng rủi ro; sử dụng cho các mục đích khác theo quy định Luật này và pháp luật liên quan. Quy định nêu trên tại dự thảo Luật cũng tương đồng với quy định áp dụng cho doanh nghiệp nhà nước. Bên cạnh đó, về việc trích lập các quỹ, hiện nay dự thảo Luật đang quy định 100% tiền phí BHTG thu được chuyển vào quỹ dự phòng nghiệp vụ. Đối với các nguồn thu khác từ hoạt động đầu tư, các nghiệp vụ của tổ chức BHTG sau khi trừ đi chi phí hoạt động, phần chênh lệch thu chi được trích lập vào các quỹ (quỹ đầu tư phát triển của tổ chức bảo hiểm tiền gửi; quỹ dự phòng tài chính; quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động và quỹ thưởng cho người quản lý), số còn lại trích lập vào quỹ dự phòng nghiệp vụ. Với quy định về trích lập các quỹ như tại dự thảo Luật hiện nay sẽ ưu tiên tích lũy cho quỹ dự phòng nghiệp vụ, đồng thời việc trích lập một phần từ chênh lệch thu chi cho quỹ dự phòng tài chính bảo đảm an toàn tài chính và tính bền vững của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

Về ý kiến đề nghị bổ sung quy định Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức trần tỷ lệ trích lập tại khoản d Điều 30 để phù hợp với thực tiễn, tiếp thu ý kiến Đại biểu, tại điểm d khoản 4 Điều 30 dự thảo Luật giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể tỷ lệ trích lập vào các quỹ, bảo đảm phù hợp với tính chất và hoạt động của tổ chức BHTG.

8.5. Về quản lý đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức BHTG (Điều 31), có ý kiến đề nghị quy định rõ về quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức BHTG, trong đó NHNN là cơ quan chủ sở hữu vốn cần được nêu rõ trong luật. Đồng thời, cần bổ

sung các nguyên tắc bảo toàn vốn nhà nước, quy định rõ quyền và trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước. Cần nghiên cứu tách vai trò giữa cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn để tránh chồng chéo, mâu thuẫn (1 ý kiến). Có ý kiến cho rằng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 31 về việc cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan quản lý nhà nước không can thiệp trực tiếp vào hoạt động đầu tư của tổ chức BHTG là chưa phù hợp bởi BHTG là tổ chức do Nhà nước thành lập và chịu sự chi phối của Nhà nước, nên hoạt động đầu tư vốn phải tuân thủ Luật Đầu tư công, chịu sự giám sát của cơ quan quản lý đầu tư công. Việc quy định “*không can thiệp trực tiếp*” có thể dẫn đến không thống nhất với điểm a khoản 1 Điều 31 và chưa bảo đảm sự đồng bộ giữa Luật BHTG và Luật Đầu tư công, cũng như các luật liên quan (1 ý kiến).

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Dự thảo Luật đã quy định đầy đủ nguyên tắc quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức BHTG, bảo đảm an toàn, hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn. Việc xác định Ngân hàng Nhà nước là cơ quan được Chính phủ giao thực hiện quyền, trách nhiệm của cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại tổ chức BHTG đã được quy định tại các văn bản hiện hành và thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Quy định này nhằm bảo đảm nguyên tắc độc lập, tự chủ trong hoạt động nghiệp vụ của tổ chức BHTG, đồng thời không loại trừ vai trò giám sát, quản lý của Nhà nước. Hoạt động đầu tư của BHTG vẫn tuân thủ pháp luật về đầu tư công, tài chính, ngân sách và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan có thẩm quyền. Do đó, quy định này không mâu thuẫn với Luật Đầu tư công và bảo đảm phân định rõ ràng giữa chức năng quản lý nhà nước và chức năng đại diện chủ sở hữu vốn.

9. Thanh tra về Bảo hiểm tiền gửi (Chương VI)

Về thanh tra về BHTG (Điều 34), có ý kiến đề nghị bổ sung, làm rõ hơn trách nhiệm quản lý nhà nước của NHNN trong trường hợp có vấn đề xảy ra, việc tổ chức đi thanh tra về báo cáo NHNN cần phải quy định rõ ràng, bên cạnh trách nhiệm thanh tra, kiểm tra đối với tổ chức BHTG (1 ý kiến). Có ý kiến cho rằng các nội dung quy định tại Điều 34 đều đã có quy định tại Luật Thanh tra và Luật NHNN, nên không cần phải nêu lại trong dự thảo Luật (1 ý kiến).

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Về hoạt động thanh tra BHTG, dự thảo Nghị định quy định chung về thẩm quyền, trách nhiệm thanh tra của NHNN, đối tượng, quyền, nghĩa vụ đối tượng thanh tra. Về trách nhiệm, quyền hạn cụ thể của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thanh tra thực hiện theo pháp luật về thanh tra, pháp luật về ngân hàng. Quy định này nhằm xác định trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước đối với hoạt động thanh tra BHTG, do đó đề nghị được giữ nguyên quy định này tại dự thảo Luật.

10. Về tham gia xử lý TCTD được can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt; tham gia xử lý sự cố, khủng hoảng trong hoạt động của TCTD (Chương VII)

10.1. Về can thiệp sớm, có ý kiến đề nghị làm rõ “can thiệp sớm”, có thể không cần ghi rõ tại dự thảo Luật nhưng phải quy định cụ thể tại Nghị định (1 ý kiến).

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Khái niệm “can thiệp sớm” đã được quy định tại khoản 3 Điều 4 Luật các TCTD. Do đó việc bổ sung khái niệm “can thiệp sớm” tại Luật này hoặc ban hành Nghị định quy định về khái niệm “can thiệp sớm” là không cần thiết.

10.2. Về cho vay đặc biệt (Điều 35), có ý kiến nhất trí bổ sung quy định về cho vay đặc biệt tại Điều 35 nhằm bảo đảm đồng bộ với Luật Các TCTD, đồng thời tạo hành lang pháp lý đầy đủ, rõ ràng hơn cho tổ chức BHTG có thể cung cấp các khoản vay đặc biệt nhưng chỉ cho các TCTD được kiểm soát đặc biệt theo quy định của pháp luật (1 ý kiến). Có ý kiến cho rằng tổ chức BHTG không nên sử dụng nguồn vốn của mình để cho vay đặc biệt đối với các ngân hàng đang gặp khó khăn vì tiềm ẩn rủi ro. Trong trường hợp cần hỗ trợ, nên để NHNN thực hiện cho vay đặc biệt với lãi suất 0% theo quy định của Luật Các TCTD (1 ý kiến).

Có ý kiến đề nghị rà soát các trường hợp tại khoản 1 Điều 35 để thống nhất với khoản 3 Điều 191 về xử lý TCTD khi bị rút tiền hàng loạt, chỉ cần quy định TCTD bị rút tiền hàng loạt sẽ giải quyết cho vay đặc biệt đối với điều này. Đề nghị bổ sung trách nhiệm của Thống đốc NHNN trong việc quyết định các trường hợp can thiệp sớm, nhằm bảo đảm ràng buộc pháp lý và tránh việc chi trả BHTG không đúng, gây bất ổn thị trường (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị cân nhắc các trường hợp BHTG cho vay đặc biệt và hạn chế trường hợp NHNN cho vay đặc biệt, phải tách bạch rành mạch, rõ ràng trong trường hợp đó. Đề nghị có sự kết hợp của cả BHTG và NHNN cho vay đặc biệt đối với các TCTD (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị quy định rõ là cho vay lãi suất 0% từ tổ chức BHTG đối với những trường hợp TCTD đang kiểm soát đặc biệt, tuy nhiên, vẫn yêu cầu phải có tài sản thế chấp (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị rà soát thống nhất với Luật Các TCTD liên quan quy định nội bộ, lãi suất và tài sản bảo đảm (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị quy định rõ giới hạn, mức lãi suất và kế hoạch thu hồi vốn vay đặc biệt cho TCTD được kiểm soát đặc biệt, tránh nguy cơ ngân hàng yếu kém ỷ lại vào hỗ trợ, kéo dài mất khả năng thanh toán và tạo rủi ro đạo đức. Đề nghị bổ sung quy định cụ thể về tỷ lệ trần sử dụng Quỹ dự phòng nghiệp vụ cho hoạt động cho vay đặc biệt; mức lãi suất cho vay đặc biệt phù hợp với nguyên tắc thị trường, có tính rủi ro nhưng vẫn bảo đảm khả năng hỗ trợ khẩn cấp; kế hoạch và thời hạn thu hồi nợ vay nhằm bảo đảm an toàn vốn và duy trì năng lực chi trả BHTG. Vì chức năng cốt lõi của tổ chức BHTG là bảo vệ quyền lợi người gửi tiền và góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống ngân hàng. Việc cho vay đặc biệt chỉ nên được coi là biện

pháp tình thế, hỗ trợ tạm thời, không phải nhiệm vụ thường xuyên. Nếu mở rộng nhiệm vụ mà không quy định giới hạn cụ thể sẽ làm biến dạng chức năng của tổ chức BHTG, dẫn đến chông chéo với chức năng tín dụng của NHNN hoặc TCTD khác. Thực tiễn cho thấy, Quỹ dự phòng nghiệp vụ chủ yếu được hình thành từ phí BHTG do các tổ chức tham gia đóng góp, là nguồn để chi trả khi xảy ra đổ vỡ ngân hàng. Việc sử dụng quỹ này để cho vay đặc biệt nếu không có cơ chế kiểm soát, giới hạn rõ ràng, sẽ làm giảm khả năng chi trả, ảnh hưởng đến niềm tin của người gửi tiền và an toàn hệ thống tài chính, ngân hàng (1 ý kiến).

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

- Về đối tượng tổ chức BHTG cho vay đặc biệt tại dự thảo Luật thống nhất với các quy định tại Điều 171⁴, Điều 182⁵, khoản 2 Điều 192⁶ Luật các TCTD. Theo đó, ngoài việc cho vay đặc biệt theo phương án phục hồi hoặc phương án chuyển giao bắt buộc (điểm a, b khoản 1 Điều 35 dự thảo Luật) đối với TCTD được kiểm soát đặc biệt, tổ chức BHTG việc cho vay đặc biệt trong trường hợp tổ chức tham gia BHTG bị rút tiền hàng loạt. Theo quy định tại Luật các TCTD, sự kiện rút tiền hàng loạt có thể xảy ra đối với TCTD chưa được can thiệp sớm, đã được can thiệp sớm hoặc đã được kiểm soát đặc biệt. Trong tình huống này, nếu chỉ giới hạn cho vay đặc biệt đối với TCTD được kiểm soát đặc biệt sẽ hạn chế sự tham gia của tổ chức BHTG trong việc ngăn chặn nguy cơ rút tiền hàng loạt để bảo vệ hệ thống và bảo vệ người gửi tiền. Tuy nhiên, dự thảo Luật hiện nay chặt chẽ hơn so với quy định tại Luật Các TCTD, quy định TCTD được can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt và bị rút tiền hàng loạt mới được vay đặc biệt của tổ chức BHTG (Luật Các TCTD quy định TCTD được vay đặc biệt của tổ chức BHTG theo pháp luật về BHTG, chưa có giới hạn được vay chỉ trong trường hợp phải được can thiệp sớm hoặc kiểm soát đặc biệt như dự thảo Luật).

- Về ý kiến tổ chức BHTG không nên sử dụng nguồn vốn của mình để cho vay đặc biệt đối với các ngân hàng đang gặp khó khăn vì tiềm ẩn rủi ro:

⁴ Điều 171. Biện pháp hỗ trợ thực hiện phương án phục hồi

1. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt là ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, công ty tài chính được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ sau đây: a) Vay đặc biệt từ Ngân hàng Nhà nước, tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tín dụng khác theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 192 của Luật này;...

⁵ Điều 182. Biện pháp hỗ trợ đối với ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc

1. Ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc được áp dụng một hoặc một số biện pháp sau đây: ... e) Vay đặc biệt từ Ngân hàng Nhà nước, tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tín dụng khác theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 192 của Luật này; g) Biện pháp khác theo thẩm quyền của Ngân hàng Nhà nước.

⁶ Điều 192. Các trường hợp được vay đặc biệt

1. Tổ chức tín dụng được vay đặc biệt từ Ngân hàng Nhà nước, tổ chức tín dụng khác trong trường hợp sau đây: a) Để chi trả tiền gửi cho người gửi tiền theo quy định tại Điều 191 của Luật này; b) Để thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc.

2. Ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô được vay đặc biệt từ tổ chức bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi.

Dự thảo Luật hiện quy định nguồn vốn của tổ chức BHTG, trong đó có nguồn từ quỹ dự phòng nghiệp vụ. Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 28 dự thảo Luật, quỹ dự phòng nghiệp vụ được sử dụng để chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi; tham gia vào quá trình can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi và các hoạt động khác theo quy định Luật này. Việc sử dụng quỹ dự phòng nghiệp vụ để chi trả trực tiếp cho người gửi tiền hoặc gián tiếp thông qua việc tham gia xử lý TCTD yếu kém (như cho vay đặc biệt...), giúp các TCTD này có khả năng phục hồi hoặc ngăn chặn nguy cơ đổ vỡ hệ thống, qua đó bảo đảm an toàn cho toàn bộ tiền gửi của người gửi tiền tại ngân hàng, phù hợp với mục tiêu BHTG tại Điều 3 dự thảo Luật *“nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống các TCTD, bảo đảm sự phát triển an toàn lành mạnh của hoạt động ngân hàng”*.

Về việc đề xuất chỉ để NHNN thực hiện cho vay đặc biệt với lãi suất 0% theo quy định tại Luật các TCTD: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, NHNN vẫn thực hiện việc cho vay đặc biệt TCTD theo quy định của Luật các TCTD và Luật NHNN. Việc quy định cho phép BHTG cho vay đặc biệt tại Luật này là nhằm gia tăng nguồn lực xử lý tổ chức tín dụng yếu kém, đảm bảo an toàn hệ thống, bảo vệ quyền lợi người gửi tiền, phù hợp với chỉ đạo của Đảng và Nhà nước đã được nêu tại Tờ trình hồ sơ Luật.

- Về việc rà soát các trường hợp tại khoản 1 Điều 35 dự thảo Luật để thống nhất với khoản 3 Điều 191 về xử lý TCTD khi bị rút tiền hàng loạt, chỉ cần quy định TCTD bị rút tiền hàng loạt sẽ giải quyết cho vay đặc biệt; đề nghị bổ sung trách nhiệm của Thống đốc NHNN trong việc quyết định các trường hợp can thiệp sớm, nhằm bảo đảm rằng buộc pháp lý và tránh việc chi trả BHTG không đúng, gây bất ổn thị trường:

Như đã báo cáo, khoản 3 Điều 191 Luật các TCTD quy định TCTD bị rút tiền hàng loạt được vay đặc biệt từ tổ chức BHTG theo quy định của pháp luật về BHTG. Như vậy mặc dù Luật các TCTD không giới hạn đối tượng được vay đặc biệt, tuy nhiên Luật quy định việc cho vay thực hiện theo pháp luật về BHTG. Do đó, quá trình xây dựng dự thảo Luật, để đảm bảo chặt chẽ hơn, dự thảo Luật quy định chỉ trường hợp TCTD được can thiệp sớm, được kiểm soát đặc biệt và bị rút tiền hàng loạt được vay đặc biệt của tổ chức BHTG. Quy định này vẫn đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất với quy định tại Luật các TCTD.

Các trường hợp NHNN xem xét, quyết định thực hiện can thiệp sớm đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã được quy định tại Luật các TCTD (khoản 1 Điều 156). Bên cạnh đó, cho vay đặc biệt chỉ là một biện pháp hỗ trợ tài chính cho tổ chức tham gia BHTG trong quá trình cơ cấu lại, không phải là hoạt động chi trả BHTG cho người gửi tiền. Biện pháp này cũng tương tự với hoạt

động cho vay đặc biệt của NHNN, TCTD khác hay những biện pháp hỗ trợ khác cho tổ chức tham gia BHTG gặp khó khăn về tài chính, giúp các tổ chức này có thể khắc phục được tình trạng về thanh khoản. Thống đốc chỉ quyết định lãi suất hoặc không lãi suất đối với khoản cho vay đặc biệt của NHNN, tổ chức BHTG quyết định đối với khoản vay của tổ chức BHTG.

- Về các trường hợp BHTG cho vay đặc biệt và hạn chế trường hợp NHNN cho vay đặc biệt, phải tách bạch rành mạch, rõ ràng trong trường hợp đó và đề nghị có sự kết hợp của cả BHTG và NHNN cho vay đặc biệt đối với các TCTD: khoản 3 Điều 35 Dự thảo Luật đã quy định tổ chức BHTG quyết định việc cho vay đặc biệt, thống nhất với quy định tại Luật các TCTD⁷. Tổ chức BHTG căn cứ vào năng lực tài chính, thực trạng của TCTD để quyết định việc cho vay đặc biệt. Việc BHTGVN cho vay đặc biệt là một trong những phương thức hỗ trợ, bằng nguồn lực của mình để góp phần đảm bảo an toàn hệ thống TCTD. NHNN với vai trò cơ quan quản lý nhà nước, đảm bảo an toàn hệ thống TCTD vẫn thực hiện việc cho vay đặc biệt TCTD theo quy định của Luật các TCTD và Luật NHNN. Với cơ sở quy định tại Luật này, Luật NHNN, Luật các TCTD, trong từng trường hợp cụ thể có thể xem xét việc cho vay đặc biệt từ tổ chức BHTG, NHNN, TCTD khác.

- Về lãi suất và tài sản bảo đảm của khoản vay đặc biệt: khoản 3 Điều 35 dự thảo Luật đã quy định tổ chức BHTG quyết định việc cho vay đặc biệt, bao gồm cả việc cho vay có hoặc không có lãi suất, có hoặc không có tài sản bảo đảm. Để triển khai quy định này, tổ chức BHTG phải xây dựng quy chế nội bộ về cho vay đặc biệt. Tổ chức BHTG căn cứ vào năng lực tài chính, thực trạng của TCTD để quyết định việc cho vay đặc biệt. Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 35 dự thảo Luật hiện cũng giao Thống đốc NHNN hướng dẫn việc cho vay đặc biệt của tổ chức BHTG (hồ sơ, trình tự, thủ tục cho vay đặc biệt,...)

- Về đề nghị bổ sung quy định cụ thể về tỷ lệ trần sử dụng quỹ dự phòng nghiệp vụ cho hoạt động cho vay đặc biệt: theo quy định tại khoản điểm b khoản 3 Điều 28 dự thảo Luật, quỹ dự phòng nghiệp vụ được sử dụng để chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi; tham gia vào quá trình can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi và các hoạt động khác theo quy định Luật này. Mục đích sử dụng quỹ dự phòng nghiệp vụ phù hợp với mục tiêu hoạt động của tổ chức BHTG. Việc sử dụng quỹ dự phòng nghiệp vụ để chi trả trực tiếp cho người gửi tiền hoặc gián tiếp thông qua việc tham gia xử lý TCTD yếu kém (như cho vay đặc biệt...), giúp các TCTD này có khả năng phục hồi hoặc ngăn chặn nguy cơ đổ vỡ hệ thống, qua đó bảo đảm an toàn cho toàn bộ tiền gửi của người gửi tiền tại ngân hàng. Việc quy định

⁷ Khoản 2 Điều 192 Luật các TCTD năm 2024 quy định “2. Ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô được vay đặc biệt từ tổ chức bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi.”

chỉ một tỷ lệ trên tổng quỹ dự phòng nghiệp vụ để cho vay đặc biệt là chưa hợp lý, có thể làm giảm hiệu quả của các biện pháp hỗ trợ từ tổ chức BHTG, không đảm bảo được mục tiêu đặt ra là đảm bảo an toàn hệ thống, bảo vệ tốt nhất quyền lợi người gửi tiền.

- Về kế hoạch và thời hạn thu hồi nợ vay nhằm bảo đảm an toàn vốn và duy trì năng lực chi trả BHTG: Nghĩa vụ hoàn trả khoản cho vay đặc biệt được quy định tại phương án tái cơ cấu của TCTD được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp TCTD phá sản, nghĩa vụ hoàn trả khoản cho vay đặc biệt của TCTD được xác định là một trong các nghĩa vụ thanh toán của TCTD và được xử lý theo Luật Phá sản, Luật các TCTD. Trường hợp thu hồi được khoản tiền thông qua thủ tục thanh lý tài sản tại giai đoạn phá sản, số tiền thu hồi được sẽ hạch toán vào quỹ dự phòng nghiệp vụ.

10.3. Về chi trả để bảo đảm an toàn hệ thống, trật tự an toàn xã hội (Điều 36), có ý kiến đề nghị sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 36 dự thảo Luật nhằm đảm bảo tính thống nhất với quy định tại khoản 2 Điều 188 Luật Các TCTD, cụ thể như sau: “2. Thời điểm phát sinh nghĩa vụ chi trả quy định tại khoản 1 Điều này được xác định khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo cho tổ chức BHTG về việc chi trả **Chính phủ phê duyệt hạn mức BHTG**” (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị quy định rõ ràng, cụ thể về trách nhiệm chi trả của tổ chức BHTG khi xảy ra ngân hàng đổ vỡ. Đề nghị tổ chức BHTG phải chịu trách nhiệm chính trong vai trò chi trả vì quỹ BHTG hiện còn rất lớn để dự phòng và có khả năng chi trả (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị Cơ quan soạn thảo nghiên cứu, rà soát, quy định rõ ràng, thống nhất và chặt chẽ về các trường hợp tổ chức BHTG được vay đặc biệt từ NHNN, rà soát quy định tại khoản 1 Điều 38 với khoản 4, khoản 1 Điều 36 và Điều 21 của dự thảo Luật (1 ý kiến).

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Về đề xuất sửa đổi khoản 2 Điều 36: Khoản 2 Điều 36 dự thảo Luật quy định thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm được xác định khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi về việc chi trả. Đây là quy định về thời điểm phát sinh nghĩa vụ chi trả (sau khi Chính phủ đã quyết định việc yêu cầu tổ chức BHTG chi trả), không phải quy định xác định về thẩm quyền quyết định hạn mức.

Về đề nghị quy định rõ ràng, cụ thể về trách nhiệm chi trả của tổ chức BHTG khi xảy ra ngân hàng đổ vỡ, tổ chức BHTG phải chịu trách nhiệm chính trong vai trò chi trả vì quỹ BHTG hiện còn rất lớn để dự phòng và có khả năng chi trả: hiện nay, Luật BHTG chỉ quy định trường hợp chi trả duy nhất là khi TCTD phá sản. Như nội dung đã báo cáo tại Báo cáo tổng kết thi hành Luật BHTG năm 2012, một trong những khó khăn liên quan đến việc chi trả bảo hiểm tiền gửi là quy định về thời điểm chi trả tiền gửi được bảo hiểm hiện nay chưa đảm bảo tính kịp thời,

chưa có cơ sở để BHTGVN thực hiện chi trả tiền gửi sớm hơn, ngay khi TCTD xảy ra sự kiện có nguy cơ gây mất an toàn hệ thống. Việc tổ chức BHTG chỉ có thể thực hiện chi trả tiền gửi sau khi TCTD đã có quyết định phá sản sẽ không đảm bảo được vai trò của BHTGVN trong việc ổn định tâm lý người gửi tiền, ngăn chặn nguy cơ đổ vỡ, bảo vệ tốt nhất quyền lợi người gửi tiền. Do đó dự thảo Luật bổ sung trường hợp chi trả sớm, tạo cơ sở để chi trả sớm hơn tiền gửi được bảo hiểm cho người gửi tiền, bao gồm: (i) NHNN có văn bản đình chỉ hoạt động nhận tiền gửi của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt và TCTD đó có lỗ lũy kế lớn hơn 100% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; (ii) NHNN có văn bản thông báo cho tổ chức BHTG về việc chi trả theo quy định tại khoản 2 Điều 36 (trường hợp chi trả để đảm bảo an toàn hệ thống, trật tự an toàn xã hội).

Về đề nghị rà soát, quy định rõ ràng, thống nhất và chặt chẽ về các trường hợp tổ chức BHTG được vay đặc biệt từ NHNN, rà soát quy định tại khoản 1 Điều 38 với khoản 4, khoản 1 Điều 36 và Điều 21 của dự thảo Luật: Tiếp thu ý kiến của Đại biểu Quốc hội, dự thảo Luật bổ sung nội dung vào khoản 1 Điều 38 theo hướng: *“Tổ chức bảo hiểm tiền gửi được vay đặc biệt với lãi suất 0%, không có tài sản bảo đảm từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong trường hợp quy định tại Điều 21 của Luật này và khi số tiền trong quỹ dự phòng nghiệp vụ không đủ để chi trả”*.

Đồng thời, Chính phủ đề xuất bổ sung nội dung giải thích “Số tiền trong quỹ dự phòng nghiệp vụ không đủ để chi trả” tại khoản 1 Điều 38 dự thảo Luật như sau: *“Số tiền trong quỹ dự phòng nghiệp vụ không đủ để chi trả được xác định khi tổ chức bảo hiểm tiền gửi đã sử dụng hết số tiền trong quỹ dự phòng nghiệp vụ mà vẫn không đủ để thực hiện nghĩa vụ chi trả. Việc bán giấy tờ có giá chưa đến hạn, rút các khoản tiền gửi chưa đến hạn phải đảm bảo nguyên tắc bảo toàn vốn trong hoạt động đầu tư”*.

10.4. Về vay đặc biệt từ NHNN Việt Nam (Điều 38), có ý kiến nhất trí việc cho phép tổ chức BHTG được vay NHNN trong trường hợp đặc biệt để hỗ trợ chi trả bảo hiểm cho người gửi tiền (1 ý kiến). Có ý kiến nhất trí với quy định này sửa đổi để phù hợp với Luật Các TCTD (1 ý kiến). Có ý kiến tán thành với quy định tại khoản 2 Điều 38, tuy nhiên, đề nghị bổ sung xác định rõ các tiêu chí về mức tăng phí, thời hạn áp dụng tăng phí, điều kiện áp dụng và thông báo công khai để đảm bảo tính minh bạch, đồng thời tạo điều kiện cho các tổ chức tham gia BHTG chủ động lập kế hoạch kinh doanh dài hạn. Ngoài ra, tại khoản 3 Điều 38, đề nghị dự thảo Luật quy định rõ trách nhiệm của Thống đốc NHNN trong việc hướng dẫn tổ chức BHTG vay đặc biệt, bao gồm các ngưỡng điều kiện tài chính cụ thể được vay đặc biệt NHNN sau khi đã sử dụng tối đa các nguồn lực khác; giới hạn mức và thời gian tăng phí để bù đắp khoản vay; thời hạn hoàn trả; và yêu cầu khoản vay đặc biệt chỉ được dùng cho chi trả tiền gửi, không phục vụ các mục tiêu can

thiệt thị trường (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị quy định thứ tự ưu tiên các nguồn hoàn trả, đặc biệt là giao cơ quan có thẩm quyền ban hành khung pháp lý chi tiết (1 ý kiến).

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

(i) Về đề nghị bổ sung xác định rõ các tiêu chí về mức tăng phí, thời hạn áp dụng tăng phí, điều kiện áp dụng và thông báo công khai: Dự thảo Luật đã quy định rõ trường hợp tăng phí, mức tăng phí (để bù đắp khoản vay đặc biệt từ NHNN) (khoản 3 Điều 19). Tổ chức BHTG được xây dựng phương án tăng phí bảo hiểm tiền gửi, trong đó sẽ phải chi tiết mức tăng, thời gian tăng đủ để bù đắp khoản vay đặc biệt và mức phí sau khi đã bù đắp xong khoản vay đặc biệt. Tiếp thu ý kiến Đại biểu, để đảm bảo rõ ràng, khoản 3 Điều 19 dự thảo Luật được điều chỉnh theo hướng: “Trường hợp tổ chức bảo hiểm tiền gửi vay đặc biệt NHNN theo quy định tại Điều 38 của Luật này, tổ chức BHTG được xây dựng phương án tăng phí bảo hiểm tiền gửi để bù đắp phần vay đặc biệt NHNN, **trong đó tối thiểu có nội dung về thời hạn tăng phí, mức tăng phí và gửi NHNN xem xét, quyết định**”.

(ii) Về đề nghị quy định rõ trách nhiệm của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước khi hướng dẫn cho vay đặc biệt: Khoản 3 Điều 38 dự thảo Luật đã quy định Thống đốc hướng dẫn việc NHNN cho tổ chức BHTG vay đặc biệt. Luật chỉ quy định những nội dung mang tính nguyên tắc chung, các quy định cụ thể sẽ do Chính phủ, bộ, ngành quy định chi tiết để đảm bảo linh hoạt, phù hợp với thực tiễn.

(iii) Về quy định thứ tự ưu tiên các nguồn hoàn trả, đặc biệt là phải giao cơ quan có thẩm quyền ban hành khung pháp lý chi tiết: Thứ tự ưu tiên hoàn trả khoản vay đặc biệt đã có quy định tại khoản 1 Điều 37 dự thảo Luật và khoản 1 Điều 194 Luật các TCTD, theo đó khoản vay đặc biệt được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính khác, kể cả các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính có tài sản bảo đảm của bên vay đặc biệt.

10.5. Về tham gia xử lý sự cố, khủng hoảng trong hoạt động của TCTD (Điều 39), có ý kiến cho rằng cần phải rà soát, bổ sung nguyên tắc tổ chức BHTG tham gia vào xử lý sự cố, xử lý các TCTD, trên cơ sở nguyên tắc đó thực hiện đúng theo Nghị quyết 66-NQ/TW, những vấn đề khác giao lại cho Thống đốc NHNN, Thủ tướng Chính phủ quy định cho từng thời kỳ để tham gia xử lý sẽ linh hoạt, phù hợp hơn (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị bổ sung thẩm quyền cho BHTG Việt Nam trong việc tái cấu trúc quỹ TDND yếu kém và quản lý sự cố, khủng hoảng trong hoạt động của các TCTD (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị giao tổ chức BHTG chủ trì xây dựng phương án tái cấu trúc, giải thể hoặc phá sản đối với Quỹ tín dụng nhân dân yếu kém, trình NHNN phê duyệt và trực tiếp tổ chức thực hiện (1 ý kiến).

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến của Đại biểu Quốc hội, Điều 39 dự thảo Luật dự kiến được chỉnh lý theo hướng: "... Chính phủ quyết định các biện pháp khác để **tổ chức BHTG** tham gia xử lý sự cố, khủng hoảng". Quy định này tạo cơ sở để Chính phủ có thể xem xét quyết định áp dụng ngay các biện pháp huy động từ nguồn lực của tổ chức BHTG để ngăn chặn kịp thời sự cố, khủng hoảng, đảm bảo an ninh, an toàn.

Việc tái cấu trúc quỹ TDND yếu kém và quản lý sự cố, khủng hoảng trong hoạt động của các TCTD: Việc xây dựng phương án cơ cấu lại TCTD được kiểm soát đặc biệt thực hiện theo quy định tại Luật Các TCTD. Để thống nhất với quy định tại Luật Các TCTD, dự thảo Luật đã bổ sung quy định tổ chức BHTG có quyền, nghĩa vụ tham gia đánh giá tính khả thi của phương án phục hồi, phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, tham gia xây dựng phương án phá sản của TCTD được kiểm soát đặc biệt theo pháp luật về TCTD (điểm a khoản 14 Điều 14).

11. Về điều khoản chuyển tiếp (Điều 40)

Có ý kiến đề nghị tiếp tục rà soát, bổ sung đầy đủ các quy định chuyển tiếp đảm bảo không để khoảng trống khi có sự thay đổi luật hiện hành so với dự thảo luật được Quốc hội xem xét thông qua (1 ý kiến).

Ý kiến tiếp thu của Chính phủ:

Chính phủ xin tiếp thu ý kiến của Đại biểu Quốc hội và đã rà soát các trường hợp chuyển tiếp tại Điều 40 dự thảo Luật (sau chỉnh lý là Điều 41), điều chỉnh nội dung điều khoản chuyển tiếp tại khoản 3 Điều 40 dự thảo Luật (sau chỉnh lý là khoản 3 Điều 41).

12. Về hiệu lực thi hành (Điều 41)

Có ý kiến đề nghị bổ sung dự kiến ngày có hiệu lực thi hành của Luật tại khoản 1 Điều 41 (1 ý kiến).

Ý kiến tiếp thu của Chính phủ:

Chính phủ xin tiếp thu ý kiến Đại biểu Quốc hội và sẽ rà soát đề xuất rõ thời điểm có hiệu lực.

13. Về các nội dung khác

13.1. Có ý kiến đề nghị bổ sung nguyên tắc chi trả nhanh chóng, kịp thời vào khoản 2 Điều 5 của dự thảo Luật (1 ý kiến).

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Tại khoản 8 Điều 14 dự thảo Luật đã có quy định nghĩa vụ của tổ chức BHTG phải thực hiện chi trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan. Theo đó tổ chức tham gia BHTG chịu trách nhiệm về việc chi trả BHTG cho người gửi tiền kịp thời, chính xác, tuân thủ thời hạn, quy trình, đối tượng chi trả... theo quy định tại Mục 4 Chương III dự

thảo Luật. Đồng thời dự thảo Luật cũng đã ghi nhận quyền của người gửi tiền được nhận tiền bảo hiểm đầy đủ và đúng thời hạn theo quy định của Luật BHTG (khoản 2 Điều 12).

13.2. Có ý kiến cho rằng nội dung tại Điều 7 dự thảo Luật chỉ đề cập "*có chính sách*", không cụ thể về nội dung chính sách dẫn đến chưa phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Do đó, đề nghị nghiên cứu, bổ sung các quy định cụ thể về chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực BHTG (1 ý kiến). Có ý kiến đề nghị xem xét một là bổ sung thêm chữ "*an toàn*", thành "*an toàn, bảo toàn phát triển*" hoặc thay thế chữ "*bảo toàn phát triển*" bằng chữ "*an toàn phát triển*" tại khoản 2 Điều 7 và khoản 7 Điều 14 (1 ý kiến).

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Về ý kiến cho rằng nội dung tại Điều 7 không cụ thể nội dung chính sách dẫn đến chưa phù hợp với khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật: Theo chủ trương về xây dựng pháp luật, hoàn thiện thể chế, Luật chỉ quy định những nội dung mang tính nguyên tắc chung, các quy định cụ thể giao cho Chính phủ, bộ, ngành quy định chi tiết để đảm bảo linh hoạt, phù hợp với thực tiễn. Bên cạnh đó, khoản 2 Điều Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật không có quy định về nội dung này.

Về đề nghị xem xét bổ sung cụm từ tại khoản 2 Điều 7 và khoản 7 Điều 14: Tiếp thu ý kiến Đại biểu Quốc hội, dự thảo Luật dự kiến điều chỉnh cụm từ "*bảo toàn và tăng trưởng vốn*" thành "*bảo toàn vốn khi thực hiện hoạt động đầu tư và gia tăng nguồn vốn hoạt động*" tại khoản 2 Điều 7 để thống nhất với quy định tại khoản 7 Điều 14 dự thảo Luật.

13.3. Có ý kiến cho rằng hiện số lượng tài khoản cá nhân rất lớn nhưng tồn tại nhiều "tài khoản rác" trong hệ thống ngân hàng. Do đó, đề nghị các ngân hàng thương mại rà soát, làm sạch các tài khoản không hợp lệ và NHNN cần tập trung xử lý tình trạng tài khoản bị lợi dụng, mượn tên người khác để lừa đảo, gây mất an toàn trong giao dịch, đề nghị phải đánh giá xếp hạng tín nhiệm các hệ thống ngân hàng thương mại và công khai việc xếp hạng để người dân hiểu và biết được hệ thống ngân hàng nào đang hoạt động hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống ngân hàng thương mại, tránh phải xử lý các ngân hàng 0 đồng, các ngân hàng trong tình huống đặc biệt,... (1 ý kiến).

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Về các nội dung Đại biểu có ý kiến không thuộc phạm vi điều chỉnh của dự thảo Luật BHTG. Thực tiễn hiện nay các ngân hàng thương mại đang phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an trong việc rà soát, làm sạch tài khoản, xử lý các tài khoản bị lợi dụng, mượn tên người khác để lừa đảo, gây mất an toàn trong giao dịch.

Về việc xếp hạng tín nhiệm được thực hiện theo Nghị định 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về dịch vụ xếp hạng tín nhiệm, trong đó đối tượng áp dụng của Nghị định này là các tổ chức, cá nhân có nhu cầu xếp hạng tín nhiệm, tổ chức thực hiện xếp hạng tín nhiệm là các doanh nghiệp được cấp phép xếp hạng tín nhiệm, công bố thông tin kết quả xếp hạng tín nhiệm.

13.4. Có ý kiến đề nghị NHNN quan tâm xem xét vấn đề người dân hiện nay hầu như không nắm rõ mức BHTG vì cho rằng nếu ngân hàng có vấn đề thì Nhà nước sẽ đứng ra chi trả toàn bộ, mua lại ngân hàng 0 đồng để bảo đảm quyền lợi cho họ, tạo ra cạnh tranh không công bằng giữa các ngân hàng thương mại, khi một số ngân hàng có nhiều rủi ro nhưng vẫn thực hiện nâng lãi suất cao để hút tiền gửi, tiềm ẩn nhiều rủi ro và người gửi tiền cần hiểu rằng lợi nhuận cao đi kèm với rủi ro lớn đó (1 ý kiến).

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Hiện nay, Điều 22 dự thảo Luật quy định: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hạn mức trả tiền bảo hiểm trong từng thời kỳ. Theo đó Thống đốc NHNN sẽ ban hành Thông tư quy định về hạn mức trả tiền bảo hiểm. Theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quá trình xây dựng Thông tư và sau khi Thông tư được ban hành, Cơ quan chủ trì soạn thảo phải thực hiện truyền thông, đăng tải rộng rãi, qua đó người dân có thể nắm bắt được thông tin về BHTG. Bên cạnh đó, tại Điều 13, Điều 16 quy định quyền, nghĩa vụ của tổ chức tham gia BHTG phải công khai việc tham gia BHTG, qua đó đảm bảo người dân được tiếp cận đầy đủ thông tin về việc tham gia BHTG của TCTD.

13.5. Có ý kiến cho rằng ví điện tử và các hình thức thanh toán trực tuyến đang rất phổ biến và sẽ là xu hướng phát triển trong tương lai. Theo Thông tư 40/2024/TT-NHNN của NHNN, các tổ chức cung cấp dịch vụ ví điện tử phải tuân thủ quy định chặt chẽ, có phương án quản lý rủi ro. Tuy nhiên, hình thức ví điện tử chưa được đưa vào diện được bảo đảm để bảo vệ người sử dụng khi giao dịch. Do ví điện tử có tính linh hoạt cao trong chuyển tiền giữa ví và tài khoản ngân hàng, đề nghị nếu chưa xem xét đưa vào Luật BHTG thì các cơ quan quản lý cần nghiên cứu, ban hành quy định nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân vì số tiền trong ví điện tử hiện nay là rất lớn (1 ý kiến).

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Hoạt động cung ứng dịch vụ ví điện tử là hoạt động trung gian thanh toán và được điều chỉnh bởi Nghị định 52/2024/NĐ-CP về thanh toán không dùng tiền mặt, Thông tư 40/2024/TT-NHNN về hoạt động cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán (đã được sửa đổi, bổ sung). Việc cung ứng dịch vụ ví chủ yếu do các tổ chức trung gian thanh toán thực hiện và không mang tính chất trung gian tài chính như các TCTD. Do đó, tại các văn bản QPPL điều chỉnh hoạt động này đã quy định các biện pháp để bảo đảm an toàn cho nguồn tiền trên ví. Cụ thể tổ chức cung ứng

dịch vụ trung gian thanh toán cung ứng dịch vụ ví điện tử phải đảm bảo duy trì tổng số dư trên tất cả các tài khoản đảm bảo thanh toán cho dịch vụ ví điện tử mở tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không thấp hơn tổng số dư tất cả các ví điện tử đã phát hành cho khách hàng (khoản 3 Điều 6 Nghị định 52/2024/NĐ-CP). Theo đó không cần thiết phải bổ sung quy định tổ chức trung gian thanh toán phải tham gia BHTG.

13.6. Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về việc ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong hoạt động BHTG (1 ý kiến)

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

Hiện nay, tại dự thảo Luật đã được rà soát để đảm bảo các quy định khi triển khai không cản trở việc ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số vào quá trình thực hiện (ví dụ việc sửa đổi quy định từ “giấy”, “văn bản” sang “thông tin, dữ liệu, tài liệu”, mở rộng các hình thức công khai thông tin bằng phương tiện điện tử...). Quá trình triển khai thực hiện, Chính phủ, NHNN sẽ chỉ đạo BHTGVN đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các hoạt động như thu phí BHTG, kiểm tra, cung cấp thông tin, chi trả BHTG...

PHẦN II – TIẾP THU, GIẢI TRÌNH BÁO CÁO THẨM TRA CỦA ỦY BAN KINH TẾ VÀ TÀI CHÍNH CỦA QUỐC HỘI VỀ DỰ ÁN LUẬT BẢO HIỂM TIỀN GỬI (SỬA ĐỔI)

1. Về sự cần thiết ban hành Luật

Căn cứ các cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu tại Tờ trình của Chính phủ, Ủy ban KTTC tán thành sự cần thiết xây dựng Luật BHTG (sửa đổi) nhằm khắc phục các vướng mắc, bất cập trong thực tiễn, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với các luật có liên quan, nhất là Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 43/2024/QH15 và Luật số 96/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Các TCTD), góp phần nâng cao năng lực tài chính của tổ chức BHTG, bảo vệ tốt hơn quyền lợi của người gửi tiền, thúc đẩy sự tham gia của tổ chức BHTG trong quá trình cơ cấu lại các TCTD theo định hướng tại Chiến lược phát triển BHTG đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và bảo đảm an toàn hệ thống các TCTD. Việc nghiên cứu, rà soát Luật BHTG cũng là nhiệm vụ được đặt ra tại Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV.

Ý kiến tiếp thu của Chính phủ:

Chính phủ xin tiếp thu ý kiến thẩm tra.

2. Về thời gian trình, hồ sơ dự án Luật, trình tự, thủ tục xây dựng chính sách, soạn thảo Luật, ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản

- *Về thời gian trình*, ngày 14/10/2025, Chính phủ có Tờ trình số 931/TTr-CP gửi Quốc hội về dự án Luật. Như vậy, thời gian trình hồ sơ chưa đáp ứng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật).

- *Về hồ sơ dự án Luật*, Ủy ban KTTC nhận thấy hồ sơ dự án Luật cơ bản đáp ứng yêu cầu của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- *Về trình tự, thủ tục xây dựng chính sách, soạn thảo Luật*, Ủy ban KTTC nhận thấy Cơ quan chủ trì soạn thảo đã cơ bản thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục xây dựng chính sách, soạn thảo Luật theo quy định; dự án Luật đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho phép bổ sung vào Chương trình lập pháp năm 2025, trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến và thông qua tại Kỳ họp thứ 10 (tháng 10/2025)⁸.

- *Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản*, Ủy ban KTTC đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát dự thảo Luật, bảo đảm chuẩn xác, chặt chẽ về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Một số ý kiến đề nghị rà soát kết cấu dự thảo Luật⁹, bổ sung căn cứ ban hành, các dẫn chiếu điều, khoản, các nội dung kỹ thuật¹⁰, bảo đảm lô-gíc, chính xác và khoa học.

Ý kiến tiếp thu của Chính phủ:

Chính phủ xin tiếp thu ý kiến thẩm tra và xin được báo cáo làm rõ thêm một số nội dung như sau:

- *Về thời gian trình*: Việc nghiên cứu, xây dựng chính sách Luật BHTG (sửa đổi) đã được thực hiện từ sớm, ngay khi có chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền. Tuy nhiên, trong năm 2025, Quốc hội thông qua Luật Ban hành văn bản QPPL (có hiệu lực từ 01/4/2025), Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL (có hiệu lực từ ngày 01/7/2025), trong đó có nhiều quy định mới liên quan đến việc đăng ký vào Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh của Quốc hội, hồ sơ, trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Do đó NHNN phải rà soát để đảm bảo phù hợp với quy trình xây dựng luật mới tại Luật Ban hành văn bản QPPL. Dự thảo Luật BHTG (sửa đổi) được ban hành theo trình tự,

⁸ Nghị quyết số 77/2025/UBTVQH15 ngày 21/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về điều chỉnh Chương trình lập pháp năm 2025.

⁹ Chương V dự thảo Luật chỉ bao gồm 02 điều: Điều 32 và Điều 33; Chương VI dự thảo Luật chỉ bao gồm Điều 34.

¹⁰ Bổ sung Nghị quyết số 203/2025/QH15 ngày 16/6/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam vào phần căn cứ ban hành.

thủ tục thông thường (không theo trình tự, thủ tục rút gọn), quá trình xây dựng Luật, NHNN đảm bảo tuân thủ đúng, đầy đủ các yêu cầu về hồ sơ, thủ tục theo quy định, đặc biệt đối với việc lấy ý kiến rộng rãi được NHNN thực hiện cả ở bước xây dựng chính sách và xây dựng dự thảo Luật (theo quy định tại Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025, trường hợp hồ sơ luật đã xin ý kiến rộng rãi tại giai đoạn chính sách sẽ được rút gọn tại giai đoạn xây dựng dự thảo luật) để đảm bảo chất lượng hồ sơ dự án Luật BHTG. Quá trình xây dựng luật, Chính phủ đã chỉ đạo NHNN phối hợp, cung cấp, trao đổi thông tin cho cơ quan thẩm tra của Quốc hội để cơ quan sớm nắm bắt được nội dung hồ sơ dự án Luật.

Trong thời gian tới, Chính phủ sẽ chỉ đạo NHNN phối hợp chặt chẽ với các cơ quan của Quốc hội để hoàn thiện dự án Luật BHTG (sửa đổi), đảm bảo tiến độ, chất lượng trình Quốc hội.

- Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản, Chính phủ xin tiếp thu ý kiến của UBKTTC, bổ sung căn cứ ban hành dự thảo Luật. Quá trình hoàn thiện dự thảo Luật, Chính phủ sẽ chỉ đạo NHNN phối hợp chặt chẽ với cơ quan thẩm tra của Quốc hội, Bộ Tư pháp để rà soát ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật theo quy định. Về bố cục dự thảo Luật, Chính phủ xin bảo lưu thiết kế tại Chương V về hoạt động thông tin, báo cáo và Chương VI về thanh tra về BHTG do các điều tại các chương này mang nội dung riêng biệt, phù hợp phạm vi nội dung của từng chương.

3. Về sự phù hợp của dự án Luật với chủ trương, đường lối của Đảng; tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất của dự án Luật với hệ thống pháp luật; tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Tờ trình của Chính phủ nêu các chính sách quy định tại dự thảo Luật nhằm thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng liên quan đến hoàn thiện khung pháp lý trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng. Ủy ban KTTC đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, hoàn thiện dự thảo Luật, bảo đảm phù hợp với các chủ trương, quan điểm tại các nghị quyết, kết luận, quy định của cấp có thẩm quyền¹¹, đặc biệt cần thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các nghị quyết của Bộ Chính trị được ban hành gần đây, như: Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, Nghị quyết số 68-NQ/TW

¹¹ Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV; Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 của Bộ Chính trị quy định về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; Kết luận số 119-KL/TW ngày 20/1/2025 của Bộ Chính trị về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới...

ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân.

Các nội dung trong dự thảo Luật có liên quan đến quy định của Luật Các TCTD, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Kế toán... *(phân tích cụ thể tại mục 6 Báo cáo thẩm tra)*. Do đó, Ủy ban KTTC đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Luật với hệ thống pháp luật, trong đó có các luật có liên quan và các dự án luật khác cũng đang được trình Quốc hội xem xét tại Kỳ họp thứ 10 như dự án Luật Phá sản (sửa đổi). Đồng thời, cần bảo đảm các mục tiêu liên quan đến hoạt động BHTG đề ra tại Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Quyết định số 1660/QĐ-TTg ngày 30/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển BHTG đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 08/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “*Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021 - 2025*”; Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 12/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường giải pháp đảm bảo an toàn hoạt động, củng cố vững chắc hệ thống quỹ tín dụng nhân dân.

Theo Tờ trình của Chính phủ và hồ sơ dự án Luật, Việt Nam chưa ký kết bất cứ điều ước quốc tế nào điều chỉnh hoạt động BHTG, đồng thời cũng không cam kết mở cửa cho nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào hoạt động BHTG. Để bảo đảm chặt chẽ, Ủy ban KTTC đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát các quy định của dự thảo Luật, bảo đảm không trái với các điều ước quốc tế có liên quan, nhất là các nội dung về lĩnh vực ngân hàng.

Ý kiến tiếp thu của Chính phủ:

Chính phủ tiếp thu ý kiến thẩm tra của UBKTTC, Chính phủ sẽ chỉ đạo Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, hoàn thiện dự thảo Luật, bảo đảm phù hợp với các chủ trương, quan điểm tại các nghị quyết, kết luận, quy định của cấp có thẩm quyền.

Về việc đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất với hệ thống pháp luật, Chính phủ sẽ chỉ đạo Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Luật với hệ thống pháp luật, trong đó có các luật có liên quan và các dự án luật khác cũng đang được trình Quốc hội xem xét tại Kỳ họp thứ 10.

Về việc rà soát điều ước quốc tế có liên quan đến dự thảo Luật, Chính phủ sẽ chỉ đạo Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục rà soát các quy định của dự thảo Luật, bảo đảm không trái với các điều ước quốc tế có liên quan, nhất là các nội dung về lĩnh vực ngân hàng.

4. Về việc bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh; nguồn tài chính; nguồn nhân lực

Ủy ban KTTC đề nghị rà soát, phân tích rõ tác động của các chính sách được đề xuất đến hoạt động BHTG, hệ thống các TCTD và người gửi tiền; bao gồm những tác động bất lợi, tiêu cực có thể phát sinh; đồng thời, bổ sung nghiên cứu, đánh giá kỹ lưỡng hơn về các nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Luật. Dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung quy định để tổ chức BHTG đa dạng hóa hoạt động đầu tư, tham gia vào quá trình cơ cấu lại TCTD yếu kém..., do đó, đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo phân tích cụ thể tác động của các quy định này, làm rõ khả năng đáp ứng đối với các nguồn lực của tổ chức BHTG (nguồn tài chính, nhân lực, công nghệ, năng lực đầu tư và quản trị rủi ro...), các vấn đề có thể phát sinh và phương án xử lý.

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

Tại giai đoạn xây dựng chính sách Luật BHTG (sửa đổi), Cơ quan chủ trì soạn thảo đã lập Báo cáo đánh giá tác động của các chính sách xây dựng dự thảo Luật BHTG (sửa đổi), trong đó đã đánh giá tác động đối với hệ thống pháp luật, tác động về kinh tế - xã hội của từng chính sách theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Việc bổ sung, hoàn thiện các quy định để tổ chức BHTG đa dạng hóa hoạt động đầu tư, tham gia vào quá trình cơ cấu lại TCTD yếu kém là các chính sách trong 05 chính sách đã được cấp có thẩm quyền thông qua theo quy trình tại Luật Ban hành văn bản QPPL, NHNN đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu về đánh giá tác động đối với các chính sách này tại bước xây dựng chính sách và được cụ thể hóa tại Báo cáo đánh giá tác động của các chính sách xây dựng dự thảo Luật BHTG (sửa đổi).

5. Về sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính; việc phân quyền, phân cấp; việc ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; việc bảo đảm bình đẳng giới, chính sách dân tộc (nếu có)

Theo Tờ trình của Chính phủ và hồ sơ dự án Luật, Luật BHTG năm 2012 không có quy định về thủ tục hành chính của cơ quan nhà nước, dự thảo Luật BHTG (sửa đổi) không quy định thủ tục hành chính mới; không phát sinh vấn đề liên quan đến bình đẳng giới; không có nội dung liên quan trực tiếp đến việc thực hiện chính sách dân tộc và không tác động riêng đến nhóm đối tượng là đồng bào dân tộc thiểu số. Dự thảo Luật đã quy định các nội dung làm cơ sở để ứng dụng, thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hoạt động BHTG. Trong quá trình triển khai các quy định này, Ủy ban KTTC đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) tiếp tục chỉ đạo triển khai nội dung này, trong đó cần quan tâm việc ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng lực kiểm tra, giám sát, đánh giá, cảnh báo rủi ro từ sớm, từ xa của tổ chức BHTG. Đối với việc phân cấp, phân quyền tại dự thảo Luật, Ủy ban KTTC đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, bảo đảm phù hợp với chủ trương phân cấp, phân

quyền của Đảng, Nhà nước và phù hợp với thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan được phân cấp, phân quyền.

Ý kiến tiếp thu của Chính phủ:

Chính phủ xin tiếp thu ý kiến thẩm tra, sau khi Luật được thông qua, Chính phủ sẽ khẩn trương ban hành, chỉ đạo NHNN ban hành các văn bản quy định chi tiết Luật để triển khai các nội dung giao tại Luật, chỉ đạo NHNN chỉ đạo BHTGVN tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng lực kiểm tra, đánh giá, cảnh báo rủi ro từ sớm, từ xa.

Về nội dung phân cấp, phân quyền: Quá trình xây dựng dự thảo Luật, trên cơ sở chủ trương của Đảng và chỉ đạo của Chính phủ về việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị được phân cấp, phân quyền, dự thảo Luật đã phân quyền cho Chính phủ, phân cấp cho bộ, ngành hướng dẫn, thực hiện một số nội dung phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan (Chính phủ đã có báo cáo nội dung này tại Tờ trình Quốc hội). Quá trình hoàn thiện dự thảo Luật, Chính phủ sẽ chỉ đạo NHNN phối hợp chặt chẽ với cơ quan thẩm tra của Quốc hội và các cơ quan liên quan tiếp tục rà soát nội dung dự thảo Luật, bảo đảm phù hợp với chủ trương phân cấp, phân quyền của Đảng, Nhà nước và phù hợp với thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan được phân cấp, phân quyền.

6. Về các nội dung cụ thể của dự thảo Luật

6.1. Về trách nhiệm quản lý nhà nước về BHTG (Điều 8)

Ủy ban KTTC nhận thấy hoạt động BHTG không chỉ ảnh hưởng đến người gửi tiền mà còn liên quan đến sự phát triển an toàn, lành mạnh của hệ thống các TCTD và hoạt động ngân hàng, do đó cần phải được kiểm soát một cách chặt chẽ. Ủy ban KTTC đề nghị nghiên cứu quy định trách nhiệm của Kiểm toán nhà nước trong việc giám sát, đánh giá hiệu quả hoạt động và việc tuân thủ pháp luật của tổ chức BHTG.

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Luật Kiểm toán nhà nước đã có quy định đầy đủ về phạm vi, nội dung, trình tự kiểm toán, trách nhiệm của Kiểm toán nhà nước, đối tượng kiểm toán. Kiểm toán nhà nước không thực hiện chức năng quản lý nhà nước. Ngoài ra, khoản 7 Điều 30 dự thảo Luật cũng quy định: “Báo cáo tài chính hằng năm của tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải được Kiểm toán Nhà nước kiểm toán và xác nhận”. Hiện nay, Kiểm toán Nhà nước vẫn đang thực hiện việc kiểm toán tổ chức BHTG theo Luật Kiểm toán Nhà nước, Luật Bảo hiểm tiền gửi. Do đó không cần thiết bổ sung lại nội dung này tại dự thảo Luật BHTG.

6.2. Về quyền và nghĩa vụ của tổ chức BHTG (Điều 14)

6.2.1. Về tính phí BHTG, dự thảo Luật giao tổ chức tham gia BHTG tính,

nộp phí BHTG (khoản 3 Điều 13) nhằm cắt giảm thời gian và nguồn nhân lực sử dụng để tính phí BHTG. Tuy nhiên, tại khoản 6 Điều 14 dự thảo Luật cũng quy định tổ chức BHTG “*tính và thu phí BHTG*”. Đây là điểm mới so với quy định của Luật hiện hành, Ủy ban KTTC đề nghị quy định rõ tại khoản 3 Điều 13 vai trò chủ động của tổ chức tham gia BHTG trong tính toán phí BHTG phải nộp dựa trên nguồn dữ liệu của mình và quy định rõ tại khoản 6 Điều 14 vai trò kiểm tra, rà soát, đối chiếu việc tính và thu phí BHTG của tổ chức BHTG. Bên cạnh đó, trong trường hợp tổ chức tham gia BHTG tự tính phí BHTG thì cần có hướng dẫn cụ thể về phương pháp tính nhằm bảo đảm tính nhất quán, đầy đủ, chính xác, kịp thời trong kết quả tính phí BHTG.

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

Dự thảo Luật bổ sung trách nhiệm của tổ chức tham gia BHTG thực hiện tính phí BHTG. Theo đó, các tổ chức tham gia BHTG chủ động tính toán số phí BHTG dựa trên nguồn dữ liệu của chính tổ chức mình để làm cơ sở cho việc nộp phí BHTG. Bên cạnh đó, dự thảo Luật giữ nguyên quy định về trách nhiệm của tổ chức BHTG trong việc tính và thu phí BHTG, giao Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc tính và nộp phí BHTG của tổ chức tham gia BHTG. Trên cơ sở nội dung được giao, Thống đốc NHNN sẽ quy định chi tiết phương pháp, trình tự thực hiện, trách nhiệm của tổ chức tham gia BHTG và tổ chức BHTG trong quá trình nộp và thu phí BHTG.

Tiếp thu ý kiến thẩm tra, để đảm bảo rõ ràng, khoản 8 Điều 19 dự thảo Luật được chỉnh lý như sau: “8. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc tính và nộp phí bảo hiểm tiền gửi của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.”

6.2.2. Về số liệu tiền gửi và tài liệu liên quan đến BHTG của tổ chức tham gia BHTG (khoản 12 Điều 14), có ý kiến đề nghị bên cạnh việc quy định quyền và nghĩa vụ của tổ chức BHTG trong bảo đảm bí mật, cần bổ sung trách nhiệm bảo đảm an toàn số liệu tiền gửi và tài liệu liên quan đến BHTG theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân; nâng cao hiệu quả, chất lượng và độ bảo mật, an toàn trong ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý dữ liệu về BHTG.

Ý kiến tiếp thu của Chính phủ:

Việc bổ sung quy định tổ chức BHTG có nghĩa vụ bảo đảm an toàn thông tin về số liệu tiền gửi của tổ chức tham gia BHTG là không cần thiết vì số liệu tiền gửi của người gửi tiền đã được mã hóa, không có thông tin của cá nhân người gửi tiền. Bên cạnh đó, tại Luật Dữ liệu đã quy định nguyên tắc xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu bao gồm: “Thu thập, cập nhật, điều chỉnh dữ liệu chính xác, có tính kế thừa; bảo đảm tính toàn vẹn, tin cậy, an ninh, an toàn” (khoản 3 Điều 5).

6.2.3. Về quyền của tổ chức BHTG khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm hoặc có nguy cơ mất an toàn (khoản 9, khoản 11 Điều 14), có ý kiến cho rằng việc cho

phép tổ chức BHTG có cơ chế can thiệp sớm và hỗ trợ phục hồi, tham gia hỗ trợ thanh khoản cho tổ chức tham gia BHTG *khi có dấu hiệu* mất khả năng chi trả tạm thời sẽ là bước mở rộng thẩm quyền, đưa tổ chức BHTG trở thành công cụ giám sát, cảnh báo những nguy cơ, hỗ trợ ổn định hệ thống tài chính, ngân hàng, phù hợp với thực tiễn Việt Nam và tương thích với thông lệ quốc tế. Bên cạnh đó, những kiến nghị đưa ra trong quá trình kiểm tra của tổ chức BHTG chỉ mang tính khuyến nghị, không áp đặt, không bắt buộc đối với TCTD nhưng có thể mang lại lợi ích khi TCTD biết và khắc phục kịp thời những vi phạm, những nguy cơ mất an toàn của mình. Do đó, đề nghị bổ sung quy định: *“Trong hoạt động kiểm tra nếu phát hiện có dấu hiệu vi phạm hoặc có nguy cơ mất an toàn thì BHTG Việt Nam có quyền khuyến nghị, đưa ra cảnh báo đối với tổ chức tín dụng, đồng thời báo cáo NHNN để có biện pháp xử lý”*.

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Về đề xuất bổ sung quy định tổ chức BHTG có quyền khuyến nghị và đưa ra cảnh báo đối với TCTD: Trong quá trình kiểm tra, tổ chức BHTG có thể đưa ra các khuyến nghị, cảnh báo cho các TCTD tham khảo mà không cần thiết phải bổ sung quy định tại Luật.

Ngoài ra, tại dự thảo Luật hiện nay quy định tổ chức tham gia BHTG có quyền, nghĩa vụ kiến nghị NHNN xem xét, xử lý hành vi vi phạm quy định của pháp luật về BHTG (khoản 9 Điều 14). Theo đó, trường hợp quá trình kiểm tra phát hiện vi phạm, tổ chức BHTG thực hiện kiến nghị NHNN để xử lý, qua đó sẽ đảm bảo được hiệu lực, hiệu quả của các kiến nghị của BHTG.

6.2.4. *Về thực hiện kiểm tra tổ chức tham gia BHTG*, dự thảo Luật quy định tổ chức BHTG thực hiện kiểm tra tổ chức tham gia BHTG theo kế hoạch, nội dung do NHNN giao (khoản 10 Điều 14). Ủy ban KTTC nhận thấy quy định này sẽ tạo cơ sở pháp lý cho tổ chức BHTG hỗ trợ chức năng kiểm tra của NHNN, qua đó nâng cao tính tuân thủ pháp luật trong hoạt động của TCTD. Tuy nhiên, hiện nay có nhiều cơ quan được quy định chức năng thanh tra, kiểm tra, giám sát TCTD như NHNN, Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan ngang bộ¹², Ngân

¹² Điều 207 Luật Các TCTD quy định thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát như sau:

- NHNN có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Thanh tra Chính phủ thực hiện thanh tra TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật về thanh tra.

- Bộ Tài chính có trách nhiệm sau đây: a) Kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty con, công ty liên kết của TCTD theo quy định của Luật Chứng khoán và quy định khác của pháp luật có liên quan; b) Kiểm tra, giám sát hoạt động đại lý bảo hiểm của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, công ty con, công ty liên kết của TCTD theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm và quy định khác của pháp luật có liên quan;

- Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, các Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện kiểm tra, thanh tra, giám sát TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện nước ngoài theo thẩm quyền.

hàng Hợp tác xã Việt Nam¹³. Do đó, Ủy ban KTTC đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu làm rõ giá trị pháp lý của kết quả kiểm tra do tổ chức BHTG thực hiện, đồng thời tăng cường cơ chế chia sẻ thông tin, phối hợp có hiệu quả giữa các cơ quan có liên quan trong kiểm tra, thanh tra, giám sát TCTD để bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hệ thống các TCTD bảo đảm yêu cầu được đề ra trong Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân: *“Chấm dứt tình trạng thanh tra, kiểm tra chồng chéo, trùng lặp, kéo dài, không cần thiết; bảo đảm nguyên tắc chỉ thực hiện thanh tra, kiểm tra mỗi năm 1 lần đối với doanh nghiệp, trừ trường hợp có bằng chứng rõ ràng về việc doanh nghiệp vi phạm”*.

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

Về giá trị pháp lý của kết quả kiểm tra do tổ chức BHTG thực hiện: Hoạt động kiểm tra của tổ chức BHTG được thực hiện trên cơ sở NHNN giao. Do tổ chức BHTG không phải cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức BHTG thực hiện báo cáo kết quả kiểm tra cho NHNN và NHNN sẽ quyết định việc áp dụng các biện pháp xử lý trên cơ sở báo cáo và kết quả kiểm tra của tổ chức BHTG.

Khoản 10 Điều 14 dự thảo Luật quy định tổ chức BHTG thực hiện kiểm tra tổ chức tham gia BHTG trong phạm vi, giới hạn theo kế hoạch, yêu cầu của NHNN. NHNN với vai trò cơ quan quản lý sẽ xác định rõ phạm vi, giới hạn nội dung kiểm tra của tổ chức BHTG, không để trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, nội dung, phạm vi kiểm tra.

Về ý kiến đề nghị NHNN tăng cường chia sẻ thông tin với tổ chức BHTG cũng như các tổ chức trong hệ thống, trong mạng lưới an toàn tài chính, để có thể ngăn chặn các TCTD yếu kém từ sớm, từ xa và phù hợp với xu hướng cũng như thông lệ quốc tế: Dự thảo Luật đã quy định trách nhiệm của NHNN để tổ chức BHTG tiếp cận dữ liệu thông tin về tổ chức tham gia BHTG để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, trên cơ sở ý kiến thẩm tra, Chính phủ đề xuất bổ sung tại dự thảo Luật nội dung giao NHNN quy định về việc cung cấp thông tin về tiền gửi của khách hàng tại tổ chức tham gia BHTG cho tổ chức BHTG (khoản 3 Điều 33). Ngoài ra, NHNN cũng đang thực hiện việc chia sẻ thông tin theo pháp luật ngân hàng, pháp luật về TCTD, quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan (như Nghị định 278/2025/NĐ-CP quy định về kết nối và chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị...).

6.2.5. Về các hình thức hỗ trợ vốn cho tổ chức BHTG, dự thảo Luật quy định tổ chức BHTG *“Tiếp nhận hỗ trợ theo nguyên tắc có hoàn trả từ ngân sách nhà nước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc vay của TCTD, tổ chức khác có bảo lãnh của Chính phủ trong trường hợp nguồn vốn của tổ chức BHTG”*

¹³ Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 125 Luật Các TCTD, ngân hàng hợp tác xã thực hiện kiểm tra, giám sát quỹ tín dụng nhân dân.

tạm thời không đủ để trả tiền bảo hiểm; tiếp nhận các nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để tăng cường năng lực hoạt động; vay đặc biệt của NHNN theo quy định tại Luật này, Luật Các TCTD và pháp luật có liên quan” (khoản 13 Điều 14). So với Luật BHTG năm 2012, quy định “vay đặc biệt của NHNN” là nội dung mới được bổ sung để phù hợp với quy định của Luật Các TCTD¹⁴. Ủy ban KTTC nhận thấy, tương tự việc tiếp nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước hoặc vay của TCTD, tổ chức khác có bảo lãnh của Chính phủ, việc NHNN cho tổ chức BHTG vay đặc biệt có cùng mục tiêu hỗ trợ trong trường hợp số tiền trong quỹ dự phòng nghiệp vụ của tổ chức BHTG không đủ chi trả cho người gửi tiền. Để bảo đảm thuận lợi trong triển khai thực hiện, Ủy ban KTTC đề nghị phân biệt rõ các trường hợp và điều kiện tổ chức BHTG tiếp nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; vay của TCTD, tổ chức khác có bảo lãnh của Chính phủ hoặc vay đặc biệt của NHNN. Bên cạnh đó, Luật Ngân sách nhà nước năm 2025 quy định một trong những nhiệm vụ chi của ngân sách trung ương là đầu tư và hỗ trợ vốn cho các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của Trung ương (điểm b khoản 1 Điều 37). Tuy nhiên, việc tổng hợp dự toán và quyết định phân bổ ngân sách trung ương thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. Quy định như dự thảo Luật về việc tiếp nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước “theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ” có thể dẫn đến cách hiểu chưa rõ ràng, không thống nhất về mặt thẩm quyền quyết định phân bổ ngân sách. Do đó, Ủy ban KTTC đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc cách thể hiện, bảo đảm phù hợp với quy trình lập và phân bổ ngân sách nhà nước. Có ý kiến đề nghị quy định chi tiết về trình tự, thủ tục và chủ thể để giảm thời gian xử lý, tránh thủ tục hành chính rườm rà, đồng thời làm rõ nội hàm khái niệm “nguồn vốn của tổ chức BHTG tạm thời không đủ để chi trả” nhằm tạo thuận lợi cho quá trình tổ chức thực hiện.

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

(i) Về đề nghị phân biệt rõ các trường hợp và điều kiện tổ chức BHTG tiếp nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước; vay của TCTD, tổ chức khác có bảo lãnh của Chính phủ hoặc vay đặc biệt của NHNN:

Về hoạt động tiếp nhận hỗ trợ theo nguyên tắc có hoàn trả từ ngân sách nhà nước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, vay của TCTD hoặc tổ chức khác có bảo lãnh của Chính phủ trong trường hợp nguồn vốn không đủ để trả tiền bảo hiểm được kế thừa từ Luật BHTG năm 2012. Quy định nêu trên thống nhất với các quy định tại Luật Ngân sách nhà nước về chi ngân sách nhà nước, lập, phân bổ dự toán ngân sách nhà nước. Quy định này nhằm tạo cơ sở pháp lý cho tổ chức BHTG có thêm kênh huy động nguồn tài chính cần thiết để thực hiện nhiệm vụ quan trọng nhất là chi trả bảo hiểm cho người gửi tiền.

Tuy nhiên, thực tiễn cũng cho thấy việc sử dụng nguồn ngân sách cho việc

¹⁴ Khoản 2 Điều 190 Luật Các TCTD.

chi trả BHTG là rất khó triển khai trên thực tế, mà thực sự là biện pháp cuối cùng được áp dụng trong tình huống khẩn cấp, khi không còn biện pháp nào có thể sử dụng.

Dự thảo Luật bổ sung quy định về việc BHTGVN vay đặc biệt của NHNN. Đây là quy định mới được bổ sung tại dự thảo Luật trên cơ sở đồng bộ với Luật Các TCTD. Theo quy định tại dự thảo Luật, tổ chức BHTG được vay đặc biệt NHNN trong trường hợp quy định tại Điều 21 Luật này. Việc vay đặc biệt của NHNN được thực hiện trong các trường hợp cụ thể nhằm xử lý sớm các khoản tiền gửi của khách hàng tại TCTD, tạo điều kiện xử lý tài chính khi phá sản TCTD để giảm thiểu tác động tới hệ thống TCTD.

(ii) Về hoạt động tiếp nhận hỗ trợ theo nguyên tắc có hoàn trả từ ngân sách nhà nước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ: hiện nay theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước đã có quy định nội dung chi đầu tư phát triển trong đó có khoản chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của Trung ương (điểm b khoản 1 Điều 37). Tại khoản 3 Điều 4 Luật Ngân sách nhà nước cũng quy định chi đầu tư phát triển là nhiệm vụ chi của ngân sách nhà nước, gồm chi đầu tư công theo quy định của Luật Đầu tư công và nhiệm vụ chi đầu tư phát triển theo quy định của pháp luật. Như vậy, việc chi hỗ trợ theo nguyên tắc có hoàn trả từ ngân sách nhà nước là trường hợp chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật. Luật BHTG quy định việc chi hỗ trợ theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, theo đó sau khi Thủ tướng Chính phủ quyết định áp dụng biện pháp hỗ trợ nêu trên, việc tổng hợp vào dự toán sẽ thực hiện theo pháp luật về ngân sách. Quy định tại Luật BHTG vẫn đảm bảo sự thống nhất với quy trình lập và phân bổ dự toán ngân sách nhà nước.

(iii) Về đề nghị làm rõ nội hàm khái niệm “*nguồn vốn của tổ chức BHTG tạm thời không đủ để chi trả*”:

Nội dung “nguồn vốn của tổ chức BHTG tạm thời không đủ để trả tiền bảo hiểm” đã được quy định từ Luật BHTG năm 2012. Tại các quy định về chế độ tài chính của BHTG đã có quy định về việc xác định nguồn vốn của tổ chức BHTG, việc sử dụng các nguồn vốn để thực hiện chi trả. Quá trình triển khai thực hiện do chưa phát sinh nên chưa có khó khăn, vướng mắc. Do đó, Chính phủ xin đề nghị được giữ nguyên như nội dung dự thảo Luật.

6.2.6. Về tham gia vào quá trình can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt, xử lý TCTD, để thống nhất với các quy định tại Luật Các TCTD¹⁵, dự thảo Luật bổ sung các quyền và nghĩa vụ của tổ chức BHTG về tham gia đánh giá tính khả thi của phương án phục hồi, phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, tham gia xây dựng phương án phá sản của TCTD được kiểm soát đặc

¹⁵ Khoản 2 Điều 169; điểm a khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 171; điểm e khoản 1 Điều 182; điểm r khoản 1 Điều 185; khoản 2, khoản 3 Điều 188 Luật Các TCTD.

biệt; cho vay đặc biệt tổ chức tham gia BHTG; mua trái phiếu dài hạn của TCTD nhận chuyển giao bắt buộc theo quyết định của NHNN (khoản 14 Điều 14). Riêng quy định về việc cử người đủ tiêu chuẩn, điều kiện để giữ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban Kiểm soát; Giám đốc, Phó Giám đốc và chức danh quản lý, điều hành khác của quỹ tín dụng nhân dân (TDND) được kiểm soát đặc biệt theo yêu cầu của NHNN (điểm d khoản 14 Điều 14) là nội dung khác so với Luật Các TCTD.

Theo Bản thuyết minh dự thảo Luật, số lượng quỹ TDND hiện nay khá lớn (khoảng 1.176 quỹ), một số quỹ TDND xảy ra vi phạm có liên quan trực tiếp đến người quản lý, kiểm soát, điều hành của quỹ. Trong thời gian qua, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam (NHHTX Việt Nam) đã cử hơn 300 nhân sự tham gia quỹ TDND, tuy nhiên, do số lượng quỹ TDND lớn nên cần thêm sự tham gia của tổ chức BHTG để thực hiện nhiệm vụ này. Báo cáo số 925/BC-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ khẳng định việc tham gia cử người của tổ chức BHTG, NHHTX Việt Nam là nguồn nhân lực cần thiết để NHNN có thể huy động trong trường hợp quỹ TDND được kiểm soát đặc biệt không đủ nhân sự quản trị, điều hành.

Ủy ban KTTC nhận thấy sự tham gia của tổ chức BHTG trong trường hợp này là cần thiết, tuy nhiên, cần phân biệt rõ nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức BHTG và NHHTX Việt Nam, bảo đảm không có sự chồng chéo về nhiệm vụ. Mặt khác, việc bố trí nhân sự tham gia quản lý, điều hành quỹ TDND cần có sự quản lý chặt chẽ của NHNN và căn cứ vào phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt.

Có ý kiến đề nghị quy định rõ nguyên tắc trong việc cử nhân sự tham gia quản trị, điều hành quỹ TDND được kiểm soát đặc biệt, cụ thể là xác định trường hợp nào NHHTX Việt Nam cử nhân sự và trường hợp nào tổ chức BHTG cử; tiêu chuẩn của nhân sự được cử... Có ý kiến cho rằng cần tăng cường vai trò của tổ chức BHTG trong việc xử lý TCTD yếu kém, tận dụng nguồn lực của tổ chức BHTG; đồng thời chia sẻ gánh nặng quản lý nhà nước với NHNN và tiệm cận dần đến thông lệ quốc tế. Trước mắt nên nghiên cứu bổ sung thẩm quyền cho tổ chức BHTG trong tái cấu trúc quỹ TDND theo hướng: *“Giao tổ chức BHTG được quyền chủ trì xây dựng phương án tái cấu trúc hoặc phương án giải thể, phá sản đối với các quỹ TDND yếu kém, trình NHNN phê duyệt và tổ chức BHTG chủ trì tổ chức thực hiện phương án”*.

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

(i) Về việc phân biệt rõ nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức BHTG và Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam trong việc bố trí nhân sự tham gia quản lý, điều hành quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt, xác định trường hợp nào NHHTX Việt Nam cử nhân sự và trường hợp nào tổ chức BHTG cử; tiêu chuẩn của nhân sự được cử:

Theo quy định tại dự thảo Luật và quy định tại Luật các TCTD (điểm e

khoản 1 Điều 125), hoạt động cử nhân sự tham gia quản lý, điều hành quỹ tín dụng nhân dân của BHTGVN và Ngân hàng Hợp tác xã được thực hiện theo yêu cầu của NHNN. Trong quá trình thực hiện, tùy tình hình thực tế, NHNN với vai trò cơ quan quản lý sẽ yêu cầu tổ chức BHTG, NHHTX cử nhân sự tham gia giữ một số chức danh tại quỹ TDND, không có sự chồng chéo, trùng lặp. Nhân sự của tổ chức BHTG, NHHTX là nguồn nhân lực cần thiết để NHNN có thể huy động trong trường hợp quỹ TDND được kiểm soát đặc biệt không có đủ nhân sự quản trị, điều hành. Quy định tại điểm d khoản 14 Điều 14 dự thảo Luật cũng phù hợp với mục tiêu tăng cường sự tham gia của tổ chức BHTG vào tái cơ cấu có hiệu quả TCTD yếu kém tại Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 18/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

(ii) Về việc bố trí nhân sự tham gia quản lý, điều hành quỹ TDND cần có sự quản lý chặt chẽ của NHNN và căn cứ vào phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt, Chính phủ xin báo cáo, làm rõ như sau:

Việc cử người tham gia của BHTGVN được thực hiện trong giai đoạn quỹ TDND được đặt vào kiểm soát đặc biệt và chịu sự giám sát chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước. Hiện nay theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 163 Luật Các TCTD, NHNN được chỉ định người giữ chức vụ quản lý, điều hành tại TCTD được kiểm soát đặc biệt. Thực tế, trong giai đoạn TCTD được đặt vào kiểm soát đặc biệt, cần có sự tham gia hỗ trợ từ BHTGVN, NHHTX trong việc cử người quản lý, điều hành tại TCTD được kiểm soát đặc biệt. Đến giai đoạn thực hiện phương án cơ cấu lại có sự tham gia của TCTD hỗ trợ, bên nhận chuyển giao bắt buộc thì các tổ chức này sẽ thực hiện việc cử người quản lý, điều hành TCTD được kiểm soát đặc biệt, đảm bảo các mục tiêu được đặt ra tại phương án cơ cấu lại.

Việc cử nhân sự từ BHTGVN và NHHTX thực hiện theo yêu cầu của NHNN. Căn cứ vào tình hình thực tế, tùy từng trường hợp cụ thể, NHNN yêu cầu BHTGVN và NHHTX cử nhân sự giữ một số chức danh tại quỹ TDND được kiểm soát đặc biệt, đảm bảo không có sự chồng chéo.

(iii) Về ý kiến cần tăng cường vai trò của tổ chức BHTG trong việc xử lý TCTD yếu kém, tận dụng nguồn lực của tổ chức BHTG; đồng thời chia sẻ gánh nặng quản lý nhà nước với NHNN và tiệm cận dần đến thông lệ quốc tế:

Chính phủ xin tiếp thu ý kiến thẩm tra. Một trong các chính sách xây dựng Luật BHTG là hoàn thiện quy định để tổ chức BHTG tham gia sâu hơn vào quá trình xử lý TCTD yếu kém. Theo đó, dự thảo Luật đã bổ sung các quy định về quyền, nghĩa vụ của tổ chức BHTG trong việc xử lý TCTD yếu kém tại dự thảo Luật qua đó tăng cường vai trò của tổ chức BHTG như quyền, nghĩa vụ trong việc cử nhân sự tham gia quản lý, điều hành tại quỹ TDND được kiểm soát đặc

biệt theo yêu cầu của NHNN, tham gia đánh giá tính khả thi của phương án cơ cấu lại TCTD được kiểm soát đặc biệt...

(iv) Về ý kiến đề nghị bổ sung thẩm quyền cho tổ chức BHTG trong tái cấu trúc quỹ TDND theo hướng “Giao tổ chức BHTG được quyền chủ trì xây dựng phương án tái cấu trúc hoặc phương án giải thể, phá sản đối với các quỹ TDND yếu kém, trình NHNN phê duyệt và tổ chức BHTG chủ trì tổ chức thực hiện phương án”:

Việc xây dựng phương án cơ cấu lại TCTD được kiểm soát đặc biệt thực hiện theo quy định tại Luật Các TCTD. Để thống nhất với quy định tại Luật Các TCTD, dự thảo Luật đã bổ sung quy định tổ chức BHTG có quyền, nghĩa vụ tham gia đánh giá tính khả thi của phương án phục hồi, phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, tham gia xây dựng phương án phá sản của TCTD được kiểm soát đặc biệt theo pháp luật về TCTD (điểm a khoản 14 Điều 14).

6.2.7. Về cho vay đặc biệt tổ chức tham gia BHTG (điểm b khoản 14 Điều 14), có ý kiến đề nghị quy định rõ ràng, cụ thể hơn về giới hạn vốn hỗ trợ, điều kiện, quy trình, thủ tục và đặc biệt là cơ chế kiểm soát, giám sát việc sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ tổ chức BHTG nhằm tránh rủi ro đạo đức từ TCTD, bảo đảm tính hiệu quả và khả năng thu hồi vốn.

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

(i) Về giới hạn vốn hỗ trợ, điều kiện, quy trình, thủ tục cho vay đặc biệt:

Về giới hạn hỗ trợ cho vay đặc biệt, theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 28 dự thảo Luật, quỹ dự phòng nghiệp vụ được sử dụng để chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi; tham gia vào quá trình can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi và các hoạt động khác theo quy định của Luật này. Mục đích sử dụng quỹ dự phòng nghiệp vụ phù hợp với mục tiêu hoạt động của tổ chức BHTG. Việc sử dụng quỹ dự phòng nghiệp vụ để chi trả trực tiếp cho người gửi tiền hoặc gián tiếp thông qua việc tham gia xử lý TCTD yếu kém (như cho vay đặc biệt...), giúp các TCTD này có khả năng phục hồi, qua đó hướng tới mục tiêu cuối cùng là bảo đảm tốt nhất quyền lợi người gửi tiền. Việc quy định một mức giới hạn vốn hỗ trợ là không khả thi và sẽ ảnh hưởng tới hiệu quả hoạt động tham gia xử lý TCTD yếu kém. Tùy từng trường hợp, yêu cầu, mức độ tham gia của tổ chức BHTG là khác nhau; việc quy định giới hạn hỗ trợ có thể cản trở tổ chức BHTG tham gia vào quá trình xử lý TCTD yếu kém và có thể sẽ phải thực hiện việc chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền với mức chi phí lớn hơn so với mức giới hạn hỗ trợ đã đặt ra.

Về điều kiện cho vay đặc biệt, trình tự, thủ tục cho vay đặc biệt, dự thảo Luật đã có quy định cụ thể các trường hợp cho vay đặc biệt của tổ chức BHTG, gắn với các điều kiện cụ thể, ví dụ cho vay đặc biệt TCTD được can thiệp sớm,

được kiểm soát đặc biệt và bị rút tiền hàng loạt, cho vay đặc biệt TCTD để thực hiện phương án cơ cấu lại và biện pháp cho vay đặc biệt phải là một nội dung tại phương án cơ cấu lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Quy định đối tượng, trường hợp cho vay tại dự thảo Luật phù hợp với quy định tại Điều 171, Điều 182, khoản 2 Điều 192 Luật Các TCTD. Bên cạnh đó, hiện nay dự thảo Luật quy định tổ chức BHTG quyết định việc cho vay đặc biệt, bao gồm cả việc cho vay có hoặc không có lãi suất, có hoặc không có tài sản bảo đảm. Quy định tại dự thảo Luật về việc tổ chức BHTG quyết định việc cho vay đặc biệt là thống nhất với quy định tại Luật Các TCTD¹⁶. Tổ chức BHTG căn cứ vào năng lực tài chính, thực trạng của TCTD để quyết định việc cho vay đặc biệt. Để triển khai quy định nêu trên, tổ chức BHTG phải xây dựng quy chế nội bộ về cho vay đặc biệt. Bên cạnh đó, dự thảo Luật cũng giao Thống đốc NHNN hướng dẫn việc cho vay đặc biệt của tổ chức BHTG.

(ii) Về tăng cường cơ chế kiểm soát, giám sát việc sử dụng khoản vay đặc biệt từ tổ chức BHTG:

Việc kiểm soát, giám sát tổ chức tham gia BHTG trong việc sử dụng khoản vay đặc biệt của tổ chức BHTG tương tự như việc sử dụng khoản vay đặc biệt từ NHNN, TCTD khác. Đồng thời, các TCTD được vay đặc biệt của tổ chức BHTG theo dự thảo Luật bắt buộc là TCTD đang được can thiệp sớm hoặc đang được kiểm soát đặc biệt, do đó các hoạt động của tổ chức này sẽ được kiểm soát chặt chẽ theo quy định hơn so với TCTD không được kiểm soát đặc biệt, can thiệp sớm.

6.3. Về hoạt động bảo hiểm tiền gửi (Chương III)

6.3.1. Về cấp, thu hồi Chứng nhận tham gia BHTG (Điều 15), Luật BHTG năm 2012 quy định tổ chức tham gia BHTG bị *tạm thu hồi* Chứng nhận tham gia BHTG khi NHNN có văn bản *tạm đình chỉ hoạt động nhận tiền gửi* theo quy định của pháp luật (khoản 1 Điều 16). Trong khi đó, dự thảo Luật quy định tổ chức BHTG *thu hồi* Chứng nhận tham gia BHTG khi cấp có thẩm quyền có văn bản *tạm đình chỉ hoạt động nhận tiền gửi* theo quy định của pháp luật (khoản 2 Điều 15). Ủy ban KTTC đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo thuyết minh lý do có sự thay đổi nêu trên; đồng thời, đề nghị làm rõ việc nộp phí BHTG của tổ chức tham gia BHTG đối với khoản tiền gửi chưa nộp phí trong trường hợp bị thu hồi Chứng nhận tham gia BHTG. Bên cạnh đó, dự thảo Luật quy định “*việc cấp, cấp lại, thu hồi Chứng nhận tham gia BHTG thực hiện theo hướng dẫn của tổ chức BHTG*” (khoản 5 Điều 15), tuy nhiên, Ủy ban KTTC đề nghị quy định rõ thẩm quyền ban

¹⁶ Khoản 2 Điều 192 quy định “2. Ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô được vay đặc biệt từ tổ chức bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi.”

hành văn bản hướng dẫn các nội dung liên quan đến Chứng nhận tham gia BHTG để bảo đảm tính pháp lý và cơ sở triển khai thực hiện.

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

Về việc cấp, thu hồi chứng nhận tham gia BHTG, để đơn giản hóa thủ tục cấp, thu hồi chứng nhận tham gia BHTG, dự thảo Luật được điều chỉnh theo hướng việc cấp, thu hồi Chứng nhận sẽ được tổ chức BHTG thực hiện ngay sau khi NHNN, cơ quan có thẩm quyền cấp, thu hồi Giấy phép thành lập, hoạt động của tổ chức tham gia BHTG, có văn bản tạm đình chỉ hoạt động nhận tiền gửi, không yêu cầu tổ chức tham gia BHTG phải có hồ sơ đề nghị cấp Chứng nhận như hiện nay. Bên cạnh đó, dự thảo Luật cũng quy định việc cấp lại Chứng nhận tham gia BHTG.

Tiếp thu ý kiến thẩm tra, để đảm bảo rõ ràng và kế thừa quy định của Luật hiện hành, khoản 2 Điều 15 dự thảo được chỉnh lý như sau: “*Tổ chức bảo hiểm tiền gửi thu hồi Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi sau khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài; tạm thu hồi Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi khi cấp có thẩm quyền có văn bản tạm đình chỉ hoạt động nhận tiền gửi theo quy định của pháp luật*”. Khi tổ chức tham gia BHTG bị tạm thu hồi Chứng nhận tham gia BHTG, tổ chức đó chưa bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của TCTD, Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài nên vẫn có nghĩa vụ nộp phí BHTG theo quy định.

Việc quy định thẩm quyền của tổ chức BHTG hướng dẫn việc cấp, thu hồi,... Chứng nhận tham gia BHTG là phù hợp vì đây là hoạt động do tổ chức BHTG tự thực hiện. Để rõ ràng hơn và thống nhất với nội dung tiếp thu nêu trên, dự thảo Luật điều chỉnh lại theo hướng: *Tổ chức BHTG ban hành văn bản hướng dẫn việc cấp, cấp lại, thu hồi, tạm thu hồi Chứng nhận tham gia BHTG*.

6.3.2. Về công khai việc tham gia BHTG (Điều 16), có ý kiến đề nghị bổ sung việc công khai danh sách các TCTD tham gia BHTG trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý nhà nước về BHTG và các TCTD khi nhận tiền gửi của cá nhân phải thông tin trong hợp đồng việc đã tham gia BHTG.

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Về việc công khai tham gia BHTG, dự thảo Luật được điều chỉnh theo hướng giao BHTGVN chủ động hướng dẫn tổ chức tham gia BHTG thực hiện công khai việc tham gia BHTG tại tất cả các điểm giao dịch có nhận tiền gửi, trên trang thông tin điện tử của tổ chức tham gia BHTG (nếu có), các hình thức khác (Điều 16). Quy định này tạo sự chủ động trong việc áp dụng các hình thức công khai, phù hợp với xu hướng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp. Tại khoản 2 vào Điều 13 dự thảo Luật cũng bổ sung nghĩa

vụ của tổ chức tham gia BHTG phải công khai việc tham gia BHTG theo quy định của Luật này.

Việc yêu cầu tổ chức tham gia BHTG công khai việc tham gia BHTG tại tất cả các điểm giao dịch có nhận tiền gửi và đa dạng hóa hình thức công khai (không giới hạn hình thức niêm yết như quy định hiện hành mà mở rộng việc công khai trên trang thông tin điện tử của tổ chức tham gia BHTG (nếu có), các hình thức khác), qua đó nhằm đảm bảo khả năng tiếp cận thông tin của khách hàng khi gửi tiền tại tổ chức tham gia BHTG, hiệu quả hơn so với việc công khai trên trang thông tin chính thức của cơ quan quản lý nhà nước về BHTG. Với các quy định về công khai tham gia BHTG như tại dự thảo Luật, việc yêu cầu tổ chức tham gia BHTG phải thông tin trong hợp đồng nhận tiền gửi về việc đã tham gia BHTG là không cần thiết và có thể phát sinh chi phí sửa đổi, bổ sung hợp đồng.

6.3.3. Về tiền gửi không được bảo hiểm (Điều 18), có ý kiến đề nghị bỏ điều này do không khả thi và không cần thiết bởi các tổ chức, cá nhân, người có liên quan của cá nhân sở hữu trên 5% vốn điều lệ; người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát... quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 18 cơ bản đều là những người ảnh hưởng lớn, nắm bắt thông tin sớm nhất về tình trạng TCTD, cũng như những người gửi tiền khác, việc tham gia BHTG là quyền và nghĩa vụ của các đối tượng này. Ngoài ra, việc tổ chức tài chính vi mô phải gửi tiền tại TCTD là quy định bắt buộc, không có sự lựa chọn trong việc gửi tiền hay không gửi tiền; đồng thời tổ chức tài chính vi mô cũng là tổ chức có hoạt động cho vay, huy động tiền của người dân. Do đó, việc quy định tổ chức tài chính vi mô này không được BHTG là chưa thực sự công bằng và có thể ảnh hưởng tới chính sức khỏe của tổ chức tài chính vi mô. Tương tự với quy định tại khoản 4 Điều này.

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Quy định về tiền gửi không được bảo hiểm về cơ bản kế thừa Luật hiện hành, chỉ sửa đổi, bổ sung trường hợp cá nhân và người có liên quan sở hữu trên 5% vốn điều lệ của TCTD. Quy định này tương đồng với pháp luật về bảo hiểm tiền gửi của nhiều quốc gia. Cá nhân và người có liên quan sở hữu trên 5% vốn điều lệ của TCTD, người quản lý, điều hành, thành viên Ban kiểm soát của TCTD là những người có thể ảnh hưởng đến những quyết định quan trọng trong hoạt động của TCTD và ảnh hưởng đến thực trạng của TCTD đó, do đó phải chịu trách nhiệm về tình trạng hoạt động của TCTD và không được hưởng chính sách về BHTG như người gửi tiền thông thường tại TCTD. Quy định này là cần thiết để đảm bảo tính khách quan, minh bạch trong chính sách BHTG

Về tiền gửi tiết kiệm bắt buộc của tổ chức tài chính vi mô, đây là khoản tiền gửi của khách hàng tại tổ chức tài chính vi mô, không phải tiền gửi của tổ chức tài chính vi mô tại TCTD khác. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 127 Luật các TCTD, tổ chức tài chính vi mô được nhận tiền gửi bằng đồng Việt Nam dưới hình

thức tiết kiệm bắt buộc theo quy định của tổ chức tài chính vi mô. Tiết kiệm bắt buộc là số tiền mà khách hàng tài chính vi mô phải gửi theo quy định của tổ chức tài chính vi mô. Tổ chức tài chính vi mô chỉ được nhận tiết kiệm bắt buộc đối với khách hàng đang có dư nợ cho vay tại tổ chức tài chính vi mô¹⁷. Với tính chất nêu trên, tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 68/2013/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật BHTG đã quy định: Tổ chức tài chính vi mô phải tham gia bảo hiểm tiền gửi đối với tiền gửi của cá nhân bao gồm cả tiền gửi tự nguyện của khách hàng tài chính vi mô, trừ tiền gửi tiết kiệm bắt buộc theo quy định của tổ chức tài chính vi mô. Để đảm bảo rõ ràng, dự thảo Luật bổ sung quy định tiền gửi tiết kiệm bắt buộc của tổ chức tài chính vi mô thuộc trường hợp tiền gửi không được bảo hiểm.

6.3.4. Về phí BHTG (Điều 19), dự thảo Luật giao Thống đốc NHNN quy định mức phí BHTG, việc áp dụng phí BHTG đồng hạng hoặc phân biệt phù hợp với đặc thù hệ thống TCTD Việt Nam trong từng thời kỳ (khoản 1 Điều 19). Đây là nội dung được sửa đổi, bổ sung so với quy định hiện hành¹⁸. Theo đánh giá của Chính phủ¹⁹, Việt Nam hiện vẫn đang áp dụng cơ chế phí BHTG đồng hạng²⁰ và việc áp dụng cơ chế phí BHTG này cơ bản vẫn giúp bảo đảm nguồn thu cho quỹ dự phòng nghiệp vụ. Bên cạnh đó, Việt Nam hiện chưa đáp ứng đầy đủ các điều kiện để triển khai cơ chế phí BHTG phân biệt, trong đó có việc đánh giá và phân loại tổ chức tham gia BHTG, tiêu chí xác định khung phí, mức phí,... và điều kiện về tình hình kinh tế, mức độ lành mạnh, an toàn của hệ thống ngân hàng Việt Nam để làm cơ sở áp dụng cơ chế phí BHTG phân biệt. Việc áp dụng cơ chế phí BHTG phân biệt sẽ làm gia tăng gánh nặng tài chính đối với các tổ chức tham gia BHTG, tạo phản ứng tiêu cực đến thanh khoản cho hệ thống TCTD, đặc biệt là những TCTD có mức độ rủi ro cao (hoặc xếp hạng thấp), gia tăng khó khăn cho quá trình cơ cấu lại và xử lý nợ xấu của các tổ chức này.

Đa số ý kiến Ủy ban KTTC cơ bản tán thành quy định của dự thảo Luật về nội dung này, đồng thời, đề nghị việc quy định mức phí BHTG phải được nghiên cứu kỹ lưỡng, vừa bảo đảm ổn định nguồn thu cho tổ chức BHTG để thực hiện hiệu quả chính sách BHTG, vừa phù hợp với năng lực tài chính của tổ chức tham gia BHTG. Việc quy định áp dụng phí đồng hạng hay phí phân biệt cần được cân nhắc theo thực trạng khả năng đánh giá, phân loại tổ chức tham gia BHTG, tiến tới xây dựng mức phí BHTG có tính chất khuyến khích đối với các TCTD hoạt động hiệu

¹⁷ Khoản 5 Điều 3 Thông tư 33/2024/TT-NHNN

¹⁸ Luật BHTG năm 2012 quy định Thủ tướng Chính phủ quy định khung phí BHTG theo đề nghị của NHNN; căn cứ vào khung phí BHTG, NHNN quy định mức phí BHTG cụ thể đối với tổ chức tham gia BHTG trên cơ sở kết quả đánh giá và phân loại các tổ chức này (Điều 20).

¹⁹ Báo cáo số 925/BC-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ tiếp thu, giải trình kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Báo cáo thẩm tra sơ bộ của Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội về dự án Luật Bảo hiểm tiền gửi (sửa đổi); Báo cáo số 373/BC-NHNN ngày 16/9/2025 của NHNN tổng kết việc thi hành Luật BHTG.

²⁰ Mức phí 0,15%/năm tính trên số dư tiền gửi bình quân của các cá nhân tại tổ chức tham gia BHTG theo quy định tại Nghị định 89/1999/NĐ-CP ngày 01/09/1999 và Nghị định 68/2013/NĐ-CP ngày 18/6/2013.

quả, góp phần thúc đẩy các TCTD không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, giảm thiểu rủi ro, gia tăng mức độ an toàn của hệ thống các TCTD. Nhiều ý kiến đề nghị cần thường xuyên rà soát, có lộ trình tính phí BHTG phân biệt dựa trên việc đánh giá và phân loại tổ chức tham gia BHTG, cụ thể hóa tiêu chí đánh giá, phân loại TCTD, cách thức đo lường rủi ro, phương pháp tính phí BHTG dựa trên mức độ rủi ro. Có ý kiến đồng tình với việc chuyển sang cơ chế thu phí theo mức độ rủi ro để khuyến khích TCTD nâng cao khả năng quản trị rủi ro. Tuy nhiên, thông tin phí khác nhau có thể dẫn đến cạnh tranh không lành mạnh, do đó đề nghị quy định về bảo mật thông tin phí BHTG và rà soát sự trùng lặp với Luật Các TCTD về việc miễn nộp phí BHTG đối với TCTD được kiểm soát đặc biệt.

Bên cạnh đó, dự thảo Luật quy định *trường hợp tổ chức BHTG vay đặc biệt NHNN theo quy định tại Điều 38 của Luật này, tổ chức BHTG xây dựng phương án tăng phí BHTG để bù đắp phần vay đặc biệt NHNN* (khoản 3 Điều 19). Ủy ban KTTC cho rằng việc tăng phí BHTG có thể ảnh hưởng đến chi phí của tổ chức tham gia BHTG²¹. Do Việt Nam đang áp dụng phí BHTG đồng hạng, việc tăng phí BHTG để bù đắp phần vay đặc biệt dẫn đến phát sinh chi phí cho toàn hệ thống, kể cả các TCTD đang hoạt động tốt. Để tránh tác động nêu trên, Ủy ban KTTC cho rằng cần quy định, làm rõ việc thu phí để bù đắp thâm hụt quỹ dự phòng nghiệp vụ chỉ được thực hiện trong các trường hợp đặc biệt, có ảnh hưởng đến hệ thống, không phải là giải pháp thực hiện thường xuyên, hạn chế trường hợp tổ chức BHTG phải vay đặc biệt từ NHNN; quy định rõ giới hạn mức tăng phí, thời hạn tăng phí phù hợp với kế hoạch bù đắp khoản vay đặc biệt từ NHNN và quay trở lại mức phí thông thường ngay sau đó. Có ý kiến đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức BHTG trong xây dựng phương án tăng phí BHTG; giao Chính phủ quy định chi tiết nội dung này; có ý kiến đề nghị cần xem xét thêm về định mức cho vay và việc xử lý nếu tổ chức BHTG không có khả năng chi trả để bảo đảm tính khả thi của quy định này và bảo đảm an toàn cho người được BHTG.

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

(i) Chính phủ xin tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ủy ban KTTC trong việc tán thành quy định của dự thảo Luật về việc giao NHNN quy định về mức phí BHTG, việc áp dụng phí BHTG đồng hạng hoặc phân biệt trong từng thời kỳ. Quá trình xây dựng văn bản quy định mức phí, Chính phủ sẽ chỉ đạo NHNN nghiên cứu kỹ lưỡng, bảo đảm ổn định nguồn thu cho tổ chức BHTG để thực hiện chính sách BHTG, phù hợp với năng lực tài chính của các tổ chức tham gia BHTG.

Chính phủ xin ý tiếp thu ý kiến việc quy định áp dụng phí đồng hạng hay phí phân biệt cần được cân nhắc theo thực trạng khả năng đánh giá, phân loại tổ chức

²¹ Khoản 7 Điều 19 dự thảo Luật quy định phí BHTG được hạch toán vào chi phí hoạt động của tổ chức tham gia BHTG.

tham gia BHTG, tiến tới xây dựng mức phí BHTG có tính chất khuyến khích đối với các TCTD hoạt động hiệu quả, góp phần thúc đẩy các TCTD không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, giảm thiểu rủi ro, gia tăng mức độ an toàn của hệ thống các TCTD, thường xuyên rà soát, có lộ trình tính phí BHTG phân biệt dựa trên việc đánh giá và phân loại tổ chức tham gia BHTG, cụ thể hóa tiêu chí đánh giá, phân loại TCTD, cách thức đo lường rủi ro, phương pháp tính phí BHTG dựa trên mức độ rủi ro. Đồng thời, Chính phủ xin báo cáo, làm rõ hơn như sau:

Dự thảo Luật đã quy định thẩm quyền cho Thống đốc NHNN quy định mức phí BHTG và việc áp dụng phí BHTG đồng hạng hoặc phân biệt phù hợp với đặc thù hệ thống TCTD Việt Nam trong từng thời kỳ. Về nguyên tắc, Luật chỉ quy định khung về cơ chế phí BHTG, do đó, trong dự thảo Luật không quy định lộ trình áp dụng phí BHTG, tiêu chí đánh giá, phân loại TCTD, cách thức đo lường rủi ro, phương pháp tính phí BHTG dựa trên mức độ rủi ro,... mà NHNN sẽ nghiên cứu để áp dụng trong thực tế.

Bên cạnh đó, Luật BHTG năm 2012 chỉ quy định tổ chức BHTG có quyền theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về BHTG (khoản 9 Điều 13). Tổ chức BHTG chưa có đủ thông tin về hoạt động của tổ chức tham gia BHTG nên chưa có điều kiện để đánh giá tình trạng hoạt động của từng tổ chức tham gia BHTG để có thể đề xuất cơ chế phí phân biệt. Do đó, tổ chức BHTG chỉ nắm thông tin, số liệu về việc chấp hành quy định pháp luật về BHTG của tổ chức tham gia BHTG như việc đóng phí bảo hiểm đầy đủ và đúng hạn, việc cung cấp thông tin về tiền gửi được bảo hiểm cho tổ chức BHTG,... Tại dự thảo Luật hiện bổ sung quy định tổ chức BHTG có quyền, nghĩa vụ thực hiện kiểm tra tổ chức tham gia BHTG theo kế hoạch, nội dung do NHNN giao; có quyền yêu cầu tổ chức tham gia BHTG cung cấp thông tin liên quan đến việc kiểm tra của tổ chức BHTG theo quy định của Thống đốc NHNN. Khi triển khai thực hiện quy định nêu trên, sau một khoảng thời gian, tổ chức BHTG sẽ tích lũy, xây dựng được hệ thống dữ liệu, thông tin về hoạt động của tổ chức tham gia BHTG làm cơ sở cho việc đánh giá, phân loại tổ chức tham gia BHTG, qua đó có cơ sở để áp dụng cơ chế phí phân biệt dựa trên đánh giá, phân loại tổ chức tham gia BHTG.

Về các ý kiến gợi ý cho việc quy định mức phí BHTG phân biệt như: cụ thể hóa tiêu chí đánh giá, phân loại TCTD, cách thức đo lường rủi ro, phương pháp tính phí BHTG dựa trên mức độ rủi ro, bảo mật thông tin phí BHTG, Chính phủ sẽ chỉ đạo NHNN trong quá trình triển khai thi hành Luật BHTG, trường hợp thực tiễn đủ điều kiện áp dụng cơ chế phí BHTG phân biệt sẽ nghiên cứu về việc bổ sung các nội dung nêu trên tại văn bản quy định chi tiết về phí BHTG.

Về ý kiến rà soát sự trùng lặp với Luật Các TCTD về việc miễn nộp phí BHTG đối với TCTD được kiểm soát đặc biệt, Chính phủ xin báo cáo như sau: Hiện nay, khoản 3 Điều 166 Luật các TCTD quy định TCTD được kiểm soát đặc

biệt được miễn nộp phí BHTG. Hiện nay Luật BHTG vẫn đang quy định tổ chức tham gia BHTG có trách nhiệm nộp phí BHTG, chưa có quy định về miễn nộp phí BHTG. Để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất giữa các Luật, dự thảo Luật BHTG bổ sung quy định về việc miễn nộp phí BHTG của tổ chức tham gia BHTG được kiểm soát đặc biệt.

(ii) Đối với ý kiến cần quy định, làm rõ việc thu phí để bù đắp thâm hụt quỹ dự phòng nghiệp vụ chỉ được thực hiện trong các trường hợp đặc biệt, có ảnh hưởng đến hệ thống; quy định rõ giới hạn mức tăng phí, thời hạn tăng phí phù hợp với kế hoạch bù đắp khoản vay đặc biệt từ NHNN và quay trở lại mức phí thông thường ngay sau đó, Chính phủ xin báo cáo, giải trình như sau:

Quy định tại khoản 3 Điều 19 dự thảo Luật được bổ sung trên cơ sở thống nhất với quy định tại khoản 2 Điều 190 Luật Các TCTD²². Khi tổ chức BHTG tham gia vào quá trình xử lý ngân hàng đổ vỡ hoặc chi trả BHTG, có thể xảy ra trường hợp giảm hoặc tổn thất quỹ BHTG. Khi đó, cần có các biện pháp bù đắp tổn thất và phục hồi quỹ BHTG nhằm đảm bảo năng lực tài chính của tổ chức BHTG và bảo vệ người gửi tiền. Việc thu phí để bù đắp thâm hụt quỹ dự phòng nghiệp vụ chỉ được thực hiện trong các trường hợp đặc biệt, có ảnh hưởng đến hệ thống, không phải là giải pháp thực hiện thường xuyên. Việc tăng phí BHTG có thể ảnh hưởng đến chi phí của tổ chức tham gia BHTG. Tuy nhiên, đây cũng là biện pháp huy động nguồn lực của các tổ chức tham gia BHTG để đảm bảo an toàn hệ thống, hạn chế tình trạng xảy ra rủi ro lan truyền khi một tổ chức tham gia BHTG (nếu không được xử lý phù hợp và quyền lợi của người gửi tiền không được đảm bảo) sẽ gây ra rủi ro rút tiền hàng loạt và tác động tiêu cực đến các tổ chức tham gia BHTG khác. Việc thu phí trong trường hợp quỹ BHTG thâm hụt cũng được nhiều quốc gia áp dụng.

Ví dụ, tại Mỹ, trong trường hợp quỹ BHTG tham gia vào quá trình xử lý ngân hàng yếu kém hoặc chi trả tiền BHTG dẫn đến tổn thất quỹ BHTG, Đạo luật Dodd-Frank cho phép FDIC thu phí đặc biệt để bù đắp chi phí²³.

²² Khoản 2 Điều 190 Luật Các TCTD quy định:

“2. Trường hợp số tiền trong quỹ dự phòng nghiệp vụ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi không đủ chi trả cho người gửi tiền theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng Nhà nước cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi vay đặc biệt. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi xây dựng phương án tăng phí bảo hiểm tiền gửi để bù đắp phần vay đặc biệt; sử dụng tiền trả nợ vay đặc biệt của tổ chức tín dụng, nguồn thu từ bán giấy tờ có giá do tổ chức bảo hiểm tiền gửi nắm giữ, từ thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng vay đặc biệt, phí bảo hiểm tiền gửi để ưu tiên hoàn trả nợ vay đặc biệt cho Ngân hàng Nhà nước.”

²³ Trong cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008, quỹ BHTG của FDIC đã bị thâm hụt vượt quá mức dự phòng. Trước khủng hoảng, quỹ này ở mức khoảng 52 tỷ USD, tương đương 1,22% tổng số tiền gửi được bảo hiểm. Trong khoảng thời gian từ tháng 1/2008 đến tháng 9/2009, 120 ngân hàng Hoa Kỳ đã bị phá sản. Tính đến cuối tháng 9/2009, quỹ BHTG đã âm khoảng 8 tỷ USD và FDIC buộc phải tăng phí BHTG vào thời điểm căng thẳng tài chính. FDIC đã áp dụng một số biện pháp để tăng cường quỹ BHTG theo Kế hoạch phục hồi năm 2009, bao gồm áp dụng phí BHTG giữa kỳ và yêu cầu các ngân hàng nộp trước một khoản bằng ước tính 3 năm phí BHTG (theo IMF (2018). Resolution Funding: Who pays when Financial Institutions Fail).

Gần đây, ngày 16/11/2023, FDIC cũng phê duyệt kế hoạch thu phí đặc biệt nhằm bù đắp thâm hụt của quỹ BHTG sau khi xử lý hai ngân hàng là Silicon Valley và Signature. Kế hoạch này được thực hiện dựa trên quy

Về giới hạn mức tăng phí, thời hạn tăng phí: hiện nay dự thảo Luật đã quy định rõ trường hợp tăng phí, mức tăng phí (để bù đắp khoản vay đặc biệt từ NHNN). BHTGVN có trách nhiệm xây dựng phương án tăng phí BHTG, trong đó sẽ phải chi tiết mức tăng, thời gian tăng đủ để bù đắp khoản vay đặc biệt và mức phí sau khi đã bù đắp xong khoản vay đặc biệt. Tiếp thu ý kiến thẩm tra, để đảm bảo rõ ràng, khoản 3 Điều 19 dự thảo Luật được điều chỉnh theo hướng: *Trường hợp tổ chức bảo hiểm tiền gửi vay đặc biệt Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định tại Điều 38 của Luật này, tổ chức bảo hiểm tiền gửi được xây dựng phương án tăng phí bảo hiểm tiền gửi để bù đắp phần vay đặc biệt Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trong đó tối thiểu có nội dung về thời hạn tăng phí, mức tăng phí và gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, quyết định.*

Đối với ý kiến đề nghị cần xem xét thêm về định mức cho vay và việc xử lý nếu tổ chức BHTG không có khả năng chi trả, Chính phủ đã có giải trình cụ thể tại ý kiến về quyền, nghĩa vụ của tổ chức BHTG.

6.3.5. Dự thảo Luật quy định “TCTD khi được đặt vào kiểm soát đặc biệt được tạm hoãn việc nộp khoản phí BHTG nộp thiếu, nộp chậm và khoản tiền chậm nộp (nếu có) phát sinh trước thời điểm TCTD được đặt vào kiểm soát đặc biệt. TCTD được kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm xây dựng kế hoạch để hoàn trả đầy đủ khoản tiền được tạm hoãn trong phương án cơ cấu lại trình cấp có thẩm quyền phê duyệt” (khoản 4 Điều 19). Luật Các TCTD quy định TCTD được kiểm soát đặc biệt được miễn nộp phí BHTG (khoản 3 Điều 166), tuy nhiên chưa có quy định cho tổ chức này được tạm hoãn việc nộp phí BHTG đối với số tiền nợ phí phát sinh trước khi được đặt vào kiểm soát đặc biệt. Ủy ban KTTC nhận thấy quy định nêu trên sẽ góp phần tháo gỡ khó khăn cho TCTD được kiểm soát đặc biệt, giảm áp lực tài chính để tổ chức này tập trung nguồn lực cho việc cơ cấu lại, khắc phục yếu kém. Tuy nhiên, việc cho phép tạm hoãn nộp khoản phí BHTG nộp thiếu hoặc nộp chậm có tính chất tương tự như một biện pháp hỗ trợ nhưng hiện chưa được quy định trong Luật Các TCTD²⁴. Bên cạnh đó, theo quy định của Luật Các TCTD²⁵, trong nội dung phương án cơ cấu lại TCTD phải thể hiện nội dung biện pháp hỗ trợ TCTD được kiểm soát đặc biệt. Vì vậy, ngoài việc quy định trách nhiệm của TCTD được kiểm soát đặc biệt trong việc xây dựng kế hoạch nộp đầy đủ khoản tiền được tạm hoãn, Ủy ban KTTC đề nghị cần bổ sung giải pháp này

định của Đạo luật BHTG liên bang và tuyên bố chung về xác định rủi ro hệ thống do Bộ trưởng Tài chính Mỹ Janet Yellen, Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ Jerome Powell và Chủ tịch FDIC Martin Gruenberg công bố vào ngày 12/3/2023. Cụ thể, các ngân hàng được hưởng lợi nhiều nhất từ việc xác định rủi ro hệ thống phải nộp phí đặc biệt do các ngân hàng này có nhiều nguy cơ xảy ra hiện tượng rút tiền hàng loạt khi xuất hiện thông tin ngân hàng gặp vấn đề. FDIC ước tính có 114 ngân hàng phải nộp phí đặc biệt, trong đó có 48 ngân hàng có tổng tài sản trên 50 tỷ USD và 66 ngân hàng có tổng tài sản từ 5 đến 50 tỷ USD. Trong khi đó, các ngân hàng có tổng tài sản dưới 5 tỷ USD không phải nộp phí đặc biệt.

²⁴ Điều 171, Điều 182 của Luật Các TCTD quy định về các biện pháp hỗ trợ thực hiện phương án phục hồi, phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc.

²⁵ Khoản 29 Điều 4, Điều 170, Điều 177, Điều 181.

cùng phương án xử lý khoản tạm hoãn (về thời gian tạm hoãn, tiến độ hoàn trả, phương án xử lý trong trường hợp TCTD được kiểm soát đặc biệt không thể hoàn trả đầy đủ khoản tiền được tạm hoãn theo phương án cơ cấu lại...) phải có trong phương án cơ cấu lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt để bảo đảm tính tổng thể khi xem xét phương án cơ cấu lại TCTD được kiểm soát đặc biệt.

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Việc đề xuất bổ sung quy định tạm hoãn việc nộp phí BHTG đối với số tiền nợ phí phát sinh trước khi được đặt vào kiểm soát đặc biệt nhằm tháo gỡ khó khăn cho TCTD được kiểm soát đặc biệt, giảm áp lực tài chính để tổ chức này tập trung cơ cấu lại, khắc phục yếu kém. Trường hợp không có quy định tạm hoãn, tổ chức tham gia BHTG sẽ bị phát sinh thêm khoản tiền phạt nộp chậm và chịu sức ép phải chi trả ngay khoản tiền phí nộp chậm (nếu không sẽ bị xác định là hành vi vi phạm). Nếu quy định việc tạm hoãn nộp phí BHTG phải có trong phương án cơ cấu lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt sẽ phát sinh khoảng trống từ lúc TCTD được kiểm soát đặc biệt đến khi phương án cơ cấu lại được phê duyệt, tổ chức tham gia BHTG không được tạm hoãn nộp phí và tổ chức tham gia BHTG sẽ vi phạm quy định về nộp phí. Tuy nhiên, để giải quyết trách nhiệm đối với khoản phí tạm hoãn, tại khoản 4 Điều 19 dự thảo Luật hiện quy định TCTD được tạm hoãn nộp phí BHTG có trách nhiệm xây dựng kế hoạch để hoàn trả đầy đủ khoản tiền được tạm hoãn (bao gồm cả lộ trình, thời hạn thực hiện) trong phương án cơ cấu lại trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó khi xây dựng phương án cơ cấu lại, nghĩa vụ hoàn trả khoản tiền bảo hiểm đang được tạm hoãn nộp phải được xem xét cùng với tổng thể các biện pháp, nghĩa vụ khác của TCTD.

6.3.6. Có ý kiến đề nghị cân nhắc chỉnh sửa cụm từ “*đặt vào kiểm soát đặc biệt*” thành “*bị đưa vào tình trạng kiểm soát đặc biệt*” để thể hiện đầy đủ tính chất, tình trạng của TCTD khi phải áp dụng biện pháp kiểm soát đặc biệt.

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Quy định “*đặt vào kiểm soát đặc biệt*” thống nhất với tình trạng của TCTD được quy định tại Luật các TCTD. Quy định “*bị đưa vào tình trạng kiểm soát đặc biệt*” không đảm bảo rõ ràng, khó xác định trong quá trình triển khai thực hiện.

6.3.7. Về biện pháp xử lý hành vi nộp thiếu, nộp chậm phí BHTG (Điều 20): đề nghị bổ sung quy định về trách nhiệm của tổ chức tham gia BHTG đối với người gửi tiền (*khi nộp thiếu, nộp chậm phí BHTG*) trong trường hợp phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm.

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Về trách nhiệm của tổ chức tham gia BHTG khi nộp thiếu, nộp chậm, khoản 1 Điều 20 dự thảo Luật đã có quy định trách nhiệm của tổ chức tham gia BHTG ngoài việc phải nộp đủ số phí còn thiếu phải chịu mức tiền chậm nộp mỗi ngày bằng 0,05% số tiền chưa nộp. Việc tổ chức tham gia BHTG nộp thiếu, nộp chậm

không làm mất đi quyền lợi được BHTG của người gửi tiền, người gửi tiền vẫn được chi trả BHTG theo quy định khi phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm.

6.3.8. *Về thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm* (Điều 21), có ý kiến đề nghị cân nhắc quy định tại khoản 2 Điều 21 dự thảo Luật: “*NHNN có văn bản đình chỉ hoạt động nhận tiền gửi của TCTD được kiểm soát đặc biệt có lỗ lũy kế lớn hơn 100% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất*” do TCTD vẫn có thể có khả năng phục hồi, cơ cấu lại theo quy định của Luật TCTD; trường hợp tổ chức BHTG đã thực hiện chi trả nhưng sau đó TCTD phục hồi, cơ cấu lại thì nghĩa vụ của TCTD đối với số tiền gửi của người gửi tiền được quy định như thế nào.

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Quy định về thời điểm chi trả tại khoản 2 Điều 21 được áp dụng khi đồng thời có các sự kiện sau: (i) NHNN có văn bản đình chỉ hoạt động nhận tiền gửi của TCTD được kiểm soát đặc biệt; (ii) TCTD được kiểm soát đặc biệt có lỗ lũy kế lớn hơn 100% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất. Để đảm bảo rõ ràng, Chính phủ điều chỉnh nội dung khoản 2 Điều 21 như sau: “*2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản đình chỉ hoạt động nhận tiền gửi của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt và tổ chức tín dụng đó có lỗ lũy kế lớn hơn 100% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.*”

Bên cạnh đó, người gửi tiền đã được chi trả BHTG theo hạn mức quy định không làm triệt tiêu nghĩa vụ của TCTD với người gửi tiền. Do đó, nếu TCTD có thể hồi phục, TCTD vẫn có trách nhiệm chi trả toàn bộ tiền gửi cho người gửi tiền.

6.3.9. *Về hạn mức trả tiền bảo hiểm* (Điều 22), dự thảo Luật quy định *Thống đốc NHNN quy định hạn mức trả tiền bảo hiểm trong từng thời kỳ; khi phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 21 của Luật này, trong trường hợp đặc biệt, Thống đốc NHNN quyết định hạn mức chi trả vượt hạn mức quy định tại khoản 1 Điều này, tối đa bằng toàn bộ các khoản tiền gửi được bảo hiểm của người gửi tiền tại tổ chức tham gia BHTG khi phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm*. Đa số ý kiến cho rằng hạn mức trả tiền bảo hiểm là 125 triệu đồng²⁶ không còn tương xứng với điều kiện kinh tế và mức sống của Việt Nam hiện nay, do đó, việc Thống đốc NHNN quy định hạn mức trả tiền bảo hiểm trong từng thời kỳ là phù hợp, đồng thời cần có quy định hướng dẫn cụ thể về các nguyên tắc điều chỉnh hạn mức trả tiền bảo hiểm phù hợp với thực tiễn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền. Có ý kiến đề nghị bổ sung nguyên tắc xác định hạn mức là “*phù hợp với thu nhập bình quân, lạm phát và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội từng giai đoạn; có chính sách ưu tiên bảo vệ người gửi tiền là hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn*”.

²⁶ Quyết định 32/2021/QĐ-TTg ngày 20/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về hạn mức trả tiền bảo hiểm.

Đối với việc chi trả vượt hạn mức, Ủy ban KTTC cho rằng cần quy định cụ thể căn cứ xác định “*trường hợp đặc biệt*” cần chi trả vượt hạn mức, nhất là chi trả bằng toàn bộ các khoản tiền gửi được bảo hiểm của người gửi tiền, đồng thời, cần nghiên cứu quy trình phê duyệt minh bạch với sự tham gia của các cơ quan có liên quan như NHNN, Bộ Tài chính... Có ý kiến đề nghị quy định rõ điều kiện áp dụng “*trường hợp đặc biệt*”, đồng thời có sự phân cấp trong việc quyết định chi trả vượt hạn mức theo hướng Thống đốc NHNN quyết định chi trả vượt hạn mức quy định, tối đa bằng 50% các khoản tiền bảo hiểm (*tương đương mức trung bình trên toàn cầu*); Thủ tướng Chính phủ quyết định chi trả vượt hạn mức quy định, tối đa từ 51% đến 100% các khoản tiền gửi được bảo hiểm theo đề nghị của Thống đốc NHNN.

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

(i) Chính phủ xin tiếp thu ý kiến thẩm tra về việc giao Thống đốc NHNN quy định hạn mức trả tiền bảo hiểm trong từng thời kỳ là phù hợp.

Về ý kiến đề nghị bổ sung nguyên tắc điều chỉnh hạn mức trả tiền bảo hiểm phù hợp với thực tiễn, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, bổ sung nguyên tắc xác định hạn mức là “*phù hợp với thu nhập bình quân, lạm phát và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội từng giai đoạn; có chính sách ưu tiên bảo vệ người gửi tiền là hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn*”, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Hạn mức trả tiền bảo hiểm phụ thuộc vào tình hình biến động kinh tế (lạm phát, thu nhập bình quân đầu người, khả năng chi trả của quỹ BHTG...). Để xác định hạn mức trả tiền bảo hiểm cần căn cứ vào nhiều tiêu chí khác nhau, các tiêu chí có thể thay đổi thường xuyên theo từng thời kỳ. Do đó, nếu quy định nguyên tắc xác định ngay trong Luật, quy định cứng các tiêu chí xác định hạn mức, khi cần sửa đổi hoặc bổ sung tiêu chí sẽ khó khăn do việc điều chỉnh sẽ phụ thuộc vào quy trình sửa đổi Luật, mất nhiều thời gian, không theo kịp diễn biến thực tế. Việc giao NHNN quy định hạn mức BHTG trong từng thời kỳ giúp chủ động, linh hoạt hơn, kịp thời điều chỉnh phù hợp với thực tiễn.

Về việc bổ sung nguyên tắc xác định hạn mức trả tiền bảo hiểm là “*có chính sách ưu tiên bảo vệ người gửi tiền là hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn*”, theo thông lệ quốc tế, hạn mức trả tiền BHTG được áp dụng chung cho các đối tượng được bảo hiểm, không phân biệt hạn mức trả tiền bảo hiểm đối với nhóm người gửi tiền như hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng khó khăn. Bên cạnh đó, với hạn mức chi trả BHTG như hiện nay xét theo thu nhập bình quân của hộ nghèo, cận nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số thì việc có hạn mức chi trả riêng là chưa thực sự cần thiết.

(ii) Về việc chi trả vượt hạn mức, tiếp thu ý kiến thẩm tra, dự thảo Luật điều chỉnh làm rõ trường hợp áp dụng tại khoản 2 Điều 22 dự thảo Luật như sau: *Khi*

phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 21 của Luật này, trong trường hợp đặc biệt, để đảm bảo quyền lợi người gửi tiền, an toàn hệ thống tổ chức tín dụng, trật tự an toàn xã hội, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định hạn mức chi trả vượt hạn mức quy định tại khoản 1 Điều này, tối đa bằng toàn bộ các khoản tiền gửi được bảo hiểm của người gửi tiền tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi khi phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm.

Quy định chi trả vượt hạn mức chỉ áp dụng trong các trường hợp đặc biệt nhằm tránh phản ứng dây chuyền, rút tiền hàng loạt của người gửi tiền, ảnh hưởng an toàn hệ thống TCTD, an ninh, trật tự an toàn xã hội và phải tuân thủ trình tự, thủ tục chặt chẽ. Ví dụ, trong trường hợp chi trả để bảo đảm an toàn hệ thống, trật tự an toàn xã hội theo quy định tại khoản 4 Điều 162 Luật Các TCTD, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo Chính phủ quyết định việc yêu cầu tổ chức bảo hiểm tiền gửi chi trả trong trường hợp tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt bị mất hoặc có nguy cơ mất khả năng chi trả theo pháp luật các TCTD.

Cơ chế bảo hiểm toàn bộ số tiền gửi của người gửi tiền được một số quốc gia áp dụng trong trường hợp xảy ra khủng hoảng hệ thống hoặc xảy ra tình trạng đổ vỡ của TCTD có quy mô lớn (có tầm quan trọng hệ thống).

Tại Nghị quyết số 283/NQ-CP ngày 16/9/2025 phiên họp Chuyên đề về xây dựng pháp luật tháng 8 năm 2025, Chính phủ đã quyết nghị “*thực hiện phân cấp mạnh mẽ, giao Ngân hàng Nhà nước quy định hạn mức chi trả bảo hiểm tiền gửi*”. Trên cơ sở nguyên tắc một việc chỉ giao một cơ quan đầu mối, tránh chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, dự thảo Luật giao Thống đốc NHNN (i) quy định hạn mức trả tiền bảo hiểm chung áp dụng trong từng thời kỳ; (ii) khi phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 21 của Luật này, trong trường hợp đặc biệt, để đảm bảo quyền lợi người gửi tiền, an toàn hệ thống tổ chức tín dụng, trật tự an toàn xã hội, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định hạn mức chi trả vượt hạn mức quy định tại khoản 1 Điều này, tối đa bằng toàn bộ các khoản tiền gửi được bảo hiểm của người gửi tiền tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi khi phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm. Riêng đối với hạn mức chi trả trong trường hợp thực hiện phương án phá sản TCTD được kiểm soát đặc biệt thực hiện theo quy định của Luật Các TCTD. Theo đó, sau khi phương án phá sản được phê duyệt, NHNN trình Thủ tướng Chính phủ quyết định hạn mức chi trả BHTG cho người gửi tiền, tối đa bằng số tiền gửi của cá nhân được bảo hiểm tại TCTD (khoản 2 Điều 188 Luật Các TCTD).

6.3.10. Về thủ tục trả tiền bảo hiểm (Điều 24), Ủy ban KTTC đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc không quy định các vấn đề liên quan đến trình tự, thủ tục trong dự thảo Luật nhằm quán triệt tinh thần đổi mới tư duy lập pháp²⁷.

²⁷ Luật chỉ quy định các vấn đề mang tính ổn định, có giá trị lâu dài; cơ bản không quy định các nội dung về thủ tục hành chính, về quy trình và các nội dung có tính biến động cao; phân quyền cho Chính phủ, các cơ quan

Đồng thời, để bảo đảm quyền lợi kịp thời cho người gửi tiền, tăng cường tính minh bạch và hiệu quả trong công tác chi trả, Ủy ban KTTC đề nghị trong quá trình thực hiện, tổ chức BHTG cần cải tiến quy trình nghiệp vụ, ứng dụng công nghệ, xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu tập trung kết nối với NHNN và các TCTD, cập nhật kịp thời, chính xác thông tin về người gửi tiền, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác minh, đối chiếu và thực hiện chi trả bảo hiểm; bổ sung đa dạng các hình thức chi trả nhằm rút ngắn thời gian tiếp cận tiền bảo hiểm của người thụ hưởng, đặc biệt là người dân ở vùng sâu, vùng xa hoặc nơi không thuận tiện giao dịch trực tiếp.

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

Quy định về thủ tục trả tiền bảo hiểm được xây dựng trên cơ sở kế thừa những nội dung tại Luật hiện hành. Đây là nội dung quan trọng để đảm bảo tính kịp thời trong việc chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền nên cần được quy định ổn định tại Luật.

Về việc ứng dụng công nghệ thông tin góp phần nâng cao năng lực kiểm tra, giám sát, đánh giá, cảnh báo rủi ro từ sớm, từ xa:

(i) Thực tế, thời gian qua, BHTGVN đã triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống phần mềm để hỗ trợ công tác thu thập thông tin, giám sát và kiểm tra các tổ chức tham gia BHTG. Với việc hoàn thành và đưa vào triển khai Dự án Hệ thống Thông tin Quản lý và Hiện đại hóa ngân hàng (FSMIMS) từ năm 2017, BHTGVN đã xây dựng được nền tảng đồng bộ về công nghệ thông tin, giúp việc kết nối dữ liệu từ NHNN về BHTGVN được thông suốt hơn, phục vụ tích cực cho công tác giám sát, kiểm tra nói riêng và hoạt động của BHTGVN nói chung. Đồng thời, BHTGVN cũng đã xây dựng và triển khai hệ thống công nghệ thông tin giúp BHTGVN phân tích xu hướng tiền gửi, rủi ro rút tiền hàng loạt, đưa ra quyết định giám sát có trọng điểm, nâng cao khả năng ứng phó khi xảy ra rủi ro hệ thống, từng bước hiện đại hóa hoạt động chi trả và đảm bảo quyền lợi của người gửi tiền theo đúng quy định pháp luật. Với việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động nghiệp vụ, dự thảo Luật đã quy định rút ngắn thời gian chi trả (khoản 4 Điều 24) từ 60 ngày xuống còn 45 ngày kể từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm.

(ii) Trong phạm vi quy định tại Luật, dự thảo Luật quy định các nội dung làm cơ sở để tổ chức BHTG triển khai hoạt động kiểm tra, giám sát. Trong quá trình triển khai quy định trên thực tế, NHNN sẽ tiếp tục chỉ đạo BHTGVN triển khai chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của mình.

6.3.11. Có ý kiến cho rằng các ngân hàng nhỏ sẽ gặp nhiều thách thức gồm:

trong bộ máy nhà nước trong việc tiếp tục cụ thể hóa các quy định của luật, kịp thời đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn.

áp lực về chi phí nếu áp dụng cơ chế phí linh hoạt rủi ro hơn; yêu cầu nâng cấp hệ thống dữ liệu tiền gửi để đáp ứng chuẩn chi trả nhanh; việc tuân thủ các quy định giám sát, cung cấp thông tin chặt chẽ hơn có thể làm gia tăng chi phí tuân thủ trong ngắn hạn. Do đó, đề nghị Cơ quan soạn thảo xem xét xây dựng lộ trình thực hiện phù hợp, ban hành hướng dẫn kỹ thuật và hỗ trợ trong quá trình chuyển đổi, nhất là về công nghệ thông tin, chuyển đổi số và tiêu chuẩn dữ liệu, giúp đạt hiệu quả chính sách mà không gây gánh nặng quá mức với các ngân hàng có quy mô nhỏ.

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

Mặc dù Luật BHTG năm 2012 có quy định về cơ chế phí BHTG trên cơ sở đánh giá, phân loại các tổ chức tham gia BHTG, tuy nhiên đến nay chưa thể thực hiện được do có khó khăn vướng mắc trong việc đánh giá, phân loại tổ chức tham gia BHTG, tiêu chí xác định khung phí, mức phí;... và điều kiện về tình hình kinh tế, mức độ lành mạnh, an toàn của hệ thống ngân hàng Việt Nam để áp dụng²⁸.

Thời điểm vừa qua, việc tiếp tục duy trì phí BHTG đồng hạng vẫn đảm bảo nguồn thu cho quỹ dự phòng nghiệp vụ. Trong tương lai, khi các điều kiện cần thiết cho phép, có thể từng bước áp dụng phí BHTG phân biệt để khuyến khích các TCTD hoạt động tốt để giảm chi phí hoạt động.

Trên cơ sở đó, để có cơ sở áp dụng cơ chế phí linh hoạt, phù hợp với thực tiễn và vẫn đảm bảo nguồn thu phí BHTG ổn định, dự thảo Luật giao NHNN quy định mức phí BHTG, việc áp dụng phí BHTG đồng hạng hoặc phân biệt phù hợp với đặc thù hệ thống TCTD Việt Nam trong từng thời kỳ.

Về lộ trình xây dựng mức phí, do dự thảo Luật đã quy định thẩm quyền cho Thống đốc NHNN quy định mức phí BHTG và việc áp dụng phí BHTG đồng hạng hoặc phân biệt phù hợp với đặc thù hệ thống TCTD Việt Nam trong từng thời kỳ.

²⁸ Theo kinh nghiệm quốc tế, việc áp dụng phí đồng hạng hay phân biệt phải phụ thuộc vào tình hình của hệ thống ngân hàng trong từng thời kỳ, khả năng đánh giá, phân loại của cơ quan quản lý đối với các tổ chức tham gia BHTG. Thông thường, các nước sử dụng phương pháp đánh giá theo tiêu chí định lượng trên cơ sở kết hợp nhiều thông tin thu thập được từ dữ liệu giám sát từ xa và tại chỗ. Các yếu tố thường được sử dụng cho hệ thống đánh giá phí phân biệt bao gồm: sự tuân thủ của ngân hàng đối với quy định vốn hoặc các thang đo về số lượng, chất lượng và đủ vốn; chất lượng và sự đa dạng danh mục tài sản ngân hàng cả nội bảng và ngoại bảng cân đối kế toán, mức độ đủ, tính dễ biến động và chất lượng thu nhập của ngân hàng, nguồn luân chuyển tiền mặt của ngân hàng (cả nội bảng và ngoại bảng); sự ổn định và đa dạng nguồn vốn của ngân hàng, mức độ rủi ro lãi suất của ngân hàng, và nếu tính được, bao gồm cả rủi ro hối đoái và rủi ro vị thế. Xác định khung pháp lý để áp dụng cơ chế phí phân biệt có sự phức tạp nhất định khi cần đánh giá để đưa ra quyết định về các vấn đề như: số lượng hạng phí, khoảng cách giữa các hạng phí, mức phí BHTG.

Mặc dù việc áp dụng hệ thống phí phân biệt sẽ là một trong những yếu tố góp phần đảm bảo tính cạnh tranh, kỷ luật thị trường, giảm thiểu rủi ro và nâng cao tính minh bạch của hệ thống. Tuy nhiên, việc này cũng đặt ra những thách thức đối với các cơ quan quản lý khi việc đánh giá, xếp loại các tổ chức tham gia BHTG cần đảm bảo minh bạch và có tham khảo ý kiến với tổ chức tham gia BHTG về tác động.

Trong bối cảnh ngành ngân hàng đang thực hiện tái cơ cấu, xử lý nợ xấu đối với hệ thống TCTD và tiến tới áp dụng chuẩn mực Basel III trên hệ thống TCTD, nếu tổ chức tham gia BHTG muốn đảm bảo lợi nhuận cho mình thì sẽ phải tăng lãi suất cho vay tương ứng nếu mức phí BHTG tăng lên, điều này có thể gây bất lợi cho người đi vay, doanh nghiệp và có tác động đến lợi nhuận của toàn hệ thống. Vì vậy, việc chuyển đổi giữa áp dụng hệ thống phí đồng hạng hay phân biệt cần thận trọng và cân nhắc kỹ lưỡng.

Về nguyên tắc, Luật chỉ quy định khung về cơ chế phí BHTG, do đó, trong dự thảo Luật không quy định lộ trình áp dụng phí BHTG mà NHNN sẽ nghiên cứu để áp dụng trong thực tế.

6.3.12. Về công khai về việc trả tiền bảo hiểm (khoản 3 Điều 24), có ý kiến đề nghị nghiên cứu khoản 1 Điều 18 của Luật Tiếp cận thông tin để bổ sung các hình thức công khai thông tin phù hợp, đặc biệt là các hình thức công khai trên môi trường mạng, tạo điều kiện để người gửi tiền có thể tiếp cận thông tin nhanh, đầy đủ, chính xác.

Ý kiến tiếp thu của Chính phủ:

Tiếp thu ý kiến thẩm tra, khoản 3 Điều 24 dự thảo Luật điều chỉnh theo hướng: *Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều này, tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải có phương án trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi; thông báo công khai về địa điểm, thời gian, phương thức trả tiền bảo hiểm trên ba số liên tiếp của một tờ báo trung ương, một tờ báo địa phương nơi đặt trụ sở chính, các chi nhánh của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, và trên một báo điện tử của Việt Nam, trang thông tin điện tử của tổ chức BHTG và các hình thức khác do tổ chức bảo hiểm tiền gửi quyết định.*

Việc giao tổ chức BHTG quyết định các hình thức công khai khác ngoài các hình thức công khai bắt buộc vừa tạo cơ sở để tổ chức BHTG lựa chọn quyết định thêm các hình thức công khai phù hợp, vừa đảm bảo phù hợp với các hình thức công khai mới phát sinh trong thực tiễn.

6.4. Về tổ chức BHTG (Chương IV)

6.4.1. Về tổ chức BHTG (Điều 27), Ủy ban KTTC đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục hoàn thiện các quy định cụ thể, trong đó cần lưu ý một số vấn đề liên quan đến tổ chức và hoạt động của tổ chức BHTG như: việc đầu tư bổ sung vốn nhà nước để tăng vốn điều lệ cho tổ chức BHTG; xác định các hoạt động đầu tư của tổ chức BHTG tương ứng với mục tiêu hoạt động; đánh giá hiệu quả hoạt động, xếp loại đối với tổ chức BHTG; cơ chế tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động... Có ý kiến đề nghị tham khảo các mô hình tổ chức BHTG của các nước trên thế giới, thông lệ quốc tế để xây dựng mô hình quản trị hiện đại, công khai, minh bạch, quản trị rủi ro tốt hơn và đáp ứng chuẩn mực quốc tế; đồng thời, cần rà soát những nội dung cần thiết đưa vào Luật và những nội dung cần giao Chính phủ quy định chi tiết. Có ý kiến cho rằng nghiên cứu quy định tại khoản 1 Điều 27 như sau: *"Tổ chức BHTG được tổ chức dưới hình thức công ty TNHH một thành viên"* còn cơ cấu tổ chức, quản trị và hoạt động chi tiết sẽ do Chính phủ quy định tại khoản 2 để đảm bảo minh bạch và tránh hiểu nhầm về mô hình hoạt động. Có ý kiến đề nghị làm rõ khái niệm và định vị tổ chức BHTG như một chủ thể tài chính tham gia thị trường, góp phần phát triển trung tâm tài chính quốc tế, thay vì

chỉ thuần túy hoạt động an toàn, không lợi nhuận; thống nhất lại quy định để vừa bảo đảm an toàn hệ thống, vừa tận dụng hiệu quả nguồn lực tài chính lớn mà tổ chức này đang nắm giữ.

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 27 dự thảo Luật, tổ chức BHTG là tổ chức tài chính nhà nước do Thủ tướng Chính phủ thành lập.

Để đảm bảo tổ chức BHTG có đủ cơ sở hoạt động, trên cơ sở đặc thù tính chất hoạt động của tổ chức BHTG, dự thảo Luật có quy định riêng về vốn điều lệ, việc bổ sung vốn điều lệ, hoạt động đầu tư, chế độ tài chính của BHTGVN.

Bên cạnh đó, tiếp thu ý kiến UBTVQH, ý kiến thẩm tra sơ bộ của UBKTTC, dự thảo Luật không quy định nguyên tắc chung: tổ chức BHTG hoạt động theo mô hình công ty TNHH một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ mà bổ sung ngay tại dự thảo Luật các quy định cụ thể về cơ cấu tổ chức của tổ chức BHTG và giao Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động, chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của tổ chức bảo hiểm tiền gửi phù hợp với tính chất hoạt động của tổ chức bảo hiểm tiền gửi. Các quy định được bổ sung tại dự thảo Luật hiện nay đã làm rõ được mô hình tổ chức hoạt động của tổ chức BHTG, đảm bảo cơ sở pháp lý để tổ chức BHTG hoạt động phù hợp với tính chất, mục tiêu hoạt động của tổ chức này.

Về ý kiến làm rõ khái niệm và định vị tổ chức BHTG như một chủ thể tài chính tham gia thị trường, góp phần phát triển trung tâm tài chính quốc tế, thay vì chỉ thuần túy hoạt động an toàn, không lợi nhuận; thống nhất lại quy định để vừa bảo đảm an toàn hệ thống, vừa tận dụng hiệu quả nguồn lực tài chính lớn mà tổ chức này đang nắm giữ, Chính phủ xin báo cáo như sau:

Tại Điều 3 dự thảo Luật quy định mục đích của BHTG nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống các TCTD, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng. Với mục đích nêu trên, mô hình hoạt động của tổ chức BHTG được xây dựng phù hợp: là tổ chức tài chính nhà nước, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận. Việc quy định tổ chức BHTG hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận nhằm nhấn mạnh các mục tiêu hoạt động của tổ chức này phải hướng tới thực hiện các mục đích BHTG nêu tại Điều 3 dự thảo Luật. Với mục tiêu nâng cao vai trò của tổ chức BHTG để tổ chức BHTG thực hiện tốt hơn các nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi người gửi tiền, góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống các TCTD, dự thảo Luật đã bổ sung các chính sách nhằm tăng năng lực tài chính của tổ chức BHTG (như sửa đổi, bổ sung quy định về vốn hoạt động hay gia tăng hiệu quả đầu tư để qua đó gia tăng quỹ dự phòng nghiệp vụ...), bổ sung các quyền, nghĩa vụ để tổ chức BHTG tham gia sâu hơn vào quá trình xử lý TCTD yếu kém...

6.4.2. Về nguồn vốn hoạt động (Điều 28), có ý kiến đề nghị làm rõ mức

trích lập và thứ tự ưu tiên các quỹ, bảo đảm rõ ràng, minh bạch. Theo đó, tập trung chủ yếu vào việc trích lập hình thành quỹ dự phòng nghiệp vụ. Có ý kiến đề nghị làm rõ việc tổ chức BHTG được hạch toán giảm quỹ dự phòng nghiệp vụ đối với khoản tiền đã chi trả tiền gửi cho người gửi tiền có áp dụng cho trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 37 không, đề nghị cân nhắc quy định tại điểm c Khoản 3 Điều này

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Về việc trích lập các quỹ, dự thảo Luật đã quy định tại điểm d khoản 4 Điều 30 giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể tỷ lệ trích lập vào các quỹ, bảo đảm phù hợp với tính chất và hoạt động của tổ chức BHTG. Bên cạnh đó, dự thảo Luật chỉ quy định khung và nguyên tắc chung, trong đó khẳng định quỹ dự phòng nghiệp vụ giữ vai trò then chốt, toàn bộ phần chênh lệch thu – chi còn lại sau khi trích lập vào các quỹ theo quy định sẽ được bổ sung cho quỹ dự phòng nghiệp vụ để tăng cường năng lực chi trả, bảo vệ quyền lợi người gửi tiền.

Khoản 2 Điều 37 dự thảo Luật quy định: “*Sau khi phương án phá sản được phê duyệt, số tiền tổ chức bảo hiểm tiền gửi đã cho vay đặc biệt được chuyển thành khoản tiền chi trả tiền gửi cho người gửi tiền*”. Điểm c khoản 3 Điều 28 dự thảo Luật quy định: “*Tổ chức bảo hiểm tiền gửi được hạch toán giảm quỹ dự phòng nghiệp vụ đối với khoản tiền đã chi trả tiền gửi cho người gửi tiền*”. Như vậy, quy định tại điểm c khoản 3 Điều 28 không mâu thuẫn với khoản 2 Điều 37.

6.4.3. Về hoạt động đầu tư (Điều 29), Ủy ban KTTC nhận thấy mục đích của BHTG là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, do đó, việc đa dạng hóa danh mục đầu tư của tổ chức BHTG cần được thực hiện theo nguyên tắc thận trọng, chỉ mở rộng đối với hình thức đầu tư an toàn, có rủi ro thấp. Ủy ban KTTC đề nghị nhận diện và đánh giá đầy đủ những rủi ro có liên quan khi mở rộng hoạt động đầu tư của tổ chức BHTG, xây dựng phương án phòng ngừa, kiểm soát và quản lý rủi ro, phân tích và đánh giá hiệu quả sử dụng vốn khi mở rộng hoạt động đầu tư, hình thành các cơ chế bảo toàn vốn, bảo đảm thanh khoản và an toàn cho hoạt động đầu tư của tổ chức BHTG; việc đầu tư chỉ được thực hiện khi đã bảo đảm cân đối năng lực và khả năng dự phòng cho hoạt động BHTG; đồng thời, cần làm rõ vai trò của NHNN với tư cách cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với tổ chức BHTG trong việc quyết định tiêu chí danh mục đầu tư, cơ cấu đầu tư cũng như kiểm soát, quản lý rủi ro liên quan đến hoạt động đầu tư; quy định trách nhiệm của các bên liên quan khi xử lý rủi ro. Có ý kiến đề nghị bổ sung quy định về cơ chế kiểm soát, các điều kiện, chỉ tiêu an toàn nhằm hạn chế rủi ro, bảo đảm nguyên tắc an toàn trong hoạt động đầu tư của tổ chức BHTG. Có ý kiến đề nghị làm rõ phạm vi nguồn vốn được sử dụng trong hoạt động đầu tư có bao gồm tất cả các quỹ quy định tại Điều 28 hay không và bổ sung trách nhiệm của Thống đốc NHNN trong việc xác định hạn mức đầu tư tối đa cho từng nhóm

TCTD và quy định hạn mức thanh toán tối thiểu mà quỹ BHTG phải duy trì nhằm bảo đảm an toàn khi có sự cố. Có ý kiến đề nghị phân bổ nguồn vốn theo hướng dành phần lớn để đảm bảo an toàn hệ thống và phần còn lại nhỏ hơn có thể đầu tư sinh lời.

Nhiều ý kiến đề nghị cân nhắc việc giao tổ chức BHTG quyết định tiêu chí danh mục đầu tư, cơ cấu đầu tư, từng khoản đầu tư (khoản 4 Điều 29), đề nghị giao Chính phủ quyết định để bảo đảm tính minh bạch và hạn chế rủi ro. Có ý kiến đề nghị làm rõ nội hàm “*hoạt động đầu tư khác*”. Có ý kiến đề nghị có quy định về hoạt động đầu tư có hiệu quả hơn mà vẫn đảm bảo tiêu chí an toàn, đặc biệt, có thể áp dụng các quy trình như trong quản lý danh mục quỹ đầu tư.

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Việc mở rộng hoạt động đầu tư của tổ chức BHTG được thực hiện theo nguyên tắc thận trọng; chỉ mở rộng đối với hình thức đầu tư an toàn, mức độ rủi ro thấp (mở rộng thêm hình thức đầu tư đối với trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi, gửi tiền tại các NHTM Nhà nước và NHTM cổ phần có vốn nhà nước trên 50% vốn điều lệ). Bên cạnh đó, dự thảo Luật cũng bổ sung quy định để đảm bảo an toàn trong hoạt động đầu tư của tổ chức BHTG như: giao Thống đốc NHNN quy định về phương thức đầu tư của tổ chức bảo hiểm tiền gửi và quy trình kiểm soát, quản lý rủi ro trong hoạt động đầu tư của tổ chức bảo hiểm tiền gửi; tổ chức bảo hiểm tiền gửi quyết định tiêu chí danh mục đầu tư, cơ cấu đầu tư, từng khoản đầu tư, phải kiểm soát, quản lý rủi ro của các khoản đầu tư. Đồng thời, tiếp thu ý kiến của UBTVQH và ý kiến thẩm tra sơ bộ của UBKTTC, để đảm bảo rõ ràng về nguồn vốn được sử dụng để thực hiện hoạt động đầu tư, khoản 1 Điều 29 dự thảo Luật đã được chỉnh lý theo hướng: Tổ chức BHTG được sử dụng nguồn vốn hoạt động (trừ nguồn vốn quy định tại khoản 2 Điều 28 của Luật này - là vốn vay đặc biệt của NHNN và vốn tiếp nhận hỗ trợ) để thực hiện hoạt động đầu tư. Đồng thời, để đảm bảo khả thi trong thực hiện, dự thảo Luật bổ sung khoản 2 Điều 29 như sau: Trong thời gian chưa sử dụng, nguồn vốn quy định tại khoản 2 Điều 28 của Luật này phải được gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Đối với ý kiến đề nghị giao Chính phủ quy định về cơ cấu đầu tư, hiện nay tại dự thảo Luật đã quy định rõ các hình thức đầu tư tổ chức BHTG được thực hiện, đảm bảo minh bạch, rõ ràng. BHTGVN chỉ được thực hiện các hoạt động đầu tư theo quy định tại Luật. Đối với “*hình thức đầu tư khác*” là quy định để có cơ sở khi thực tiễn phát sinh những hình thức, cách thức đầu tư an toàn mới, Chính phủ sẽ xem xét để quy định nội dung này.

6.4.4. *Về chế độ tài chính, hạch toán kế toán và kiểm toán* (Điều 30), Ủy ban KTTC đề nghị rà soát các quy định để bảo đảm tính thống nhất giữa dự thảo Luật với Luật Kế toán và chuẩn mực kế toán có liên quan, đồng thời, phù hợp với mô hình tổ chức và tính chất hoạt động của tổ chức BHTG. Có ý kiến đề nghị Cơ quan

chủ trì soạn thảo rà soát, không quy định các vấn đề cụ thể như các khoản thu, các khoản chi²⁹ của tổ chức BHTG trong dự thảo Luật mà giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết theo tinh thần đổi mới tư duy lập pháp và để bảo đảm linh hoạt trong quá trình thực hiện.

Về phân phối chênh lệch thu chi của tổ chức BHTG (khoản 4 Điều 30), để tăng cường an toàn tài chính và bảo đảm tính minh bạch, Ủy ban KTTC đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo nghiên cứu quy định tỷ lệ trích lập vào các quỹ theo hướng bảo đảm vai trò then chốt của quỹ dự phòng nghiệp vụ, đáp ứng mục tiêu của BHTG; xác định *mức trần tỷ lệ trích lập* cho quỹ đầu tư phát triển của tổ chức BHTG, quỹ dự phòng tài chính, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động và quỹ thưởng cho người quản lý, làm căn cứ để Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tỷ lệ trích lập cụ thể.

Khoản 5 Điều 30 dự thảo Luật quy định: “Trường hợp tổ chức BHTG sử dụng quỹ dự phòng nghiệp vụ để chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền theo quy định pháp luật hoặc thực hiện hoạt động quy định tại điểm b, c khoản 14 Điều 14 của Luật này dẫn tới không đủ nguồn thu để chi cho hoạt động của tổ chức BHTG và tổ chức BHTG có chênh lệch thu – chi âm, tổ chức BHTG được sử dụng quỹ dự phòng tài chính, khoản thu phí bảo hiểm (sau khi đã sử dụng quỹ dự phòng tài chính) để bù đắp các khoản chi phí hoạt động và chi tiền lương, phúc lợi cho người lao động đảm bảo tiền lương không thấp hơn năm trước liền kề”. Ủy ban KTTC đề nghị cân nhắc chỉ trong trường hợp không còn nguồn khác mới được sử dụng khoản thu phí BHTG để chi cho hoạt động của tổ chức BHTG, chi tiền lương, phúc lợi cho người lao động, tránh cách hiểu là “mặc định” được dùng phí BHTG để chi thường xuyên, làm sai lệch bản chất phí BHTG (là nguồn hình thành quỹ dự phòng nghiệp vụ). Bên cạnh đó, Ủy ban KTTC đề nghị rà soát quy định “*đảm bảo tiền lương không thấp hơn năm trước liền kề*”, bảo đảm đồng bộ với các quy định của pháp luật có liên quan; trường hợp cần thiết cần lấy ý kiến Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ về nội dung này. Có ý kiến đề nghị bỏ quy định tại khoản 5 Điều 30 do khoản 5 Điều 27 đã có quy định: “*Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động, chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của tổ chức BHTG phù hợp với tính chất hoạt động của tổ chức BHTG*”.

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

²⁹ Điều 30 dự thảo Luật quy định:

“1. Các khoản thu của tổ chức BHTG được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, các quy định của pháp luật có liên quan và được hạch toán đầy đủ vào doanh thu bao gồm: Thu hoạt động nghiệp vụ BHTG; Doanh thu từ hoạt động đầu tư và thu hoạt động khác”.

2. Các khoản chi của tổ chức BHTG được ghi nhận trên cơ sở nguyên tắc phù hợp doanh thu và chi phí theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan. Chi phí của tổ chức BHTG là các khoản chi phí phát sinh thực tế liên quan đến hoạt động của tổ chức BHTG, bao gồm: Chi hoạt động nghiệp vụ BHTG; chi hoạt động đầu tư; chi cho người quản lý, người điều hành, nhân viên; chi hoạt động quản lý; chi dự phòng rủi ro; chi phí khác”.

Về các quy định về chế độ tài chính, hạch toán kế toán và kiểm toán của tổ chức BHTG, dự thảo Luật kế thừa quy định hiện hành đồng thời bổ sung quy định mang tính nguyên tắc chung về các khoản thu, chi của tổ chức BHTG, bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động, phù hợp với mô hình tổ chức và tính chất hoạt động đặc thù của tổ chức BHTG, đồng thời thống nhất với Luật Kế toán và các chuẩn mực kế toán có liên quan. Quy định này cũng thống nhất với cách thức quy định tại các luật về hoạt động của các tổ chức có hoạt động đặc thù, đảm bảo phù hợp với tính chất hoạt động của các tổ chức này và tính công khai, minh bạch trong chế độ tài chính (ví dụ Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Các TCTD...).

Về phân phối chênh lệch thu chi của tổ chức BHTG (khoản 4 Điều 30): dự thảo Luật đã quy định tại điểm d khoản 4 Điều 30 giao Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định cụ thể tỷ lệ trích lập vào các quỹ, bảo đảm phù hợp với tính chất và hoạt động của tổ chức BHTG. Bên cạnh đó, dự thảo Luật chỉ quy định khung và nguyên tắc chung, trong đó khẳng định quỹ dự phòng nghiệp vụ giữ vai trò then chốt, toàn bộ phần chênh lệch thu – chi còn lại sau khi trích lập vào các quỹ theo quy định sẽ được bổ sung cho quỹ dự phòng nghiệp vụ để tăng cường năng lực chi trả, bảo vệ quyền lợi người gửi tiền.

Về ý kiến nên quy định mức trần tỷ lệ trích lập, dự thảo Luật sẽ không quy định về nội dung này do việc chỉ quy định tỷ lệ riêng cho Quỹ đầu tư phát triển mà không quy định cho các Quỹ khác (quỹ dự phòng tài chính, khen thưởng...) không đảm bảo tính đồng bộ. Bên cạnh đó việc giao Bộ Tài chính quy định tỷ lệ trích lập chênh lệch thu chi của tổ chức BHTG vào các quỹ cũng phù hợp, đảm bảo linh hoạt trong điều hành.

Về khoản 5 Điều 30, dự thảo Luật quy định cơ chế xử lý trong trường hợp đặc biệt khi tổ chức BHTG đã sử dụng quỹ dự phòng nghiệp vụ để chi trả bảo hiểm tiền gửi hoặc thực hiện chi trả sớm, hỗ trợ theo quy định tại điểm b, c khoản 14 Điều 14 dẫn đến phát sinh chênh lệch thu – chi âm. Đặc thù hoạt động của tổ chức BHTG là hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, chi phí cho hoạt động của tổ chức BHTG dựa trên nguồn tiền thu được từ hoạt động đầu tư nguồn vốn nhân rồi tại quỹ dự phòng nghiệp vụ. Do đó, khi tổ chức BHTG sử dụng quỹ dự phòng để thực hiện nhiệm vụ (cho vay đặc biệt, chi trả tiền gửi...) dẫn tới quỹ dự phòng nghiệp vụ giảm, nguồn thu từ hoạt động đầu tư không đủ để chi trả các chi phí vận hành của tổ chức BHTG thì cần có cơ chế xử lý, đảm bảo nguồn chi vận hành của tổ chức BHTG, trong đó có tiền lương cho người lao động (duy trì mức lương không thấp hơn năm trước liền kề), tạo động lực để tổ chức BHTG thực hiện mục tiêu bảo vệ quyền lợi người gửi tiền và an toàn hệ thống.

Trong tình huống này, tổ chức BHTG được sử dụng quỹ dự phòng tài chính và chỉ khi đã sử dụng hết nguồn này mới được dùng đến khoản thu phí bảo hiểm để bù đắp chi phí hoạt động, chi tiền lương, phúc lợi cho người lao động. Trên cơ

sở tiếp thu ý kiến thẩm tra, để đảm bảo rõ ràng hơn, khoản 5 Điều 30 dự thảo Luật dự kiến chỉnh lý theo hướng: *Trường hợp tổ chức bảo hiểm tiền gửi sử dụng quỹ dự phòng nghiệp vụ để chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền theo quy định pháp luật hoặc thực hiện hoạt động quy định tại điểm b, c khoản 14 Điều 14 của Luật này dẫn tới không đủ nguồn thu để chi cho hoạt động của tổ chức bảo hiểm tiền gửi và tổ chức bảo hiểm tiền gửi có chênh lệch thu – chi âm, tổ chức bảo hiểm tiền gửi được sử dụng quỹ dự phòng tài chính, khoản thu phí bảo hiểm (sau khi đã sử dụng hết quỹ dự phòng tài chính) để bù đắp các khoản chi phí hoạt động và chi tiền lương, phúc lợi cho người lao động đảm bảo tiền lương không thấp hơn năm trước liền kề.*

Đối với quy định “*đảm bảo tiền lương không thấp hơn năm trước liền kề*”, đây là quy định mang tính khung, nguyên tắc chung, chỉ được thực hiện khi tổ chức BHTG sử dụng quỹ dự phòng nghiệp vụ để chi trả bảo hiểm cho người gửi tiền hoặc thực hiện các hoạt động nghiệp vụ dẫn tới không đủ nguồn thu để chi cho hoạt động. Đây là những tình huống cán bộ BHTGVN phải nỗ lực rất lớn để thực hiện mục tiêu bảo vệ người gửi tiền, góp phần đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng. Vì vậy, cần đảm bảo chế độ tiền lương để đảm bảo quyền lợi cho người lao động, giúp người lao động yên tâm làm việc. Quá trình xây dựng dự thảo Luật, nội dung này đã có tại dự thảo Luật xin ý kiến của Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ. Tại Công văn tham gia ý kiến chính thức và trong quá trình tham vấn chính sách, họp thẩm định do Bộ Tư pháp tổ chức, các cơ quan này không có ý kiến về quy định nêu trên tại dự thảo Luật.

Quy định tại khoản 5 Điều 30 là cần thiết để quy định nội dung đặc thù về chế độ tiền lương của tổ chức BHTG, phù hợp với tính chất hoạt động của tổ chức BHTG. Nội dung tại khoản này khác với quy định tại khoản 5 Điều 27 dự thảo Luật về thẩm quyền của Chính phủ quy định chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của tổ chức BHTG.

6.4.5. *Về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức BHTG (Điều 31)*, có ý kiến cho rằng theo thuyết minh, dự thảo Luật bổ sung quy định về việc quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức BHTG làm cơ sở pháp lý để thực hiện việc quản lý vốn nhà nước đầu tư tại tổ chức này, tuy nhiên khoản 4 Điều 31 lại giao Chính phủ quy định về quản lý và đầu tư vốn, giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước là chưa phù hợp. Có ý kiến cho rằng cụm từ “*bảo toàn vốn*” áp dụng cho doanh nghiệp nhà nước mang tính kinh doanh, còn tổ chức BHTG có đặc thù là phải chi trả khi rủi ro xảy ra. Do đó, nên cân nhắc khái niệm “*an toàn vốn, hạn chế rủi ro*” thay vì “*bảo toàn vốn*” theo nghĩa chung. Có ý kiến đề nghị làm rõ cách xác định vốn nhà nước tại tổ chức BHTG chỉ tính theo khoản ban đầu Nhà nước cấp hay được coi là vốn có khả năng tăng trưởng theo thời gian cùng với giá trị gia tăng từ hoạt động của tổ chức BHTG.

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

Tổ chức BHTG hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, không phải là doanh nghiệp, không thuộc đối tượng áp dụng của Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp (Luật 68). Để đảm bảo có đầy đủ cơ sở pháp lý để thực hiện việc quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại BHTGVN, dự thảo Luật đã bổ sung quy định các nguyên tắc chung về quản lý vốn nhà nước tại BHTGVN, về cơ bản thống nhất với Luật 68, đồng thời giao Chính phủ quy định chi tiết trên cơ sở phù hợp với tính chất hoạt động của BHTGVN. Việc có các quy định mang tính nguyên tắc tại dự thảo Luật đồng thời giao Chính phủ hướng dẫn đảm bảo tính nhất quán trong quy định về quản lý sử dụng vốn nhà nước tại các Luật, đồng thời đảm bảo phù hợp với đặc thù hoạt động của BHTGVN.

Về việc bảo toàn vốn của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, trên cơ sở tiếp thu ý kiến của UBTVQH, ý kiến thẩm tra sơ bộ của UBKKTC, để phù hợp với tính chất hoạt động của tổ chức BHTG, dự thảo Luật đã được rà soát các quy định về bảo toàn vốn để quy định chung tại một điều khoản tại dự thảo Luật, cụ thể khoản 7 Điều 14 dự thảo Luật đã được chỉnh lý như sau: “*Quản lý, sử dụng và bảo toàn vốn khi thực hiện hoạt động đầu tư, trừ một số nguyên nhân khách quan, bất khả kháng ảnh hưởng đến vốn và thu nhập theo quy định tại chế độ tài chính của tổ chức bảo hiểm tiền gửi. Việc bảo toàn vốn được đánh giá trên cơ sở hiệu quả tổng thể của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.*”.

6.5. Về tham gia xử lý TCTD được can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt; tham gia xử lý sự cố, khủng hoảng trong hoạt động của TCTD (Chương VII)

6.5.1. Về cho vay đặc biệt (Điều 35), dự thảo Luật quy định các trường hợp tổ chức BHTG cho vay đặc biệt từ Quỹ dự phòng nghiệp vụ. Để bảo đảm tính khả thi khi triển khai trong thực tế và phòng ngừa rủi ro có thể xảy ra trong hoạt động của tổ chức BHTG, Ủy ban KTTC đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo có hướng dẫn cụ thể về quy mô cho vay đặc biệt tối đa trên tổng Quỹ dự phòng nghiệp vụ; xây dựng bộ tiêu chí minh bạch để phê duyệt các khoản cho vay đặc biệt; tăng cường cơ chế giám sát việc sử dụng khoản vay đặc biệt từ tổ chức BHTG. Việc cho vay đặc biệt của tổ chức BHTG có thể dẫn tới giảm Quỹ dự phòng nghiệp vụ, tổ chức BHTG phải vay đặc biệt từ NHNN để bảo đảm khả năng chi trả và phải tăng phí BHTG để bù đắp phần vay đặc biệt NHNN. Do đó, để bảo đảm tính minh bạch, hạn chế các trường hợp phải tăng phí BHTG không cần thiết, Ủy ban KTTC đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ trường hợp nào TCTD vay đặc biệt từ NHNN; trường hợp nào vay đặc biệt từ tổ chức BHTG, bảo đảm phù hợp với năng lực tài chính của tổ chức BHTG. Có ý kiến đề nghị quy định điều kiện và tiêu chí cụ thể để xác định trường hợp tổ chức BHTG được cho vay đặc biệt. Bên cạnh đó, đề nghị Cơ quan soạn thảo rà soát, làm rõ các trường hợp được cho vay đặc biệt tại khoản 1 Điều 35, đảm bảo thống nhất, tránh bị trùng lặp với các trường hợp

được cho vay đặc biệt quy định tại Luật các TCTD.

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

- Về quy mô cho vay đặc biệt trên tổng quỹ dự phòng nghiệp vụ: Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 28 dự thảo Luật, quỹ dự phòng nghiệp vụ được sử dụng để chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi; tham gia vào quá trình can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi và các hoạt động khác theo quy định Luật này. Mục đích sử dụng quỹ dự phòng nghiệp vụ phù hợp với mục tiêu hoạt động của tổ chức BHTG. Như đã giải trình ở trên, việc sử dụng quỹ dự phòng nghiệp vụ để chi trả trực tiếp cho người gửi tiền hoặc gián tiếp thông qua việc tham gia xử lý TCTD yếu kém (như cho vay đặc biệt...) giúp các TCTD này có khả năng phục hồi, qua đó hướng tới mục tiêu cuối cùng là bảo đảm tốt nhất quyền lợi người gửi tiền. Do đó, việc quy định chỉ một tỷ lệ tối đa trên tổng quỹ dự phòng nghiệp vụ để cho vay đặc biệt là chưa hợp lý.

- Về xây dựng bộ tiêu chí minh bạch để phê duyệt các khoản cho vay đặc biệt: Dự thảo Luật quy định tổ chức BHTG quyết định việc cho vay đặc biệt, bao gồm cả việc cho vay có hoặc không có lãi suất, có hoặc không có tài sản bảo đảm (khoản 3 Điều 35). Để triển khai quy định nêu trên, tổ chức BHTG phải xây dựng quy chế nội bộ về cho vay đặc biệt. Bên cạnh đó, dự thảo Luật hiện cũng giao Thống đốc NHNN hướng dẫn việc cho vay đặc biệt của tổ chức BHTG.

- Về tăng cường cơ chế giám sát việc sử dụng khoản vay đặc biệt từ tổ chức BHTG: Dự thảo Luật quy định các trường hợp cho vay đặc biệt của tổ chức BHTG đối với tổ chức tham gia BHTG được can thiệp sớm, được kiểm soát đặc biệt. Quy định tại dự thảo Luật hiện nay chặt chẽ hơn so với quy định tại Luật Các TCTD (Luật Các TCTD quy định TCTD được vay đặc biệt của tổ chức BHTG theo pháp luật về BHTG, chưa có giới hạn được vay chỉ trong trường hợp phải được can thiệp sớm hoặc kiểm soát đặc biệt như dự thảo Luật).

- Về trường hợp nào TCTD vay đặc biệt từ NHNN; trường hợp nào vay đặc biệt từ TCBHTG: Dự thảo Luật quy định tổ chức BHTG quyết định việc cho vay đặc biệt, thống nhất với quy định tại Luật Các TCTD³⁰. Tổ chức BHTG căn cứ vào năng lực tài chính, thực trạng của TCTD để quyết định việc cho vay đặc biệt. Việc BHTGVN cho vay đặc biệt là một trong những phương thức hỗ trợ, bằng nguồn lực của mình để góp phần đảm bảo an toàn hệ thống TCTD. NHNN với vai trò cơ quan quản lý nhà nước, đảm bảo an toàn hệ thống TCTD vẫn thực hiện việc cho vay đặc biệt TCTD theo quy định của Luật Các TCTD và Luật NHNN.

³⁰ Khoản 2 Điều 192 Luật các TCTD năm 2024 quy định “2. Ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô được vay đặc biệt từ tổ chức bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi.”

- Về điều kiện và tiêu chí cụ thể để xác định trường hợp tổ chức BHTG được cho vay đặc biệt: Dự thảo Luật đã có quy định cụ thể các trường hợp cho vay đặc biệt của TCBHTG, gắn với các điều kiện cụ thể, ví dụ cho vay đặc biệt TCTD được can thiệp sớm, được kiểm soát đặc biệt và bị rút tiền hàng loạt, cho vay đặc biệt TCTD để thực hiện phương án cơ cấu lại và biện pháp cho vay đặc biệt phải là một nội dung tại phương án cơ cấu lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Về việc làm rõ các trường hợp tổ chức BHTG được cho vay đặc biệt tại khoản 1 Điều 35: Khoản 1 Điều 35 dự thảo Luật quy định:

“1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi cho vay đặc biệt từ quỹ dự phòng nghiệp vụ trong các trường hợp sau:

a) Cho vay đặc biệt đối với ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, tổ chức tài chính vi mô được kiểm soát đặc biệt để thực hiện phương án phục hồi;

b) Cho vay đặc biệt đối với ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc;

c) Cho vay đặc biệt đối với ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô được can thiệp sớm và bị rút tiền hàng loạt; được kiểm soát đặc biệt và bị rút tiền hàng loạt để trả tiền gửi cho người gửi tiền.”

Quy định đối tượng tổ chức BHTG cho vay đặc biệt tại dự thảo Luật phù hợp với quy định tại Điều 171³¹, Điều 182³², điểm c khoản 1 Điều 191³³, khoản 2 Điều 192³⁴ Luật Các TCTD.

6.5.2. Dự thảo Luật quy định *“tổ chức BHTG quyết định việc cho vay đặc biệt có hoặc không có lãi suất, có hoặc không có tài sản bảo đảm; xây dựng quy định nội bộ về cho vay đặc biệt các TCTD”* (khoản 3 Điều 35). Do nguồn lực để tổ chức BHTG tham gia vào quá trình can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt tổ chức tham gia BHTG được trích từ quỹ dự phòng nghiệp vụ và quỹ này cũng đồng thời được sử dụng để chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền (điểm b khoản 3 Điều

³¹ 1. TCTD được kiểm soát đặc biệt là ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, công ty tài chính được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ sau đây: a) Vay đặc biệt từ Ngân hàng Nhà nước, tổ chức bảo hiểm tiền gửi, TCTD khác theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 192 của Luật này; .. 2. TCTD được kiểm soát đặc biệt là quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô được áp dụng một hoặc một số biện pháp hỗ trợ sau đây:.. b) Tổ chức tài chính vi mô được vay đặc biệt của NHNN, tổ chức bảo hiểm tiền gửi, TCTD khác theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 192 của Luật này;

³² 1. Ngân hàng thương mại được chuyển giao bắt buộc được áp dụng một hoặc một số biện pháp sau đây: ..e) Vay đặc biệt từ Ngân hàng Nhà nước, tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tín dụng khác theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 192 của Luật này...

³³ c) Ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô được vay đặc biệt từ Ngân hàng Nhà nước; vay đặc biệt từ tổ chức bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi; vay đặc biệt từ tổ chức tín dụng khác

³⁴: 2. Ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô được vay đặc biệt từ tổ chức bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi.

28). Để bảo đảm cân đối nguồn lực tài chính của tổ chức BHTG, tránh phát sinh rủi ro dẫn đến thâm hụt quỹ dự phòng nghiệp vụ, ảnh hưởng đến mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, Ủy ban KTTC đề nghị NHNN có hướng dẫn cụ thể về điều kiện, lãi suất và tài sản bảo đảm của khoản cho vay đặc biệt của tổ chức BHTG đối với các TCTD.

Bên cạnh đó, có ý kiến đề nghị cần nhắc quy định “sau khi phương án phá sản được phê duyệt, số tiền tổ chức BHTG đã cho vay đặc biệt được chuyển thành khoản tiền chi trả tiền gửi cho người gửi tiền” (khoản 2 Điều 37). Tổ chức BHTG được hạch toán giảm quỹ dự phòng nghiệp vụ đối với khoản tiền đã chi trả tiền gửi cho người gửi tiền (điểm c khoản 3 Điều 28). Do đó, để bảo đảm minh bạch, rõ ràng trong chế độ hạch toán kế toán của tổ chức BHTG, cần xác định rõ mục đích sử dụng khoản vay đặc biệt của TCTD khi áp dụng khoản 2 Điều 37. Có ý kiến cho rằng quỹ dự phòng nghiệp vụ được hình thành từ phí BHTG của TCTD, là “tài sản chung” được sử dụng để chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền, không nên sử dụng để “xóa nợ” cho các TCTD đã vay đặc biệt. Để kiểm soát tốt các khoản vay đặc biệt, việc cho phép số tiền tổ chức BHTG đã cho vay đặc biệt được chuyển thành khoản tiền chi trả tiền gửi cho người gửi tiền và hạch toán giảm quỹ dự phòng nghiệp vụ chỉ nên giới hạn chặt chẽ trong trường hợp thực hiện phương án phá sản đã được phê duyệt và đã thực hiện đầy đủ quy trình thu hồi với sự quản lý, giám sát chặt chẽ NHNN và Bộ Tài chính mà không thu hồi được.

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

Như đã giải trình ở trên, hiện nay khoản 3 Điều 35 dự thảo Luật quy định tổ chức BHTG quyết định việc cho vay đặc biệt, bao gồm cả việc cho vay có hoặc không có lãi suất, có hoặc không có tài sản bảo đảm. Để triển khai quy định nêu trên, tổ chức BHTG phải xây dựng quy chế nội bộ về cho vay đặc biệt. Bên cạnh đó, khoản 2 Điều 35 dự thảo Luật hiện cũng giao Thống đốc NHNN hướng dẫn việc cho vay đặc biệt của TCBHTG.

Về mục đích sử dụng khoản vay đặc biệt của TCTD tại khoản 2 Điều 37: về cơ bản, mục đích của các khoản vay đặc biệt là để ổn định hoạt động của TCTD, hỗ trợ thanh khoản cho TCTD khi có rủi ro xảy ra, phòng ngừa nguy cơ lan truyền, ảnh hưởng đến an toàn hệ thống, qua đó giúp bảo toàn khoản tiền gửi của người gửi tiền tại TCTD. Do đó, việc quy định sau khi phương án phá sản được phê duyệt, số tiền tổ chức bảo hiểm tiền gửi đã cho vay đặc biệt được chuyển thành khoản tiền chi trả tiền gửi cho người gửi tiền tại dự thảo Luật phù hợp với mục đích sử dụng khoản cho vay đặc biệt, bảo đảm quyền lợi của người gửi tiền.

Quy định về hạch toán giảm quỹ dự phòng nghiệp vụ cho các khoản cho vay đặc biệt của TCBHTG đã được quy định từ Luật Các TCTD năm 2017. Tại dự thảo Luật này quy định theo hướng chặt chẽ hơn, theo đó việc hạch toán giảm quỹ chỉ thực hiện khi phương án phá sản TCTD đã được phê duyệt. Khi thực hiện

phương án phá sản, tổ chức BHTG là chủ nợ đối với khoản tiền đã chi trả, khoản tiền này tiếp tục được thu hồi trong quá trình thanh lý tài sản. Việc hạch toán giảm quỹ không phải là “xóa nợ” cho TCTD. Nghĩa vụ hoàn trả khoản cho vay đặc biệt của TCTD được xác định là một trong các nghĩa vụ thanh toán của TCTD và được xử lý theo Luật Phá sản, Luật các TCTD. Trường hợp thu hồi được khoản tiền thông qua thủ tục thanh lý tài sản tại giai đoạn phá sản, số tiền thu hồi được sẽ hạch toán vào quỹ dự phòng nghiệp vụ.

6.5.3. *Về chi trả để bảo đảm an toàn hệ thống, trật tự an toàn xã hội* (Điều 36), dự thảo Luật quy định “*để bảo đảm an toàn hệ thống, trật tự an toàn xã hội theo quy định tại khoản 4 Điều 162 Luật Các TCTD, NHNN báo cáo Chính phủ quyết định việc yêu cầu tổ chức BHTG chi trả trong trường hợp TCTD được kiểm soát đặc biệt bị mất hoặc có nguy cơ mất khả năng chi trả theo pháp luật các TCTD*” (khoản 1 Điều 36). Quy định của dự thảo Luật cho phép tổ chức BHTG thực hiện chi trả sớm hơn cho người gửi tiền được bảo hiểm. Tuy nhiên, đây là nội dung mới so với quy định của Luật Các TCTD về kiểm soát đặc biệt TCTD. Mặt khác, khoản 4 Điều 162 Luật Các TCTD đã phân cấp thẩm quyền quyết định việc áp dụng biện pháp đặc biệt nhằm bảo đảm an toàn hệ thống TCTD, trật tự, an toàn xã hội khi xử lý TCTD được kiểm soát đặc biệt cho Chính phủ³⁵. Do đó, Ủy ban KTTC đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo làm rõ cơ sở đề xuất, đánh giá kỹ lưỡng tác động, tính khả thi và sự cần thiết của quy định tại Điều 36 dự thảo Luật.

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

Chính phủ xin báo cáo làm rõ cơ sở đề xuất, tác động, tính khả thi và sự cần thiết của quy định về chi trả để bảo đảm an toàn hệ thống, trật tự an toàn xã hội tại Điều 36 dự thảo Luật như sau:

Điều 36 về chi trả để bảo đảm an toàn hệ thống, trật tự an toàn xã hội là quy định thể hiện việc tổ chức BHTG tham gia xử lý khủng hoảng, sự cố của TCTD cũng là một trong các biện pháp nhằm đảm bảo an toàn hệ thống TCTD, đảm bảo quyền lợi người gửi tiền, phù hợp với chủ trương, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, chiến lược BHTG, chiến lược ngành ngân hàng. Quy định này phù hợp với Nghị quyết 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới đã quán triệt quan điểm, chỉ đạo: “*Xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn, “đứng trên mảnh đất thực tiễn của Việt Nam”*”; tại Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân đã đề ra quan điểm, chỉ đạo: “*bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp và doanh nhân*” (Mục I.2 và Mục I.3), “*có cơ chế bổ sung nguồn lực, chính sách bảo hiểm hợp lý bảo đảm an toàn hệ thống*” (Mục III).

³⁵ Khoản 4 Điều 162 Luật Các TCTD quy định “*Trường hợp nhằm bảo đảm an toàn hệ thống TCTD, trật tự, an toàn xã hội khi xử lý TCTD được kiểm soát đặc biệt, Chính phủ quyết định việc áp dụng biện pháp đặc biệt trên cơ sở đề xuất của NHNN và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất*”

Bên cạnh đó, tại Quyết định số 986/QĐ-TTg ngày 08/8/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển ngành Ngân hàng Việt Nam đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 xác định một trong những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu đối với BHTGVN là tham gia tái cơ cấu có hiệu quả đối với các TCTD yếu kém; Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 08/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025”, một trong các giải pháp cơ cấu lại là bổ sung chức năng, nhiệm vụ của BHTGVN được tham gia cơ cấu lại TCTD yếu kém (bao gồm việc sử dụng quỹ dự phòng nghiệp vụ để cơ cấu lại tổ chức tín dụng yếu kém); Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 12/3/2023 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường giải pháp đảm bảo an toàn hoạt động, củng cố vững chắc hệ thống quỹ tín dụng nhân dân, trong đó yêu cầu nghiên cứu đề xuất việc sửa đổi Luật BHTG để sử dụng nguồn tiền kết dư phí BHTG để xử lý các TCTD yếu kém.

Điều 3 Luật BHTG 2012 quy định mục đích của bảo hiểm tiền gửi là “*nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống các TCTD, bảo đảm sự phát triển an toàn lành mạnh của hoạt động ngân hàng*”, được kế thừa tại dự thảo Luật BHTG (sửa đổi). Như vậy, mục đích ưu tiên của hoạt động bảo hiểm tiền gửi chính là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, duy trì sự ổn định, an toàn của hệ thống TCTD. Chỉ khi hệ thống TCTD hoạt động an toàn, tiền gửi của người gửi tiền tại TCTD mới được bảo vệ tối đa và quyền lợi của người gửi tiền được đảm bảo cao nhất. Do đó, trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức BHTG cần đánh giá, lựa chọn các biện pháp để bảo vệ “tối ưu” quyền lợi người gửi tiền, không chỉ thông qua biện pháp trực tiếp là chi trả theo hạn mức bảo hiểm tiền gửi cho người gửi tiền khi TCTD bị phá sản, mà còn thông qua các biện pháp đảm bảo duy trì sự ổn định của hệ thống, ngăn chặn nguy cơ khủng hoảng, sự cố, đổ vỡ kéo theo rủi ro.

Điều 36 dự thảo Luật là quy định cần thiết để sử dụng hiệu quả hơn nguồn lực hiện có của BHTG để tham gia xử lý TCTD yếu kém, ổn định hệ thống ngân hàng. Hiện nay, Luật BHTG chỉ quy định trường hợp chi trả duy nhất là khi TCTD phá sản. Như nội dung đã báo cáo tại Báo cáo tổng kết thi hành Luật BHTG năm 2012, một trong những khó khăn liên quan đến việc chi trả bảo hiểm tiền gửi về thời điểm chi trả tiền gửi được bảo hiểm hiện nay chưa đảm bảo tính kịp thời, chưa có cơ sở để BHTGVN thực hiện chi trả tiền gửi sớm hơn, ngay khi TCTD xảy ra sự kiện có nguy cơ gây mất an toàn hệ thống. Việc tổ chức BHTG chỉ có thể thực hiện chi trả tiền gửi sau khi phương án phá sản đã được phê duyệt sẽ không đảm bảo được vai trò của tổ chức BHTG trong việc góp phần ổn định tâm lý người gửi tiền, ngăn chặn nguy cơ đổ vỡ, bảo vệ tốt nhất quyền lợi người gửi tiền. Do đó, một trong những chính sách xây dựng Luật là nghiên cứu, đề xuất cơ chế để tổ chức BHTG chi trả sớm hơn tiền gửi được bảo hiểm cho người gửi tiền.

Bên cạnh đó, phạm vi Luật các TCTD điều chỉnh về tổ chức, hoạt động của TCTD. Đối với các quy định về quyền, nghĩa vụ của tổ chức BHTG khi tham gia xử lý TCTD yếu kém chỉ là quy định nguyên tắc, việc cụ thể hóa phải được quy định thống nhất tại Luật BHTG để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật. Do đó, việc bổ sung quy định tại Điều 36 tại dự thảo Luật là phù hợp và không mâu thuẫn với quy định tại Luật các TCTD.

6.5.4. Có ý kiến cho rằng việc chi trả để bảo đảm an toàn hệ thống, trật tự an toàn xã hội đối với trường hợp TCTD được kiểm soát đặc biệt đã bị mất khả năng chi trả là phù hợp do đây là trường hợp không còn khả năng phục hồi. Tuy nhiên, đối với các TCTD *“có nguy cơ mất khả năng chi trả”* có thể vẫn còn khả năng phục hồi và chưa thật cần thiết phải thực hiện chi trả sớm. Việc chi trả sớm đối với các trường hợp này trong một số trường hợp có thể là cảnh báo về sự bất ổn của TCTD được nhận chi trả sớm, gây tác động tiêu cực về mặt tâm lý đối với người gửi tiền và có thể gây rút tiền hàng loạt, khiến những TCTD này khó hồi phục hơn. Do đó, đề nghị làm rõ nội hàm *“nguy cơ mất khả năng chi trả”* bởi trường hợp này tương tự như trường hợp *can thiệp sớm* được quy định tại Luật Các TCTD, theo đó trường hợp can thiệp sớm có thể chưa cần chi trả do Luật Các TCTD quy định can thiệp sớm có thể đưa ra các giải pháp để phục hồi.

Có ý kiến đề nghị làm rõ trường hợp TCTD đã được chi trả sớm theo quy định tại khoản 1 Điều 36 nhưng sau đó vẫn bị phá sản; và số tiền tổ chức BHTG đã cho TCTD vay đặc biệt sau đó được chuyển thành khoản tiền chi trả tiền gửi cho người gửi tiền như quy định tại khoản 2 Điều 37 có chi trả bảo hiểm tiền gửi hai lần không.

Có ý kiến đề nghị giữ tên Điều 36 là *“Chi trả trong trường hợp đặc biệt”* như dự thảo Luật đã trình Ủy ban thường vụ Quốc hội do mang tính kỹ thuật và rõ nội hàm với nội dung các khoản trong Điều này hơn so với việc đổi tên thành *“Chi trả để bảo đảm an toàn hệ thống, trật tự an toàn xã hội”*.

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

Về việc làm rõ nội hàm *“nguy cơ mất khả năng chi trả”*, hiện nay việc xác định TCTD có nguy cơ mất khả năng chi trả đang được quy định theo pháp luật các TCTD (Điều 15a Thông tư 22/2019/TT-NHNN của Thống đốc NHNN quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong các hoạt động ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định: *“1. Ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nguy cơ mất khả năng chi trả khi thiếu hụt tài sản có tính thanh khoản cao ở mức 20% trở lên tại thời điểm tính toán tỷ lệ khả năng chi trả dẫn đến không duy trì được một trong các tỷ lệ khả năng chi trả theo quy định tại Thông tư này trong thời gian 30 ngày liên tục”*). Theo đó, tiếp thu ý kiến thẩm tra sơ bộ, dự thảo Luật đã quy định *“...trường hợp tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt bị mất hoặc có nguy cơ mất khả năng chi trả theo pháp luật các tổ chức tín dụng”*.

Yếu tố TCTD được kiểm soát đặc biệt bị mất hoặc có nguy cơ mất khả năng chi trả chỉ là một trong các yếu tố để kích hoạt chi trả sớm, ngoài ra còn cần một loạt các yêu cầu khác như: để đảm bảo an toàn hệ thống, trật tự an toàn xã hội theo quy định tại khoản 4 Điều 162 Luật Các tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo Chính phủ quyết định việc yêu cầu tổ chức bảo hiểm tiền gửi chi trả.

Về trường hợp TCTD đã được chi trả sớm theo định tại khoản 1 Điều 36 nhưng sau đó vẫn bị phá sản, số tiền tổ chức BHTG đã chi trả sẽ chuyển thành nghĩa vụ nợ mà TCTD được chi trả phải trả cho tổ chức BHTG trong quá trình xử lý tài sản của TCTD theo pháp luật về phá sản.

Đối với số tiền tổ chức BHTG đã cho TCTD vay đặc biệt sau đó được chuyển thành khoản tiền chi trả tiền gửi cho người gửi tiền như quy định tại khoản 2 Điều 37 là việc hạch toán khoản tiền cho vay đặc biệt là khoản tiền chi trả tiền gửi cho người gửi tiền, không phải là cơ chế chi trả BHTG.

Về tên gọi của Điều 36, Chính phủ đề nghị được giữ nguyên tên Điều 36 để đồng bộ, thống nhất với trường hợp phát sinh chi trả là để đảm bảo an toàn hệ thống, trật tự an toàn xã hội.

6.5.5. *Về tham gia xử lý sự cố, khủng hoảng trong hoạt động của TCTD* (Điều 39), dự thảo Luật quy định “*Trường hợp phát sinh sự cố, khủng hoảng có nguy cơ gây mất an toàn hệ thống TCTD, tổ chức BHTG tham gia xử lý sự cố, khủng hoảng theo quy định tại Luật này. Chính phủ quyết định các biện pháp khác để xử lý sự cố, khủng hoảng*”. Ủy ban KTTC đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo cân nhắc không quy định nội dung này trong dự thảo Luật BHTG (sửa đổi) do về mặt nội hàm chính sách trùng lặp với quy định tại khoản 4 Điều 162 Luật Các TCTD; đồng thời, khoản 4 Điều 162 Luật Các TCTD đã cho phép Chính phủ quyết định việc áp dụng biện pháp đặc biệt trên cơ sở đề xuất của NHNN và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất. Bên cạnh đó, quy định tại dự thảo Luật chưa làm rõ khái niệm “*sự cố, khủng hoảng*” và chưa phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 162 Luật Các TCTD về trường hợp áp dụng (biện pháp đặc biệt chỉ áp dụng trong “*Trường hợp nhằm bảo đảm an toàn hệ thống TCTD, trật tự, an toàn xã hội khi xử lý TCTD được kiểm soát đặc biệt*”). Ngoài ra, nội dung “*Chính phủ quyết định các biện pháp khác để xử lý sự cố, khủng hoảng*” không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này.

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

- Thực tiễn cho thấy khi phát sinh rủi ro có nguy cơ lan truyền ảnh hưởng tới an toàn hệ thống, nếu không có ngay các biện pháp nhanh chóng, kịp thời để ổn định tâm lý người gửi tiền sẽ dẫn tới một sự đổ vỡ dây chuyền nhanh chóng và khó có khả năng khắc phục. Theo đó, việc có các biện pháp đặc thù nhằm ứng phó

với các rủi ro, ngăn chặn khủng hoảng hệ thống, bảo vệ quyền lợi người gửi tiền là vô cùng cần thiết.

Phạm vi Điều 39 dự thảo Luật rộng hơn, không chỉ các trường hợp “nhằm bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng, trật tự, an toàn xã hội khi xử lý TCTD được kiểm soát đặc biệt” như khoản 4 Điều 162 Luật các TCTD mà là những trường hợp phát sinh sự cố, khủng hoảng. Việc xác định rõ trường hợp “sự cố, khủng hoảng” là khó khả thi vì đây là các trường hợp không lường trước được gắn với các tình huống phát sinh trên thực tế như những sự cố phát sinh từ những biến động của tình hình thế giới hoặc những sự cố khủng hoảng có tác động đến hoạt động kinh tế xã hội nói chung, hoạt động ngân hàng nói riêng như đại dịch Covid trong thời gian vừa qua... Điều 39 quy định thẩm quyền Chính phủ quyết định các biện pháp khác để tổ chức BHTG tham gia xử lý sự cố, khủng hoảng, tạo cơ sở để Chính phủ có thể xem xét quyết định áp dụng ngay các biện pháp huy động từ nguồn lực của tổ chức BHTG để ngăn chặn kịp thời sự cố, khủng hoảng, đảm bảo an ninh, an toàn.

- Tiếp thu ý kiến thẩm tra, để đảm bảo rõ ràng, Điều 39 dự thảo được điều chỉnh như sau: “... *Chính phủ quyết định các biện pháp khác để tổ chức bảo hiểm tiền gửi tham gia xử lý sự cố, khủng hoảng*”.

6.6. Về điều khoản chuyển tiếp (Điều 40)

Ủy ban KTTC đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát các quy định chuyển tiếp, bảo đảm bao quát đầy đủ các trường hợp cần được quy định, tránh phát sinh vướng mắc trong thực tiễn. Bên cạnh đó, khoản 3 Điều 40 dự thảo Luật quy định: “*TCTD được kiểm soát đặc biệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tạm hoãn nộp khoản tiền chậm nộp đã phát sinh kể từ thời điểm được đặt vào kiểm soát đặc biệt*”. Ủy ban KTTC đề nghị cân nhắc quy định này vì các lý do sau: (1) Đây là chính sách mới chưa được thực hiện, vì vậy, về mặt bản chất quy định tại khoản 3 Điều 40 không phải là điều khoản chuyển tiếp; (2) Luật Các TCTD không quy định biện pháp hỗ trợ này trong phương án cơ cấu lại TCTD được kiểm soát đặc biệt, mặt khác phương án cơ cấu lại TCTD được kiểm soát đặc biệt đã được báo cáo, xin ý kiến và được sự đồng ý của cấp có thẩm quyền, do đó, trường hợp cần bổ sung biện pháp hỗ trợ liên quan đến tạm hoãn nộp khoản tiền chậm nộp phí BHTG thì cần bổ sung quy định xin ý kiến của cấp có thẩm quyền để bảo đảm cơ sở chính trị chặt chẽ, trong đó, Ủy ban KTTC đề nghị cần làm rõ thời hạn tạm hoãn, phương án hoàn trả và thẩm quyền phê duyệt phương án hoàn trả khoản tiền được tạm hoãn nộp. Có ý kiến đề nghị hoàn thiện quy định theo hướng Thống đốc NHNN xem xét, quyết định TCTD được kiểm soát đặc biệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tạm hoãn nộp khoản tiền chậm nộp đã phát sinh kể từ thời điểm được đặt vào kiểm soát đặc biệt để làm cơ sở pháp lý triển khai nếu phương án cơ cấu lại TCTD được cấp có thẩm quyền đồng ý. Có ý kiến đề nghị

rà soát chuyển quy định về điều khoản chuyển tiếp tại Điều 40 xuống sau quy định về hiệu lực thi hành.

Ý kiến giải trình của Chính phủ:

Khoản 4 Điều 19 dự thảo Luật quy định: “4. *Tổ chức tín dụng khi được đặt vào kiểm soát đặc biệt được tạm hoãn việc nộp khoản phí bảo hiểm tiền gửi nộp thiếu, nộp chậm và khoản tiền chậm nộp (nếu có) phát sinh trước thời điểm tổ chức tín dụng được đặt vào kiểm soát đặc biệt. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm xây dựng kế hoạch để hoàn trả đầy đủ khoản tiền được tạm hoãn trong phương án cơ cấu lại trình cấp có thẩm quyền phê duyệt*”. Theo quy định này, sau khi Luật được thông qua, TCTD được kiểm soát đặc biệt sẽ được tạm hoãn nộp khoản tiền phí nộp thiếu, nộp chậm và khoản tiền chậm nộp trước thời điểm đặt vào kiểm soát đặc biệt. Tuy nhiên cần làm rõ việc áp dụng quy định tạm hoãn đối với những khoản tiền chậm nộp của TCTD được kiểm soát đặc biệt trước ngày Luật có hiệu lực thi hành, đảm bảo sự đồng bộ về chính sách. Do đó, việc bổ sung quy định chuyển tiếp tại khoản 3 Điều 40 dự thảo Luật (sau chỉnh lý là khoản 3 Điều 41) là phù hợp.

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến thẩm tra, tại khoản 3 Điều 40 dự thảo Luật (sau chỉnh lý là khoản 3 Điều 41) bổ sung nội dung: “3. *Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tạm hoãn nộp khoản tiền chậm nộp đã phát sinh kể từ thời điểm được đặt vào kiểm soát đặc biệt. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm xây dựng kế hoạch để hoàn trả đầy đủ khoản tiền chậm nộp được tạm hoãn trong phương án cơ cấu lại trình cấp có thẩm quyền phê duyệt*”.

Chính phủ tiếp thu ý kiến thẩm tra, chuyển điều khoản quy định chuyển tiếp xuống sau điều khoản thi hành.

6.7. Về hiệu lực thi hành (Điều 41)

Ủy ban KTTC đề nghị Cơ quan chủ trì soạn thảo đề xuất cụ thể thời điểm có hiệu lực thi hành của Luật, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và bảo đảm đủ thời gian chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thi hành Luật.

Ngoài ra, về các nội dung khác, có ý kiến đề nghị bỏ Điều 3 về *mục đích của BHTG* để phù hợp với xu hướng xây dựng luật bỏ điều quy định về mục đích; có ý kiến đề nghị bỏ cụm từ “*Nhà nước có chính sách*” tại Điều 7 về *chính sách của nhà nước về BHTG*, do tên điều đã thể hiện rõ chính sách của nhà nước về BHTG.

Ý kiến tiếp thu, giải trình của Chính phủ:

Về thời điểm có hiệu lực thi hành của Luật: Chính phủ xin tiếp thu ý kiến Đại biểu Quốc hội và sẽ rà soát đề xuất rõ thời điểm có hiệu lực.

Về Điều 3 về mục đích của BHTG là quy định được kế thừa từ Luật hiện hành và tương đồng với thông lệ quốc tế, đây là cơ sở để triển khai các chính sách về BHTG, hoạt động của tổ chức BHTG. Do đó, Chính phủ đề nghị được giữ nguyên quy định này tại dự thảo Luật.

Về đề nghị bỏ cụm từ “Nhà nước có chính sách” tại Điều 7 dự thảo Luật: Chính phủ nhận thấy cụm từ làm rõ hơn trách nhiệm của nhà nước trong việc ban hành các chính sách về BHTG. Do đó, Chính phủ đề nghị được giữ nguyên quy định này tại dự thảo Luật.

Trên đây là báo cáo của Chính phủ tiếp thu, giải trình ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội thảo luận tại Tổ và Hội trường; tiếp thu, giải trình Báo cáo thẩm tra chính thức của Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội về dự án Luật Bảo hiểm tiền gửi (sửa đổi)./

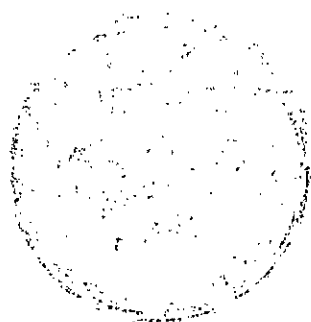
Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Ủy ban KT&TC của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Các bộ, CQ ngang bộ, CQ thuộc Chính phủ;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN;
- Trợ lý TTg, TGĐ Tổng TTĐT;
- Lưu: VT, KTTT.

48

**TM. CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG
THỐNG ĐỐC
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**


Nguyễn Thị Hồng





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

LUẬT BẢO HIỂM TIỀN GỬI (SỬA ĐỔI)

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

Quốc hội ban hành Luật Bảo hiểm tiền gửi.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về hoạt động bảo hiểm tiền gửi; quyền và nghĩa vụ của người được bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, tổ chức bảo hiểm tiền gửi và quản lý nhà nước về bảo hiểm tiền gửi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với người được bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, tổ chức bảo hiểm tiền gửi, cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến hoạt động bảo hiểm tiền gửi.

Điều 3. Mục đích của bảo hiểm tiền gửi

Bảo hiểm tiền gửi nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống các tổ chức tín dụng, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bảo hiểm tiền gửi* là sự bảo đảm hoàn trả tiền gửi cho người được bảo hiểm tiền gửi trong hạn mức trả tiền bảo hiểm khi phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm theo quy định tại Luật này.

2. *Người được bảo hiểm tiền gửi* là cá nhân có tiền gửi được bảo hiểm tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.

3. *Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi* là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng được nhận tiền gửi của cá nhân.



4. *Tổ chức bảo hiểm tiền gửi* là tổ chức tài chính nhà nước, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, thực hiện chính sách bảo hiểm tiền gửi, góp phần duy trì sự ổn định của hệ thống các tổ chức tín dụng, bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hoạt động ngân hàng.

5. *Phí bảo hiểm tiền gửi* là khoản tiền mà tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải nộp cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi để bảo hiểm cho tiền gửi của người được bảo hiểm tiền gửi tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.

6. *Hạn mức trả tiền bảo hiểm* là số tiền tối đa mà tổ chức bảo hiểm tiền gửi trả cho tất cả các khoản tiền gửi được bảo hiểm của một người tại một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi khi phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm.

Điều 5. Nguyên tắc bảo hiểm tiền gửi

1. Bảo hiểm tiền gửi là loại hình bảo hiểm bắt buộc theo quy định của Luật này.

2. Hoạt động bảo hiểm tiền gửi phải công khai, minh bạch, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người được bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

Điều 6. Tham gia bảo hiểm tiền gửi

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được nhận tiền gửi của cá nhân phải tham gia bảo hiểm tiền gửi, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Ngân hàng chính sách không phải tham gia bảo hiểm tiền gửi.

Điều 7. Chính sách của nhà nước về bảo hiểm tiền gửi

1. Nhà nước có chính sách bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người gửi tiền.

2. Nhà nước có chính sách quản lý, sử dụng nhằm bảo toàn vốn khi thực hiện hoạt động đầu tư và gia tăng nguồn vốn hoạt động của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

Điều 8. Cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm tiền gửi

1. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về bảo hiểm tiền gửi.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về bảo hiểm tiền gửi.

3. Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện quản lý nhà nước về bảo hiểm tiền gửi.

4. Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện quản lý nhà nước về bảo hiểm tiền gửi tại địa phương.

Điều 9. Trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo hiểm tiền gửi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược phát triển bảo hiểm tiền gửi.

2. Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bảo hiểm tiền gửi theo pháp luật về khiếu nại, tố cáo, trừ quy định tại Điều 10 của Luật này.

3. Ký kết thỏa thuận quốc tế hoặc trình cơ quan có thẩm quyền ký kết, gia nhập điều ước quốc tế về bảo hiểm tiền gửi.

Điều 10. Trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo hiểm tiền gửi của Bộ Tài chính

Bộ Tài chính có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ tài chính, hạch toán, kế toán của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

Điều 11. Các hành vi bị cấm

1. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi không nộp phí bảo hiểm tiền gửi theo quy định pháp luật.

2. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi không chi trả hoặc chi trả không đầy đủ tiền bảo hiểm.

3. Gian lận, giả mạo hồ sơ, tài liệu, giấy tờ về bảo hiểm tiền gửi.

4. Cản trở, gây khó khăn, làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, người được bảo hiểm tiền gửi và cơ quan, tổ chức có liên quan đến bảo hiểm tiền gửi.

5. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái các quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi.

CHƯƠNG II

QUYỀN, NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM TIỀN GỬI, TỔ CHỨC THAM GIA BẢO HIỂM TIỀN GỬI, TỔ CHỨC BẢO HIỂM TIỀN GỬI

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của người được bảo hiểm tiền gửi

1. Được bảo hiểm số tiền gửi của mình tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Luật này.

2. Được nhận tiền bảo hiểm đầy đủ và đúng thời hạn theo quy định của Luật này.

3. Yêu cầu tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, tổ chức bảo hiểm tiền gửi cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin, chế độ về bảo hiểm tiền gửi.

4. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật.

5. Có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin về tiền gửi theo yêu cầu của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, tổ chức bảo hiểm tiền gửi khi thực hiện thủ tục trả tiền bảo hiểm.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi

1. Được cấp Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi.

2. Công khai việc tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Luật này.

3. Tính, nộp phí bảo hiểm tiền gửi đầy đủ và đúng thời hạn.

4. Yêu cầu tổ chức bảo hiểm tiền gửi chi trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi khi phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm.

5. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật.

6. Cung cấp thông tin về tiền gửi được bảo hiểm, thông tin khác liên quan đến việc chi trả bảo hiểm tiền gửi, thông tin liên quan đến việc kiểm tra của tổ chức bảo hiểm tiền gửi quy định tại khoản 10 Điều 14 của Luật này cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi theo định kỳ hoặc theo yêu cầu của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

7. Phối hợp với tổ chức bảo hiểm tiền gửi tuyên truyền chính sách, pháp luật về bảo hiểm tiền gửi.

8. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Luật này và pháp luật có liên quan.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi

1. Xây dựng chiến lược phát triển bảo hiểm tiền gửi để Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện.

2. Đề xuất với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, đình chỉ việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến hoạt động bảo hiểm tiền gửi.

3. Chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

4. Cấp và thu hồi Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi.

5. Yêu cầu tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi cung cấp thông tin về tiền gửi được bảo hiểm, thông tin khác liên quan đến việc chi trả bảo hiểm tiền gửi, thông tin liên quan đến việc kiểm tra của tổ chức bảo hiểm tiền gửi quy định tại khoản 10 Điều này theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

6. Tính và thu phí bảo hiểm tiền gửi đối với tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Luật này.

7. Quản lý, sử dụng và bảo toàn vốn khi thực hiện hoạt động đầu tư, trừ một số nguyên nhân khách quan, bất khả kháng ảnh hưởng đến vốn và thu nhập theo quy định tại chế độ tài chính của tổ chức bảo hiểm tiền gửi. Việc bảo toàn vốn được đánh giá trên cơ sở hiệu quả tổng thể của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

8. Chi trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

9. Theo dõi, kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật về bảo hiểm tiền gửi của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi; kiến nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xử lý hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi.

10. Thực hiện kiểm tra tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo kế hoạch, nội dung do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giao.

11. Tổng hợp, phân tích và xử lý thông tin về tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi nhằm phát hiện và kiến nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xử lý kịp thời những vi phạm quy định về an toàn hoạt động ngân hàng, rủi ro gây mất an toàn trong hệ thống ngân hàng.

12. Bảo đảm bí mật số liệu tiền gửi và tài liệu liên quan đến bảo hiểm tiền gửi của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật.

13. Tiếp nhận hỗ trợ theo nguyên tắc có hoàn trả từ ngân sách nhà nước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc vay của tổ chức tín dụng, tổ chức khác có bảo lãnh của Chính phủ trong trường hợp nguồn vốn của tổ chức bảo hiểm tiền gửi tạm thời không đủ để trả tiền bảo hiểm; tiếp nhận các nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài để tăng cường năng lực hoạt động; vay đặc biệt của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định tại Luật này, Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật có liên quan.

14. Tham gia vào quá trình can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt, xử lý tổ chức tín dụng:

a) Tham gia đánh giá tính khả thi phương án phục hồi, phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, tham gia xây dựng

phương án phá sản của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt theo pháp luật về tổ chức tín dụng;

b) Cho vay đặc biệt tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định tại Luật này và pháp luật có liên quan;

c) Mua trái phiếu dài hạn của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

d) Cử người đủ tiêu chuẩn, điều kiện để giữ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban Kiểm soát; Giám đốc, Phó giám đốc và chức danh quản lý, điều hành khác của quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

đ) Các nội dung khác theo quy định tại Luật này và pháp luật có liên quan.

15. Tham gia quản lý, thanh lý tài sản của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo pháp luật về tổ chức tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan.

16. Thực hiện công tác tuyên truyền chính sách, pháp luật, hình ảnh và hoạt động về bảo hiểm tiền gửi; tổ chức đào tạo, phổ biến kiến thức về bảo hiểm tiền gửi và các nội dung liên quan cho tổ chức, cá nhân có liên quan; nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và phương thức quản lý phù hợp với yêu cầu phát triển của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

CHƯƠNG III

HOẠT ĐỘNG BẢO HIỂM TIỀN GỬI

Mục 1

CHỨNG NHẬN THAM GIA BẢO HIỂM TIỀN GỬI

Điều 15. Cấp, thu hồi Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi

1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi cấp Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi cho tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi sau khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi thu hồi Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi sau khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài; tạm thu hồi Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi khi cấp có thẩm quyền có văn bản tạm đình chỉ hoạt động nhận tiền gửi theo quy định của pháp luật.

3. Ngay sau khi cấp, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của tổ chức tín dụng, giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài, có văn bản tạm đình chỉ hoạt động nhận tiền gửi của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm thông báo cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi để tổ chức bảo hiểm tiền gửi thực hiện việc cấp, thu hồi Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi.

4. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi cấp lại Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi theo đề nghị của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi hoặc khi tổ chức bảo hiểm tiền gửi thấy cần thiết.

5. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi ban hành văn bản hướng dẫn việc cấp, cấp lại, thu hồi, tạm thu hồi Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi.

Điều 16. Công khai việc tham gia bảo hiểm tiền gửi

Việc công khai tại tất cả các điểm giao dịch có nhận tiền gửi, trên trang thông tin điện tử của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi (nếu có), các hình thức khác của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi thực hiện theo hướng dẫn của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

Mục 2

TIỀN GỬI ĐƯỢC BẢO HIỂM

Điều 17. Tiền gửi được bảo hiểm

Tiền gửi được bảo hiểm là tiền gửi bằng đồng Việt Nam của cá nhân gửi tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi dưới hình thức tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm, chứng chỉ tiền gửi và các hình thức tiền gửi khác theo quy định của pháp luật về tổ chức tín dụng, trừ các loại tiền gửi quy định tại Điều 18 của Luật này.

Điều 18. Tiền gửi không được bảo hiểm

1. Tiền gửi tại tổ chức tín dụng của cá nhân sở hữu trên 5% vốn điều lệ của chính tổ chức tín dụng đó; tiền gửi của cá nhân, người có liên quan của cá nhân đó mà cá nhân, người có liên quan sở hữu trên 5% vốn điều lệ của chính tổ chức tín dụng đó. Người có liên quan được xác định theo quy định của pháp luật về tổ chức tín dụng.

2. Tiền gửi tại tổ chức tín dụng của cá nhân là người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của chính tổ chức tín dụng đó; tiền gửi tại chi nhánh ngân hàng nước ngoài của cá nhân là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó Giám đốc) của chính chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó.

3. Tiền gửi tiết kiệm bắt buộc của tổ chức tài chính vi mô theo quy định của pháp luật.

4. Tiền mua các giấy tờ có giá vô danh do tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phát hành.

Mục 3

PHÍ BẢO HIỂM TIỀN GỬI

Điều 19. Phí bảo hiểm tiền gửi

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định mức phí bảo hiểm tiền gửi, việc áp dụng phí bảo hiểm tiền gửi đồng hạng hoặc phân biệt phù hợp với đặc thù hệ thống tổ chức tín dụng Việt Nam trong từng thời kỳ.

2. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt được miễn nộp phí bảo hiểm tiền gửi.

3. Trường hợp tổ chức bảo hiểm tiền gửi vay đặc biệt Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định tại Điều 38 của Luật này, tổ chức bảo hiểm tiền gửi được xây dựng phương án tăng phí bảo hiểm tiền gửi để bù đắp phần vay đặc biệt Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, trong đó tối thiểu có nội dung về thời hạn tăng phí, mức tăng phí và gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, quyết định.

4. Tổ chức tín dụng khi được đặt vào kiểm soát đặc biệt được tạm hoãn việc nộp khoản phí bảo hiểm tiền gửi nộp thiếu, nộp chậm và khoản tiền chậm nộp (nếu có) phát sinh trước thời điểm tổ chức tín dụng được đặt vào kiểm soát đặc biệt. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm xây dựng kế hoạch để hoàn trả đầy đủ khoản tiền được tạm hoãn trong phương án cơ cấu lại trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Phí bảo hiểm tiền gửi được tính trên cơ sở số dư tiền gửi bình quân của tiền gửi được bảo hiểm tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.

6. Phí bảo hiểm tiền gửi được tính và nộp định kỳ hàng quý trong năm tài chính. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải nộp phí bảo hiểm tiền gửi cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi chậm nhất vào ngày 20 tháng đầu tiên của quý kế tiếp.

7. Phí bảo hiểm tiền gửi được hạch toán vào chi phí hoạt động của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.

8. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn việc tính và nộp phí bảo hiểm tiền gửi.

Điều 20. Biện pháp xử lý hành vi nộp thiếu, nộp chậm phí bảo hiểm tiền gửi

1. Tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi vi phạm thời hạn nộp phí bảo hiểm tiền gửi theo quy định tại Điều 19 của Luật này, ngoài việc phải nộp đủ số phí còn thiếu phải chịu mức tiền chậm nộp mỗi ngày bằng 0,05% số tiền chưa nộp,

trừ trường hợp chậm nộp phí bảo hiểm do sự kiện bất khả kháng theo quy định pháp luật hoặc thuộc trường hợp tạm hoãn nộp khoản phí bảo hiểm tiền gửi nộp thiếu, nộp chậm quy định tại khoản 4 Điều 19 của Luật này.

2. Trường hợp tổ chức bảo hiểm tiền gửi phát hiện sự thiếu chính xác trong việc tính và nộp phí bảo hiểm tiền gửi, tổ chức bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm thông báo và truy thu số phí còn thiếu hoặc thoái thu đối với số phí nộp thừa trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày phát hiện.

3. Sau thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phải nộp phí bảo hiểm tiền gửi mà tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi không nộp hoặc nộp không đầy đủ phí bảo hiểm tiền gửi và tiền chậm nộp, tổ chức bảo hiểm tiền gửi có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xử lý theo quy định của pháp luật.

Mục 4

TRẢ TIỀN BẢO HIỂM

Điều 21. Thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm

Nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm phát sinh kể từ một trong các thời điểm sau:

1. Phương án phá sản tổ chức tín dụng được phê duyệt hoặc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản xác định chi nhánh ngân hàng nước ngoài mất khả năng chi trả tiền gửi cho người gửi tiền.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản đình chỉ hoạt động nhận tiền gửi của tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt và tổ chức tín dụng đó có lỗ lũy kế lớn hơn 100% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi về việc chi trả theo quy định tại khoản 2 Điều 36 của Luật này.

Điều 22. Hạn mức trả tiền bảo hiểm

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định hạn mức trả tiền bảo hiểm trong từng thời kỳ.

2. Khi phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 21 của Luật này, trong trường hợp đặc biệt, để đảm bảo quyền lợi người gửi tiền, an toàn hệ thống tổ chức tín dụng, trật tự an toàn xã hội, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định hạn mức chi trả vượt hạn mức quy định tại khoản 1 Điều này, tối đa bằng toàn bộ các khoản tiền gửi được bảo hiểm của người gửi tiền tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi khi phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm.

3. Hạn mức chi trả bảo hiểm tiền gửi trong trường hợp thực hiện phương án phá sản tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt thực hiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 23. Số tiền bảo hiểm được trả

1. Số tiền bảo hiểm được trả cho tất cả các khoản tiền gửi được bảo hiểm của một người tại một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bao gồm tiền gốc và tiền lãi, tối đa bằng hạn mức trả tiền bảo hiểm quy định tại Điều 22 của Luật này.

2. Số tiền bảo hiểm được trả trong trường hợp nhiều người sở hữu chung tiền gửi được bảo hiểm tiền gửi được quy định như sau:

Số tiền bảo hiểm được trả cho tất cả các khoản tiền gửi được bảo hiểm của nhiều người sở hữu chung tại một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi bao gồm tiền gốc và tiền lãi; số tiền bảo hiểm được trả tối đa cho một chủ sở hữu chung, bao gồm cả số tiền bảo hiểm được trả cho các khoản tiền gửi khác được bảo hiểm tại cùng một tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi của đồng chủ sở hữu đó, không vượt quá hạn mức trả tiền bảo hiểm. Số tiền bảo hiểm được trả sẽ được chia theo thỏa thuận của các đồng chủ sở hữu; trường hợp giữa các chủ sở hữu chung không có thỏa thuận hoặc không thỏa thuận được thì giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp người được bảo hiểm tiền gửi có khoản nợ tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi thì số tiền gửi được bảo hiểm là số tiền còn lại sau khi trừ khoản nợ đó.

Điều 24. Thủ tục trả tiền bảo hiểm

1. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phải gửi hồ sơ đề nghị trả tiền bảo hiểm cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

Hồ sơ đề nghị trả tiền bảo hiểm bao gồm văn bản đề nghị trả tiền bảo hiểm, danh sách người được bảo hiểm tiền gửi, số tiền gửi của từng người được bảo hiểm tiền gửi và số tiền bảo hiểm đề nghị tổ chức bảo hiểm tiền gửi chi trả.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này, tổ chức bảo hiểm tiền gửi tiến hành kiểm tra các chứng từ, sổ sách để xác định số tiền chi trả.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều này, tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải có phương án trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi; thông báo công khai về địa điểm, thời gian, phương thức trả tiền bảo hiểm trên ba số liên tiếp của một tờ báo trung ương, một tờ báo địa phương nơi đặt trụ sở chính, các chi nhánh của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi và trên một báo điện tử của Việt Nam, trang thông

tin điện tử của tổ chức bảo hiểm tiền gửi và các hình thức khác do tổ chức bảo hiểm tiền gửi quyết định.

4. Trong thời hạn tối đa 45 ngày kể từ thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm, tổ chức bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi.

5. Khi nhận tiền bảo hiểm, người được bảo hiểm tiền gửi phải xuất trình các tài liệu, dữ liệu chứng minh quyền sở hữu hợp pháp đối với các khoản tiền gửi được bảo hiểm tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.

6. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi trực tiếp trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi hoặc ủy quyền cho tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi khác thực hiện.

7. Sau thời hạn 10 năm, kể từ ngày tổ chức bảo hiểm tiền gửi thông báo công khai về việc trả tiền bảo hiểm, những khoản tiền bảo hiểm không có người nhận sẽ được bổ sung vào nguồn vốn hoạt động của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, người có quyền sở hữu khoản tiền gửi được bảo hiểm sẽ không có quyền yêu cầu tổ chức bảo hiểm tiền gửi trả số tiền bảo hiểm đó.

Điều 25. Xử lý số tiền gửi vượt hạn mức trả tiền bảo hiểm

Số tiền gửi của người được bảo hiểm tiền gửi bao gồm tiền gốc và tiền lãi vượt quá hạn mức trả tiền bảo hiểm sẽ được giải quyết trong quá trình xử lý tài sản của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Thu hồi số tiền bảo hiểm phải trả từ tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi

1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi trở thành chủ nợ của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi đối với số tiền bảo hiểm đã trả cho người được bảo hiểm tiền gửi, kể từ ngày trả tiền bảo hiểm.

2. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi được phân chia giá trị tài sản theo thứ tự như người gửi tiền và thu hồi số tiền bảo hiểm phải trả trong quá trình xử lý tài sản của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC BẢO HIỂM TIỀN GỬI

Điều 27. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi

1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi là tổ chức tài chính nhà nước do Thủ tướng Chính phủ thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ.

2. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi là pháp nhân, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, tự chủ tài chính, tự bù đắp chi phí.

3. Cơ cấu tổ chức quản lý của tổ chức bảo hiểm tiền gửi bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.

4. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi có trụ sở chính; chi nhánh; văn phòng đại diện, đơn vị trực thuộc khác (nếu có).

5. Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động, chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng của tổ chức bảo hiểm tiền gửi phù hợp với tính chất hoạt động của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

Điều 28. Nguồn vốn hoạt động

Nguồn vốn hoạt động của tổ chức bảo hiểm tiền gửi bao gồm:

1. Vốn điều lệ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi do nhà nước cấp, được bổ sung theo quy định của Chính phủ.

2. Vốn vay đặc biệt từ Ngân hàng nhà nước Việt Nam, vốn tiếp nhận hỗ trợ theo nguyên tắc có hoàn trả từ ngân sách nhà nước theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ hoặc vay của tổ chức tín dụng, tổ chức khác có bảo lãnh của Chính phủ trong trường hợp nguồn vốn của tổ chức bảo hiểm tiền gửi tạm thời không đủ để trả tiền bảo hiểm.

3. Quỹ dự phòng nghiệp vụ

a) Quỹ dự phòng nghiệp vụ được hình thành từ tiền thu phí bảo hiểm tiền gửi; các khoản tiền bảo hiểm không có người nhận; chênh lệch thu chi tài chính còn lại hàng năm sau khi trích lập các quỹ theo quy định; số tiền tổ chức bảo hiểm tiền gửi được nhận (nếu có) từ việc thanh lý tài sản của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định;

b) Quỹ dự phòng nghiệp vụ được sử dụng để chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi; tham gia vào quá trình can thiệp sớm, kiểm soát đặc biệt tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi và các hoạt động khác theo quy định của Luật này;

c) Tổ chức bảo hiểm tiền gửi được hạch toán giảm quỹ dự phòng nghiệp vụ đối với khoản tiền đã chi trả tiền gửi cho người gửi tiền.

4. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ chênh lệch thu chi hàng năm của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, được dùng để thực hiện các dự án đầu tư phát triển tổ chức bảo hiểm tiền gửi và bổ sung vốn điều lệ cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

5. Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình hoạt động sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và

dự phòng rủi ro; sử dụng cho các mục đích khác theo quy định của Luật này và pháp luật liên quan.

6. Vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Hoạt động đầu tư

1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi được sử dụng nguồn vốn hoạt động (trừ nguồn vốn quy định tại khoản 2 Điều 28 của Luật này) để thực hiện:

a) Mua, bán trái phiếu Chính phủ; mua, bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Gửi tiền tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

c) Mua, bán trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi do các ngân hàng thương mại có vốn nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần có vốn doanh nghiệp nhà nước trên 50% vốn điều lệ phát hành; gửi tiền tại các ngân hàng thương mại có vốn nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần có vốn doanh nghiệp nhà nước trên 50% vốn điều lệ; không thực hiện đầu tư tại các ngân hàng thương mại đang được kiểm soát đặc biệt;

d) Hoạt động đầu tư khác theo quy định của Chính phủ.

2. Trong thời gian chưa sử dụng, nguồn vốn quy định tại khoản 2 Điều 28 của Luật này phải được gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định phương thức đầu tư của tổ chức bảo hiểm tiền gửi và quy trình kiểm soát, quản lý rủi ro trong hoạt động đầu tư của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

4. Căn cứ quy định tại Luật này, tổ chức bảo hiểm tiền gửi quyết định tiêu chí danh mục đầu tư, cơ cấu đầu tư, từng khoản đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải kiểm soát, quản lý rủi ro của các khoản đầu tư.

Điều 30. Chế độ tài chính, hạch toán kế toán và kiểm toán

1. Các khoản thu của tổ chức bảo hiểm tiền gửi được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, các quy định của pháp luật có liên quan và được hạch toán đầy đủ vào doanh thu bao gồm: Thu hoạt động nghiệp vụ bảo hiểm tiền gửi; Doanh thu từ hoạt động đầu tư và thu hoạt động khác.

2. Các khoản chi của tổ chức bảo hiểm tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở nguyên tắc phù hợp doanh thu và chi phí theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan. Chi phí của tổ chức bảo hiểm tiền gửi là các khoản chi phí phát sinh thực tế liên quan đến hoạt động của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, bao gồm: Chi hoạt động nghiệp vụ bảo hiểm tiền gửi; chi hoạt

động đầu tư; chi cho người quản lý, người điều hành, nhân viên; chi hoạt động quản lý; chi dự phòng rủi ro; chi phí khác.

3. Chênh lệch thu chi tài chính của tổ chức bảo hiểm tiền gửi: Chênh lệch thu chi tài chính thực hiện trong năm là kết quả hoạt động của tổ chức bảo hiểm tiền gửi, được xác định giữa tổng thu nhập trừ đi tổng chi phí hợp lý, hợp lệ phát sinh trong năm.

4. Chênh lệch thu chi của tổ chức bảo hiểm tiền gửi được phân phối như sau:-

- a) Bù đắp chênh lệch thu nhỏ hơn chi các năm trước;
- b) Trích lập vào các quỹ: quỹ đầu tư phát triển của tổ chức bảo hiểm tiền gửi; quỹ dự phòng tài chính; quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động và quỹ thưởng cho người quản lý;
- c) Số còn lại trích lập vào quỹ dự phòng nghiệp vụ;
- d) Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định tỷ lệ trích lập chênh lệch thu chi của tổ chức bảo hiểm tiền gửi vào các quỹ tại điểm b khoản này phù hợp với tính chất hoạt động của tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

5. Trường hợp tổ chức bảo hiểm tiền gửi sử dụng quỹ dự phòng nghiệp vụ để chi trả tiền bảo hiểm cho người gửi tiền theo quy định pháp luật hoặc thực hiện hoạt động quy định tại điểm b, c khoản 14 Điều 14 của Luật này dẫn tới không đủ nguồn thu để chi cho hoạt động của tổ chức bảo hiểm tiền gửi và tổ chức bảo hiểm tiền gửi có chênh lệch thu – chi âm, tổ chức bảo hiểm tiền gửi được sử dụng quỹ dự phòng tài chính, khoản thu phí bảo hiểm (sau khi đã sử dụng hết quỹ dự phòng tài chính) để bù đắp các khoản chi phí hoạt động và chi tiền lương, phúc lợi cho người lao động đảm bảo tiền lương không thấp hơn năm trước liền kề.

6. Chế độ tài chính, hạch toán, kế toán, của tổ chức bảo hiểm tiền gửi căn cứ cơ chế tài chính đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn Điều lệ, phù hợp với tính chất hoạt động của tổ chức bảo hiểm tiền gửi và do Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định.

7. Báo cáo tài chính hằng năm của tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải được Kiểm toán Nhà nước kiểm toán và xác nhận.

Điều 31. Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức bảo hiểm tiền gửi

1. Nguyên tắc quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức bảo hiểm tiền gửi:

- a) Tuân thủ quy định của Luật này, pháp luật có liên quan và phù hợp với tính chất hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận của tổ chức bảo hiểm tiền gửi;

b) Cơ quan đại diện chủ sở hữu, cơ quan quản lý nhà nước không can thiệp trực tiếp vào hoạt động thường xuyên, hoạt động đầu tư, hoạt động quản lý, điều hành của người đại diện chủ sở hữu trực tiếp và các chức danh khác theo quy định tại Điều lệ về mô hình và tổ chức hoạt động của tổ chức bảo hiểm tiền gửi;

c) Quản lý vốn nhà nước đầu tư tại tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải thông qua người đại diện chủ sở hữu trực tiếp.

2. Đại diện chủ sở hữu nhà nước:

a) Chính phủ thống nhất thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước trong việc đầu tư vốn và quản lý vốn nhà nước tại tổ chức bảo hiểm tiền gửi;

b) Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại tổ chức bảo hiểm tiền gửi thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Luật này và quy định của Chính phủ.

3. Chính phủ quy định về quản lý và đầu tư vốn, giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

CHƯƠNG V

HOẠT ĐỘNG THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 32. Trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin của tổ chức bảo hiểm tiền gửi

1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam các thông tin sau đây:

a) Thông tin về việc chấp hành quy định pháp luật về bảo hiểm tiền gửi của tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Thông tin về việc trả tiền bảo hiểm đối với người được bảo hiểm tiền gửi định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

c) Kết quả thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 10 Điều 14 của Luật này theo định kỳ hằng quý hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

d) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán và báo cáo hoạt động hằng năm;

đ) Các thông tin khác về hoạt động bảo hiểm tiền gửi theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi có trách nhiệm công bố thông tin về việc thu hồi Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi và phương án trả tiền bảo hiểm cho người được bảo hiểm tiền gửi theo quy định tại khoản 3 Điều 15 và khoản 3 Điều 24 của Luật này.

Điều 33. Cung cấp thông tin của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi được phép tiếp cận dữ liệu thông tin của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi để thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm để tổ chức bảo hiểm tiền gửi tiếp cận dữ liệu thông tin về tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi;

3. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc cung cấp thông tin về tiền gửi của khách hàng tại tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi.

CHƯƠNG VI

THANH TRA VỀ BẢO HIỂM TIỀN GỬI

Điều 34. Thanh tra về bảo hiểm tiền gửi

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện chức năng thanh tra về bảo hiểm tiền gửi.

2. Đối tượng thanh tra về bảo hiểm tiền gửi là tổ chức bảo hiểm tiền gửi, tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi.

3. Quyền và nghĩa vụ của đối tượng thanh tra về bảo hiểm tiền gửi thực hiện theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và pháp luật về thanh tra.

4. Trình tự, thủ tục thanh tra về bảo hiểm tiền gửi đối với các tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi thực hiện theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và pháp luật về thanh tra.

5. Trình tự, thủ tục thanh tra về bảo hiểm tiền gửi đối với tổ chức bảo hiểm tiền gửi thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

CHƯƠNG VII

THAM GIA XỬ LÝ TỔ CHỨC TÍN DỤNG ĐƯỢC CAN THIỆP SỚM; KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT; THAM GIA XỬ LÝ SỰ CỐ, KHỦNG HOẢNG TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG

Điều 35. Cho vay đặc biệt

1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi cho vay đặc biệt từ quỹ dự phòng nghiệp vụ trong các trường hợp sau:

a) Cho vay đặc biệt đối với ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, tổ chức tài chính vi mô được kiểm soát đặc biệt để thực hiện phương án phục hồi;

b) Cho vay đặc biệt đối với ngân hàng thương mại được kiểm soát đặc biệt để thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc;

c) Cho vay đặc biệt đối với ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô được can thiệp sớm và bị rút tiền hàng loạt; được kiểm soát đặc biệt và bị rút tiền hàng loạt để trả tiền gửi cho người gửi tiền.

2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc tổ chức bảo hiểm tiền gửi cho vay đặc biệt đối với tổ chức tín dụng.

3. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi quyết định việc cho vay đặc biệt có hoặc không có lãi suất, có hoặc không có tài sản bảo đảm; xây dựng quy định nội bộ về cho vay đặc biệt các tổ chức tín dụng.

Điều 36. Chi trả để bảo đảm an toàn hệ thống, trật tự an toàn xã hội

1. Để bảo đảm an toàn hệ thống, trật tự an toàn xã hội theo quy định tại khoản 4 Điều 162 Luật Các tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo Chính phủ quyết định việc yêu cầu tổ chức bảo hiểm tiền gửi chi trả trong trường hợp tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt bị mất hoặc có nguy cơ mất khả năng chi trả theo pháp luật về tổ chức tín dụng.

2. Thời điểm phát sinh nghĩa vụ trả tiền bảo hiểm quy định tại khoản 1 Điều này được xác định khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi về việc chi trả.

3. Phương án xử lý khoản nợ của tổ chức bảo hiểm tiền gửi phải được phê duyệt tại phương án phục hồi, phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển giao toàn bộ cổ phần, phân vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc, phương án phá sản.

4. Trong trường hợp số tiền trong quỹ dự phòng nghiệp vụ không đủ để chi trả, tổ chức bảo hiểm tiền gửi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho vay đặc biệt để chi trả theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 37. Nguyên tắc xử lý khoản vay đặc biệt

1. Khoản vay đặc biệt từ tổ chức bảo hiểm tiền gửi được ưu tiên hoàn trả theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Sau khi phương án phá sản được phê duyệt, số tiền tổ chức bảo hiểm tiền gửi đã cho vay đặc biệt được chuyển thành khoản tiền chi trả tiền gửi cho người gửi tiền.

Điều 38. Vay đặc biệt từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi được vay đặc biệt với lãi suất 0%, không có tài sản bảo đảm từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong trường hợp quy định tại Điều 21 của Luật này và khi số tiền trong quỹ dự phòng nghiệp vụ không đủ để chi trả.

Số tiền trong quỹ dự phòng nghiệp vụ không đủ để chi trả được xác định khi tổ chức bảo hiểm tiền gửi đã sử dụng hết số tiền trong quỹ dự phòng nghiệp vụ mà vẫn không đủ để thực hiện nghĩa vụ chi trả. Việc bán giấy tờ có giá chưa đến hạn, rút các khoản tiền gửi chưa đến hạn phải đảm bảo nguyên tắc bảo toàn vốn trong hoạt động đầu tư.

2. Tổ chức bảo hiểm tiền gửi xây dựng phương án tăng phí bảo hiểm tiền gửi để bù đắp phần vay đặc biệt; sử dụng tiền trả nợ vay đặc biệt của tổ chức tín dụng, nguồn thu từ bán giấy tờ có giá do tổ chức bảo hiểm tiền gửi nắm giữ, từ thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng vay đặc biệt, phí bảo hiểm tiền gửi để ưu tiên hoàn trả nợ vay đặc biệt cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về việc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cho tổ chức bảo hiểm tiền gửi vay đặc biệt.

Điều 39. Tham gia xử lý sự cố, khủng hoảng trong hoạt động của tổ chức tín dụng

Trường hợp phát sinh sự cố, khủng hoảng có nguy cơ gây mất an toàn hệ thống tổ chức tín dụng, tổ chức bảo hiểm tiền gửi tham gia xử lý sự cố, khủng hoảng theo quy định tại Luật này.

Chính phủ quyết định các biện pháp khác để tổ chức bảo hiểm tiền gửi tham gia xử lý sự cố, khủng hoảng.

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 40. Hiệu lực thi hành

1. Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm ...
2. Luật Bảo hiểm tiền gửi số 06/2012/QH13 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành.

Điều 41. Điều khoản chuyển tiếp

1. Chứng nhận tham gia bảo hiểm tiền gửi được cấp trước ngày Luật này có hiệu lực tiếp tục có giá trị sử dụng.

2. Kỳ phiếu, tín phiếu do tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi phát hành còn số dư trước ngày 01/7/2024 được tính vào tiền gửi được bảo hiểm cho đến khi tổ chức tham gia bảo hiểm tiền gửi thanh toán hết kỳ phiếu, tín phiếu.

3. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tạm hoãn nộp khoản tiền chậm nộp đã phát sinh kể từ thời điểm được đặt vào kiểm soát đặc biệt. Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm xây dựng kế hoạch để hoàn trả đầy đủ khoản tiền chậm nộp được tạm hoãn trong phương án cơ cấu lại trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 42. Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành

Chính phủ hướng dẫn thực hiện Luật này.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2025.

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

